

# **MA-THI-O'**

**Warren W. Wiersbe**



## 1. VỊ VUA RA ĐỜI (Mat 1:1-2:23)

Nếu một người bỗng nhiên xuất hiện và tuyên bố ông ta là vua, lập tức thiên hạ sẽ đòi hỏi bằng chứng. Quá trình bản thân như thế nào? Ai tỏ lòng kính trọng ông ta? Ông ta có thể đưa ra những minh chứng nào? Dự kiến trước những câu hỏi quan trọng này, Ma-thi-ơ đã mở đầu sách ông ta bằng câu chuyện tường thuật cẩn thận về sự giáng sinh của Chúa Giê-xu Christ và các biến cố đi kèm với sự ra đời của Chúa. Ma-thi-ơ đưa ra 4 sự kiện nói về Vị Vua.

### 1. Huyết thống của Nhà Vua (Mat 1:1-25)

Bởi vì thành viên của hoàng gia tùy thuộc vào huyết thống, cho nên đối với Chúa Giê-xu xác lập quyền của Ngài trên ngôi vua Đa-vít thật là quan trọng. Ma-thi-ơ công bố nguồn gốc huyết thống của Ngài (Mat 1:1-17 (cũng như nguồn gốc thần thánh của Ngài 1:18-25)).

*Nguồn gốc nhân thánh của Ngài* (1:1-17). Đối với Người Do Thái bảng gia phả rất quan trọng, vì nếu không có gia phả họ không thể nào xác nhận tư cách thành viên trong chi phái tông tộc của mình hoặc quyền thừa kế tài sản. Bất cứ ai tuyên bố là “Con cháu Vua Đa-vít” phải chứng minh cho được điều đó. Nhìn chung người ta kết luận rằng Ma-thi-ơ công bố cây phả hệ của Chúa thông qua người cha nuôi Giô-sép, trong khi đó Lu-ca công bố dòng dõi của Ma-ri (Lu 3:23).

Nhiều người đọc Thánh Kinh bỏ qua danh sách tên tổ phụ (và trong một số trường hợp các tên ấy không thể phát âm được). Những “danh sách tên họ” này là phần quan yếu của sách Phúc Âm. Nó cho thấy rằng Chúa Giê-xu Christ là một phần của lịch sử tất cả lịch sử Do Thái đều chuẩn bị dọn đường cho sự giáng sinh của Ngài. Trong sự quan phòng của Ngài, Đức Chúa Trời đã tế trị để hoàn thành mục đích cao cả của Ngài trong kế hoạch đưa con Ngài xuống thế gian.

Gia phả này cũng minh họa cho thấy ân điển kỳ diệu của Đức Chúa Trời. Tìm thấy tên họ của phụ nữ trong bản gia phả của người Do Thái là điều bất thường hơn hết, bởi vì tên họ và sự thừa kế đến từ những người cha. Nhưng trong bảng danh sách phả hệ này chúng ta thấy có nhắc đến 4 phụ nữ trong lịch sử Cựu Ước: Ta-ma (Mat 1:3), Ra-háp (Ru 1:5), và Bát-sê-ba “vợ của U-ri” (1:6).

Rõ ràng Ma-thi-ơ có lược bỏ một số tên trong bảng gia phả này. Có lẽ ông ta làm điều này để cung cấp một bản tóm tắt có tính hệ thống về 3 giai đoạn trong lịch sử dân Y-sơ-ra-ên, mỗi giai đoạn gồm có 14 đời. Giá trị bằng số của các mẫu tự Hy-bá-lai trong chữ “Đa-vít”, là 14. Có thể Ma-thi-ơ dùng phương pháp này như một tác động phụ trợ trí nhớ để giúp người đọc nhớ được danh sách khó nhớ này.

Nhưng có nhiều người Do Thái có thể truy nguyên gốc tích gia đình của họ đến đời vua Đa-vít. Để có thể gọi Chúa Giê-xu Christ là con vua Đa-vít, người kế thừa ngôi Đa-vít thì phả hệ loài người không chưa đủ. Đây là lý do tại sao nguồn gốc thần thánh rất quan trọng.

*Nguồn gốc thần thánh của Ngài* (1:18-25). Mat 1:16,18 nói rõ ràng sự giáng sinh của Chúa Giê-xu Christ khác hẳn với bất kỳ sự ra đời nào của con trai Do Thái khác được liệt kê trong gia phả. Ma-thi-ơ chỉ rõ rằng Giô-sép không “sinh ra” Chúa Giê-xu Christ. Đúng hơn, Giô-sép là “chồng của Ma-ri” người đã sanh ra Chúa Giê-xu, được gọi là

Đấng Christ. Chúa Giê-xu bởi người mẹ phần xác sinh ra mà không cần đến người cha phần xác. Điều này được gọi là giáo lý về sự giáng sinh bởi nữ đồng trinh.

Mọi em bé chào đời trên thế giới đều là một tạo vật hoàn toàn mới. Nhưng Chúa Giê-xu Christ, là Đức Chúa Trời bất biến (Gi 1:1,14), Ngài hiện hữu trước Ma-ri, Giô-sép hoặc bất kỳ tổ tiên nào của Ngài về phần xác. Nếu Chúa Giê-xu Christ được mang thai theo công lệ loài người và được sinh ra giống như bất kỳ em bé nào khác, thì Ngài không thể là Đức Chúa Trời được. Việc Ngài đến thế gian thông qua người mẹ phần xác đối với Ngài là điều cần thiết, nhưng không bởi do một người cha phần xác sinh ra. Bởi phép lạ của Đức Thánh Linh, Chúa Giê-xu đã được hoài thai trong lòng trinh nữ Ma-ri (Lu 1:26-38)

Một số người đã nêu lên thắc mắc có lẽ Ma-ri không phải là trinh nữ. Họ nói rằng trong Mat 1:23 nên dịch là “người phụ nữ trẻ”. Nhưng từ ngữ đồng trinh ở trong câu này luôn luôn có nghĩa như vậy và không thể nào dịch là “người phụ nữ trẻ” được.

Cả Ma-ri và Giô-sép đều thuộc về gia đình của Vua Đa-vít. Các lời tiên tri Cựu Ước cho biết rằng Đấng Mê-si-a sẽ do một người nữ sinh ra (Sa 3:15), thuộc dòng giống Áp-ra-ham (Sa 22:18) qua chi phái Giu-đa (Sa 49:10) và ở trong gia đình của Đa-vít (IISa 7:12-13). Bảng gia phả của Ma-thi-ơ truy ra dòng dõi thông qua Sa-lô-môn, trong khi Lu-ca lại thông qua Na-than, một người con trai khác của Đa-vít. Thật đáng cho chúng ta lưu ý Chúa Giê-xu Christ là người Do Thái duy nhất còn sống có thể thực sự chứng minh cho lời tuyên bố của Ngài về quyền thừa kế ngôi Vua Đa-vít! Tất cả các hồ sơ ghi chép khác đều bị phá huỷ khi đế quốc La Mã đánh chiếm Giê-ru-sa-lem vào năm 70 sau Chúa.

Đối với người Do Thái vào thời đó, lễ hứa hôn (đính hôn) tương đương với lễ thành hôn - ngoại trừ người nam và người nữ không sống chung với nhau. Họ được gọi là “chồng và vợ”, và lúc kết thúc giai đoạn hứa hôn, việc cưới xin được hoàn tất. Nếu như người phụ nữ đã hứa hôn có thai, nàng được xem như đã phạm tội ngoại tình (Phu 22:13-21). Nhưng Giô-sép không trách phạt hoặc li dị Ma-ri khi chàng khám phá ra rằng Ma-ri đang có thai, vì Đức Chúa Trời đã cho chàng biết sự thật. Tất cả đều ứng nghiệm lời tiên tri Es 7:14.

Trước khi đi qua phần quan trọng này, chúng ta phải tra xem 3 danh xưng được chỉ định cho Con Đức Chúa Trời. Danh xưng Giê-xu có nghĩa là “Đấng Cứu Rỗi” và xuất xứ từ tên gọi theo tiếng Hê-bơ-rơ, Giô-sua (“Giê-hô-va là Sự Cứu Rỗi”). Có nhiều bé trai Do Thái mang tên Giô-sua (hoặc, theo tiếng Hy Lạp, Giê-xu) nhưng con trai Ma-ri sinh ra được gọi là “Chúa Giê-xu Christ”. Từ ngữ Christ (Cứu Thế) có nghĩa “được xức dầu” trong tiếng Hy Lạp có nghĩa tương đương là Mê-si-a. Ngài là “Chúa Giê-xu Đấng Mê-si-a”. Giê-xu là tên loài người của Ngài, Đấng Christ là tước hiệu chính thức của Ngài và Em-ma-nu-ên mô tả Ngài là ai - “Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta”. Chúa Giê-xu Christ là Đức Chúa Trời. Chúng ta tìm thấy danh xưng “Em-ma-nu-ên” này trong Es 7:14 và 8:8.

Như vậy, Nhà Vua là một người nam Do Thái cũng là Con Thánh của Đức Chúa Trời. Nhưng, có ai đã thừa nhận vương quyền của Ngài không? Vâng, nhà chiêm tinh từ phương Đông đến và thờ lạy Ngài.

## **2. Tôn thờ Nhà Vua (Mat 2:1-12)**

Chúng ta phải thú nhận rằng chúng ta biết rất ít về những con người này. Từ ngữ được dịch “những người thông thái” (chuyên tinh) nói đến một nhóm học giả nghiên cứu các vì sao. Tước hiệu của họ cho thấy họ có liên hệ đến ma thuật, nhưng có thể họ giống các nhà chiêm tinh hơn. Tuy nhiên, sự có mặt của họ trong Kinh Thánh không có nghĩa là Thiên Chúa tán thành cho thuật chiêm tinh.

Đức Chúa Trời ban cho họ một dấu hiệu đặc biệt, một ngôi sao kỳ diệu báo tin cho họ biết Vị Vua mới ra đời. Ngôi sao lạ dẫn họ đến Giê-ru-sa-lem nơi Lời Đức Chúa Trời đã phán họ rằng Vị Vua sẽ được sinh tại Bết-lê-hem. Họ đến Bết-lê-hem, và tại đó họ thờ lạy Con Trẻ Đấng Christ.

Chúng ta không biết có bao nhiêu nhà thông thái. Do 3 của lễ được nêu trong Mat 2:11, một số người đã cho rằng có 3 vị vua từ Đông phương, dầu vậy điều này không có cơ sở chắc chắn. Nhưng khi đoàn người của họ đến Giê-ru-sa-lem, họ có đông đủ người để gây bối rối cho toàn thành phố.

Bạn hãy nhớ rằng những người thông thái này là dân ngoại bang, Từ ban đầu, Chúa Giê-xu đến để làm “Cứu Chúa của thế gian” (Gi 4:42). Các nhà thông thái này cũng là những người giàu có, và là những học giả - những nhà khoa học. Không có nhà trí thức nào đi theo ánh sáng Đức Chúa Trời ban cho lại bỏ lỡ dịp tiện thờ lạy nơi chân Chúa Giê-xu. Trong Chúa Giê-xu Christ “đã giấu kín mọi sự quý báu về khôn ngoan thông sáng” (Co 2:3). Trong Ngài hiện hữu “sự đầy đầy của bốn tánh Đức Chúa Trời” (Co 2:9).

Các nhà thông thái đang tìm Vị Vua mới ra đời, nhưng vua Hê-rốt sợ hãi Vị Vua ấy và muốn tiêu diệt Ngài. Đây là Hê-rốt đại đế, được Thượng viện La Mã xưng vương do ảnh hưởng của Mark Antony. Hê-rốt là một con người độc ác và gian trá, ông không cho phép một ai, ngay cả người trong gia đình, can thiệp vào việc cai trị hoặc cản ngăn ông ta thoả mãn những ham muốn xấu xa. Là một tên giết người tàn bạo, ông ta đã sát hại vợ và hai anh rể của mình vì nghi ngờ họ có mưu làm phản. Ít nhất ông ta đã cưới vợ chín lần để thoả mãn dục vọng của mình và củng cố quyền lực chính trị của mình.

Thật chẳng ngạc nhiên gì khi Hê-rốt tìm cách giết Chúa Giê-xu, vì Hê-rốt muốn một mình mang tước vị “Vua dân Giu-đa”. Nhưng còn có lý do khác. Hê-rốt không phải là người Do Thái theo huyết thống thực sự ông ta là một người Ê-đôm, con cháu của Ê-sau. Đây là bức tranh của sự tranh giành xưa kia giữa Ê-sau và Gia-cốp xảy ra ngay trước khi cả hai chào đời (Sa 25:19-34). Đó là sự thuộc về thiêng liêng đối đầu với sự thuộc về xác thịt, thần linh đối nghịch với phàm tục.

Các nhà thông thái đang tìm kiếm Vua Hê-rốt đang chống lại Ngài các thầy tế lễ Do Thái coi khinh Ngài. Những thầy tế lễ này biết Kinh Thánh và chỉ cho người khác tìm đến Đấng Christ, nhưng chính họ không đến thờ lạy Ngài. Họ đã trích dẫn lời tiên tri Mi 5:2 nhưng không vâng theo. Họ chỉ ở cách Con Đức Chúa Trời có 5 dặm, nhưng họ không đến gặp Ngài. Những người ngoại bang tìm và thấy Ngài, nhưng người Do Thái lại không.

Câu 9 của chương 2 cho chúng ta thấy ngôi sao không hiện ra luôn luôn cho các nhà thông thái. Khi họ bắt đầu hướng đến Bết-lê-hem, họ thấy ngôi sao xuất hiện trở lại và ngôi sao dẫn họ đến nhà Chúa Giê-xu trú ngụ. Lúc bấy giờ, Giô-sép đã dời Ma-ri và con trẻ đi khỏi nơi tạm trú lúc Đức Chúa Giê-xu giáng sinh Lu 2:7). Cảnh tượng máng cỏ kết hợp với các gã chăn chiên và mấy thầy thông thái theo truyền thống lâu

nay là không có thật trong Thánh Kinh vì các nhà thông thái đến thờ lạy Chúa rất lâu về sau.

Ma-thi-ơ dẫn chứng lời tiên tri thứ hai đã ứng nghiệm để minh chứng rằng Chúa Giê-xu Christ là Vua (Mat 2:5). Đã ứng nghiệm lời tiên tri về cách Ngài sinh ra và nơi chốn Ngài chào đời. Bết-lê-hem có nghĩa là “nhà bánh mì”, và đây là nơi “Bánh Hằng Sống” đến thế gian (Gi 6:48). Bết-lê-hem trong Cựu Ước có liên hệ với Đa-vít là kiểu mẫu của Chúa Giê-xu Christ trong sự đau khổ và vinh quang của Ngài.

### **3. Sự chống nghịch Nhà Vua (Mat 2:13-18)**

'Một người' được công nhận không chỉ do bạn bè của anh ta, nhưng còn từ phía kẻ thù anh ta nữa. Hê-rốt giả vờ rằng ông ta muốn thờ lạy Vua mới sinh ra (Mat 2:8), trong khi thực sự ông ta muốn giết hại Ngài. Đức Chúa Trời báo cho Giô-sép đem Con Trẻ và Ma-ri lánh nạn qua Ai Cập. Ai Cập là nước ở kề bên. Có nhiều người Do Thái sinh sống ở đó, và các cửa dâng do các nhà thông thái mang đến sẽ là ngân khoản để chi trả cho việc đi lại và sinh sống tại Ai Cập. Nhưng cũng có lời tiên tri khác được ứng nghiệm, Os 11:1: “Ta gọi Con trai ta ra khỏi xứ Ai Cập”.

Hê-rốt tức giận là bằng chứng cho lòng kiêu ngạo của ông ấy ông ta không thể chấp nhận bất kỳ ai vượt trội hơn ông ta, nhất là mấy nhà thông thái ngoại bang. Điều này khiến ông ta giết hại các bé trai từ hai tuổi trở xuống tại thành Bết-lê-hem. Chúng ta không phải tưởng tượng có hàng trăm bé trai bị giết, vì không có nhiều bé trai ở lứa tuổi ấy trong một ngôi làng nhỏ như Bết-lê-hem. Ngay cả ngày hôm nay cũng chỉ có khoảng 20.000 người sinh sống tại đó. Có lẽ không hơn 20 trẻ em đã bị giết. Nhưng đương nhiên một đã là quá nhiều rồi.

Ở đây Ma-thi-ơ đưa ra đề tài thù địch, đề tài mà ông xoay quanh suốt cả sách. Ma-qui là đứa nói dối và kẻ giết người (Gi 8:44), như vua Hê-rốt. Ông ta nói dối với các nhà thông thái và giết hại các trẻ sơ sinh. Nhưng tội ác giết người khủng khiếp này cũng là điều ứng nghiệm lời tiên tri chép trong Gie 31:15. Để hiểu được sự ứng nghiệm này, chúng ta phải ôn lại lịch sử Do Thái.

Bết-lê-hem được đề cập đến lần đầu trong Kinh Thánh có liên quan đến sự qua đời của người vợ yêu quý của Gia-cốp, bà Ra-chên (Sa 35:16-20). Ra-chên đã chết khi sinh đứa con trai mà bà đặt tên là Bê-nê-ô-ni, “con trai của sự đau đớn tôi”, Gia-cốp đặt tên lại cho con trai mình là Bê-nê-gia-min, “con trai tay hữu”. Cả hai tên này có liên hệ đến Chúa Giê-xu Christ, vì Ngài là “người từng trải sự buồn bực, và biết sự đau ốm” (Es 53:3), và hiện giờ Ngài là Con Đức Chúa Trời ngồi bên hữu Ngài Ngài (He 1:3 Cong 5:31). Gia-cốp đã dùng một cây trụ để đánh dấu ngôi mộ của Ra-chên nằm ở gần Bết-lê-hem.

Lời tiên tri Giê-rê-mi đã báo khoảng 600 năm trước khi Đấng Christ giáng sinh. Lời tiên tri phát sinh lúc thành Giê-ru-sa-lem bị đánh chiếm. Một số phu tù bị lưu đày đến Ra-ma trong đất Bê-nê-gia-min, gần thành Giê-ru-sa-lem và điều này nhắc tiên tri Giê-rê-mi nhớ lại nỗi đau buồn của Gia-cốp khi Ra-chên qua đời. Tuy nhiên, bây giờ chính Ra-chên đang khóc. Ra-chên đại diện cho các bà mẹ Y-sơ-ra-ên đang khóc khi họ nhìn thấy các con trai họ đang bị bắt làm phu tù. Dường như Ra-chên đã nói: “Tôi đã bỏ mạng sống để sinh một con trai, và bây giờ hậu tự nó không còn nữa.”

Gia-cốp nhìn thấy Bết-lê-hem như là nơi chết chóc, nhưng sự giáng sinh của Chúa Giê-xu đã khiến nơi ấy thành chốn có sự sống. Bởi vì khi Ngài đến, Ngài sẽ đem sự

cứu rồi đến cho dân Y-sơ-ra-ên và trong tương lai, Ngài sẽ thiết lập ngôi nước Ngài trên ngai Đa-vít. Y-sơ-ra-ên “Con trai của sự đau đớn tôi” một ngày nọ sẽ trở thành “con trai tay hữu”. Tiên tri Giê-rê-mi báo lời hứa của Đức Chúa Trời cho dân Y-sơ-ra-ên rằng họ sẽ trở về lại trong đất của họ (Gie 31:16-17), và lời hứa này đã ứng nghiệm. Nhưng qua tiên tri Ngài, Đức Chúa Trời đã phán lời hứa lớn hơn rằng dân Y-sơ-ra-ên sẽ được tập hợp trở lại trong tương lai và ngôi nước nhà Y-sơ-ra-ên được thiết lập (Gie 31:27). Lời phán hứa này cũng sẽ được ứng nghiệm.

Ngày hôm nay rất ít người nghĩ về Bết-lê-hem là nơi chôn cất người ta nhớ về Bết-lê-hem là nơi Chúa Giê-xu Christ đã hạ sanh. Và do Ngài đã chết vì tội lỗi chúng ta và đã sống lại, vì thế chúng ta có một tương lai tươi sáng phía trước chúng ta. Chúng ta sẽ sống đời đời với Ngài trong thành vinh hiển nơi không còn bóng dáng của sự chết và chôn không còn lệ rơi.

#### **4. Sự khiêm nhu của Nhà Vua (Mat 2:19-23)**

Hê-rốt băng hà năm thứ 4 trước công nguyên, điều này có nghĩa là Chúa Giê-xu sinh ra vào thời gian nào đó giữa năm thứ 6 và năm thứ 5 trước công nguyên. Không thể nào không chú ý đến sự tương tự giữa Mat 2:20 và Xu 4:19, lời kêu gọi Môi-se. Là Con của Đức Chúa Trời, Chúa Giê-xu ở tại Ai Cập và được gọi trở về xứ Y-sơ-ra-ên. Môi-se ra khỏi Ai Cập, trốn tránh để cứu mạng sống mình, và Đức Chúa Trời kêu gọi ông quay trở lại Ai Cập. Nhưng trong cả hai trường hợp, chương trình cứu rỗi của Đức Chúa Trời được thành tựu. Phải có can đảm Giô-sép mới có thể đem gia đình rời khỏi Ai Cập. Với Môi-se cũng phải có lòng can đảm để trở lại Ai Cập.

Archêlaus là một trong những con trai của Hê-rốt, và Hê-rốt đã định truyền ngôi vua cho ông ta. Tuy vậy, dân Do Thái khám phá ra rằng, mặc dù ông ta có nhiều lời hứa tốt đẹp, Archêlaus vẫn là một con người độc ác như cha của mình. Vì vậy họ cử một toán đại biểu đến Rô-ma để phản đối việc phong vương cho ông ta. Hoàng đế Augustus Sê-sa đồng ý với dân Do Thái và cử Archêlaus làm tổng trấn cai trị trên nửa vương quốc của cha ông. (Có thể Chúa Giê-xu đã ghi nhớ trong trí một chi tiết nhỏ này của lịch sử Do Thái khi Ngài phán lời thí dụ về các nén bạc trong Lu 19:11-27).

Toàn bộ tình tiết trong câu chuyện là một gương mẫu tốt đẹp về cách Đức Chúa Trời dẫn dắt các con cái của Ngài. Giô-sép biết rằng ông và gia đình sống dưới sự cai trị của vua Archêlaus không có an toàn gì hơn thời gian họ đã sống dưới sự cai trị của Hê-rốt đại đế. Rất có thể khi họ đang đi hướng trở về xứ Bết-lê-hem thì nghe vua Archêlaus đang nổi ngôi trị vì. Dĩ nhiên, Giô-sép và Ma-ri cầu nguyện, chờ đợi và tìm kiếm ý muốn Đức Chúa Trời. Lương tâm bảo chúng ta dẫn thân đức tin bảo chúng ta chờ đợi. Đến kỳ thuận tiện, Đức Chúa Trời phán với Giô-sép trong giấc chiêm bao, và ông ta đưa vợ cùng Con Trai nàng về Na-xa-rét, là nơi quê hương của họ từ lâu (Mat 2:19-20).

Nhưng ngay cả điều này cũng ứng nghiệm lời tiên tri! Một lần nữa, Ma-thi-ơ chỉ ra rằng từng chi tiết trong cuộc đời của Chúa Giê-xu đã được tiên báo trong Thánh Kinh. Thật là quan trọng khi lưu ý rằng Ma-thi-ơ đã không ám chỉ đến chỉ một tiên tri duy nhất trong Mat 2:23, nhưng thay vào đó Ma-thi-ơ nói ”...vậy là ứng nghiệm lời mấy đấng tiên tri đã nói rằng...” (số nhiều)

Chúng ta sẽ không tìm thấy bất cứ lời tiên tri cụ thể nào gọi Chúa Giê-xu là một “người Na-xa-rét”. Thuật ngữ Na-xa-rét là một điều sỉ nhục: “Há có vật gì tốt ra từ

Na-xa-rét được sao?” (Gi 1:46). Trong nhiều lời tiên tri Cựu Ước, có nhắc đến cuộc đời thấp hèn của Đấng Mê-si-a bị chối bỏ và có thể đây là điều Ma-thi-ơ ghi nhớ trong trí (Thi 22:1-31 Es 53:2-3,8). Thuật ngữ “Na-xa-rét” được áp dụng cho cả Chúa Giê-xu lẫn người theo Ngài (Cong 24:5) và Ngài thường được gọi “Giê-xu người Na-xa-rét” (Mat 21:11 Mac 14:67 Gi 18:5,7).

Nhưng có lẽ Ma-thi-ơ, bởi Đức Thánh Linh hướng dẫn, đã nhìn thấy mối liên hệ thiêng liêng giữa danh xưng “Na-xa-rét” và từ ngữ Hy-bá-lai *netzer*, có ý nghĩa là “một nhánh hoặc chồi”. Một vài đấng tiên tri dùng tước vị này cho Chúa Giê-xu (Es 4:2 11:1 Gie 23:5 33:15 Xa 3:8 6:12-13).

Chúa chúng ta lớn lên tại Na-xa-rét và gắn bó với thành phố ấy. Thực ra, kẻ thù của Ngài nghĩ rằng Ngài đã sinh ra tại đó vì họ nói rằng Ngài xuất thân từ xứ Ga-li-lê (Gi 7:50-52). Nếu như họ tra xem các hồ sơ ghi chép ở đền thờ, họ sẽ thấy Ngài đã sinh ra tại Bết-lê-hem.

Ai đã từng nghe kể về một vị vua sinh ra trong một làng thấp hèn và lớn lên ở một thành phố bị khinh miệt? Sự khiêm nhu của Vị Vua là điều chắc chắn phải được kính phục và học đòi theo (Phi 2:1-13).

## 2. CÁC LỜI CHỨNG VỀ VUA (Mat 3:1-4:25)

Khoảng thời gian 30 năm trôi qua giữa chương 2 và 3 của sách Ma-thi-ơ, suốt thời gian ấy Chúa Giê-xu sống ở Na-xa-rét và làm nghề thợ mộc (Mat 13:55 Mac 6:3). Nhưng đã đến lúc Ngài bắt đầu thi hành chức vụ giảng đạo của Ngài và chức vụ ấy sẽ hoàn tất tại Thập tự giá. Ngài vẫn còn đủ tư cách làm Vị Vua không? Điều gì đã xảy ra làm cho Ngài không còn đủ tư cách làm Vua chẳng? Trong các chương 3 và 4, Ma-thi-ơ tập hợp lời chứng của 5 nhân chứng biện minh cho nhân tính của Chúa Giê-xu Christ, Ngài chính là Con Đức Chúa Trời và là Vua.

### 1. Giảng Báp-tít (Mat 3:1-15)

Trải qua trên 400 năm, dân Do Thái không có lời của đấng tiên tri nào. Giảng đã xuất hiện và cơn phục hưng lớn xảy ra. Bạn hãy xem xét 4 sự kiện về Giảng.

*Sứ điệp của Người* (Mat 3:1-2,7-10). Lời rao giảng của Giảng tập trung vào sự ăn năn và Nước Đức Chúa Trời. Từ ngữ ăn năn có nghĩa là “thay đổi suy nghĩ và làm theo sự thay đổi ấy”. Giảng không bằng lòng với sự hối hận hoặc ăn năn Giảng muốn “Kết quả xứng đáng với sự ăn năn” (Mat 3:8). Một tấm lòng một cuộc đời được biến đổi phải có bằng chứng cụ thể.

Dân chúng đủ mọi hạng người đến nghe Giảng rao giảng và chứng kiến Giảng làm báp-tem. Nhiều người thu thuế và kẻ xấu nết đến nghe với lòng khiêm nhường thành thật (Mat 21:31-32), nhưng các nhà lãnh đạo giáo hội từ chối không chịu đầu phục. Họ nghĩ rằng họ tốt đủ để làm hài lòng Đức Chúa Trời nhưng Giảng gọi họ là “dòng dõi rắn lục”. Chúa Giê-xu đã diễn đạt như vậy khi Ngài đàm luận với đám đông tự cho mình là công bình (Mat 12:34 23:33 Gi 8:44).

Phái Pha-ri-si là những người theo truyền thống trong thời của họ, trong khi đó những người theo phái Sa-đu-sê thì tự do hơn (Cong 23:6-9). Những người Sa-đu-sê giàu có kiểm soát “việc buôn bán tại đền thờ” mà Chúa Giê-xu đã dẹp sạch. Hai nhóm người này thường xuyên chống đối nhau để dành quyền cai trị đất nước, nhưng đến lúc chống đối Chúa Giê-xu, người Pha-ri-si và người Sa-đu-sê lại hiệp lực.



Sứ điệp của Giăng là một lời phán xét. Dân Y-sơ-ra-ên đã phạm tội và cần phải ăn năn, và các nhà lãnh đạo giáo hội phải làm gương trước. Cái rìu đang để kê gốc cây và nếu như cây (dân Y-sơ-ra-ên) không sanh trái tốt, nó sẽ bị chặt đi (Lu 13:6-10). Nếu như dân Y-sơ-ra-ên ăn năn, thì con đường đã được dọn sẵn để đón Đấng Mê-si-a đến.

*Uy quyền của Người* (Mat 3:3-4) Giăng đã làm ứng nghiệm lời tiên tri chép trong Es 40:3. Về phương diện thiêng liêng, Giăng là “Ê-li đấng tiên tri phải đến” vì người đến trong tâm thần và quyền phép của Ê-li” (Lu 1:16-17). Thậm chí Giăng ăn mặc giống như Ê-li và rao giảng cùng một sứ điệp của sự phán xét (IIVua 1:8). Giăng là vị tiên tri cuối cùng của thời Cựu Ước (Lu 16:16) và là người cao trọng hơn hết thầy các vị tiên tri trong Cựu Ước (Mat 11:7-15 17:9-13).

*Phép báp-tem của Người* (Mat 3:5-6,11-12). Dân Do Thái làm báp-tem cho những người ngoại bang trở lại đạo, nhưng Giăng đang làm báp-tem cho người Do Thái. Phép báp-tem của ông bởi quyền phép từ trời (Mat 21:23-27) đó không phải là điều do Giăng đặt ra hoặc vay mượn. Đó là phép báp-tem của sự ăn năn, trông đợi sự đến của Đấng Mê-si-a (Cong 19:1-7). Phép báp-tem của Giăng hoàn thành hai mục đích: Chuẩn bị dân Y-sơ-ra-ên cho Đấng Christ và giới thiệu Cứu Chúa Giê-xu cho dân tộc Y-sơ-ra-ên (Gi 1:31).

Nhưng Giăng đề cập đến hai phép báp-tem khác: phép báp-tem bằng Đức Thánh Linh và phép báp-tem bằng lửa (Mat 3:11). Phép báp-tem bằng Đức Thánh Linh xảy ra trong ngày Đức Thánh Linh giáng lâm (Cong 1:5), và hãy lưu ý Chúa Giê-xu không nói gì về lửa cả). Ngày nay, bất cứ khi nào một tội nhân tin nhận Đấng Christ, người ấy được sanh lại và lập tức được báp-tem bởi Đức Thánh Linh vào trong thân thể Đấng Christ, là Hội Thánh Ngài (ICo 12:12-13). Ngược lại, phép báp-tem bằng lửa ám chỉ đến sự phán xét ngày sau, như Ma-thi-ơ giải thích trong Mat 3:12.

*Sự vâng lời của Người* (3:13-15). Không phải Chúa Giê-xu nhận phép báp-tem vì Ngài là một tội nhân ăn năn. Ngay cả Giăng có ngăn Chúa Giê-xu, nhưng Chúa Giê-xu biết điều đó đẹp ý Cha Ngài. Tại sao Giê-xu nhận lãnh báp-tem? Thứ nhất, Ngài nhận báp-tem để chấp nhận chức vụ của Giăng. Thứ hai, Ngài tự gắn bó mình với bọn thâu thuế và người xấu nết, cũng vì chính những người ấy mà Ngài đã đến để cứu rỗi họ. Nhưng điều chính yếu là phép báp-tem Ngài nhận vẽ ra một bức tranh về phép báp-tem của Ngài trong tương lai trên thập tự giá (Mat 20:22 Lu 12:50) lúc tất cả “các luồng sóng và nước lớn” trong cơn đoán phạt của Đức Chúa Trời sẽ chìm ngập lấy Ngài (Thi 42:7 Gion 2:3).

Vì vậy, Giăng Báp-tít đã làm chứng Chúa Giê-xu Christ là Con Đức Chúa Trời và cũng là Chiên Con của Đức Chúa Trời (Gi 1:29). Bởi lời chứng của Giăng, nhiều tội nhân đã tin nhận Chúa Giê-xu Christ (Gi 10:39,42).

## **2. Đức Thánh Linh (Mat 3:16)**

Đức Thánh Linh ngự xuống như chim bồ câu giúp Giăng nhận ra Chúa Giê-xu (Gi 1:31-34) và cũng bảo đảm với Chúa Giê-xu khi Ngài bắt đầu thi hành chức vụ rằng thánh vụ của Chúa Thánh Linh sẽ luôn luôn thuộc về Ngài (Gi 3:34). Chim bồ câu là một biểu tượng đẹp đẽ của Thánh Linh của Đức Chúa Trời trong sự thánh khiết và sứ mạng hoà bình. Chúng ta thấy chim bồ câu trong Kinh Thánh lần đầu được chép trong Sa 8:6-11. Nô-ê đã thả 2 con chim, một con quạ và một bồ câu nhưng chỉ có chim bồ câu bay trở về. Con quạ đại diện (tiêu biểu) cho xác thịt có nhiều thức ăn cho quạ

ở bên ngoài tàu. Những chim bồ câu không tự làm ô uế bởi các xác chết, vì vậy chim bay trở về tàu. Bồ câu được thả ra lần thứ hai, nó bay trở về mang theo một nhánh ô-li-ve, biểu tượng của sự hoà bình. Lần thứ ba, chim bồ câu không trở về nữa.

Có lẽ có một bức tranh khác nữa ở đây. Tên Giô-na có nghĩa là chim bồ câu và Giô-na cũng kinh nghiệm phép báp-tem Chúa Giê-xu dùng câu chuyện Giô-na để nói về chính Ngài trong sự chết, sự chôn và sự sống lại (Mat 12:38-40). Giô-na đã được sai đến với dân ngoại, và Chúa Giê-xu sẽ thi hành chức vụ của Ngài cho dân ngoại.

### **3. Đức Chúa Cha (Mat 3:17)**

Đức Chúa Cha phán từ trời trong 3 dịp đặc biệt: lúc Chúa Giê-xu nhận phép báp-tem, tại trên núi hoá hình (Mat 17:3), và khi Đấng Christ gần thọ hình trên thập tự giá (Gi 12:27-30). Trong quá khứ, Đức Chúa Trời đã phán với Con của Ngài ngày nay Đức Chúa Trời đang phán dạy thông qua Con Ngài (He 1:1-2).

Tiếng phán từ trời của Đức Chúa Cha giống như sự lặp lại của Thi 2:7 - “Chúa phán cùng ta rằng, 'Người là Con Ta Ngày nay ta đã sanh Người' Cong 13:22 cho chúng ta biết rằng “sự sinh ra” này ám chỉ đến sự sống lại từ trong kẻ chết của Ngài, và không nói đến sự giáng sinh của Ngài tại Bết-lê-hem. Lời phán này phù hợp một cách hoàn hảo với từng trải báp-tem trong sự chết, sự chôn và sự sống lại của Chúa Giê-xu.

Nhưng lời phán của Đức Chúa Cha cũng gắn liền Chúa Giê-xu Christ với “Đầy tớ chịu khổ” được tiên báo trong Es 40:1-53:12. Trong Mat 12:18, Ma-thi-ơ đã trích dẫn từ Es 42:1-3, trong đó Đấng Mê-si-a - Tôi tớ được gọi là “Người mà ta rất yêu dấu, đẹp lòng Ta mọi đàng.” Người Tôi Tớ mà tiên tri Ê-sai mô tả là người khiêm nhường, bị chối bỏ, chịu khốn khổ và chết và được chứng kiến sống lại trong đắc thắng. Trong lúc chúng ta nhìn thấy đất nước Y-sơ-ra-ên mờ nhạt qua một số “bài ca về người Đầy Tớ”, thì chính Đấng Mê-si-a là Chúa Giê-xu Christ được bày tỏ rõ nét nhất qua những bài ca ấy. Hơn nữa, chúng ta nhận ra được mối giao thông với Đấng Christ qua sự chết, sự chôn và sự sống lại.

Rốt lại, Lời phán của Đức Chúa Cha xác nhận mọi việc Chúa Giê-xu đã làm cho đến lúc ấy. “Những năm sống ẩn mình tại Na-xa-rét” của Ngài là thời gian mà Cha Ngài lấy làm đẹp lòng. Hiển nhiên, lời khen ngợi của Đức Chúa Cha là sự khích lệ lớn lao đối với Đức Chúa Con khi Ngài bắt đầu thi hành chức vụ của Ngài.

### **4. Sa-tan (Mat 4:1-11)**

Từ từng trải phước hạnh thánh và cao cả Ngài nhận lãnh tại sông Giô-đanh, Chúa Giê-xu được Đức Thánh Linh đưa vào đồng vắng để chịu cám dỗ. Chúa Giê-xu không chịu ma quỷ cám dỗ để Đức Chúa Cha biết được điều gì về Con Ngài, vì Đức Chúa Cha đã chấp nhận Chúa Giê-xu trong sự thánh khiết của Ngài. Đức Chúa Giê-xu chịu cám dỗ để mọi tạo vật trên trời, dưới đất, hoặc bên dưới đất thấy đều biết rằng Chúa Giê-xu Christ là Đấng Toàn Thắng. Ngài đã vạch mặt ma quỷ và mưu chước của nó, và Ngài đã đánh bại ma quỷ. Vì Ngài đắc thắng cám dỗ, chúng ta có thể đắc thắng như Ngài.

Cũng như A-đam đầu tiên đã gặp ma quỷ, vì thế A-đam sau hết đã gặp kẻ thù (ICo 15:45). A-đam đã gặp ma quỷ trong vườn phước hựu, nhưng Chúa Giê-xu đối mặt với Ma quỷ trong đồng vắng. A-đam có đủ mọi thứ nhu cầu, nhưng Chúa Giê-xu đói khát sau 40 ngày nhịn ăn. A-đam thất bại và đưa loài người chìm đắm trong tội lỗi và sự

chết. Nhưng Chúa Giê-xu chiến thắng và Ngài liên tục đắc thắng ma quỷ, cuối cùng Ngài đã chiến thắng trọn vẹn trên thập tự giá (Gi 12:31 Co 2:15).

Tùng trải sự cám dỗ, Chúa chúng ta đã chuẩn bị cho Ngài để làm thầy tế lễ thượng phẩm đầy cảm thông (He 2:16-18 4:15,16). Biết rằng Chúa Giê-xu đối diện với kẻ thù ma quỷ trong vai trò con người, chớ không phải là Con Đức Chúa Trời thật là điều quan trọng. Lời nói đầu tiên của Ngài là “Người ta sống chẳng phải bởi chỉ nhờ bánh mà thôi...” Chúng ta không được nghĩ rằng Chúa Giê-xu đã dùng quyền năng siêu nhiên để chiến thắng kẻ thù, bởi vì đó là điều ma quỷ muốn Ngài làm. Chúa Giê-xu đã dùng các nguồn thiêng liêng có dự bị sẵn cho chúng ta ngày nay, quyền năng của Đức Thánh Linh (Mat 4:1), và quyền năng của Lời Đức Chúa Trời (“Có Lời chép rằng...”). Chúa Giê-xu không để cho ma quỷ có phần gì trong bản thể của Ngài (Gi 14:30), nhưng đầu sao đi nữa sự cám dỗ của Ngài là thật. Sự cám dỗ nằm trong ý muốn của Đức Chúa Trời, và Chúa Giê-xu đến để làm theo ý muốn của Cha Ngài (He 10:1-19).

**Cám dỗ thứ nhất** (Mat 4:1-4) ma quỷ liên hệ đến tình yêu thương của Đức Chúa Trời và ý muốn của Ngài.” Vì Người là Con yêu dấu của Đức Chúa Trời, tại sao Cha Người không chăm nuôi Người? Tại sao Ngài bỏ Người trong đồng vắng hiu quạnh này?” Lời cám dỗ này nghe giống như lời ma quỷ đã cám dỗ Ê-va trong Sa 3:1-24. Đó là lời gợi ý khôn khéo rằng Cha của chúng ta không yêu thương chúng ta.

Nhưng cũng có lời đề nghị khác: “Người hãy dùng quyền năng siêu nhiên để thoả mãn mọi nhu cầu của Người đi”, khi chúng ta đặt những nhu cầu vật chất phía trước nhu cầu tâm linh, chúng ta phạm tội. Khi chúng ta cho phép hoàn cảnh chi phối mọi hoạt động chúng ta, thay vì đi theo ý muốn của Đức Chúa Trời, chúng ta phạm tội. Chúa Giê-xu có thể khiến đá trở nên bánh, nhưng làm vậy thì Ngài đã thực thi quyền năng độc lập với Cha Ngài, Ngài đến để phải vâng lời Cha Ngài (Gi 5:30 6:38).

Chúa trích dẫn Phu 8:3 để đánh bại ma quỷ. Nuôi mình bằng Lời Đức Chúa Trời và vâng theo lời ấy quan trọng hơn việc chu cấp thức ăn cho cơ thể. Nói tóm lại, Lời Chúa là thức ăn của chúng ta (Gi 4:32-34).

**Cám dỗ thứ hai** (Mat 4:5-7) lại còn tinh vi hơn. Lần này ma quỷ cũng dùng Lời của Đức Chúa Trời. Ma quỷ có ý nói rằng “Vậy Người có ý định sống nhờ lời Kinh Thánh, thế thì hãy để ta trích dẫn cho Người một câu Kinh Thánh để xem Người có vâng theo không.” Ma quỷ đưa Đức Chúa Giê-xu lên nóc đền thờ, có thể ở độ cao 500 bộ phía trên thung lũng Ki-đôn (# 150,5 mét). Kế đó ma quỷ trích dẫn từ trong Thi 91:11-12 có Lời Đức Chúa Trời hứa gìn giữ những người thuộc về Ngài. “Nếu thật sự tin Kinh Thánh, hãy nhảy xuống đi! Chúng ta hãy xem thử Cha Người có gìn giữ Người chẳng”.

Bạn hãy lưu ý cẩn thận lời đáp của Chúa chúng ta “Cũng có lời chép rằng...” (Mat 4:7). Chúng ta không bao giờ được tách một phần Kinh Thánh ra riêng, nhưng chúng ta phải luôn luôn “dùng tiếng thiêng liêng để giải bày sự thiêng liêng” (ICo 2:13). Chúng ta có thể dùng Kinh Thánh để minh chứng cho gần như tất cả mọi sự nếu chúng ta tách riêng từng câu chữ ra khỏi nội dung chính của Kinh Thánh và biến chúng thành những lời bào chữa nguy hiểm. Ma quỷ đã khôn khéo bỏ bớt cụm từ “trong các đường lối người” khi nó trích dẫn Thi 91:11. Khi con cái của Đức Chúa Trời ở trong ý chỉ của Đức Chúa Trời, Đức Chúa Cha sẽ bảo vệ người. Ngài chăm nom những ai “ở trong đường lối của Ngài”.

Chúa Giê-xu đáp lại bằng lời Kinh Thánh trong Phu 6:16: “Người đừng thử Chúa là Đức Chúa Trời người.” Chúng ta thử Đức Chúa Trời khi chúng ta tự đặt mình vào

những hoàn cảnh bắt buộc Ngài thi thố phép lạ vì có chúng ta. Người bị bệnh tiểu đường không chịu dùng insulin rồi bệnh. “Chúa Giê-xu sẽ săn sóc tôi” có thể người đó đang thử Chúa. Chúng ta thử Đức Chúa Trời khi chúng ta tìm cách buộc Ngài phải hành động ngược lại với Lời của Ngài. Đối với chúng ta là người tin cậy Chúa, đọc toàn bộ Kinh Thánh, suy gẫm tất cả những lời phán của Đức Chúa Trời là điều quan trọng vì tất cả Kinh Thánh đem lại ích lợi cho cuộc sống hằng ngày của chúng ta. (IITi 3:16-17).

**Cám dỗ thứ ba** (Mat 4:8-11) đưa ra cho Chúa Giê-xu con đường tắt để vào trong vương quốc của Ngài. Chúa Giê-xu biết rằng Ngài sẽ chịu khổ và chết trước khi Ngài bước vào sự vinh hiển của Ngài (Lu 24:26 IPhi 1:11 5:1). Nếu Ngài sắp mình xuống và thờ lạy ma quỷ chỉ một lần (đây là sức mạnh của động từ trong tiếng Hy Lạp), thì Ngài có thể hưởng mọi vinh quang mà không cần phải gánh chịu đau đớn. Ma quỷ luôn luôn muốn được thờ lạy, bởi vì ma quỷ lúc nào cũng muốn làm ra mình bằng Đức Chúa Trời (Es 14:12-14). Thờ lạy vật thọ tạo thế cho Đấng Tạo Hoá là sự đối trá đang cai trị thế giới ngày nay (Ro 1:24-25).

Không có một lối tắt nào đối với ý muốn của Đức Chúa Trời. Nếu chúng ta muốn có phần trong sự vinh hiển, chúng ta cũng phải có phần trong sự đau đớn (IPhi 5:10). Là vua của thế gian này, ma quỷ có thể cho hết thảy mọi sự trong thế gian này cho Đấng Christ (Gi 12:31 14:30). Nhưng Chúa Giê-xu không cần điều ma quỷ cho. Đức Chúa Cha đã hứa ban cho Chúa Giê-xu Vương quốc của Ngài: “Hãy cầu Ta, Ta sẽ ban cho Con các ngoại bang làm cơ nghiệp...” (Thi 2:8). Bạn sẽ tìm thấy lời hứa giống như vậy trong Thi 22:22-31, và đây là Thi-thiên nói về thập tự giá.

Chúa của chúng ta đáp lại bằng lời Kinh Thánh trong Phu 6:13: “Người phải thờ phượng Chúa là Đức Chúa Trời người, và chỉ hầu việc một mình Ngài mà thôi”. Ma quỷ không nói gì về sự hầu việc, nhưng Chúa Giê-xu biết rằng bất luận điều gì chúng ta thờ, chúng ta sẽ hầu việc điều đó, Thờ phượng và hầu việc phải đi đôi với nhau.

Ma quỷ liền bỏ đi, một kẻ thù đã bị đánh bại nhưng ma quỷ không ngừng cám dỗ Chúa Giê-xu. Chúng ta có thể dịch Lu 4:13 như sau: “Và khi ma quỷ đã cám dỗ Chúa đủ cách, nó bỏ đi chờ cơ hội khác.” Qua Phi-e-rơ, Ma quỷ lại cám dỗ Chúa từ bỏ thập tự giá (Mat 16:21-23) và qua đám đông mà Ngài đã hoá bánh nuôi ăn, Ma quỷ cám dỗ Chúa Giê-xu “làm vua” (Gi 6:15). Chiến thắng một cám dỗ không bao giờ đảm bảo thoát khỏi cám dỗ kế tiếp. Có thể nói rằng mỗi lần chúng ta kinh nghiệm chiến thắng chỉ làm cho ma quỷ càng nỗ lực trong sự cám dỗ hơn.

Một điểm lưu ý trong câu chuyện kể, Lu-ca đã đảo ngược thứ tự của lần cám dỗ thứ hai và thứ ba như đã ghi lại trong Phúc Âm Ma-thi-ơ. Từ ngữ “rồi sau đó” trong Mat 4:5 dường như nói lên một tiến trình. Lu-ca chỉ dùng một liên từ đơn giản “và” và không nói cho biết ông đang diễn tả một trình tự. Kết thúc lần cám dỗ thứ ba Chúa chúng ta truyền lệnh (“Hỡi quỷ Sa-tan: Ngươi hãy lui ra”) là một bằng chứng cho thấy Ma-thi-ơ đã theo thứ tự lịch sử. Không có sự trái ngược bởi vì Lu-ca không khẳng định diễn tả câu chuyện theo trình tự.

Sau khi Chúa Giê-xu đắc thắng ma quỷ, Ngài sẵn sàng để bắt đầu chức vụ của Ngài. Không người nào có quyền kêu gọi người khác làm theo mệnh lệnh trong khi người đó không tự mình tuân lệnh. Chúa chúng ta đã tự chứng tỏ Ngài là Vị Vua trọn vẹn mà vương quyền của Ngài đáng cho chúng ta chiêm ngưỡng và vâng theo. Nhưng,

đúng với mục đích của mình Ma-thi-ơ có thêm một lời chứng mạnh mẽ xác nhận vương quyền của Chúa Giê-xu Christ.

## 5. Chức vụ quyền năng của Chúa Giê-xu Christ (Mat 4:12-25)

Ma-thi-ơ đã chỉ cho chúng ta thấy từng chi tiết trong cuộc đời của Cứu Chúa chúng ta đều được điều hướng bởi Lời Đức Chúa Trời. Cần nhớ rằng giữa sự cảm dỗ kết thúc và sự kiện trong Mat 4:12 là thánh vụ được mô tả trong Gi 1:19 cho đến 3:36. Chúng ta không nên nghĩ rằng Giảng Báp-tít bị bỏ vào ngục ngay sau khi Chúa Giê-xu chịu cảm dỗ. Ma-thi-ơ viết sách này theo tính thời sự hơn là tính thời gian. Hãy tra cứu sự hài hoà của các sách Phúc Âm để điều nghiên diễn tiến của các sự kiện.

Trong câu 16, Ma-thi-ơ trích dẫn lời tiên tri Ê-sai (Es 9:1-2) Tiên tri viết về người dân “đi” trong nơi tối tăm, nhưng lúc Ma-thi-ơ trích dẫn nội dung ấy, tình trạng lại bị đất đến nổi dân đang ngồi chỗ tối tăm. Chúa Giê-xu Christ đã đem ánh sáng đến cho họ. Ngài đặt trung tâm hoạt động của Ngài tại thành Ca-bê-na-um trong “xứ Ga-li-lê thuộc về dân ngoại”, một lời ám chỉ khác nói đến sứ điệp của Phúc Âm được lan tràn ra khắp đất. Tại Ga-li-lê có một giống dân tạp mà trong một chừng mực nào đó bị những người Giu-đa “thật” khinh bỉ.

Chúa Giê-xu đã đem ánh sáng của Ngài đến xứ Ga-li-lê bằng cách nào? Câu 23 cho chúng ta biết: thông qua sự đau khổ, giảng Phúc Âm của Nước Đức Chúa Trời, và chữa lành mọi thứ tật bệnh trong dân. Điểm nổi bật này được nhắc đến thường xuyên trong Phúc Âm Ma-thi-ơ, (Mat 9:35 11:45 12:15 14:34-36 15:30 19:2). Ma-thi-ơ đã khẳng định rõ ràng Chúa Giê-xu chữa lành “mọi thứ tật bệnh” (Mat 4:23). Chẳng có trường hợp nào quá khó đối với Ngài.

Kết quả của những phép lạ lạ lùng này làm cho Chúa Giê-xu nổi danh lớn, làm cho thiên hạ khắp nơi kéo nhau rất đông đến theo Ngài. Địa danh “Si-ri” nói đến một vùng ở phía bắc xứ Ga-li-lê. “Đê-ca-bô-lơ” có nghĩa là “10 thành phố” là một địa phận được hình thành bởi 10 thành phố ban đầu do các thuộc hạ của Alexandơ đại đế xây dựng. Xứ Đê-ca-bô-lơ nằm phía đông bắc vùng Ga-li-lê. “Bên kia sông Giô-đanh” nghĩa là miền Bê-rê, khu vực phía đông sông Giô-đanh. Tin tức đồn ra nhanh chóng, và mọi người có bạn bè hay người trong gia đình bị đau ốm tật bệnh đều đem họ đến cho Chúa Giê-xu để Ngài chữa cho họ được lành.

Ma-thi-ơ liệt kê một số “những trường hợp bệnh tật” trong Mat 4:24. “Những bệnh tật và đau đớn” có thể bao gồm hầu hết mọi thứ tật bệnh. Dĩ nhiên Chúa chúng ta thường giải cứu con người thoát khỏi sự ám hại của ma quỷ. Từ ngữ “người điên” không có liên quan tới những người bị mất trí. Hơn nữa, nó dùng để mô tả những người bị khổ sở vì chứng động kinh (Mat 17:15). “sự tê liệt” có nghĩa là “bị liệt”.

Các phép lạ chữa lành chỉ là một phần chức vụ của Ngài trong khắp xứ Ga-li-lê vì Ngài cũng dạy dỗ và rao giảng Lời của Đức Chúa Trời nữa. Chữ “ánh sáng” đã hứa trong sách tiên tri Ê-sai là Ánh sáng Lời Đức Chúa Trời, cũng như Ánh sáng của cuộc sống vẹn lành và chức vụ đầy lòng thương xót của Ngài. Từ ngữ “rao giảng” trong các câu Mat 17:17,23 có nghĩa là “ban bố một lệnh truyền”. Chúa Giê-xu tuyên bố Tin Mừng bằng uy quyền của Ngài rằng Nước Thiên đàng đã đến gần.

Cụm từ Nước thiên đàng xuất hiện 32 lần trong sách Phúc Âm Ma-thi-ơ. Cụm từ Nước Đức Chúa Trời xuất hiện 5 lần (Mat 6:33 12:28 19:24 21:31,43). Vì lý do tôn kính danh xưng thánh của Chúa, người Do Thái không dùng chữ “Đức Chúa Trời” nhưng

họ thay thế bằng chữ “trời”. Người con Trai hoang đảng đã xưng tội rằng anh ta đã phạm tội “vớ trời”, dĩ nhiên nghĩa là anh ta phạm tội “chống nghịch lại với Đức Chúa Trời”. Ma-thi-ơ sử dụng cụm từ Nước thiên đảng nhiều chỗ trong sách Ma-thi-ơ mà những đoạn tương ứng trong sách Mác và Lu-ca lại dùng là Nước Đức Chúa Trời.

Trong Tân Ước, từ vương quốc (nước) mang ý nghĩa “luật lệ, triều chính, quyền thế” hơn là một nơi chốn hoặc một vương quốc cụ thể. Cụm từ “Nước thiên đảng” nói đến quyền tể trị của Đức Chúa Trời. Các nhà lãnh đạo Do Thái muốn có một chính khách đứng lên giải phóng họ ra khỏi ách thống trị của đế quốc La Mã nhưng Chúa Giê-xu đến đem quyền cai trị tâm linh cho tấm lòng con người. Điều này không chối bỏ sự thực hữu của vương quốc trong tương lai như chúng ta đã biết.

Nhưng Đức Chúa Giê-xu không chỉ công bố Phúc Âm và dạy dỗ dân chúng về chân lý của Đức Chúa Trời, Ngài cũng kêu gọi cho Ngài một số môn đệ để Ngài có thể huấn luyện họ cho công việc của Nước Trời. Trong Mat 4:17-22, chúng ta biết về sự kêu gọi Phi-e-rơ, Anh-rê, Gia-cơ, và Giăng, những tấm lòng đã gặp Chúa Giê-xu và tin cậy Ngài (Gi 1:29-42). Họ đã trở lại nghề đánh cá của mình, nhưng Ngài đã đến và gọi họ từ bỏ công việc của họ và đi theo Ngài. Chúng ta có thể tìm thấy những chi tiết này trong Mac 1:16-30 và Lu 5:1-11.

Thuật ngữ “những tay đánh lưới người” không phải là mới. Trải qua nhiều thế kỷ, các triết gia Hy Lạp và La Mã đã sử dụng thuật ngữ này để miêu tả công việc của một người tìm cách để “nắm bắt” những người khác bằng cách giảng dạy và thuyết phục. “Đánh lưới người” chỉ là một trong những bức tranh nói về sự rao giảng Phúc Âm trong Kinh Thánh, và chúng ta không nên tự hạn chế chúng ta vào điều đó. Chúa Giê-xu cũng nói về người chần tìm kiếm con chiên bị lạc mất (Lu 15:1-7), và Ngài cũng nói đến các con gặt trong cánh đồng chín vàng (Gi 4:34-38). Bởi vì 4 người đàn ông này có liên quan đến công việc đánh cá, cho nên cũng hợp lý cho Chúa Giê-xu khi Ngài sử dụng cách diễn đạt này.

Chúa Giê-xu có đến 4 và có thể là 7 người trong nhóm các môn đệ là người đánh cá chuyên nghiệp (Gi 21:1-3). Tại sao Chúa Giê-xu kêu gọi quá nhiều người làm nghề chài lưới vào công việc của Ngài? Vì một điều, những người làm nghề chài lưới là những con người bận rộn thường thường các dân chài chuyên nghiệp không ngồi chơi không. Hoặc là họ phân loại mẻ cá họ đánh bắt được, chuẩn bị cho mẻ lưới mới, hoặc là vá lưới và sửa chữa các dụng cụ đánh bắt. Đức Chúa Trời cần những con người bận rộn không hề sợ làm việc.

Người đánh cá là những con người can đảm và kiên nhẫn. Quả thật phải có lòng kiên nhẫn và tính can đảm để chinh phục người khác về cho Đấng Christ. Người đánh cá phải có kỹ năng họ phải học tập kinh nghiệm từ nơi người khác để biết tìm nơi có cá và cách đánh bắt cá. Công việc chinh phục linh hồn cũng đòi hỏi phải có kỹ năng. Người chài lưới phải cùng làm việc với nhau, công việc của Đức Chúa Trời đòi hỏi sự hợp tác. Nhưng trên hết mọi sự, nghề đánh cá đòi hỏi phải có lòng tin. Người đánh cá không thấy cá và họ không chắc rằng lưới của họ sẽ đầy cá. Công việc chinh phục linh hồn tội nhân cần lòng tin và sự lành lợi.

Ma-thi-ơ đã giới thiệu cho chúng ta về con người của Vị Vua. Mỗi chúng nhân phải khẳng định rằng: “Đây là Con của Đức Chúa Trời, Đây là Vua trên muôn Vua”.

### **3. CÁC PHÉP TÁC CỦA NHÀ VUA: SỰ CÔNG BÌNH THẬT (Mat 5:1-48)**

Bài giảng trên núi là một trong những sứ điệp bị hiểu sai nhiều nhất mà Chúa Giê-xu đã từng truyền dạy. Một nhóm người cho rằng đó là kế hoạch cứu rỗi của Đức Chúa Trời, nếu như chúng ta có hi vọng vào Nước thiên đàng, chúng ta phải vâng theo những điều luật này. Một nhóm khác gọi bài giảng này là “bản hiến chương hoà bình thế giới” và mong mỗi mọi quốc gia trên thế giới này chấp nhận. Thậm chí có nhóm người thứ ba nói rằng bài giảng trên núi không áp dụng cho ngày hôm nay, nhưng sẽ được áp dụng tại một thời gian nào đó trong tương lai, có lẽ trong suốt thời Khổ Nạn hoặc vương quốc ngàn năm bình an.

Tôi luôn luôn cho rằng Mat 5:20 là câu chìa khoá đối với bài giảng quan trọng này. Vì Ta phán cho các ngươi rằng, nếu sự công bình của các ngươi chẳng trội hơn sự công bình của các thầy thông giáo và người Pha-ri-si, thì các ngươi chắc không vào Nước thiên đàng. Chủ đề chính là sự công bình thật. Các nhà lãnh đạo tôn giáo có sự công bình giả tạo, bên ngoài dựa theo luật pháp. Những sự công bình Chúa Giê-xu mô tả là sự công bình thật và sống động xuất phát từ bên trong, từ tấm lòng. Người Pha-ri-si quan tâm về những chi tiết trong cách xử sự, nhưng họ làm ngơ vấn đề chính yếu là bản chất. Cách xử sự phát sinh từ bản chất.

Bất cứ điều áp dụng nào mà bài giảng trên núi truyền dạy đều dành cho những vấn đề của thế giới, hoặc những diễn biến trong tương lai, bài giảng này thật có những ứng dụng đích thực cho chúng ta ngày nay. Chúa Giê-xu ban phát sứ điệp này cho từng cá nhân tín hữu, chứ không cho cả thế giới vô tín rộng lớn. Những điều dạy dỗ trong bài giảng trên núi được nhắc lại trong các thư tín Tân Ước cho Hội Thánh ngày nay. Chúa Giê-xu ban phát những lời dạy dỗ này cho các môn đệ trước nhất (Mat 5:1), và họ đã chia sẻ lại cho chúng ta.

Trong chương này Chúa Giê-xu cho ba lời giải thích về sự công bình thánh thiện, chân thật.

#### **1. Sự công bình thật là gì (Mat 5:1-16)**

Là một Giáo sư giỏi, Cứu Chúa chúng ta không bắt đầu bài giảng bằng lời quở trách tiêu cực các thầy thông giáo và người Pha-ri-si. Ngài bắt đầu bằng sự nhấn mạnh về đặc điểm công bình và những phước hạnh đem lại cho cuộc đời người tin Chúa. Người Pha-ri-si dạy rằng công bình là công việc bên ngoài, một vấn đề vâng theo điều luật và giới răn. Sự công bình có thể được đo lường bằng sự cầu nguyện, bố thí, kiêng ăn, v.v... Trong bài giảng về tám Phước Lành và những bức tranh về người tin Chúa, Chúa Giê-xu miêu tả đặc tính của Cơ Đốc nhân là tuôn chảy từ bên trong lòng.

Chúng ta hãy tưởng tượng sự chú ý của đám đông bị thu hút vào Chúa Giê-xu như thế nào khi Chúa Giê-xu phán lời đầu tiên: “Phước cho”. (Theo từ ngữ La-tinh chữ phước cho là beatus, và từ chữ này chúng ta có từ phước lành). Đây là một từ có sức thu hút mạnh mẽ đối với người nghe Chúa Giê-xu thời đó. Đối với họ nó có nghĩa là “sự vui mừng tuyệt diệu và hạnh phúc vẹn toàn”. Từ ngữ này không được dùng cho thế giới loài người nó mô tả một niềm vui mừng chỉ có nơi miên viễn. “Phước cho” ngụ ý sự thoả mãn và đầy đủ từ bên trong mà không tuỳ thuộc vào những hoàn cảnh bên ngoài để được hạnh phúc. Đây là điều Đức Chúa Trời ban cho người tin cậy Ngài.

Tám Phước Lành mô tả những thái độ phải có trong cuộc sống của chúng ta ngày nay. Có 4 thái độ được bày tỏ ở đây.

**Thái độ của chúng ta đối với chúng ta** (Mat 5:3). Tâm linh nghèo khó có nghĩa là phải khiêm nhường, có mức độ đánh giá đúng đắn về bản thân của mình (Ro 12:3). Nó không có nghĩa là “nghèo nàn thuộc linh” và không có nghị lực nào cả: “Nghèo khó về tâm linh” là điều đối nghịch với thái độ tự tôn tự quyết của thế gian. Đó không phải là sự khiêm nhường sai lầm khi nói, “Tôi không có giá trị gì, Tôi không thể làm được điều gì đâu” Đó là thành thật với chính mình: Chúng ta tự biết mình, tự bằng lòng với mình, và cố gắng để xứng đáng với sự vinh hiển của Đức Chúa Trời.

**Thái độ của chúng ta đối với tội lỗi của chúng ta** (Mat 5:4-6). Chúng ta than khóc về tội lỗi và từ bỏ nó. Chúng ta nhìn nhận tội lỗi theo cách Đức Chúa Trời và tìm kiếm sự chữa lành căn bệnh tội lỗi theo phương cách của Đức Chúa Trời. Những ai che giấu tội lỗi hoặc bênh vực cho tội lỗi chắc chắn có thái độ sai lầm. Chúng ta không chỉ khóc lóc về tội lỗi chúng ta, nhưng còn phải khiêm nhường trình lên cho Đức Chúa Trời (Lu 18:9-14 Phi 3:1-14).

Nhu mì không phải là yếu đuối, cả Môi-se lẫn Chúa Giê-xu đều là những người nhu mì (Dan 12:3 Mat 11:29). Từ ngữ dịch là “nhu mì” được người Hy Lạp dùng để tả một con ngựa đã bị chế ngự. Nó nói lên sức lực nằm trong sự kiểm soát.

**Thái độ của chúng ta đối với Đức Chúa Trời** (5:7-9). Chúng ta kinh nghiệm lòng thương xót của Đức Chúa Trời khi chúng ta tin nhận Chúa Giê-xu Christ (Eph 2:4-7) và Ngài ban cho chúng ta một tấm lòng tinh sạch (Cong 15:9) cùng sự hoà thuận trong lòng (Ro 5:1). Nhưng khi đã nhận được sự thương xót của Ngài, chúng ta hãy chia sẻ yêu thương của Ngài cho người khác. Chúng ta tìm cách gìn giữ tấm lòng chúng ta được tinh sạch để có thể ngắm xem Đức Chúa Trời trong cuộc sống chúng ta ngày hôm nay. Chúng ta trở nên người kiến tạo hoà bình trong thế giới rối ren và là những dòng chảy lưu dẫn sự thương xót, thánh khiết và bình an của Đức Chúa Trời đến với người khác.

**Thái độ của chúng ta đối với thế gian** (Mat 5:10-16). Thật không dễ dàng làm một Cơ Đốc nhân tận trung. Xã hội chúng ta không phải là người bạn của Đức Chúa Trời cũng không phải là bạn của con cái Đức Chúa Trời. Cho dù chúng ta có thích hoặc không vẫn có sự nghịch thù giữa chúng ta và thế gian. Tại sao vậy? Bởi vì chúng ta khác với thế gian và chúng ta có những thái độ cách nhìn khác với họ. Khi chúng ta đọc bài giảng các Phước Lành, chúng ta thấy rằng bài giảng nêu ra một quan điểm hoàn toàn khác biệt với quan điểm của thế gian. Thế gian đề cao tính tự cao chứ không phải sự khiêm nhường. Thế gian ủng hộ tội lỗi, nhất là nếu bạn “trốn tránh được”. Thế gian đang gây chiến chống lại Đức Chúa Trời, trong lúc đó Đức Chúa Trời đang tìm cách giải hoà với kẻ thù của Ngài và khiến họ trở nên con cái của Ngài. Chúng ta phải chờ đợi sự vu oan buộc tội nếu như chúng ta đang sống như Đức Chúa Trời muốn chúng ta sống. Nhưng chúng ta phải chắc chắn rằng sự đau đớn chúng ta chịu không do bởi sự ngu dại của chúng ta hoặc là sự không vâng lời.

## **2. Sự công bình thật đến bằng cách nào (Mat 5:17-20)**

Chắc rằng sau khi dám đồng nghe sự miêu tả của Chúa chúng ta về hạng người Đức Chúa Trời ban phước, họ tự hỏi, “Nhưng chúng ta chẳng bao giờ đạt tới được đức tính ấy. Làm thế nào chúng ta có được sự công bình này? Sự công bình đến từ



đâu?” Họ phân vân không hiểu lời giảng dạy của Ngài có liên hệ thế nào đến mọi điều họ đã được dạy trong suốt cuộc đời của mình. Thế còn Môi-se và Luật Pháp thì như thế nào?

Trong Luật Pháp Môi-se, Đức Chúa Trời đã thực sự bày tỏ về tiêu chuẩn sống thánh khiết của Ngài. Người Pha-ri-si bảo vệ Luật Pháp và cố gắng tìm cách làm theo. Nhưng Chúa Giê-xu phán rằng sự công bình thật mà Đức Chúa Trời đẹp lòng phải lớn hơn vượt trội hơn sự công bình của các thầy thông giáo và người Pha-ri-si - đối với những người bình thường, các thầy thông giáo và người Pha-ri-si là những người thánh khiết nhất trong cộng đồng xã hội. Nếu họ không đạt tới tiêu chuẩn ấy, thì còn có hi vọng nào dành cho người khác ư?

Chúa Giê-xu giải thích thái độ của Ngài đối với Luật Pháp bằng cách mô tả 3 mối liên hệ có thể chấp nhận được.

*Chúng ta có thể tìm cách phá đổ Luật Pháp* (Mat 5:17a). Người Pha-ri-si nghĩ rằng Chúa Giê-xu đang làm điều này. Trước hết, uy quyền của Ngài không phải xuất phát từ bất kỳ nhà lãnh đạo hoặc trường học nào đã được mọi người, thừa nhận. Thay vì giảng dạy “từ những thẩm quyền” như các thầy thông giáo và người Pha-ri-si đã làm, Chúa Giê-xu giảng dạy với thẩm quyền.

Không phải chỉ trong thẩm quyền, nhưng còn qua hành động của Ngài, dường như Chúa Giê-xu bất chấp Luật Pháp. Ngài chủ động chữa lành tật bệnh cho dân chúng trong ngày Sa-bát và không để ý gì đến truyền thống phép tắc của người Pha-ri-si. Sự giao du của Chúa chúng ta cũng có vẻ ngược lại với Luật Pháp, vì Ngài kết bạn với người thu thuế và kẻ xấu nết.

Tuy nhiên, chính người Pha-ri-si đang phá đổ Luật Pháp. Bởi những truyền thống phép tắc của họ, họ đã làm dân chúng mất đi Lời của Đức Chúa Trời và bởi cuộc sống đạo đức giả của họ, họ không tuân theo chính Luật Pháp mà họ tuyên bố bảo vệ. Người Pha-ri-si cho rằng họ đang gìn giữ Lời Đức Chúa Trời, trong khi thực sự họ đang bảo quản đóng gói Lời Đức Chúa Trời: ướp khô để Lời Chúa không còn sống động nữa. Họ chối bỏ Chúa Giê-xu Christ khi Ngài đến thế gian chứng tỏ rằng chân lý sâu xa của Luật Pháp đã không thấm vào tấm lòng của họ được.

Chúa Giê-xu phán rõ rằng Ngài đã đến để tôn vinh Luật Pháp và giúp đỡ dân sự của Đức Chúa Trời yêu mến, học tập và sống theo Luật Pháp. Ngài không chấp nhận sự công bình giả tạo của các nhà lãnh đạo tôn giáo. Sự công bình của họ chỉ là sự giả dạng bên ngoài. Tôn giáo của họ là một nghi thức chết, không phải là mối tương giao sống động. Chỉ là giả tạo, tôn giáo ấy không tạo ra trong người khác sự sống. Nó chỉ làm cho họ kiêu ngạo, chớ không khiêm nhường nó đưa con người đến sự ràng buộc chớ không được tự do.

*Chúng ta có thể tìm cách làm trọn Luật Pháp* (Mat 5:17b). Chúa Giê-xu đã làm trọn Luật Pháp qua sự giảng dạy của Ngài bởi vì Ngài đã “sinh ra dưới Luật Pháp” (Ga 4:4). Mọi nghi thức đã qui định cho một bé trai Do Thái đều được Cha mẹ Ngài thực hiện cho Ngài. Ngài làm trọn Luật Pháp qua cuộc sống của Ngài, vì chẳng có người nào có thể buộc tội Ngài được. Trong khi Ngài không tuân theo các lề thói của những thầy thông giáo và người Pha-ri-si, Ngài luôn luôn thực hiện những mệnh lệnh của Đức Chúa Trời trong Luật Pháp. Đức Chúa Cha “đẹp lòng” Con của Ngài (Mat 3:17 17:5).

Chúa Giê-xu cũng làm trọn Luật Pháp qua sự giảng dạy của Ngài. Chính điều này đã đưa đến mâu thuẫn giữa Ngài với các nhà lãnh đạo tôn giáo. Khi Ngài bắt đầu chức vụ của Ngài, Chúa Giê-xu nhận thấy Lời Hằng Sống của Đức Chúa Trời bị phủ kín bởi những phép tắc và lý giải do con người đặt ra. Ngài đã đập vỡ tan lớp vỏ bọc “tôn giáo” và đem dân chúng trở lại với Lời của Đức Chúa Trời. Và rồi Ngài dạy Lời Đức Chúa Trời cho họ một cách mới mẻ và sống động - họ đã quen thuộc với “chữ” của Luật Pháp và không có phần “cốt lõi” bên trong của cuộc sống.

Nhưng bởi sự chết và sự sống lại của Ngài Chúa Giê-xu đã làm trọn vẹn Luật Pháp. Ngài nhận lãnh sự rửa sả của Luật Pháp (Ga 3:13). Ngài đã làm xong các kiểu mẫu cùng lễ nghi của thời Cựu Ước để dân sự của Đức Chúa Trời không còn phải thực hiện theo đòi hỏi của Luật Pháp (He 9:1-10:39). Ngài bỏ qua giao ước cũ và giới thiệu Giao ước mới.

Chúa Giê-xu không phá đổ Luật Pháp bằng cách đấu tranh với Luật Pháp Ngài phá đổ Luật Pháp bằng cách làm trọn Luật Pháp. Có lẽ cần có một minh họa để làm sáng tỏ vấn đề này. Nếu tôi có một hạt sỏi, tôi có thể phá vỡ nó bằng một trong hai cách. Tôi có thể đặt nó trên một hòn đá và dùng búa đập mạnh nó bể thành nhiều mảnh. Hoặc tôi có thể trồng nó xuống đất và để nó tự tan ra bằng cách trở thành một cây sỏi.

Khi Chúa Giê-xu chết, Ngài vén bỏ bức màn của đền thờ và mở con đường đi vào nơi chí thánh (He 1:19). Ngài phá đổ bức tường ngăn cách giữa người Do Thái và người ngoại bang (Eph 2:11-13). Bởi vì Luật Pháp đã được trọn trong Đấng Christ, cho nên chúng ta không còn cần đến đền thờ do tay con người tạo nên nữa (Cong 7:48), hoặc những nghi thức tôn giáo (Co 2:10-13).

Làm thế nào chúng ta có thể làm trọn Luật Pháp? Chỉ bằng cách vâng phục Đức Thánh Linh và để cho Ngài hành động trong cuộc đời chúng ta (Ro 8:1-3). Đức Thánh Linh khiến chúng ta có thể kinh nghiệm “sự công bình của Luật Pháp” trong đời sống hàng ngày của chúng ta. Điều này không có nghĩa là chúng ta sống cuộc đời hoàn toàn không có tội, nhưng điều đó có nghĩa là Đấng Christ sống cuộc đời của Ngài qua chúng ta bởi quyền năng của Đức Thánh Linh (Ga 2:20).

Khi chúng ta đọc Bài Giảng Các Phước Lành, chúng ta thấy được cá tính hoàn hảo của Chúa Giê-xu Christ. Trong khi Chúa Giê-xu không bao giờ phải khóc lóc về tội lỗi của Ngài, bởi vì Ngài là Đấng vô tội, Ngài vẫn là một người “từng trải sự buồn bực biết sự đau ốm” (Es 53:3). Ngài chẳng bao giờ đói khát sự công bình bởi vì Ngài là Con Thánh của Đức Chúa Trời, nhưng Ngài đã vui lòng làm theo ý muốn Cha Ngài và tìm cách làm trọn công việc của Ngài (Gi 4:34). Phương cách duy nhất chúng ta có thể từng trải sự công bình trong bài học Tám Phước Lành chỉ bởi quyền năng của Chúa Giê-xu Christ.

Chúng ta tìm cách giữ và dạy những điều răn ấy (Mat 5:19). Điều này không có nghĩa là chúng ta coi trọng Cựu Ước và bỏ mặc Tân Ước. Sách Cô-rinh-tô thứ nhì chương 3 bày tỏ rằng chức vụ của chúng ta thuộc về Phúc Âm giao ước mới. Nhưng có một chức vụ thích đáng của Luật Pháp (ITi 1:9) không mâu thuẫn với sứ điệp vinh hiển bởi ân điển của Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu muốn chúng ta biết nhiều hơn về sự công bình của Đức Chúa Trời, vâng theo và chia sẻ cho nhiều người khác. Luật Pháp của Đức Chúa Trời không thay đổi. Chín điều răn được nhắc lại trong các thơ

tín Tân Ước và làm mệnh lệnh cho các tín hữu vâng theo. (Ngoại trừ mệnh lệnh về ngày Sa-bát, được ban bố nhằm làm dấu chỉ cho dân Y-sơ-ra-ên, (Ne 9:14).

Chúng ta không vì sợ luật pháp thấy được mà vâng theo. Chẳng phải vậy, Cơ Đốc nhân ngày hôm nay vâng theo Luật Pháp ghi trong lòng và sống bởi tình yêu. Đức Thánh Linh dạy dỗ chúng ta bằng Lời của Đức Chúa Trời và giúp chúng ta vâng theo. Tội lỗi vẫn là tội lỗi, và Đức Chúa Trời vẫn đoán phạt tội lỗi. Nói tóm lại, trong thời đại hiện nay chúng ta phải chịu trách nhiệm về việc làm của chúng ta nặng hơn vì chúng ta được dạy dỗ và hiểu biết nhiều hơn.

### **3. Sự công bình hành động như thế nào trong đời sống hằng ngày (Mat 5:21-48)**

Chúa Giê-xu lấy ra 6 điều răn quan trọng trong Luật Pháp Cựu Ước và giải thích cho dân sự của Ngài dưới ánh sáng của nếp sống mới mà Ngài đã đến để ban cho. Ngài thực hiện sự thay đổi quan trọng mà không làm đổi thay những tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời. Ngài đối phó với mọi thái độ cùng những ý định trong lòng con người và không chỉ bằng hành động bên ngoài. Người Pha-ri-si cho rằng sự công bình bao gồm những việc làm nhất định nào đó, nhưng Chúa Giê-xu dạy rằng sự công bình tập trung nơi thái độ của tấm lòng.

Với tội lỗi cũng như vậy. Người Pha-ri-si liệt kê một số việc làm bị kể là tội lỗi, nhưng Chúa Giê-xu giải thích do thái độ của tấm lòng mà có tội lỗi. Giận dữ là phạm tội giết người ở trong lòng sự ham muốn xác thịt là phạm tội tà dâm ở trong lòng. Người nói rằng anh ta “sống theo lời dạy của Bài giảng trên núi” có thể không nhận thấy rằng Bài giảng trên núi còn khó làm theo hơn là 10 điều răn trong Luật Pháp Môi-se.

*Tội giết người* (Mat 5:21-26 Xu 20:13). Tôi đã đọc thấy trên báo cứ 35 vụ tử vong tại Chicago, có một vụ do giết người gây ra, và hầu hết những vụ giết người này do “sự giận dữ” do sự tức giận giữa vòng bạn bè hoặc người thân. Chúa Giê-xu không phán rằng giận dữ dẫn đến tội giết người Ngài phán giận dữ là giết người.

Đầu có sự giận dữ thánh khiết chống lại tội lỗi (Eph 4:26), nhưng Chúa Giê-xu nói đến sự giận dữ bất khiết nghịch lại với con người. Từ ngữ Ngài dùng trong Mat 5:22 có nghĩa là “sự giận dữ chất chứa trong lòng, tâm trí un đúc ý muốn làm hại người khác”. Chúa Giê-xu mô tả một hành động tội lỗi trải qua mấy giai đoạn. Đầu tiên là nổi giận dữ vô cớ. Kế đến sự giận dữ này bộc phát thành lời: “Ra-ca - con người đần độn” Những lời này được đổ thêm dầu dẫn đến người ta mắng “Mày là đồ điên - kẻ mất dạy!”

Giận dữ thật là một việc làm ngu dại. Nó biến chúng ta trở thành phá hoại thay vì xây dựng. Giận dữ cướp mất khỏi chúng ta sự tự do và giam chúng ta vào trong tù ngục. Chúng ta ghét một người nào tức là trong lòng chúng ta đã phạm tội giết người (IGi 3:15).

Điều này không có nghĩa là chúng ta xông ra giết người chúng ta ghét, trong tư tưởng chúng ta đã phạm tội rồi. Cảm giác tội lỗi đương nhiên không bào chữa cho hành vi phạm tội. Tội nóng giận làm chúng ta đánh mất mối tương giao với Đức Chúa Trời cũng như với anh em, nhưng nóng giận không bắt chúng ta phải ngồi tù như tội giết người. Tuy nhiên, hơn một lần người ta đã phạm tội sát nhân vì không làm chủ được tội nóng giận.

Chúng ta phải thành thật nhìn nhận tội nóng giận và xưng tội với Đức Chúa Trời. Chúng ta hãy đến làm hoà với anh em của mình, và phải thực hiện ngay không chút chậm trễ. Càng kéo dài bao lâu, gánh nặng tội lỗi càng tệ hại bấy nhiêu. Chúng ta tự giam hãm mình trong cảnh tội tệ khi chúng ta không chịu giảng hoà với anh em mình. (Để có thêm lời khuyên xem Mat 18:15-20). Có người nói cách chí lý rằng người từ chối tha thứ cho anh em phá sập chính cây cầu mà bản thân anh phải bước qua.

**Tội tà dâm** (5:27-30 Xu 20:14). Chúa Giê-xu khẳng định luật thánh khiết của Đức Chúa Trời, và Ngài giải thích rằng luật này dạy con người sự thánh khiết về giới tính và tội lỗi của lòng con người. Đức Chúa Trời dựng nên giới tính, và Ngài bảo vệ nó. Ngài có quyền điều hoà nó theo qui định của Ngài và trách phạt những ai chống lại giới răn của Ngài. Ngài điều hoà tình dục không vì Ngài muốn tước đoạt khỏi chúng ta, nhưng còn hơn thế nữa, chỉ vì Ngài muốn làm ơn cho chúng ta. Bất cứ khi nào Đức Chúa Trời phán, “Không được” thì Ngài có thể phán “Được”.

Tình dục bất khiết bắt nguồn từ những ham muốn trong lòng. Hơn nữa, Chúa Giê-xu không phán rằng những ham muốn tình dục giống hệt như việc làm của tình dục, và do đó một người phạm tội ngoại tình cũng là điều tự nhiên. Ham muốn và hành động không giống nhau, nhưng theo cách nói thiêng liêng, cả hai đều là một. Chữ “ngó” mà Chúa Giê-xu nói đến không phải là một thoáng nhìn tình cờ, nhưng là cái nhìn say mê có mục đích thèm khát. Có thể chấp nhận cho một người nam nhìn lướt qua một phụ nữ đẹp và công nhận rằng cô ấy đẹp, nhưng không thèm muốn cô ấy. Người đàn ông Chúa Giê-xu mô tả nhìn phụ nữ nhằm mục đích thoả mãn lòng thèm khát nhục dục chất chứa bên trong như là một sự thay thế cho hành động. Đó không phải là điều tình cờ nó được thực hiện theo kế hoạch đã sắp sẵn.

Làm thế nào chúng ta đắc thắng? Bằng cách thánh hoá những ham muốn ở trong lòng (sự thèm khát dẫn đến hành động) và làm chủ các hành động của thân thể. Rõ ràng Chúa chúng ta không nói về phẫu thuật theo nghĩa đen vì làm điều này không giải quyết được vấn đề trong lòng. Con mắt và bàn tay thường thường là hai “thủ phạm” đưa đến tội phạm tình dục, vì vậy chúng ta phải chế ngự chúng. Chúa Giê-xu phán “Hãy giải quyết lập tức và dứt khoát với tội lỗi. Đừng trì hoãn - hãy đoạn tuyệt ngay.” Phẫu thuật thiêng liêng quan trọng hơn phẫu thuật về mặt xác thịt, vì tội lỗi của thân thể dẫn đến sự hình phạt đời đời. Chúng ta hãy nghĩ đến nội dung trong Co 3:5 Ro 6:13 12:1-2 13:14.

**Li dị** (Mat 5:31-32). Chúa Giê-xu bàn về vấn đề này một cách chi tiết hơn trong chương Mat 19:1-12, chúng ta sẽ xem vấn đề này trong chương đó.

**Thề** (Mat 5:33-37 Le 19:12 Phu 23:23). Đây không phải là tội “thề độc địa”, nhưng tội dùng Lời thề để khẳng định điều chúng ta nói là đúng. Người Pha-ri-si dùng đủ mọi mưu mẹo để né tránh sự thật, và lời thề ở trên môi miệng họ. Họ tránh dùng danh thánh của Đức Chúa Trời, nhưng họ gần đụng đến danh của Ngài vì họ chỉ thành Giê-ru-sa-lem, trời, đất, hoặc một vài bộ phận của thân thể mà thề.

Chúa Giê-xu dạy cuộc trao đổi của chúng ta phải thành thật, và bản tính chúng ta cũng thành thật đến nỗi chúng ta không cần “chỗ dựa” để làm cho người ta tin chúng ta. Lời nói tùy thuộc vào nhân cách, và lời thề không thể bù đắp cho nhân cách kém cỏi. “Hễ lắm lời vì phạm nào có thiếu nhưng ai cầm giữ miệng mình là người khôn ngoan” Ch 10:19). Một người càng lắm lời để thuyết phục chúng ta, chúng ta càng thấy nghi ngờ người đó.

**Sự trả thù** (Mat 5:38-42 Le 24:19-22). Từ xưa điều luật được xử theo lẽ công bằng nó ngăn con người không buộc kẻ phạm tội phải trả giá đắt hơn tội đáng phải nhận. Nó cũng tránh cho con người khỏi tư thù cá nhân. Chúa Giê-xu thay thế điều luật bằng một thái độ hãy sẵn lòng chịu đau khổ mất mát hơn là gây cho người khác đau khổ. Dĩ nhiên, Chúa ứng dụng điều này đối với những xúc phạm cá nhân, chớ không cho nhóm người, hoặc quốc gia. Người trả thù chỉ làm cho chính anh ta và người phạm tội cảm thấy buồn đau, và kết quả là một cuộc tranh chấp dai dẳng, không có bình yên.

Để “đưa má bên kia”, chúng ta phải đứng yên và không bỏ chạy. Làm điều này đòi hỏi đức tin và lòng yêu thương. Cũng có nghĩa là chúng ta sẽ bị tổn thương, nhưng bị tổn thương bên ngoài còn tốt hơn trong lòng bị đau đớn. Nhưng ý nghĩa sâu xa hơn là chúng ta nên tìm cách giúp đỡ người phạm lỗi. Chúng ta dễ bị xúc phạm, bởi vì người ta có thể tấn công chúng ta cách khác nhưng chúng ta cũng đắc thắng vì Chúa Giê-xu ở bên chúng ta, giúp chúng ta và xây dựng nhân cách của chúng ta. Các nhà tâm lý học cho chúng ta biết rằng bạo lực phát sinh từ sự yếu đuối chớ không phải mạnh mẽ. Chính con người mạnh mẽ mới có thể yêu thương và chịu đựng tổn thương người yếu kém chỉ nghĩ về mình và gây cho người khác đau đớn để tự bảo vệ mình. Anh ta gây thương tổn cho người khác rồi bỏ đi để bảo trọng mình.

**Yêu kẻ thù nghịch** (Mat 5:43-48 Le 19:17-18). Không có nơi nào Luật Pháp dạy ghét kẻ thù nghịch mình. Lời Kinh Thánh trong Xu 23:4-5 dạy điều ngược lại. Chúa Giê-xu vạch rõ kẻ thù chúng ta là những người rửa sả, căm ghét chúng ta và lợi dụng chúng ta một cách ích kỷ. Bởi vì tình yêu Cơ Đốc là một việc làm của lý trí, và không chỉ là cảm xúc, Ngài có quyền đòi hỏi chúng ta yêu kẻ thù nghịch mình. Sau hết, Chúa đã yêu chúng ta khi chúng ta còn là người có tội (kẻ thù nghịch Ngài) (Ro 5:10). Chúng ta có thể bày tỏ tình yêu này bằng cách chúc phước cho người rửa sả chúng ta, làm điều tốt cho họ, và cầu thay cho họ. Khi chúng ta cầu nguyện cho kẻ thù, chúng ta thấy dễ yêu thương họ hơn. Nó hút “nọc độc” ra khỏi thái độ của chúng ta.

Chúa Giê-xu đưa ra mấy lý do đối với lời khuyên dạy này.

(1). Tình yêu này là dấu chứng của sự trưởng thành, chứng tỏ rằng chúng ta là con cái của Đức Chúa Trời, và không chỉ là trẻ con nữa.

(2) Giống như Đức Chúa Trời. Đức Chúa Cha chia những điều tốt của Ngài cho người chống nghịch Ngài. Câu 45 gợi ý rằng lòng yêu thương của chúng ta “tạo ra một không khí” phước hạnh dễ dàng chiến thắng kẻ thù chúng ta và khiến họ làm bạn của chúng ta. Tình yêu giống như ánh nắng và mưa mà Đức Chúa Cha ban cho một cách rộng rãi.

(3) Tình yêu là lời chứng cho nhiều người. “Những gì người làm có hơn kẻ khác không?” là một câu hỏi hay. Đức Chúa Trời mong đợi chúng ta sống cao hơn những người hư mất trong thế gian, những người yêu người yêu mình và ghét kẻ ghét mình. Là những Cơ Đốc nhân, chúng ta phải lấy thiện báo ác như là một nguồn vốn đầu tư tình yêu thương.

Chữ trọn vẹn trong câu 48 không ám chỉ đến sự trọn vẹn vô tội, vì không thể nào có được điều đó trong cuộc sống này (mặc dù đó là mục đích tốt phải đạt tới). Nó nói đến sự hoàn thiện, trưởng thành, là con cái Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời yêu kẻ thù nghịch Ngài và tìm cách khiến họ trở nên con cái Ngài, chúng ta phải cộng tác với Ngài!

## **4. CÁC PHÉP TẮC NHÀ VUA: SỰ THỜ PHƯỢNG THẬT (Mat 6:1-34)**

Sự công bình thật trong nước trời phải được áp dụng trong mọi chi tiết của cuộc sống mỗi ngày. Đây là điểm nhấn mạnh trong phần cuối của Bài Giảng Trên Núi. Chúa Giê-xu gắn nguyên tắc này vào trong mối tương giao của chúng ta với Đức Chúa Trời trong sự thờ phượng (Mat 6:1-18), trong mối liên hệ của chúng ta đối với vật chất (6:19-34), và mối tương quan của chúng ta với người khác (7:1-20).

Chúa Giê-xu cũng khuyến cáo về sự nguy hiểm của thói đạo đức giả (6:2,5,16) tội dùng tôn giáo để che đậy tội lỗi. Một người đạo đức giả không phải là người không đạt tới được lý tưởng cao xa của mình, hoặc là người thánh thoảng phạm tội, bởi vì tất cả chúng ta đều biết rõ những thất bại này. Người đạo đức giả sử dụng tôn giáo cách khôn khéo để che giấu tội lỗi và tăng thêm ảnh hưởng quyền lực của mình. Từ ngữ Hy Lạp dịch chữ đạo đức giả theo nguyên gốc có nghĩa là “một diễn viên mang mặt nạ”.

Sự công bình của người Pha-ri-si là giả trá và không thành thật. Họ thực hành lễ nghi tôn giáo để người đời khen ngợi, chứ không để lãnh phần thưởng của Đức Chúa Trời. Nhưng sự công bình thật phải ra từ trong lòng. Chúng ta phải tự xét lại tấm lòng mình để xem chúng ta có chân chính và thành thật trong sự phó thác cuộc sống của mình không. Trong chương này, Chúa Giê-xu áp dụng sự tra xét này ở 4 lãnh vực khác nhau trong cuộc sống.

### **1. Sự bố thí (Mat 6:1-4)**

Bố thí kẻ nghèo, cầu nguyện, và kiêng ăn là những phép tắc trong tôn giáo của người Pha-ri-si. Chúa Giê-xu không lên án những việc làm này, nhưng Ngài báo trước chúng ta phải đoan chắc rằng lòng chúng ta ngay thẳng khi thực hiện những điều này. Người Pha-ri-si dùng của bố thí để tranh thủ thiện cảm với Đức Chúa Trời và sự chú ý của con người, cả hai động cơ đều sai. Không có số lượng bố thí nào có thể mua được sự cứu rỗi, vì sự cứu rỗi là sự ban cho của Đức Chúa Trời (Eph 2:8-9). Và sống để người ta khen ngợi mình là việc làm đại dột vì sự vinh hiển của con người ngắn ngủi (IPhi 1:24). Chính Đức Chúa Trời ban cho sự vinh hiển và khen ngợi mới thật sự giá trị.

Bản chất tội lỗi của chúng ta xảo quyệt đến nỗi có thể làm hoen ố ngay cả công việc tốt lành như việc chia sẻ cho người nghèo. Nếu động cơ của chúng ta nhằm tìm kiếm sự khen ngợi của con người, chúng ta giống như người Pha-ri-si, chúng ta sẽ gọi sự chú ý đến những việc chúng ta đang làm. Nhưng nếu động cơ của chúng ta nhằm hầu việc Đức Chúa Trời trong lòng kính yêu Ngài và làm vừa lòng Ngài, lúc ấy chúng ta không tạo sự chú ý đến những gì chúng ta ban cho. Kết quả là đời sống thuộc linh của chúng ta sẽ tăng trưởng Đức Chúa Trời sẽ được sáng danh và nhiều người được giúp ích. Nhưng khi chúng ta ban cho với động cơ sai, tự chúng ta đánh mất phước hạnh và sự ban thưởng và không làm sáng danh Chúa, cho dù đồng tiền chúng ta chia sẻ có thể giúp ích cho người đang thiếu thốn.

Điều này có nghĩa là bố thí công khai là việc làm sai phải không? Có phải Tất cả của bố thí phải ẩn? Không cần phải như vậy, vì mọi người trong Hội Thánh đầu tiên biết rằng Ba-na-ba đã góp khoản thu nhập của ông từ số tiền bán đất của mình (Cong 4:34-37). Khi các tín đồ đặt tiền nơi chân các sứ đồ, họ đã thực công khai. Dĩ nhiên sự

khác nhau ở động cơ và cách thực hiện công việc ấy. Một hình ảnh tương phản, A-nania và Sa-phi-ra (Cong 5:1-11), cố dùng của dâng của mình để làm mọi người nghĩ rằng họ thiêng liêng hơn điều họ thật sự có.

## 2. Sự cầu nguyện (Mat 6:5-15)

Chúa Giê-xu đưa 4 điều để hướng dẫn chúng ta cầu nguyện.

*Chúng ta phải cầu nguyện ở nơi kín nhiệm trước khi cầu nguyện nơi đông người* (Mat 6:6). Cầu nguyện công khai trong nơi nhóm họp không có gì sai (ITi 2:1), hoặc khi tạ ơn về thức ăn (Gi 6:11) hoặc cầu xin Đức Chúa Trời giúp đỡ (Gi 11:42-42 Cong 27:35). Nhưng nếu chúng ta cầu nguyện công khai không theo thói quen cầu nguyện ở nơi riêng tư, chúng ta đã làm sai. Người ta quan sát có thể nghĩ rằng chúng ta đang cầu nguyện trong khi chúng ta không cầu nguyện gì cả, và đây là hành động đạo đức giả. Từ được dịch là nơi kín nhiệm có nghĩa “phòng riêng”. Có thể nói đến cái phòng cất giữ đồ đạc trong nhà. Chúa Giê-xu của chúng ta đã cầu nguyện ở nơi vắng vẻ riêng tư (Mac 1:35) Ê-li-sê (IIVua 4:32) và Đa-ni-ên (Da 6:10) cũng làm như vậy.

*Chúng ta phải cầu nguyện một cách thành thật* (Mat 6:7-8). Điều yêu cầu được nhắc lại là không dùng “những lời lặp vô ích” vì Chúa Giê-xu và Phao-lô đã lặp lại lời cầu nguyện của mình (Mat 26:36-46 ICo 12:7-8). Một lời cầu xin trở thành “lời lặp vô ích” nếu nó chỉ là những lời nhảm nhí không xuất phát từ tấm lòng chân thành khao khát tìm kiếm và làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Chỉ đọc thuộc lòng những bài cầu nguyện cũng có thể là lời lặp vô ích. Dân ngoại bang đọc thuộc những lời cầu nguyện như thế trong các cuộc tế lễ thần của họ (IVua 18:26).

Bạn tôi là tiến sĩ Robert A. Cook đã thường nói: “Hết thấy chúng ta đều có lời cầu nguyện theo thói quen trong hệ thống tổ chức của chúng ta, và một khi chúng ta bỏ lời cầu nguyện ấy, lúc ấy chúng ta mới thật sự bắt đầu cầu nguyện” Tôi để ý điều này không những lúc tôi cầu nguyện riêng một mình mà thường vào những lúc tôi hướng dẫn các giờ nhóm cầu nguyện. Với một số người, cầu nguyện giống như việc đặt chiếc kim lên đĩa máy hát và rồi quen điều đã làm. Đức Chúa Trời không nghe những lời cầu nguyện thiếu chân thành.

*Chúng ta phải cầu nguyện theo ý muốn của Đức Chúa Trời* (Mat 6:9-13). Bài cầu nguyện này được mọi người quen gọi là “Bài cầu nguyện của Chúa”, nhưng nếu cho tựa đề là “Bài cầu nguyện của các môn đệ” thì chính xác hơn. Thực ra, Chúa Giê-xu dạy lời cầu nguyện này để tránh cho chúng ta dùng lời lặp vô ích. Chúa Giê-xu không dạy, “Hãy cầu nguyện bằng những lời này”, Ngài dạy, “Hãy cầu nguyện như vậy”, có nghĩa là “Hãy dùng bài cầu nguyện này làm bài mẫu, chớ không là bài cầu nguyện thay thế,”

Mục đích của lời cầu nguyện là để tung hô danh của Đức Chúa Trời, và để cầu xin Ngài giúp sức hoàn thành ý muốn của Ngài trên thế gian. Bài cầu nguyện này bắt đầu bằng những điều Đức Chúa Trời quan tâm, chớ không phải của chúng ta: Danh Thánh của Đức Chúa Trời, Nước của Ngài, và ý muốn của Đức Chúa Trời. Ông Robert Law đã nói: “Cầu nguyện là công cụ mạnh mẽ không phải để làm cho ý muốn của con người thành tựu ở trên trời, bèn là để cho ý muốn của Đức Chúa Trời thành đạt trên trần gian”. Chúng ta không có quyền cầu xin Đức Chúa Trời bất cứ điều gì không làm

vinh hiển danh Đức Chúa Trời, làm trị hoãn Nước Đức Chúa Trời, hoặc làm xáo trộn ý chỉ của Ngài trên đất.

Điều đáng chú ý là không có chủ ngữ số ít nào trong bài cầu nguyện này tất cả chủ ngữ đều ở số nhiều. Bắt đầu bằng “Lạy Cha chúng tôi.” Khi chúng ta cầu nguyện, chúng ta phải biết rằng chúng ta là một bộ phận trong đại gia đình con cái của Đức Chúa Trời trên khắp thế giới. Chúng ta không có quyền cầu xin cho riêng chúng ta điều gì sẽ không đem lại lợi ích cho thành viên khác của gia đình. Nếu chúng ta đang cầu xin trong ý chỉ của Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời sẽ đáp lời cầu xin ban phước cho mọi con dân của Ngài bằng cách này hay cách khác.

Nếu chúng ta đặt lợi ích của Đức Chúa Trời lên trên hết, rồi sau đó chúng ta trình bày những nhu cầu của mình. Đức Chúa Trời quan tâm đến các nhu cầu của chúng ta và Ngài biết những nhu cầu ấy ngay trước khi chúng ta thưa với Ngài (Mat 6:8). Nếu điều này đúng như thế, tại sao chúng ta cầu nguyện? Bởi vì cầu nguyện là phương cách Đức Chúa Trời đã ấn định để thoả đáp những nhu cầu này (Gia 4:1-3) Cầu nguyện chuẩn bị cho chúng ta sử dụng thích hợp câu giải đáp. Nếu chúng ta biết nhu cầu của chúng ta, và nếu chúng ta trình bày nhu cầu ấy cho Đức Chúa Trời, tin cậy Ngài về sự chu cấp của Ngài, lúc ấy chúng ta sẽ làm cho câu giải đáp có giá trị hơn là nếu Đức Chúa Trời áp đặt nó trên chúng ta khi chúng ta không cầu xin.

Cầu xin cho các nhu cầu vật chất hàng ngày, cho sự tha tội, và cho sự dẫn dắt cùng sự bảo vệ khỏi điều ác là điều đúng đắn. “Xin chớ để chúng tôi bị cám dỗ” không có nghĩa là Đức Chúa Trời cám dỗ con cái của Ngài (Gia 1:13-17). Trong lời cầu xin này chúng ta xin Đức Chúa Trời hướng dẫn chúng ta để chúng ta không đi ra khỏi ý muốn của Ngài và không dính líu gì đến hoàn cảnh của sự cám dỗ (IGi 5:18), hoặc ngay cả trong hoàn cảnh thử Ngài để rồi Ngài phải giơ tay quyền năng của Ngài giải cứu chúng ta (Mat 4:5-7).

*Chúng ta phải cầu nguyện, kèm theo tinh thần tha thứ cho người khác* (6:14-15). Trong phần “phụ lục” cho bài cầu nguyện, Chúa Giê-xu đã khai triển phần cuối câu 6:12, “.. như chúng ta tha thứ cho những người mắc nợ chúng ta”. Về sau Ngài nhắc lại bài học này cho các môn đệ của Ngài (Mac 11:19-26). Ngài không dạy rằng con cái Chúa nhận được sự tha thứ của Đức Chúa Trời qua việc tha thứ cho người khác vì điều này trái ngược lại với ân điển và lòng nhân từ rộng rãi của Ngài. Tuy nhiên, nếu chúng ta đã thật sự kinh nghiệm ơn tha tội của Ngài, chúng ta sẽ có tấm lòng sẵn sàng tha thứ cho người khác (Eph 4:32 Co 3:13) Chúa Giê-xu của chúng ta đã minh hoạ nguyên tắc này trong thí dụ về người đầy tớ không thương xót (Mat 18:21-35).

Chúng ta thấy rằng cầu nguyện là “công việc nội bộ của gia đình” (“Cha chúng tôi”...). Nếu mỗi thành viên trong gia đình không sống hoà thuận với nhau, làm thế nào họ nói được rằng họ có mối tương giao bình thường với Đức Chúa Trời? Điều nhấn mạnh trong thơ Giăng thứ nhất chương 4 đó là chúng ta bày tỏ lòng yêu mến Đức Chúa Trời bởi việc chúng ta yêu thương anh em mình. Khi chúng ta tha thứ cho nhau, chúng ta không hưởng quyền cầu xin vì đặc quyền của lời cầu nguyện là một phần trong địa vị làm con của chúng ta (Ro 8:15-16). Sự tha thứ thuộc về vấn đề thông công: Nếu tôi không ở trong mối thông công với Đức Chúa Trời, tôi không thể nào cầu nguyện linh nghiệm được. Nhưng mối thông công với anh em của tôi giúp tôi quyết định mối thông công của tôi với Đức Chúa Trời do đó, tha thứ là điều quan trọng cho sự cầu nguyện.



Bởi vì sự cầu nguyện bao gồm sự ngợi khen danh thánh của Đức Chúa Trời, sự chờ đợi Nước Đức Chúa Trời mau đến (IIPhi 3:12), và sự giúp sức hầu làm xong ý muốn của Đức Chúa Trời trên đất, cho nên người cầu nguyện không được có tội lỗi trong lòng. Nếu Đức Chúa Trời đáp lời cầu xin của một người không có lòng tha thứ, Danh của Ngài sẽ không được tôn vinh. Làm thế nào Đức Chúa Trời có thể hành động qua một người như vậy để làm cho ý muốn của Ngài được nên trên đất được? Nếu Đức Chúa Trời chu cấp các nhu cầu của anh ta, Ngài đang khuyến khích tội lỗi. Điều quan trọng của sự cầu nguyện không chỉ là nhận sự đáp lời, nhưng còn trở thành hạng người mà Đức Chúa Trời có thể tin cậy để đáp lời cầu xin.

### **3. Sự kiêng ăn (Mat 6:16-18)**

Sự kiêng ăn duy nhất mà Đức Chúa Trời thật sự đòi hỏi dân Do Thái là nhằm ngày lễ Chuộc Tội hàng năm (Le 23:27). Người Pha-ri-si kiêng ăn mỗi ngày thứ hai và thứ năm (Lu 18:12) và làm ra vẻ để mọi người biết họ đang kiêng ăn. Đương nhiên mục đích của họ là dành sự tán thưởng của con người. Kết quả là người Pha-ri-si đánh mất phước hạnh của Đức Chúa Trời.

Kiêng ăn không có gì sai, nếu chúng ta thực hiện một cách đúng đắn và với động cơ tốt. Chúa Giê-xu đã kiêng ăn (Mat 4:3) các tín đồ của Hội Thánh đầu tiên cũng làm như vậy (Cong 13:2). Kiêng ăn giúp chế ngự lòng thèm muốn của thể xác (Lu 21:34) và giữ gìn những ưu tiên trong đời sống thuộc linh của chúng ta được ngay thẳng. Nhưng đừng bao giờ để cho sự kiêng ăn trở thành dịp cho sự cảm dỗ (ICo 7:7). Nếu chúng ta lấy đi của bản thân một nhu cầu tự nhiên (như thức ăn hay ngủ) thì đó không phải là kiêng ăn. Chúng ta phải dâng đời mình cho Đức Chúa Trời và thờ phượng Ngài. Nếu như không dâng tấm lòng (Xa 7:1-14) thì sự kiêng ăn không có giá trị thuộc linh bền vững nào cả.

Giống như bố thí và sự cầu nguyện, sự kiêng ăn thật sự phải được thực hiện ở nơi kín nhiệm tức là giữa con cái Chúa và Đức Chúa Trời. Bộ mặt của chúng ta làm vẻ “ủ rũ” (bằng cách ra vẻ buồn rầu và chờ mong sự cảm thương và ca ngợi) sẽ làm hư đi chính mục đích kiêng ăn. Ở đây Chúa chúng ta đặt ra một nguyên tắc căn bản của sự sống thuộc linh. Không có điều nào thật sự thiêng liêng lại xâm phạm đến điều Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta trong thiên nhiên. Đức Chúa Trời thường phá bỏ một điều tốt để lập nên một điều khác. Nếu chúng ta phải làm ra vẻ đau khổ để được xem là thiêng liêng, thế thì trong cách nhìn của chúng ta về việc thiêng liêng có điều gì đã bị sai trật.

Hãy nhớ rằng đạo đức giả làm chúng ta đánh mất tính chân thật trong nếp sống Cơ Đốc. Chúng ta lấy tiếng tăm thay cho tính chất, chỉ dùng ngôn từ thay cho lời cầu nguyện thật lòng, dùng tiền bạc thay thế cho sự dâng trọn tấm lòng. Không có gì lạ khi Chúa Giê-xu so sánh người Pha-ri-si với những mồ mả được tô trắng bên ngoài, nhưng bên trong đầy sự dơ dáy (Mat 23:27-28).

Nhưng nếp sống đạo đức giả không những lấy mất đi tính chất của chúng ta, mà còn không cho chúng ta hưởng những phước hạnh thuộc linh. Thay vì được sự chấp nhận vĩnh cửu của Đức Chúa Trời, chúng ta đi nhận sự ngợi khen ngắn ngủi của con người. Chúng ta cầu nguyện, nhưng không có sự trả lời. Chúng ta kiêng ăn, nhưng con người bên trong chúng ta chẳng thấy có sự chuyển biến nào cả. Đời sống thuộc linh trở nên trống rỗng và không có sự sống. Ngay bây giờ chúng ta đánh mất ơn

phước của Đức Chúa Trời, Và khi Chúa Giê-xu trở lại chúng ta cũng không nhận được phần thưởng của Đức Chúa Trời.

Đạo đức giả cũng làm chúng ta mất đi ảnh hưởng thuộc linh. Người Pha-ri-si gieo ảnh hưởng tiêu cực bất cứ điều gì họ đụng đến đều bị ô uế và hư mất. Những ai kính trọng và vâng theo lời người Pha-ri-si nghĩ rằng chính họ đang được giúp đỡ, Nhưng trong thực tế họ đang bị tổn thương.

Bước đầu tiên để chiến thắng bản tính đạo đức giả là phải thành thật với Đức Chúa Trời trong nếp sống riêng tư của chúng ta. Chúng ta đừng cầu nguyện xin bất cứ điều gì mà lòng không thật muốn như vậy nếu không thì sự cầu nguyện của chúng ta chỉ là những lời sáo rỗng. Động cơ của chúng ta phải làm hài lòng một mình Đức Chúa Trời, cho dù người ta có nói hoặc làm điều gì đi chăng nữa. Chúng ta phải vun xới tấm lòng nơi kín nhiệm. Một câu nói rất hay, “Phần quan trọng nhất của đời sống Cơ Đốc là phần chỉ một mình Đức Chúa Trời nhìn thấy mà thôi.” Khi tiếng tăm trở thành quan trọng hơn tính chất, chúng ta đã trở thành kẻ đạo đức giả rồi.

#### 4. Sử dụng của cải của chúng ta (Mat 6:19-34)

Chúng ta quen chia cuộc sống ra làm hai phần “phần thiêng liêng” và “phần vật chất” nhưng Chúa Giê-xu không phân chia như vậy. Trong nhiều thí dụ của Ngài. Ngài dạy rõ ràng rằng một thái độ đúng đối với của cải là một dấu hiệu thuộc linh đúng đắn (Lu 12:13 16:31). Người Pha-ri-si là kẻ ham tiền và dùng tôn giáo để kiếm lợi. Nếu chúng ta có sự công chính của Chúa Giê-xu Christ trong đời sống chúng ta, chúng ta sẽ có thái độ đúng đối với của cải vật chất.

Không có nơi nào Chúa Giê-xu đề cao sự nghèo khó hoặc phê phán cách thu lợi chính đáng. Đức Chúa Trời dựng nên mọi sự, kể cả lương thực, y phục, và những kim loại quý hiếm. Đức Chúa Trời phán rằng mọi vật Ngài làm nên đều tốt lành (Sa 1:31). Đức Chúa Trời biết rằng chúng ta cần dùng những điều đó để sống (Mat 6:32). Thực ra, Ngài đã ban cho chúng ta “mọi vật dư dật cho chúng ta được hưởng” (ITi 6:17) Sở hữu của cải là điều đúng, nhưng để của cải trị làm chủ chúng ta là điều hoàn toàn sai. Tội thờ thần tượng cũng nguy hiểm như tội đạo đức giả! Trong Kinh Thánh có nhiều câu khuyến cáo nhắc nhở chúng ta chống lại thói tham tiền (Xu 20:17 Thi 119:36 Mac 7:22 Lu 12:15 Co 3:5 Eph 5:5).

Chúa Giê-xu dạy chúng ta đề phòng tội sống vì của cải vật chất đời này. Ngài nêu ra những hậu quả xấu xa của tội tham lam và thờ thần tượng.

**Kẻ tôi mọi** (Mat 6:19-24). Xu hướng về vật chất sẽ bó buộc tấm lòng của chúng ta (Mat 6:19-21), tâm trí (Lý trí) (Mat 6:22-23), và ý chí (Mat 6:24). Chúng ta có thể bị vật chất trói buộc, nhưng chúng ta phải được Đức Thánh Linh buông tha và kiểm soát cuộc đời chúng ta.

Nếu tấm lòng yêu mến vật chất, và đặt lợi ích vật chất lên trên những đầu tư cho thiên đàng, kết quả chỉ là sự hư mất thảm thương. Chúng ta có thể sử dụng của cải thế gian cho công việc Đức Chúa Trời. Nhưng nếu chúng ta thâm tóm của cải vật chất cho riêng mình chúng ta sẽ mất, và tấm lòng của chúng ta sẽ hư mất theo luôn với của cải của chúng ta. Thay vì chúng ta hưởng được sự giàu có thiêng liêng, chúng ta sẽ trải qua sự nghèo ngặt và đui mù.

Cất giữ của cải ở trên trời có nghĩa là gì? Điều đó có nghĩa là sử dụng tất cả những gì chúng ta có vì có danh vinh hiển của Đức Chúa Trời. Chứa của cải trên trời có nghĩa

là “buông lỏng không gắn chặt” với của cải vật chất của đời. Nó cũng có nghĩa là cuộc sống được đo lường bằng của báu thật trong Nước thiên đàng chứ không bởi sự giàu có tạm bợ của thế gian này.

*Của cải không chỉ nô lệ tấm lòng, nhưng còn làm chủ tâm trí nữa* (Mat 6:22-23). Đức Chúa Trời thường dùng con mắt để bày tỏ những thái độ của tâm trí. Nếu con mắt tập trung vào ánh sáng, thân thể có thể hoạt động di chuyển một cách hợp lý. Nhưng nếu con mắt không nhìn rõ và trông một thành hai, có thể đi lại không vững vàng. Thật rất khó tiến về phía trước trong lúc cố nhìn về cả hai phía cùng một lúc.

Nếu mục đích của cuộc sống chúng ta nhằm đạt tới của cải vật chất, thì lương tâm của chúng ta sẽ ở trong tối tăm. Nếu quan điểm của chúng ta là phục vụ Chúa và tôn vinh danh Ngài, thì sự sáng sẽ ở trong chúng ta. Nếu điều gì đáng phải là ánh sáng mà thực sự là tối tăm, lúc ấy chúng ta đang bị tối tăm cai trị và quan điểm quyết định hậu quả.

*Sau hết, xu hướng về vật chất có thể bắt ý chí làm nô lệ* (Mat 6:24). Chúng ta không thể phục vụ cả hai ông chủ cùng một lúc. Hoặc làm tôi Chúa Giê-xu Christ là Chúa của chúng ta, hoặc làm tôi cho tiền bạc là Ma-môn. Đó là vấn đề thuộc ý chí. “còn như kẻ muốn nên giàu có, ắt sa vào sự cám dỗ, mắc bẫy do...” (ITi 6:9). Nếu Đức Chúa Trời ban cho giàu có, và chúng ta sử dụng của cải để làm vinh hiển danh Ngài, thì sự giàu có là một phước hạnh. Nhưng nếu chúng ta ước mong giàu có và sống theo cách nhìn ấy, chúng ta sẽ trả giá đắt vì những của cải ấy.

*Sự làm giảm giá trị* (Mat 6:25-30) Sự tham muốn không những hạ giá trị của cải chúng ta, mà còn làm giảm danh giá chúng ta nữa. Chúng ta bắt đầu lo lắng và bối rối, và điều âu lo này là điều không bình thường và thuộc về thế gian. Người chạy theo tiền tài cho rằng của cải sẽ giải quyết mọi vấn đề của anh ta. Nhưng trong thực tế, giàu có tạo thêm nhiều khó khăn hơn. Của cải vật chất cho chúng ta cảm giác bảo đảm giả tạo, nguy hiểm, và cảm giác đó dẫn đến bị kích. Chim sẻ và hoa huệ không buồn phiền và lo lắng tuy vậy chúng hưởng được sự giàu có của Đức Chúa Trời trong những cách mà con người không thể sánh kịp. Muôn vật tùy thuộc vào Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời không bao giờ thiếu vật gì. Chỉ có con người đáng chết mất mới nhờ cậy nơi tiền bạc và tiền của thì luôn luôn thiếu sót.

Chúa Giê-xu phán rằng lo lắng là tội lỗi. Chúng ta có thể đề cao sự lo bằng cách gán cho nó một số tên gọi khác - quan tâm, gánh nặng, thập tự giá phải mang - nhưng mọi kết thúc vẫn như nhau. Thay vì làm cho chúng ta sống lâu hơn, sự âu lo chỉ khiến cho cuộc sống chúng ta ngừng lại (Mat 6:27). Từ ngữ Hy Lạp dịch cụm từ “phân tâm, không định” theo nghĩa đen có nghĩa là “bị lôi kéo theo nhiều hướng khác nhau”. Lo lắng tách rời chúng ta ra. Mãi cho đến lúc con người can thiệp vào, mọi vật trong thiên nhiên đều làm việc hài hoà với nhau bởi vì mọi vật đều tin cậy nơi Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, con người đã bị tách rời ra khỏi muôn vật bởi vì con người cố tìm cách sống cuộc sống riêng của mình nhờ cậy nơi của cải vật chất.

Đức Chúa Trời nuôi nấng chim sẻ cũng như mặc áo tốt cho loài hoa ngoài đồng. Ngài sẽ chăm sóc đồ ăn đồ mặc cho chúng ta. Chính vì “đức tin ít ỏi” của chúng ta làm ngăn trở không để Ngài thực hiện điều Ngài muốn. Ngài dành ban cho chúng ta những ơn phước lớn lao nếu như chúng ta vâng phục Ngài và sống vì của cải còn lại đời đời.

*Không Làm Chứng Tốt* (Mat 6:31-33) Lo lắng về của cải vật chất đời này là nếp sống của người ngoại đạo. Nếu chúng ta đặt để ý muốn của Đức Chúa Trời và sự công

binh của Ngài ưu tiên trong cuộc đời chúng ta, Ngài sẽ chăm lo cho chúng ta mọi thứ khác. Có gương chứng nào tốt đẹp hơn cho thế gian khi một Cơ Đốc nhân dám thực hành cách sống trong Mat 6:33. Thật buồn thay khi có quá nhiều người không thực hiện được điều đó.

**Đánh Mất Sự Vui Thoả Trong Hiện Tại** (Mat 6:34) Lo Lắng cho ngày mai không giải quyết được gì cho ngày mai cũng như hôm nay. Có thể nói, nó lấy mất đi năng lực sống của chúng ta ngày hôm nay - và có nghĩa là năng lực ngày mai chúng ta cũng kém thiếu đi. Một người đã nói rằng Cơ Đốc nhân bình thường là người đang tự đóng đinh mình giữa hai tên tội phạm: những tiếc nuối của quá khứ và những âu lo về ngày mai. Lập kế hoạch cho ngày mai và ngay cả để dành cho tương lai là điều phải lẽ (ICo 12:14 ITi 5:8). Nhưng lo lắng về việc ngày mai và để cho tương lai lấy mất đi ơn phước của ngày hôm nay đó là tội lỗi.

Trong phần Kinh Thánh này có 3 chữ vạch ra cách chiến thắng sự lo lắng đức tin

(1) (Mat 6:30), tin cậy Đức Chúa Trời thoả mãn các nhu cầu của chúng ta

(2) Cha (Mat 6:32) chúng ta biết rằng Ngài chăm sóc các con cái của Ngài và

(3) trước hết (Mat 6:33) chúng ta đặt để ý muốn của Đức Chúa Trời ưu tiên trong cuộc sống của chúng ta để danh Ngài được vinh hiển. Nếu chúng ta tin cậy nơi Cha của chúng ta và mời Ngài ngự ở vị trí đầu nhứt. Ngài sẽ chu cấp cho chúng ta mọi điều cần dùng.

Đạo đức giả và lo lắng đều là tội lỗi. Nếu chúng ta làm theo sự công bình của Nước Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ tránh được các tội lỗi này và sống vì danh vinh hiển của Đức Chúa Trời.

## **5. CÁC PHÉP TẮC NHÀ VUA: SỰ ĐOÁN XÉT THẬT** **(Mat 7:1-29)**

Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si mắc tội đoán xét chính bản thân họ, người khác và ngay cả Đức Chúa Trời nữa. Nếp sống đạo đức giả của họ tạo điều kiện cho sự đoán xét này. Điều này giải thích lý do Chúa chúng ta sắp xếp bài giảng quan trọng tại trên núi ngay với lời dạy về sự đoán xét. Trong lời dạy này Ngài đưa ra 3 sự đoán xét khác nhau.

### **1. Chúng ta tự đoán xét mình (Mat 7:1-5)**

Nguyên tắc đầu tiên của sự đoán xét đó là trước hết chúng ta tự đoán xét mình. Chúa Giê-xu không cấm chúng ta đoán xét người khác vì sự suy xét cẩn thận là điều cần thiết trong đời sống Cơ Đốc nhân. Tình yêu Cơ Đốc không phải là tình yêu mù quáng Phi 1:9-10). Người nào tin mọi điều mình nghe, và chấp nhận bất cứ ai tự nhận là thiêng liêng sẽ thấy rối trí và mất đi nhiều ơn phước thiêng liêng. Nhưng trước khi đoán xét người khác, chúng ta nên tự đoán xét lấy mình. Có một vài lý do cho điều này:

**Chúng ta sẽ bị đoán xét** (Mat 7:1). Thì của động từ “bị đoán xét” nói lên sự đoán xét cuối cùng một lần đủ cả. Nếu chúng ta tự đoán xét mình trước hết, chúng ta đang chuẩn bị cho kỳ phán xét cuối cùng khi đối diện trước mặt Đức Chúa Trời. Người Pha-ri-si “đóng vai Đức Chúa Trời” khi họ lên án người khác nhưng họ không nghĩ rằng một ngày kia Đức Chúa Trời sẽ phán xét họ.

**Chúng ta đang bị đoán xét** (Mat 7:2). Phân đoạn KT tương ứng trong Lu 6:37-38 sẽ làm sáng tỏ thêm ý này. Không chỉ Đức Chúa Trời sẽ đoán xét chúng ta vào ngày cuối cùng, nhưng ngay bây giờ chúng ta cũng đang bị người đời đoán xét và chúng ta ban phát thế nào sẽ nhận lại đúng y như vậy. Cách đoán xét và mức độ đoán xét sẽ phản hồi ngay lại cho chúng ta. Chúng ta gạt những gì chúng ta đã gieo.

**Chúng ta phải nhìn thấy rõ ràng để giúp người khác** (Mat 7:3-5). Mục đích tự đoán xét chuẩn bị cho chúng ta sẵn sàng phục vụ người khác. Cơ Đốc nhân bắt buộc phải giúp đỡ người khác lớn lên trong ân điển. Khi chúng ta không tự xét mình, không những chúng ta làm tổn thương chính mình, chúng ta còn làm thương tổn những người chúng ta có thể rao giảng Phúc Âm cho họ. Người Pha-ri-si đoán xét và phê bình người khác để tự tôn mình tốt hơn (Lu 18:9-14). Nhưng Cơ Đốc nhân nên tự xét mình để giúp người khác trở nên tốt. Sự khác nhau là ở chỗ đó!

Hãy xem Chúa chúng ta minh họa cho lời dạy này. Chúa Giê-xu chọn biểu tượng con mắt bởi vì đây là cơ quan nhạy cảm nhất của thân thể con người. Bức tranh nói về một người có cây đũa trong mắt đang tìm cách lấy cái rác ra khỏi mắt người khác, quả là một chuyện tức cười. Nếu chúng ta không thành thật nhìn nhận tội lỗi và xưng ra với Chúa, chúng ta tự làm đui mù và không thể thấy rõ đúng mức để giúp ích người khác. Người Pha-ri-si thấy tội lỗi của người khác, nhưng họ không nhìn thấy tội của mình.

Trong Mat 6:22-33, Chúa Giê-xu dùng hình ảnh con mắt để dạy chúng ta cách nhìn thiêng liêng về cuộc sống. Chúng ta không nên xét đoán động cơ của người khác. Chúng ta nên xem xét hành động và thái độ của họ, nhưng chúng ta không thể đoán xét động cơ của họ - vì chỉ một mình Đức Chúa Trời có thể nhìn thấy tấm lòng của họ. Có khả năng một người làm việc tốt đẹp xuất phát từ động cơ xấu. Cũng có thể công việc người ấy thất bại trong khi có động cơ rất chân thành. Khi chúng ta đứng trước mặt Chúa Giê-xu Christ trong giờ phán xét cuối cùng. Ngài sẽ xem xét các việc kín giấu trong lòng và ban thưởng tùy theo việc chúng ta đã làm (Co 3:22-25 Ro 2:16).

Hình ảnh về con mắt dạy chúng ta một lẽ thật khác: Chúng ta phải thực hành đức yêu thương và lòng nhân hậu khi tìm cách giúp đỡ người khác (Eph 4:15). Tôi đã nhiều lần đi khám mắt, và có một lần được giải phẫu để lấy ra một vảy thép bị bắn vào mắt và tôi hiểu được sự khéo léo nhẹ nhàng của các thầy thuốc. Giống như các bác sĩ nhãn khoa chúng ta nên chăm sóc người chúng ta muốn giúp đỡ bằng tấm lòng yêu thương ân cần. Có thể gây nguy hại hơn một máy bụi bay vào mắt nếu chúng ta đến với người khác với lòng thiếu kiên nhẫn và sự hờ hững.

Chúng ta phải tránh hai thái cực trong việc tự xét về đời sống thuộc linh. Trước hết là sự tra xét hời hợt cầu thả. Đôi khi chúng ta tự tin quá đến nỗi bỏ qua không tra xét tấm lòng chúng ta cách chân thành và thấu đáo. Chỉ một cái nhìn thoáng vào chiếc gương soi là Lời Đức Chúa Trời chúng sẽ không nhìn thấy được tình trạng thật của mình (Gia 1:22-25).

Thái cực thứ hai là điều tôi gọi là “sự khám nghiệm liên tục”. Thỉnh thoảng chúng ta mãi mê tra xét mình đến nỗi trở nên mất quân bình. Nhưng chúng ta không nên chỉ nhìn vào chính mình, kéo chúng ta sẽ nãn chí và thất bại. Chúng ta nên nhìn vào Chúa Giê-xu bằng đức tin của mình và hãy để Ngài thứ tha rịt lành cho chúng ta. Satan là kẻ kiện cáo (Kh 12:10), và nó vui mừng khi chúng tự buộc tội và lên án chính mình.

Sau khi tự tra xét mình cách chân thành trước mặt Đức Chúa Trời, lấy đi những vật che khuất mắt chúng ta, lúc ấy chúng ta có thể giúp ích được người khác và xét đoán công việc của họ cách đúng đắn. Nhưng nếu biết trong chúng ta còn có tội lỗi mà nỗ lực giúp đỡ người khác, chúng ta là những người đạo đức giả. Thực tế có thể chúng ta lấy việc chăm sóc người khác làm bình phong che đậy tội lỗi của mình. Người Pha-ri-si đã phạm tội này, và Chúa Giê-xu đã lên án họ đối với việc làm ấy.

## 2. Chúng ta xét đoán người khác (Mat 7:6-20)

Cơ Đốc nhân phải sử dụng khả năng phán đoán chính xác vì không phải tất cả mọi người đều là chiên cả. Một số người độc ác tham lam, một số khác là muông sói đội lốt chiên. Chúng ta là chiên của Chúa, nhưng điều này không có nghĩa chúng ta để cho người ta lừa dối chúng ta.

*Lý do chúng ta phải xét đoán* (Mat 7:6). Là con dân của Đức Chúa Trời, chúng ta được vinh dự nắm giữ “những đồ thánh” của Ngài. Ngài giao phó cho chúng ta những lễ thật quý báu trong lời Đức Chúa Trời (II Co 4:7) và chúng ta phải cẩn thận giữ gìn. Không có thầy tế lễ tận tụy nào lại quăng thịt từ bàn thờ cho một con chó bẩn thỉu, và chỉ có người đại mới quăng hạt trai trước mặt heo. Sự thật chúng ta phải đem Phúc Âm “đến cho mọi người” (Mac 16:15) trong khi đó chúng ta không được bán rẻ Phúc Âm qua sự phục vụ thiếu suy xét chín chắn. Chúng ta thấy Chúa Giê-xu từ chối không trả lời vua Hê-rốt (Lu 23:9), và cả Phao-lô cũng không chịu tranh luận với dân chúng đang chống nghịch lời Hằng Sống Cong (13:44-49).

Thế thì đoán xét không phải lý do có thể lên án người khác, nhưng chúng ta chăm sóc nâng đỡ họ. Điều lưu ý đó là Chúa Giê-xu luôn luôn chăm lo đến từng cá nhân tùy theo nhu cầu và tình trạng thuộc linh của họ. Ngài không dùng bài nói chuyện thuộc lòng để trò chuyện với mọi người. Ngài dạy Ni-cô-đem về sự sanh lại, nhưng Ngài phán với người đàn bà Sa-ma-ri về nước Hằng Sống. Khi các nhà lãnh đạo tôn giáo cố tìm cách bắt bẻ Ngài, Ngài không trả lời câu hỏi của họ (Mat 21:23-27). Một Cơ Đốc nhân khôn ngoan là người biết đánh giá lòng người trước khi chia sẻ ngọc châu quý giá.

*Những vật tốt Đức Chúa Trời ban cho chúng ta* (Mat 7:7-11). Tại sao Chúa đề cập đến sự cầu nguyện vào lúc này trong sứ điệp của Ngài? Các câu Kinh Thánh này có vẻ như làm gián đoạn sứ điệp của Chúa, nhưng không phải như vậy. Bạn và tôi đều là con người có thể phạm sai lầm chúng ta đều phạm lỗi. Chỉ có Đức Chúa Trời mới có đủ thẩm quyền đoán xét chính xác. Vì vậy, chúng ta phải cầu xin và tìm kiếm sự khôn ngoan cùng sự chỉ dẫn của Ngài. “Nếu trong anh em có kẻ kém khôn ngoan, hãy cầu xin Đức Chúa Trời...” (Gia 1:5). Sa-lô-môn vị vua trẻ tuổi biết mình thiếu sự khôn ngoan để cai trị dân Y-sơ-ra-ên, vì vậy ông đã cầu xin Đức Chúa Trời và Ngài đã ân cần trả lời (IVua 3:3). Nếu muốn có được sự phán đoán thuộc linh chúng ta phải kiên trì cầu xin, kiên trì tìm kiếm ý chỉ của Ngài, kiên trì gõ cửa dẫn đến sự phục vụ lớn hơn. Đức Chúa Trời đáp ứng nhu cầu của con cái Ngài.

*Nguyên tắc hướng dẫn* (Mat 7:12). Nguyên tắc này được gọi là “Luật Vàng”, một trong những câu trong Kinh Thánh bị hiểu sai nhiều nhất. Câu Kinh Thánh này không phải là ý tóm tắt toàn bộ chân lý Cơ đốc giáo, cũng không phải là kế hoạch cứu chuộc của Đức Chúa Trời. Đừng tìm cách xây dựng khoa thần học trên Luật Vàng cũng như là không thể xây dựng khoa thiên văn chỉ dựa vào “Ánh sáng lấp lánh của một vì sao nhỏ”.

Lẽ thật lớn lao này là nguyên tắc phải điều hướng thái độ của chúng ta nghĩ về người khác. Luật này chỉ áp dụng cho người tin Chúa, và phải được thực hiện trong mọi lãnh vực của cuộc sống. Người thực hiện Luật Vàng từ chối không chịu nói và hay làm bất cứ điều gì có hại đến bản thân và người khác. Nếu đoán xét người khác không theo nguyên tắc này, chúng ta sẽ trở nên kiêu ngạo và chỉ trích, và rồi tính chất thiêng liêng của chúng ta sẽ sa sút.

Thực hành Luật Vàng bày tỏ tình yêu của Đức Chúa Trời trong cuộc đời chúng ta và giúp chúng ta có thể nâng đỡ người khác cả đến những người muốn làm hại chúng ta.

Nhưng hãy nhớ rằng thực hành Luật Vàng có nghĩa phải trả giá. Nếu chúng ta muốn Đức Chúa Trời dành điều tốt nhất cho chúng ta và người khác, nhưng những người khác chống lại ý muốn của Đức Chúa Trời, và rồi họ sẽ chống chúng ta. Chúng ta là muối, nhưng là muối xát vào vết thương. Chúng ta là ánh sáng, nhưng là ánh sáng phơi bày dơ dáy bụi bặm.

**Nền tảng cho sự đoán xét** (Mat 7:13-20). Vì có nhiều tiên tri giả trong thế gian, chúng ta nên cẩn thận để không bị lừa phỉnh. Nhưng điều nguy hiểm hơn hết là tự lừa dối mình. Thầy thông giáo và người Pha-ri-si đã tự lừa dối mình tin rằng họ công bình còn người khác là tội lỗi. Con người có thể biết ngôn ngữ đúng, tin những giáo lý chính xác, vâng theo bằng trí năng qui tắc mẫu mực nhưng vẫn không được cứu. Chúa Jê-sus dùng hai bức tranh giúp chúng ta tự đoán xét mình và người khác.

**Hai con đường** (Mat 7:13-14) dĩ nhiên đây là đường dẫn đến sự sống và một đường khác dẫn đến sự hư mất. Đường rộng rãi thì dễ đi lại con đường nhiều người yêu thích. Nhưng chúng ta nên phán đoán công việc hay chức vụ thuộc linh dựa trên số thống kê đa số không phải lúc nào cũng đúng. Sự kiện “mọi người đều làm như vậy” không phải là bằng chứng cho thấy những gì họ làm là đúng.

Sự thật hoàn toàn ngược lại: con dân của Đức Chúa Trời luôn luôn là thành phần còn sót lại, một thiểu số nhỏ nhoi trong thế gian này. Chúng ta dễ dàng nhận ra được lý do: Bước đi trong con đường hẹp là sống trong khuôn phép, trong cô đơn và trả giá đắt. Chúng ta có thể bước đi trên con đường khoáng khoáng và giữ lấy “gánh nặng” tội lỗi cùng lạc thú thế gian. Nhưng nếu bước đi trên con đường hẹp, chúng ta phải lột bỏ những điều ấy.

Đây là điều kiểm chứng đầu tiên: Bạn có trả giá cho việc bạn tuyên xưng đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ không? Nếu không, đó không phải là đức tin thật. Nhiều người “tin nhận” Chúa Giê-xu Christ mà chẳng hề từ bỏ con đường rộng khoáng khoáng đầy dẫy những tham dục và chè chén say sưa. Họ mang nếp sống Cơ Đốc để dãi không đòi hỏi họ phải gắng công ra sức thực hiện. Tuy nhiên Chúa Giê-xu phán rằng đường hẹp là đường gian nan khó khăn. Chúng ta không thể nào bước đi trên hai con đường cùng một lúc theo hai hướng khác nhau được.

**Hai thứ cây** (Mat 7:15-20) bày tỏ đức tin thật nơi Chúa Giê-xu Christ làm thay đổi đời sống và sanh bông trái làm vinh hiển Đức Chúa Trời. Mọi vật trong thiên nhiên sinh sản theo loại của nó, và đây cũng là điều thật sự xảy ra trong lãnh vực thiêng liêng. Cây tốt sanh trái tốt, nhưng cây xấu cho trái xấu. Cây sanh trái xấu phải bị đốn và quăng vào lửa. ” Ấy vậy, các ngươi nhờ những trái nó mà nhận biết được” (Mat 7:20).

Điều kiểm chứng thứ hai: Quyết định theo Chúa Giê-xu Christ của tôi có thay đổi cuộc đời tôi không? Những tiên tri giả giảng dạy lời giáo huấn sai trật chỉ sinh ra nếp sống công bình giả tạo (Cong 20:29). Bông trái của họ (những kết quả trong công việc của họ) chỉ là hư hoại và không thể nào tồn tại lâu dài. Chính cuộc sống của các tiên tri giả cho thấy sự sai trật của họ càng gần gũi họ chúng ta càng thấy cuộc sống và lời dạy của họ là giả dối. Họ không tôn vinh Chúa Giê-xu Christ mà chỉ tôn vinh chính mình mục đích của họ nhằm lợi dụng người khác chứ không giúp ích cho ai. Người tin theo lời giáo huấn sai trật hoặc đi theo người dạy đạo sai sẽ chẳng bao giờ kinh nghiệm được cuộc sống đổi mới. Bất hạnh thay, một số người không nhận ra điều này cho đến lúc quá muộn.

### **3. Sự đoán phạt của Đức Chúa Trời (Mat 7:21-29)**

Qua phát hoạ hình ảnh hai con đường và hai loại cây, Chúa chúng ta gói gọn sứ điệp của Ngài bằng hình ảnh hai người cất nhà. Hai con đường minh hoạ sự khởi đầu của đời sống đức tin hai loại cây nói lên sự tăng trưởng và kết quả của đời sống đức tin hiện nay và hai ngôi nhà tiêu biểu cho phần kết thúc của cuộc sống đức tin này, lúc ấy Đức Chúa Trời sẽ gọi mọi vật đến mà đoán xét. Tại nơi cửa dẫn đến con đường rộng rãi khoáng khoáng có những tiên tri giả tạo mọi điều kiện dễ dàng cho người ta đi vào. Nhưng ở tại cuối con đường có sự hư mất hiện ra. Sự thử nghiệm cuối cùng không phải là điều chúng ta tự nghĩ về mình, hoặc người khác có thể đến. Điều thử nghiệm sau chót đó là: Đức Chúa Trời sẽ phán gì?

Làm thế nào chúng ta có thể chuẩn bị cho kỳ đoán phạt này? Bằng cách làm theo ý chỉ của Đức Chúa Trời. Vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời là thức thách đức tin thật nơi Chúa Giê-xu Christ. Sự thách thức thử nghiệm không phải bằng lời nói. không chỉ nói: “Lạy Chúa, Lạy Chúa”, và không vâng theo mệnh lệnh của Ngài. Thật dễ dàng học biết một từ ngữ tôn giáo, thậm chí nhớ thuộc lòng nhiều câu Kinh Thánh và lời thánh ca nhưng vẫn không làm theo ý muốn Đức Chúa Trời. Khi một người thật sự được sanh lại, người đó có Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự trong lòng (Ro 8:9) Chúa Thánh Linh dạy người ấy biết và làm theo ý muốn Đức Chúa Cha. Tình yêu của Đức Chúa Trời trong lòng người ấy (Ro 5:5) thúc giục người vâng phục Chúa và phục vụ người khác.

Lời nói không thể thay thế cho sự vâng lời, cả đến những hành vi tôn giáo cũng không. Giảng dạy, đui quí, và làm nhiều phép lạ có thể được linh cảm từ trên cao, nhưng những điều ấy không đảm bảo cho sự cứu rỗi. Có thể Giu-đa đã tham gia vào một vài hoặc mọi hoạt động này, nhưng Giu-đa không phải là Cơ Đốc nhân thật. Trong ngày sau rốt, quí Sa-tan sẽ dùng “những việc kỳ dị giả” để lừa phỉnh con người (II Te 2:7-12).

***Chúng ta phải nghe lời Đức Chúa Trời và làm theo*** (Gia 1:22-25). Chúng ta không nên lấy nghe (hoặc học hỏi) lời Ngài làm đủ. Điều chúng ta nghe phải được kết quả trong hành động. Đây là ý nghĩa của việc xây cất nhà trên hòn đá. Chúng ta không nên nhằm lẫn hình bóng này với “nền móng” trong I Co 3:9. Thánh Phao-lô thiết lập Hội Thánh địa phương tại thành phố Cô-rinh-tô trên Chúa Giê-xu Christ khi ông rao giảng Phúc Âm và chinh phục mọi người cho Đấng Christ. Đây là nền tảng duy nhất cho một Hội Thánh.

Nền móng trong thí dụ này là sự nghe theo lời của Đức Chúa Trời - sự vâng lời là bằng chứng của đức tin thật (Gia 2:14). Hai người đàn ông trong câu chuyện có nhiều



điểm chung. Cả hai đều có ao ước xây dựng một ngôi nhà. Cả hai đã xây xong nhà trông tốt đẹp và chắc chắn. Nhưng khi sự đoán xét xảy ra (cơn gió bão), một trong hai ngôi nhà bị sập. Điểm khác nhau là gì? Chắc chắn không phải chỉ là cái nhìn bên ngoài. Điểm khác biệt ở đây nằm ở cái nền: người cất nhà thành công “đào đất cho sâu” và dựng nhà mình trên nền đá vững chắc (Lu 6:48).

Nếp sống đạo giả dối sẽ tồn tại cho đến khi sự đoán xét mở ra. Đôi khi sự phán xét này là những hình thức rèn luyện đức tin. Giống như người có lòng nông cạn nhận lấy hạt giống đạo (Mat 13:4-9), khi sự bắt bớ, thử luyện đến thì liền vấp phạm. Nhiều người đã xưng nhận đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ, khi cuộc sống trở nên khó khăn và gian nan thì liền chối bỏ đức tin.

Nhưng sự phán xét được nói ở đây có thể là sự phán xét ngày sau trước toà án trắng của Đức Chúa Trời. Chúng ta không nên tưởng rằng thí dụ này nói đến tất cả lời dạy chúng ta học được trong các thư tín vì Chúa đang bày tỏ một điều quan trọng: Mọi hình thức tin đạo cuối cùng rồi sẽ bị thử nghiệm trước mặt Đức Chúa Trời. Người đặt lòng tin cậy nơi Cứu Chúa Giê-xu và bày tỏ đức tin của mình trong sự vâng lời sẽ không sợ hãi. Nhà của họ được xây trên Vầng Đá, nhà ấy sẽ đứng vững vàng. Nhưng người đã tuyên xưng đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ mà không vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời sẽ bị đoán phạt.

Chúng ta sẽ thử nghiệm hình thức tin đạo như thế nào? Có phải do sự mền mọ của nhiều người? Không phải như vậy, vì có nhiều người đi trên lối rộng và khoảng khoát dẫn đến sự hư mất. Có nhiều người nhờ cậy vào lời nói “Lạy Chúa, lạy Chúa” - nhưng không bảo đảm được sự sống đời đời. Ngay cả các hoạt động tôn giáo trong tổ chức Hội Thánh cũng không đưa đến sự cứu rỗi. Thế thì làm thế nào chúng ta tự xét đoán mình và những người xưng nhận Chúa Giê-xu Christ làm Cứu Chúa của họ?

Hai con đường dạy chúng ta xem xét lại giá trị của việc xưng nhận Chúa. Chúng ta đã trả giá trong việc tuyên xưng đức tin nơi Chúa chưa? Thí dụ về hai loại cây dạy chúng ta rà soát lại cuộc sống chúng ta đã thật sự thay đổi chưa. Có những bông trái thánh thiện xuất phát từ đời sống chúng ta không? Và thí dụ về hai ngôi nhà nhắc nhở chúng ta rằng đức tin thật nơi Đấng Christ sẽ còn lại đời đời, không chỉ trong những cơn bão của cuộc đời, mà còn trong cả sự phán xét cuối cùng. Đoàn dân lấy làm lạ về lời giảng dạy này. Tại sao như vậy? Vì Chúa Giê-xu dạy cách có quyền phép. Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si “dùng quyền của họ” mà giảng dạy, họ luôn luôn trích dẫn lời của các thầy dạy đạo và những nhà chuyên dạy luật pháp. Chúa Giê-xu không cần một thầy giáo nào để tăng thêm uy lực cho lời dạy của Ngài vì Ngài giảng dạy trong tư cách là Con Đức Chúa Trời. Chúng ta không thể nông nổi gạt bỏ lời dạy bảo này, vì chính Đức Chúa Trời đã phán dạy cho chúng ta. Hoặc là chúng ta nên cúi xuống trước ngôi Ngài và phục tùng quyền tể trị của Ngài, hoặc là chúng ta sẽ bị Ngài tuyên án phạt.

## **6. QUYỀN NĂNG CỦA VUA (Mat 8:1-9:38)**

Chúng ta đã được giới thiệu về Con Người của Vua (Các chương 1-4) và các phép tắc của Vua (Các chương 5-7) và bây giờ chúng ta được nghe về quyền năng của Vua. Xét cho cùng, nếu một vị vua không có quyền hành hoàn thành bất cứ việc gì, liệu những lời chứng hoặc các phép tắc của Vua ấy có đáng tin không? Trong các chương 8-9, Ma-thi-ơ ghi lại 10 phép lạ. Các phép lạ này không được sắp xếp theo trình tự

thời gian, ngoại trừ phép lạ thứ 4, bởi vì Ma-thi-ơ theo phương pháp tập trung các sự kiện và sự kiện của riêng ông.

Tuy nhiên trước khi tìm hiểu các ví dụ này, chúng ta nên dừng lại để giải đáp câu hỏi: Tại sao Chúa chúng ta thi hành các phép lạ?

Chắc chắn Ngài muốn đáp ứng các nhu cầu của con người. Đức Chúa Trời quan tâm đến lợi ích tạm thời của con người Ngài đã dựng nên cũng như hạnh phúc đời đời của họ. Chia cắt chức vụ đối với thân thể với chức vụ đối với linh hồn là không đúng, bởi vì chúng ta phải chăm lo cả thân thể lẫn tâm linh con người (Mat 4:23-25).

Tất nhiên các phép lạ của Chúa là những bằng chứng thêm vào để xác quyết cho lời tuyên bố của Ngài là Đấng Mê-si-a của dân Y-sơ-ra-ên. “Người Giu-đa xin một dấu hiệu” (ICo 1:22). Trong khi đó tự các phép lạ không phải là bằng chứng cho thấy Đức Chúa Trời đã sai một người đến thế gian (quí Sa-tan cũng có thể thực hiện phép lạ (ITe 2:9), các phép lạ chỉ tăng thêm sức mạnh cho lời tuyên bố của Ngài, nhất là bản tính thánh khiết và công việc của Ngài. Trong trường hợp của Chúa Giê-xu Christ, các phép lạ Ngài làm ứng nghiệm các lời tiên tri trong Cựu Ước (Es 29:18-19 35:4-6). Mat 8:17 nhắc chúng ta nhớ đến Es 53:4 và chính Chúa Giê-xu Christ trong Mat 11:1-5 cũng đưa Giăng Báp-tít đến với những lời hứa trong Cựu Ước. Những “dấu kỳ phép lạ” xảy ra giống như vậy sẽ là lời chứng cho người theo Ngài trong đời sống chức vụ của họ (Mat 10:8 He 2:1-4).

Kèm theo lòng thương xót và lời chứng của Ngài, lý do thứ ba Ngài thực hiện phép lạ đó là: Ngài mong muốn bày tỏ chân lý cứu rỗi cho mọi người. Các phép lạ là “những bài giảng bằng hành động”. Ngay cả Ni-cô-đem cũng bị thu hút bởi các phép lạ ấy (Gi 3:1-2). Không bỏ công khi lưu ý đến 5 phép lạ được thi thố tại thành phố Ca-bê-na-um, tuy vậy cả thành phố khước từ Ngài (Mat 11:21-23). Ngay cả dân tộc Y-sơ-ra-ên khước từ Ngài đã ứng nghiệm lời tiên tri Cựu Ước (Gi 12:37-41). Giống như sự đoán phạt giáng trên dân Ai Cập trong thời Môi-se, các phép lạ của Chúa là những án phạt trong dân Y-sơ-ra-ên, vì dân sự phải chấp nhận sự việc và quyết định. Các nhà lãnh đạo tôn giáo định rằng Chúa Giê-xu đang làm việc cho quí Sa-tan (Mat 9:31-34 12:24).

Một điều chắc chắn là: Chúa Giê-xu không thực hiện phép lạ để “thu hút đám đông”. Lúc nào Ngài cũng tránh xa đám đông. Lần này đến lần khác, Chúa Giê-xu dạy những người Ngài đã chữa lành không được tỏ việc ấy cho ai (Mat 8:4,18 9:30 Lu 8:56). Ngài không muốn dân chúng tin Ngài chỉ trên nền tảng các phép lạ (Gi 4:46-54). Đức tin phải đặt nền tảng trên Lời của Ngài (Ro 10:17).

Các phép lạ trong những chương sách này được ghi lại thành 3 nhóm, xen giữa là một biến cố liên quan đến chức phận môn đệ. Ma-thi-ơ không cho độc giả của ông biết tại sao ông dùng cách sắp xếp này, nhưng chúng ta sẽ đi theo cách thức này. Để giúp chúng ta nắm vững một số bài học thuộc linh, tôi đã mô tả đặc điểm nhấn mạnh cho từng phần.

## **1. Ân điển cho người bị xã hội khinh bỉ (Mat 8:1-22)**

Người bị phung, kẻ ngoại bang và phụ nữ là những người bị nhiều người Giu-đa nhất là người Pha-ri-si xem là đáng bị nguyên rủa. Nhiều người Pha-ri-si cầu nguyện mỗi sáng như vậy “Tôi dâng lời cảm tạ tôi là người đàn ông chó không phải là đàn bà, là người Giu-đa chó không phải dân ngoại bang, một người tự do chó không phải kẻ nô lệ.”

***Người phung được sạch*** (Mat 8:1-4). Có nhiều nỗi đau khổ Kinh Thánh kể cùng hạng như bệnh phung. Chúng bệnh chết người này buộc nạn nhân phải sống cách ly với người khác và la to “ô uest! ô uest!” khi có ai đó đến gần, để họ khỏi bị ô uest. Việc người phung chạy đến với Chúa Giê-xu và vi phạm luật lệ là một chứng cứ bày tỏ lòng tin chắc Chúa Giê-xu sẽ chữa lành cho ông.

Bệnh phung là hình ảnh của tội lỗi (Es 1:5-6). Những lời chỉ dạy cho các thầy tế lễ chép trong Le 13:1-59 giúp chúng ta hiểu được bản chất của tội lỗi: Tội lỗi ăn sâu vào trong da (13:3) nó ăn lan (13:7) tội lỗi làm cho người bị ô uest và phải sống một mình (45-46) và chỉ dành cho lửa (52,57).

Khi Chúa Giê-xu rờ đến người phung, Ngài mang lấy sự ô uest của người bị phung nhưng Ngài cũng truyền sức sống của Ngài cho người phung nữa. Đây không phải là cách Ngài đã làm cho chúng ta trên thập tự giá khi Ngài gánh thay tội lỗi chúng ta sao? (II Co 5:21). Người phung không thắc mắc khả năng chữa lành bệnh của Ngài người phung chỉ tự hỏi liệu Ngài có sẵn lòng không. Dĩ nhiên Đức Chúa Trời sẵn lòng cứu giúp. Ngài là “Đức Chúa Trời, Cứu Chúa chúng ta, Ngài muốn cho mọi người được cứu rỗi...” (ITi 2:3-4). Đức Chúa Trời “không muốn cho một người nào bị chết mất” (I Phi 3:9).

Chúa Giê-xu truyền lệnh cho người được chữa lành bệnh phung không được nói cùng ai nhưng phải đến gặp thầy tế lễ để họ chứng nhận rằng mình đã được chữa lành và được hội nhập trở lại xã hội. Nghi thức này được mô tả trong sách Le 14:1-57 và là một hình ảnh đẹp trong công tác của Chúa Giê-xu Christ đối với tội nhân. Con chim đổ huyết hình bóng về sự chết của Đấng Christ con chim được thả ra hình bóng về sự sống lại của Ngài. Bỏ con chim vào trong chậu hình bóng về sự trở nên người khi Ngài mang lấy hình hài con người để có thể chết thay cho chúng ta. Dùng huyết bôi trên lỗ tai, ngón tay cái và ngón chân làm hình bóng về đức tin cần phải có của cá nhân tin vào sự chết của Ngài. Dầu đổ ra trên huyết nhắc chúng ta nhớ đến Thánh Linh của Đức Chúa Trời, Đấng vào ngự trong lòng kẻ tin nhận Đấng Christ.

Người được chữa lành bệnh phung không vâng lời Chúa Giê-xu Christ anh ta kể cho mọi người nghe về điều Chúa đã làm cho mình (Chúa Giê-xu Christ dạy chúng ta rao ra cho mọi người nghe, và chúng ta lại giữ yên lặng) Mac 1:45 cho chúng ta biết rằng lời làm chứng của người được chữa lành bệnh phung khiến Chúa Giê-xu phải lánh khỏi thành phố nhưng đám đông đến theo Ngài.

***Đầy tớ thầy đội được chữa lành*** (Mat 8:5-13). Thầy đội là một sĩ quan chỉ huy 100 quân trong binh đội La Mã. Mỗi thầy đội được nhắc đến trong các sách Phúc Âm và Công-vụ-các-sứ-đồ là người mẫu mực có tư cách và tinh thần trách nhiệm cao, và viên thầy đội này cũng là người như vậy. Sự việc ông lo lắng đến đưa đầy tớ thấp hèn cho thấy lòng tốt của ông. Từ ngữ “bình bại” nói đến một dạng bại liệt.

Dường như mọi điều đó có liên quan đến viên thầy đội làm ngăn trở ông không đến cùng Chúa Giê-xu được. Ông ta là một người lính chuyên nghiệp, còn Chúa Giê-xu là người hiền hoà. Ông ta là người ngoại bang, Chúa Giê-xu là người Do Thái. Nhưng người lính này có một điều ủng hộ ông: ông ta là người có đức tin lớn. Viên thầy đội này hiểu rằng Chúa Giê-xu là Đấng có quyền cũng giống như chính ông ta. Điều Chúa Giê-xu Christ làm là Ngài truyền lời phán và bệnh tật vâng lệnh Ngài giống như cách người lính vâng mệnh lệnh của chỉ huy. Một chi tiết chúng ta đáng lưu ý, chỉ có những ai chịu thuận phục quyền hành mới có quyền thực thi quyền hành.

Các sách Phúc Âm ghi lại có đến 2 lần Chúa Giê-xu ngạc nhiên: ở đây, Ngài lấy làm lạ bởi đức tin lớn của viên thầy đội ngoại bang và trong Mac 6:6, Ngài lấy làm lạ bởi sự không tin của người Giu-đa. Ma-thi-ơ ghi lại hai phép lạ “dành cho người ngoại bang”: phép lạ này và phép lạ chữa lành con gái của người đàn bà Ca-na-an (Mat 15:21-28). Trong cả hai trường hợp, Chúa đánh giá cao đức tin của họ. Đây là lần đầu cho thấy người Giu-đa không tin nhưng người ngoại bang lại tin. Hơn nữa, ở cả hai phép lạ này, Chúa chúng ta chữa lành từ xa. Đây là điều nhắc nhở chúng ta về địa vị thuộc linh của người ngoại bang, “cách xa” (Eph 2:12).

**Bà gia Phi-e-rơ được chữa lành** (Mat 8:14-17). Bà ta đang nằm trên giường đau rét và Phi-e-rơ cùng Anh-rê thưa với Chúa Giê-xu về điều bà cần khi họ vào nhà sau giờ thờ phượng tại nhà hội (Mac 1:29). Phụ nữ không nắm giữ vị trí cao trong dân Y-sơ-ra-ên, và cũng đáng ngờ lắm sẽ có một người Pha-ri-si để mắt đến nhu cầu trong gia đình của Phi-e-rơ. Chúa Giê-xu đã nắm tay và chữa lành cho bà, rồi bà chối dậy hầu việc Chúa và người khác.

Đây dường như là một “phép lạ nhỏ” nhưng kết quả thật lớn vì sau khi mặt trời lặn (lúc chấm dứt ngày Sa-bát), cả thành phố nhóm lại trước cửa và Ngài thoả đáp mọi nhu cầu của họ (Mac 1:32-34). Ơn phước trong gia đình phải dẫn đến phước hạnh nơi cộng đồng. Sự thay đổi trong cuộc đời một phụ nữ đã dẫn đến phép lạ trong đời sống của nhiều người.

Ma-thi-ơ nhìn thấy điều này đã được ứng nghiệm lời tiên tri Es 53:4. Xin bạn lưu ý Chúa Giê-xu hoàn tất lời tiên tri này ngay trong cuộc sống của Ngài chứ không phải trên thập tự giá. Ngài đã mang sự đau ốm và bệnh tật của con người trong suốt chức vụ của Ngài trên thế gian. Nói rằng có “sự chữa lành để chuộc tội” và mọi kẻ tin đều có “quyền” đòi hỏi điều đó là sự diễn dịch sai Kinh Thánh. IPhi 2:24 ứng dụng chân lý này đối với ơn tha thứ mọi tội lỗi chúng ta mà Ngài gánh thay trên thập tự giá. Tội lỗi và bệnh tật luôn đi đôi với nhau (Thi 103:3), bởi vì bệnh tật là hậu quả của tội lỗi của A-đam và cũng là hình ảnh minh họa của tội lỗi. Nhưng Đức Chúa Trời không bị bắt buộc chữa lành hết mọi bệnh tật. Ngài buộc phải cứu mọi tội nhân xưng nhận danh Ngài.

Phần chuyển tiếp đầu tiên về **“chức phận môn đệ”** (Mat 8:18-22). Bởi vì đoàn dân đông theo Chúa Giê-xu, và chưa có sự chống đối xảy ra, nên nhiều người muốn theo Ngài làm môn đệ. Tuy nhiên, họ không trả giá cho việc làm môn đệ của mình. Nhóm từ “Con người” được dùng lần đầu trong sách Ma-thi-ơ là danh xưng dành cho Chúa Giê-xu. Đây là tước hiệu Mê-si-a và vương quyền của nhà vua chép trong sách tiên tri Da 7:13. Mat 8:22 có thể hiểu như thế này, “Hãy để những người chết phần tâm linh lo mai táng người chết của họ”. Chúa Giê-xu không đòi hỏi người đàn ông tỏ ra thiếu kính trọng cha của ông ta (người đang sống), nhưng Ngài yêu cầu ông ta phải có những ưu tiên đúng đắn trong cuộc sống. Rao giảng Phúc Âm và đem sự sống đến cho người chết tâm linh là điều tốt đẹp hơn là ngồi đợi cho đến khi cha của bạn qua đời và chôn cất ông ta.

## **2. Bình an cho người bối rối (Mat 8:23-34)**

Những người được nhắc đến trong 3 phép lạ này đều cần sự bình an, và Chúa Giê-xu đã ban cho họ sự bình an ấy.

**Bình an trong cơn bão** (Mat 8:23-27). Biển Ga-li-lê có chiều dài độ 13 dặm và rộng khoảng 8 dặm. Những cơn bão dữ tợn thỉnh thoảng nổi lên trên biển là chuyện bình thường. Chúa Giê-xu biết chắc cơn bão sắp xảy đến và chắc chắn Ngài có thể ngăn không cho cơn bão xảy ra. Nhưng Ngài đã cho phép xảy ra để dạy cho các môn đệ Ngài bài học về quyền năng của Ngài.

Cơn bão nổi lên vì họ vâng lời Chúa chớ không phải vì bất tuân (như Giô-na). Chúa Giê-xu ngủ vì Ngài yên nghỉ trong ý muốn của Cha Ngài, đây là điều các môn đệ nên làm. Thay vào đó, họ bắt đầu hoảng sợ và trách cứ Chúa không quan tâm. Ma-thi-ơ muốn đưa ra cho độc giả của ông bức tranh tương phản giữa “ít đức tin” của các môn đệ và “đức tin lớn” của viên thầy đội.

**Bình an trong chốn đông người** (Mat 8:28-34). Đây là vụ gây rối để lại ấn tượng rõ nét nhất. Chúng ta thấy được những gì quỷ Sa-tan đối đũa với con người, nó làm con người mất đi sự tỉnh táo và tự chủ, gieo rắc sợ hãi vào trong lòng con người, khiến con người đánh mất niềm vui gia đình và bè bạn, và (nếu nó có thể làm) buộc con người nhận lấy án phạt đời đời. Chúng ta cũng thấy xã hội đối xử với con người đáng thương ấy: giam hãm, cô lập, dọa dẫm anh ta, nhưng xã hội không thể nào thay đổi anh ta được. Và bạn hãy xem Chúa Giê-xu có thể làm gì cho người đàn ông mà trọn cuộc đời ở trong xiềng xích nô lệ và vật lộn không ngừng. Điều Chúa Giê-xu đã làm cho 2 người bị quỷ ám này, Ngài cũng sẽ thực hiện cho bất cứ ai cần đến Ngài.

Chúa Giê-xu Christ đã đến với họ. thậm chí còn bất chấp cả bão tố. Đây là ân điển của Đức Chúa Trời. Ngài đã giải bày cho họ bằng quyền năng của Lời Ngài. Ngài phục hồi trí khôn, quan hệ xã hội và tâm tình phục vụ cho họ. Chuyện kể trong Mac 5:1-21 cho thấy một trong số người được chữa lành đã xin được làm môn đệ của Chúa. Nhưng thay vì chấp nhận lời thỉnh cầu của ông ta, Chúa Giê-xu sai ông ta trở về nhà để làm chứng nhân cho Ngài. Cơ Đốc nhân phải bắt đầu hầu việc phục vụ tại nhà.

**Có 3 lời cầu xin nằm trong sự kiện này:**

(1) Các quỷ kêu nài Chúa Giê-xu cho chúng nhập vào bầy heo,

(2) dân chúng xin Ngài lìa khỏi thành phố, và

(3) một người đã khỏi bị quỷ ám xin Ngài cho ông ở lại với Ngài (Mac 5:18-20). Chúa Giê-xu đáp lời cầu xin của các quỷ và dân chúng, nhưng Ngài không chấp nhận lời cầu xin của người được cứu khỏi quỷ.

Chúng ta có thể xây dựng một “đức tin bằng lời nói” theo như lời của ma quỷ. (Ma quỷ cũng có đức tin, xem Gia 2:19). Ma quỷ tin vào sự hiện hữu của Đức Chúa Trời và thần tánh của Chúa Giê-xu Christ cũng như sự phán xét có thật trong tương lai. Ma quỷ cũng tin vào lời cầu xin. Ma quỷ biết Chúa Giê-xu Christ có quyền cho chúng nhập vào bầy heo.

Sự việc quỷ Sa-tan làm hại 2.000 con heo không đáng so sánh với việc Chúa Giê-xu giải phóng hai người đàn ông thoát khỏi ách ma quyền. Đức Chúa Trời sở hữu mọi vật (Thi 50:10-11) và Ngài có thể sử dụng theo ý Ngài muốn. Chúa Giê-xu coi con người cao trọng hơn heo hoặc chiên (Mat 12:12). Ngài đem bình an đến cho cuộc đời của những người đàn ông này và toàn cộng đồng dân chúng mà từ lâu họ lâm phải cảnh đau khổ buồn phiền.

### **3. Bình an trong tâm hồn (Mat 9:1-8)**

Chúa đã tỏ bày chính mình Ngài có quyền trên tật bệnh và bạo tố, nhưng Ngài có thể làm gì đối với tội lỗi? Sự tê liệt là chứng bại liệt dần dần. Người đàn ông này không thể tự mình làm được gì, nhưng may mắn anh ta có 4 người bạn có lòng yêu thương, đức tin và hi vọng. Họ mang anh ta đến với Chúa Giê-xu và không để cho điều gì cản trở lối đi của họ. Tình trạng bại liệt của người đàn ông có phải do tội lỗi của anh ta không? Chúng ta không biết được. Nhưng chúng ta biết được rằng Chúa Giê-xu giải quyết vấn đề tội lỗi trước. Vì đây là nhu cầu bức thiết nhất.

Qua phép lạ này chúng ta không nên kết luận mọi tật bệnh đều phát sinh từ tội lỗi hoặc hiểu cách máy móc tha thứ có nghĩa là chữa lành tật bệnh. Một vị mục sư của tôi thường nói: “Đức Chúa Trời có thể chữa lành mọi tật bệnh trừ chứng bệnh cuối cùng”. Thanh tỳ tấm lòng của người bị bại quan trọng hơn việc chữa lành thân thể của ông. Người trước bị đau bại trở về nhà với một thân thể khoẻ mạnh và tấm lòng được làm hoà với Đức Chúa Trời. “Đức Chúa Trời ta đã phán, những kẻ gian ác không hưởng được sự bình an” (Es 57:21).

#### **4. Chức phận môn đệ (Mat 9:9-17)**

Phần chuyển tiếp thứ hai “về chức phận môn đệ”. Chúng ta đã đề cập đến sự kêu gọi của Ma-thi-ơ trong chương thứ nhất của sách này. Chúng ta chỉ cần nhận xét 4 hình ảnh trong chức vụ của Ngài mà Chúa Giê-xu bày tỏ trong sứ điệp này. Là một Bác sĩ, Ngài đến chữa lành tâm linh cho tội nhân bệnh hoạn. Là một Chàng rể, Ngài đến ban cho niềm vui thiên thượng. Cuộc đời của Cơ Đốc nhân là yến tiệc chớ không phải tang chế. Hình ảnh tấm vải nhắc chúng ta rằng Ngài đến đem cho chúng ta tâm linh vẹn lành, Ngài không đến để “chấp vá sửa chữa chúng ta” và rồi lại để chúng ta rách nát. Hình ảnh bầu da đựng rượu dạy chúng ta Ngài ban cho chúng ta tâm linh đầy tràn. Tôn giáo của người Giu-đa là một bầu da cũ sẽ bị nứt rách nếu rượu mới là Phúc Âm của Chúa đổ đầy vào. Chúa Giê-xu không đến để khôi phục lại luật pháp Môi-se hoặc trộn lẫn luật pháp với ân điển. Ngài đến mang lại một nếp sống mới.

#### **5. Hàn gán những tấm lòng tan vỡ (Mat 9:18-38)**

Trong phần này Ma-thi-ơ ghi lại 4 phép lạ liên quan đến 5 con người.

**Một gia đình tan vỡ** (Mat 9:18-19,23-26). Ất hẳn Giai-ru thấy khó khăn lắm khi ông tìm đến với Chúa Giê-xu, bởi vì ông là người Giu-đa sùng đạo và là nhân vật lãnh đạo trong nhà hội. Nhưng lòng yêu thương đứa con gái sắp chết thôi thúc Giai-ru tìm đến xin Chúa Giê-xu giúp đỡ, cho dù các nhà lãnh đạo tôn giáo đang chống đối Ngài. Khi Giai-ru đến gặp Chúa Giê-xu, con gái của ông đang hấp hối. Sự chậm trễ vì người đàn bà được chữa lành đã tạo cho “kẻ thù sau cùng” có cơ hội thực hiện công việc của nó. Các bạn bè của Giai-ru đến báo cho ông ta biết con gái ông đã chết.

Chúa Giê-xu nhanh chóng trấn an Giai-ru và cùng đi với ông ta. Thực tế, sự chậm trễ đó giúp cho đức tin của Giai-ru mạnh mẽ thêm lên, vì ông thấy đức tin yếu ớt của người đàn bà đã chữa lành cuộc đời của bà. Chúng ta phải học tập tin cậy Chúa Giê-xu Christ và lời hứa của Ngài cho dù chúng ta cảm thấy ra sao, cho dù người ta có nói gì đi chăng nữa, và hoàn cảnh có ra thế nào. Quang cảnh tại nhà ất đã làm cho Giai-ru sợ hãi, tuy vậy Chúa Giê-xu nắm quyền kiểm soát và đỡ bé gái từ kẻ chết sống lại.

**Một hi vọng tan vỡ** (Mat 9:20-22). Mac 5:26 cho chúng ta biết người phụ nữ này đã đến với nhiều thầy thuốc, nhưng không ai cứu được bà. Bạn hãy tưởng tượng nỗi tuyệt vọng xâm chiếm lòng bà như thế nào. Mọi hi vọng của bà đều tan biến. Do bệnh

băng huyết này, bà bị kể là ô uế (Le 15:25), điều này chỉ làm cho nàng thêm vô vọng. “Trôn áo” nói đến những cái tua nơi các ché áo mà người Do Thái mang trên y phục của họ để nhắc họ nhớ họ là dân sự của Đức Chúa Trời (Dan 15:37-41 Phu 22:12).

Thật là thú vị khi hai con người đối nghịch nhau - Giai-ru và người phụ nữ gặp nhau nơi chân Chúa Giê-xu. Giai-ru là một nhà lãnh đạo Do Thái bà là phụ nữ không ai biết đến và không có chút thanh danh hoặc tài sản nào. Giai-ru là người lãnh đạo nhà hội, trong khi bà không thể thờ phượng vì nỗi khổ của mình. Giai-ru đến cầu xin cho con gái của ông ta người phụ nữ đến vì nhu cầu của chính mình. Con gái của Giai-ru đã sống khoẻ mạnh 12 năm rồi chết, người đàn bà bị bệnh 12 năm và bây giờ được chữa lành. Giai-ru cầu xin công khai - mọi người đều biết người phụ nữ kín đáo bày tỏ đức tin của mình - chỉ có Chúa Giê-xu hiểu lòng bà. Cả Giai-ru và người đàn bà đều tin cậy Chúa Giê-xu Christ và Ngài đáp ứng nhu cầu của họ.

Có thể Giai-ru đã tức giận người đàn bà, bởi vì bà đã không để cho Chúa Giê-xu đến kịp trước lúc con gái ông ta chết. Nhưng vấn đề thật sự của ông ta không phải là người phụ nữ, nhưng là chính ông ta: Ông ta cần có đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ. Chúa Giê-xu đòi người đàn bà làm chứng lại việc đã xảy ra cho mình (xem bản tường thuật trong sách Mác) vì lợi ích của bà ta lẫn của Giai-ru. Điều Đức Chúa Trời và giúp người khác phải khích lệ chúng ta tăng thêm lòng tin cậy Ngài. Trong sự cầu nguyện chúng ta không nên nghĩ về mình nhiều quá đến nỗi không thể trông cậy nơi Chúa, vì biết rằng Ngài chẳng bao giờ chậm trễ.

Lòng tin của người đàn bà này gần như mê tín. tuy nhiên Chúa Giê-xu đã khen ngợi và chữa lành cho bà. Chúng ta phải “rờ tìm Đấng Christ” nơi nào chúng ta có thể tìm được, ngay cả phải bắt đầu nơi trôn áo của Ngài. Người Pha-ri-si làm cho các tua áo của họ dài ra để làm ra vẻ thiêng liêng hơn, nhưng họ thiếu đi quyền năng chữa bệnh (Mat 23:5). Có nhiều người khác cũng rờ đến viền áo của Cứu Chúa Giê-xu và họ được chữa lành (14:34-36).

Khi cụ James Simpson, người phát minh ra chất thuốc mê sắp qua đời, một người bạn đã nói với ông ta rằng: “Ông sẽ sớm yên nghỉ nơi bóng cánh của Ngài”. Nhà khoa học đáp “Tôi không biết tôi có thể làm điều đó không, nhưng tôi nghĩ rằng tôi đã nắm được viền áo của Ngài.” Không phải đức tin mạnh mẽ của chúng ta cứu chúng ta bèn là lòng tin nơi Đấng Christ quyền năng.

*Những thân thể khuyết tật* (Mat 9:27-34). Chúng ta không biết lý do những người này bị mù. Mù loà là một vấn nạn nhức nhối trong xã hội phương đông thời bấy giờ. Các phần kỹ thuật cho thấy Chúa Giê-xu đã chữa lành cho ít nhất 6 người mù, và mỗi trường hợp đều khác nhau. Hai người mù này biết Chúa Giê-xu Christ là con vua Đa-vít (Mat 1:1) và một mục theo Ngài vào đến trong nhà. (Đương nhiên họ có bạn bè giúp dẫn đường cho họ). Chúa Giê-xu Christ đã khen ngợi đức tin của họ. Lời xưng nhận “Lạy Chúa, được” đã đem đến cho họ quyền năng chữa bệnh và họ đã được sáng mắt trở lại.

*Sự mù loà là hình ảnh của sự ấu trĩ thuộc linh và vô tín* (Mat 15:14 Es 6:10 Ro 11:25). Tội nhân phải sanh lại mới thấy được Nước Đức Chúa Trời (Gi 3:3). Và người tin Ngài phải gắng sức lớn lên trong đức tin nếu không đời sống thuộc linh của người ấy sẽ trở thành mù loà. (IIPhi 1:5-9).

Phép lạ cuối trong chương sách này nói đến một trường hợp bị quỷ ám (Mat 9:32-34). Trong khi chúng ta biết có sự khác biệt giữa bệnh tật và những hành động quỷ

ám, ma quỷ cũng có quyền gây ra những đau khổ bệnh tật về thể xác. Ở đây, ma quỷ đã làm cho người đàn ông bị câm. Bạn hãy nghĩ đến sự thiệt thòi của con người tật nguyền này lớn làm sao. Chúa Giê-xu chữa lành cho ông ta và dân chúng thừa nhận rằng đây là một chuyện mới xảy ra trong dân Y-sơ-ra-ên.

Nhưng các bậc lãnh đạo tôn giáo không công nhận Chúa Giê-xu là Đấng Mê-si-a. Và họ đã giải thích các phép lạ của Ngài như thế nào? Họ nói rằng Chúa Giê-xu cậy phép chúa quỷ mà trừ quỷ. Họ lập lại ý như vậy ở một lần khác và Chúa Giê-xu đã bác bỏ lời nhận định ấy (Mat 12:22). Trong sự vô tín, của họ người Pha-ri-si đang đùa giỡn trong tay quỷ Sa-tan.

**Phần chuyển tiếp thứ ba về “chức phận môn đệ”** (Mat 9:35-38). Không những Chúa Giê-xu chữa lành tật bệnh Ngài còn giảng dạy nữa. Nhưng Ngài không thể làm việc một mình - Ngài cần người khác giúp đỡ Ngài. Ngài yêu cầu các môn đệ cầu xin Đức Chúa Trời sai thêm con gặt đến trong mùa mình. Không lâu sau đó chính các môn đệ bước vào chức vụ rao giảng, dạy dỗ về Nước Đức Chúa Trời và chữa lành các thứ tật bệnh (Mat 10:142). Cũng vậy, khi chúng ta cầu nguyện theo lệnh của Ngài, chúng ta sẽ thấy điều Ngài đã chứng kiến, cảm nhận điều Ngài đã từng trải và làm điều Ngài đã thực hiện. Đức Chúa Trời sẽ làm phong phú cuộc đời chúng ta khi chúng ta tham gia vào mùa gặt đã chín vàng (Gi 4:34-38).

## **7. SỨ GIẢ CỦA VUA (Mat 10:1-42)**

Chỉ bởi Chúa Giê-xu Christ mới có thể hoàn thành công tác cứu rỗi, và Ngài đã một mình thi hành công tác ấy. Nhưng công tác truyền rao ơn cứu rỗi này cần đến sự cộng tác của tôi con Ngài là người đã tin nhận và được Ngài ban cho ơn cứu rỗi. Nhà vua cần sứ giả để truyền các mệnh lệnh - và Ngài vẫn luôn cần đến họ. “Ta sẽ sai ai đi, ai sẽ đi cho chúng ta?” (Es 6:8). Chúng ta cầu xin cho các con gặt không thôi vẫn chưa đủ (Mat 9:36-38). Chúng ta phải chuẩn bị mình sẵn sàng phục vụ Ngài.

Trước khi Chúa Giê-xu sai sứ giả của Ngài đi ra thi hành chức vụ, Ngài ban sứ điệp “Phong chức” để khích lệ và chuẩn bị cho họ bước vào công trường của Ngài. Trong lời giảng dạy này, Vua có một số điều phán với tất cả tôi con của Ngài trong quá khứ, hiện tại và cả tương lai. Nếu không nhận ra điều này, chúng ta sẽ không có cách nào hiểu được sứ điệp của chương sách này.

### **1. Những chỉ dẫn cho các sứ đồ thời xưa (Mat 10:1-15)**

“Môn đồ” là học trò, người đi theo thầy và học cái khôn của thầy mình. Chúa Giê-xu có nhiều môn đệ, một ít trong số họ là “Những kẻ theo đóm ăn tàn”, và một số đã thực sự thay đổi (Gi 6:66). Từ trong đám đông người theo Ngài, Chúa Giê-xu đã chọn một nhóm nhỏ 12 người và Ngài gọi họ là “sứ đồ”. Danh từ này có nguồn gốc từ chữ apostello trong tiếng Hy Lạp, có nghĩa là “sai đi thi hành một sứ mạng”. Người Hy Lạp dùng để nói đến các đại diện tâm phúc của nhà vua, những sứ giả thay quyền vua thực hiện công việc triều đình. Xem thường sứ giả của nhà vua là có ý đồ phản loạn.

Một người muốn làm sứ đồ của Chúa Giê-xu phải hội đủ những phẩm chất nhất định. Người ấy phải chứng kiến Chúa Giê-xu Christ sống lại (ICo 9:1) và từng sống với Ngài (Cong 1:21-22). Người ấy được Chúa lựa chọn (Eph 4:11). Các sứ đồ đặt nền móng của Hội Thánh (Eph 2:20) và rồi họ qua đi. Trong khi mọi kẻ tin đều được sai đi làm sứ giả cho Chúa (Gi 20:21 17:18), thì ngày hôm nay chẳng ai có quyền đòi hỏi chức sứ đồ vì chẳng ai trong chúng ta chứng kiến Chúa Giê-xu đã sống lại (IPhi 1:8).



Các sứ đồ đầu tiên đã được Chúa Giê-xu Christ ban năng quyền đặc biệt để làm phép lạ. Các phép lạ này là một phần trong “những lời chứng chính thức” của họ (Cong 2:43 5:12 IICo 12:12 He 2:1-4). Họ đã chữa lành người bệnh (điểm lưu ý người bệnh nói đến ở đây bao gồm tất cả mọi tật bệnh), làm sạch kẻ phung, đuổi quỷ, và kêu kẻ chết sống lại. Bốn sự phục vụ này giống với những phép lạ mà Chúa Giê-xu đã làm trong các chương 8 và 9. Ở một mức độ nhất định các sứ đồ đại diện cho Chúa và mở mang công việc của Ngài.

Sứ mạng của Chúa Giê-xu Christ giao cho 12 sứ đồ không phải là sứ mạng của chúng ta ngày nay. Ngài sai phái họ chỉ riêng cho dân Do Thái. “Trước cho người Giu-đa” là một kiểu mẫu lịch sử, vì “Sự Cứu Rỗi bởi người Giu-đa mà đến” (Gi 4:22). Mười hai vị sứ giả này rao báo Nước Trời đã đến gần y như Giăng Báp-tít (Mat 3:2) và chính Chúa Giê-xu đã làm (4:17). Buồn thay, người Giu-đa đã chối bỏ Chúa Giê-xu Christ cùng các sứ giả của Ngài, bởi vậy Nước Đức Chúa Trời bị cất khỏi họ (21:43).

Các sứ đồ tùy thuộc nơi sự tiếp đãi của người khác khi họ thi hành chức vụ từ thành này đến thành khác. Vào thời ấy một thành phố từ chối không tiếp khách là vi phạm phép tắc giao tế. Tuy nhiên, các sứ giả chỉ lưu lại với những người “xứng đáng”, những người tin nhận Chúa Giê-xu Christ và nhận lấy sứ điệp bình an và tha thứ của Ngài. Các vị sứ giả không được thoả hiệp. Nếu thành nào từ chối không nghe lời họ, các sứ giả phải cảnh cáo họ và rời khỏi. Phải bụi nơi chân là hành động của sự phán xét (Cong 13:51).

Chúng ta không biết “chiến dịch rao giảng Phúc Âm” này kéo dài bao lâu. Chính Chúa Giê-xu đi ra rao giảng (Mat 11:1), và sau đó họ trở về thuật lại cho Chúa những việc họ đã làm (Lu 9:10), Mac 6:7 cho chúng ta biết Chúa Giê-xu đã sai họ đi ra thành từng đôi, điều này giải thích tại sao tên của họ được liệt kê theo từng đôi ở các câu 2-4. Kh 21:14 cho chúng ta biết tên của 12 sứ đồ được khắc trên các tường thành của thiên đàng. Dĩ nhiên, tên của Ma-thia sẽ được thay thế cho tên Giu-đa (Cong 1:26). Trong khi chúng ta có thể rút ra được những bài học thuộc linh trong chương sách này, chúng ta không nên áp dụng những lời chỉ dạy này cho đời sống chúng ta. Sứ mạng của Chúa giao cho chúng ta bao gồm “khắp thế gian” (Mat 28:19-20), không chỉ dành cho nước Do Thái. Chúng ta rao giảng Phúc Âm cứu ân của Đức Chúa Trời (Cong 20:24).

Sứ điệp rao báo của chúng ta là “Chúa Giê-xu Christ đã chịu chết vì tội lỗi chúng ta” và chúng ta không nói đến “Nước Trời đến gần”. Vua Nước Trời đã đến Ngài đã chịu thương khó, chịu chết và đã sống lại từ trong kẻ chết. Hiện nay Ngài ban sự cứu rỗi cho mọi kẻ tin Ngài.

## **2. Những lời chỉ dẫn cho các môn đệ trong tương lai (Mat 10:16-23)**

“Không khí” của phân đoạn này khác với phân đoạn trước. Ở đây Chúa phán về sự bắt bớ, nhưng chúng ta không nghe nói về sự đau khổ của 12 sứ đồ trong suốt thời gian họ ra đi. Chúa Giê-xu cũng nói đến chức vụ cho dân ngoại (Mat 10:18). Thánh Linh của Đức Chúa Trời chưa được ban xuống cho họ, nhưng Chúa Giê-xu nói về Chúa Thánh Linh sẽ đặt lời của Ngài trong môi miệng họ. (Mat 10:20). Mat 10:22 cho biết có sự bắt bớ ghen ghét khắp thiên hạ tuy nhiên các sứ đồ chỉ thực hiện nhiệm vụ trong lãnh thổ của họ mà thôi. Sau cùng, Mat 10:23 cho biết về sự tái lâm của Chúa, và đương nhiên các sự kiện này cũng xảy ra trong tương lai. Thật khó tránh khỏi kết

luận cho rằng các lời chỉ dạy này ứng dụng cho các chứng nhân tại một thời điểm nào đó trong tương lai.

Vậy lúc nào những việc ấy xảy ra? Ở góc độ nào đó, một số sự kiện này đã xảy ra trong sách Công-vụ-các-sứ-đồ đầu Chúa Giê-xu Christ chưa trở lại vào lúc ấy. Và chức vụ trong sách Công-vụ-các-sứ-đồ không giới hạn trong vòng “các thành dân Y-sơ-ra-ên” (Mat 10:23). Dường như thời gian được mô tả trong phần này tương đương với thời gian khổ nạn mà Chúa Giê-xu Christ miêu tả trong “Câu chuyện tại Núi Ô-li-ve” của Ngài (Mat 24:1-25:46). Thật ra, lời phán “ai bền lòng cho đến cuối cùng thì sẽ được cứu” (Mat 10:22) là một phần trong lời tiên tri của Chúa (Mac 13:13 Mat 24:13). Điều này không nói đến một người tự giữ mình được cứu, nhưng người đó chịu được sự bắt bớ và trung tín với Chúa.

Nếu những lời chỉ dạy này xảy ra trong thời kỳ khổ nạn sắp đến, chúng ta dễ hiểu tại sao Chúa Giê-xu đề cập nhiều về sự ghen ghét và bắt bớ. Thời kỳ khổ nạn là thời gian chống đối. Tội tở của Đức Chúa Trời giống như chiên đi giữa bầy muông sói. Họ cần có “tinh thần bền bỉ và tấm lòng mềm mại”. Sự chống đối này sẽ xảy ra nơi nhà hội, (Mat 10:17), trước các nhà cầm quyền (10:18) và ngay cả tại gia đình (Mat 10:21).

Trong lúc người tin đạo tản lạc khắp đất đang trải qua những bắt bớ điều đó cho thấy sự chống đối sẽ trải rộng khắp thế gian. “Tôn giáo” luôn luôn bắt bớ người tin đạo chân thật. Ngay cả sứ đồ Phao-lô cũng bắt bớ Hội Thánh khi ông còn là Sau-lơ tại Tạt-sơ. Lịch sử Hội Thánh cho biết “tổ chức tôn giáo” không có Phúc Âm cứu rỗi của Chúa Giê-xu Christ đã không ngừng chống đối bất cứ ai dám làm chứng nhân cho Chúa Giê-xu một cách mạnh mẽ.

Mat 10:18 dạy rằng chính quyền cũng sẽ ủng hộ chương trình bắt bớ này. Các lời tiên tri trong Kinh Thánh dạy chúng ta rằng trong ngày cuối cùng chính quyền và tôn giáo sẽ kết hiệp với nhau để thống trị thế giới. Khải-huyền chương 13 mô tả một thời gian trong kỳ đại nạn kẻ cai trị thế giới (Kẻ địch lại Đấng Christ) sẽ bắt buộc thế giới thờ lạy nó và ảnh hưởng của nó. Nó sẽ cầm quyền trên tôn giáo, kinh tế, và chính trị khắp thế giới và nó sẽ dùng cả 3 lực lượng này để bắt bớ những người trung tín với lẽ thật.

Cũng sẽ có sự băng hoại trong tình yêu gia đình và lòng chung thủy. “Vô tình” là một trong những dấu hiệu thời kỳ cuối cùng (IITi 3:3). Chúa Giê-xu trích dẫn Mi 7:6 để chứng minh điều này (Mat 10:21). Ba nền nếp mà Đức Chúa Trời đã thiết lập trong thế gian này là gia đình, chính quyền và Hội Thánh. Trong ngày sau rốt, thay vì ủng hộ lẽ thật cả ba lại chống đối lẽ thật.

Những kỳ đại nạn cũng là dịp thuận tiện. Người tin đạo sẽ làm chứng trước mặt các bậc cầm quyền và các vua (Mat 10:18). Kẻ thù của họ sẽ tìm cách làm cho họ sa ngã nhưng Thánh Linh của Đức Chúa Trời sẽ dạy cho các chứng nhân điều họ phải nói. Tín hữu ngày hôm nay không được dùng các lời dạy trong 10:19-20 làm lời biện hộ cho việc không chịu học hỏi Lời Kinh Thánh để chuẩn bị cho việc làm chứng, dạy dỗ hoặc rao giảng. Những câu Kinh Thánh miêu tả một tình trạng khẩn cấp đó không phải là kiểu mẫu của Đức Chúa Trời cho chức vụ ngày hôm nay. Ngay trong thời các sứ đồ, Đức Thánh Linh ban sứ điệp cho họ khi họ đối mặt với kẻ thù nghịch (Cong 4:8). Sứ mạng đặc biệt này của Đức Thánh Linh sẽ rõ ràng trong suốt thời kỳ đại nạn.

Kỳ đại nạn sẽ là thời gian chống đối bách hại và cũng là dịp thuận tiện nhưng đó cũng là kỳ thuận phục. Các sứ giả nhà vua phải “bền lòng cho đến cuối cùng” và trung

tín trong chức vụ của họ, dù họ phải mất mạng sống mình. Mặc dầu bị gia đình gây đau đớn, từ bỏ, bị bắt bớ kiện cáo từ thành này đến thành khác, bị giải nộp đến trước mặt các cấp lãnh đạo, tôi con của Chúa phải trung thành với Ngài. Đức Chúa Trời sẽ sử dụng họ làm chứng nhân chinh phục linh hồn người khác. Kh 7:1-8 cho thấy có 144.000 sứ giả trong dân Y-sơ-ra-ên sẽ mang Lời của Đức Chúa Trời đi rao giảng khắp đất trong suốt thời kỳ đại nạn và kết quả có vô số người không ai đếm được sẽ đến cùng Chúa Giê-xu Christ (Kh 7:9).

Rất có thể những lời phán dạy trong Mat 10:1-42 sẽ rất quý báu và ý nghĩa cho các sứ giả rao báo tin mừng trong suốt thời gian ấy. Ngày nay chúng ta có thể rút ra nhiều bài học từ những lời dạy này, cho dù ý nghĩa của lời dạy ấy được áp dụng cho các tôi con của Đức Chúa Trời trong tương lai. Cho dù hoàn cảnh của chúng ta có khó khăn như thế nào, chúng ta cũng có thể tận dụng sự chống đối làm cơ hội làm chứng cho Chúa. Chúng ta có thể tin cậy Thánh Linh của Đức Chúa Trời giúp chúng ta nhớ lại điều Chúa đã dạy chúng ta (Gi 14:26). Thay vì trốn tránh hoặc tìm một nơi an nhàn hơn, chúng ta có thể “bền lòng cho đến cuối cùng, vì biết rằng Đức Chúa Trời sẽ vừa giúp chúng ta và chăm nom chúng ta.

### **3. Những lời chỉ dạy cho các môn đệ trong hiện tại (Mat 10:24-42)**

Trong khi Lời Chúa trong khúc Kinh Thánh này xảy ra cho tôi con Chúa trong bất cứ giai đoạn nào của lịch sử Thánh Kinh, đối với Hội Thánh ngày nay những chân lý ấy có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Điểm nhấn mạnh ở đây là “Đừng sợ” (c.26,28,31). Nỗi sợ hãi mà Chúa Giê-xu đã phán dạy được giải thích trong các câu Mat 10:32-33: do xưng nhận Chúa Giê-xu Christ ra trước mặt thiên hạ. Đức Chúa Trời không có “chức vụ hầu việc bí mật”. Sự công khai xưng nhận đức tin nơi Đấng Christ là bằng chứng của sự cứu rỗi (Rô 10:9-10). Có nhiều lý do tại sao chúng ta không dám công khai xưng nhận Đấng Christ. Chúng ta hãy cùng xem xét những lý do tìm thấy trong Mat 10:1-42.

*Đau đớn là điều đó có thể xảy ra* (10:24-25). Người ta đã bắt bớ Chúa Giê-xu Christ khi Ngài thi hành chức vụ trên thế gian, vậy tại sao chúng ta mong đợi điều gì khác? Chúng ta là môn đệ của Ngài, và môn đệ “không hơn” thầy của mình. Người ta đã nói rằng Chúa Giê-xu cùng hội với quỷ Sa-tan (Bê-ên-xê-bun: chúa quỷ chủ nhà) do vậy họ sẽ gọi những người theo Ngài cùng một cách như vậy. Tuy nhiên, chúng ta nên xem đó là dịp tốt để chịu khổ vì danh của Ngài và cùng Ngài chịu khổ (Cong 5:41 Phi 3:10).

*Đức Chúa Trời sẽ bày mọi điều ra dưới ánh sáng* (Mat 10:26-27). Kẻ thù của Chúa Giê-xu Christ dùng những phương cách dối trá và gian xảo để chống lại Phúc Âm của Ngài. Những người tin đạo thật sống và làm chứng về Chúa cách công khai và mạnh mẽ. Chúng ta không có gì phải che đậy. “Ta chẳng từng nói kín giấu điều gì” Chúa Giê-xu phán (Gi 18:20). Nhưng người là chứng dối cáo tội Ngài trong lúc Ngài xử án, nhưng Đức Chúa Trời biết rằng tại điều đó lẽ thật được bày tỏ ra. Chúng ta không có gì phải sợ vì một ngày kia Đức Chúa Trời sẽ phơi bày những điều kín giấu trong lòng người (Rô 2:16) và đoán xét những việc kín nhiệm ấy. Công việc của chúng ta không phải làm đẹp, lòng người ta, nhưng là rao báo sứ điệp của Đức Chúa Trời. Chúng ta không sợ sự xét đoán của con người ngày hôm nay bởi vì chúng ta đang sống trong ánh sáng công lý của sự phán xét ngày sau của Đức Chúa Trời.

***Chúng ta chỉ sợ một mình Đức Chúa Trời*** (Mat 10:28). Tất cả những gì người ta có thể làm là giết thân thể và nếu thân thể của người tin Chúa bị giết, linh hồn của họ được về ở với Đức Chúa Trời. Nhưng Đức Chúa Trời có quyền huỷ diệt cả thân thể lẫn linh hồn trong hoả ngục. Dĩ nhiên Đức Chúa Trời sẽ không đoán phạt con cái của Ngài (Ro 8:1 Gi 5:24). Martin Luther cảm nhận được lời dạy dỗ này và ông viết:

Của cải và người thân yêu sẽ ra đi,  
Cả cuộc sống rối ren này cũng vậy  
Thân xác này có thể bị bỏ,  
Nhưng lời Đức Chúa Trời vẫn hằng còn  
Nước Ngài còn đến đời đời.

Người kính sợ một mình Đức Chúa Trời chẳng sợ hãi bất kỳ ai hoặc nhóm người nào. Sự kính sợ Đức Chúa Trời xoá tan mọi nỗi sợ hãi.

***Đức Chúa Trời chăm sóc con cái Ngài*** (Mat 10:29-31). Chúng ta không mất nhiều tiền để mua chim sẻ bán ngoài chợ. Nếu so sánh những câu này với Lu 12:6, chúng ta khám phá thấy giá chim sẻ rẻ đến nỗi người bán cho thêm người mua một con! Nhưng Đức Chúa Trời biết lúc nào con chim sẽ rơi xuống đất và Ngài có ở đó. Nếu Đức Chúa Trời chăm nuôi chim sẻ cách lạ lùng như vậy, há Ngài không chăm sóc người hầu việc Ngài sao? Ngài tất sẽ làm điều ấy. Đối với Đức Chúa Trời, chúng ta còn giá trị hơn nhiều con chim sẻ.

Đức Chúa Trời quan phòng mọi chi tiết trong cuộc đời chúng ta. Ngay cả tóc trên đầu chúng ta Ngài đã đếm cả rồi - Ngài không “đếm” chung chung nhưng Ngài đếm từng sợi một. Đức Chúa Trời nhìn thấy chim sẻ rơi xuống đất, và Ngài nhìn thấy từng sợi tóc trên đầu mỗi một con cái Ngài rụng xuống. Khi Ngài bảo bọc con cái Ngài, Ngài bảo vệ đến từng sợi tóc (Lu 21:18). Chúng ta không có gì sợ hãi khi Đức Chúa Trời đang thực hành sự chăm sóc kỳ diệu của Ngài trên chúng ta.

Đấng Christ tôn vinh những ai xưng nhận danh Ngài Mat (10:32-33). Xưng nhận danh Ngài không có nghĩa chỉ nói bằng môi miệng, nhưng còn thể hiện trong nếp sống đạo nữa. Đó là miệng xưng “Chúa Giê-xu Christ là Chúa” và lòng vâng phục Ngài và làm theo ý muốn Ngài. Lời nói và việc làm phải đi đôi với nhau.

Chúa Giê-xu có hai nhiệm vụ đặc biệt ở trên trời. Là thầy Tế Lễ Thượng Phẩm, Ngài ban ân điển cho chúng ta và cứu chúng ta tránh khỏi tội lỗi. Là Đấng biện hộ, Ngài tha thứ và chữa lành chúng ta khi chúng ta phạm tội (IGi 2:1-2). Công lao của chức vụ cầu thay của Ngài bên hữu Đức Chúa Trời không tùy thuộc vào sự thành tín của chúng ta, vì Ngài là thành tín còn chúng ta thì không (IITi 2:12-13). Nhưng chức vụ của Ngài ở trên trời đem lợi ích cho những người trung tín với Ngài. Khi Đấng Christ xưng nhận chúng ta trước mặt Đức Chúa Cha, Ngài đảm bảo chúng ta có phần trong sự hi sinh của Ngài trên thập tự giá. Khi Ngài chối bỏ chúng ta trước mặt Cha Ngài, chúng ta không có phần gì trong ân điển cứu chuộc của Ngài. Lỗi tại nơi chúng ta, chớ không bởi Ngài.

Nhưng có một điều khác nữa liên quan đến chúng ta. Một ngày kia chúng ta sẽ ứng hầu trước ngai đoán xét của Ngài để nhận lãnh mọi điều mình đã làm (ICo 5:10 Ro 14:10). Nếu chúng ta chối Ngài, chúng ta sẽ mất phần thưởng và sự vui mừng khi nghe Ngài phán “Được lắm”. Chắc thật, bất kỳ ai chối Ngài trên thế gian có thể

được Ngài tha thứ khi biết ăn năn. Phi-e-rơ đã chối Chúa 3 lần, ông đã được Chúa tha thứ và phục hồi địa vị làm con của Ngài.

***Chúng ta không thể nào tránh khỏi tranh chiến*** (Mat 10:34-39). Chúng ta đã một lần phó thác cuộc đời cho Chúa Giê-xu Christ và xưng nhận danh Ngài, tất nhiên chúng ta là một bộ phận trong cuộc chiến. Chúng ta không gây chiến mà là Đức Chúa Trời tuyên chiến với quỷ Sa-tan (Sa 3:15). Trong đêm Chúa Giê-xu giáng sinh, các thiên sứ rao báo: “bình an trên đất” (Lu 2:14). Nhưng dường như Chúa Giê-xu phủ nhận chân lý này. “Ta đến không phải đem sự bình an mà là đem gươm giáo” (Mat 10:34). Nếu như dân Y-sơ-ra-ên tiếp nhận Ngài, Ngài đã ban bình an cho họ rồi. Nhưng người ta đã chối bỏ Ngài, và kết quả là “gươm giáo”. Thay vì có “bình an trên đất”, chỉ có “bình an ở trên trời” (Lu 19:38). Ngài đã làm nên hoà bình bởi huyết Ngài đã đổ ra trên thập tự giá (Co 1:20) để con người có thể phục hoà với Đức Chúa Trời và hoà thuận với nhau.

Phương cách duy nhất để người tin Chúa thoát khỏi tranh chiến đó là chối bỏ Đấng Christ và thay đổi lời làm chứng của mình, và điều này là tội lỗi. Và rồi người đó sẽ chống nghịch Chúa và chống nghịch chính mình. Chúng ta sẽ bị người thân cận chúng ta hiểu nhầm và vu oan Tuy vậy chúng ta đừng để điều này ảnh hưởng đến lời chứng của chúng ta. Thật là quan trọng khi chúng ta chịu khổ vì có Chúa và sự công bình của Ngài, chớ không phải vì bản thân chúng ta quá khó để người khác sống chung với. Giữa “sự vấp phạm về thập tự giá” (Ga 5:11) và các Cơ Đốc nhân gây vấp phạm có sự khác nhau.

Mỗi Cơ Đốc nhân phải quyết định dứt khoát một lần đủ cả yêu kính Chúa Giê-xu Christ, hằng ngày vác thập tự giá và theo Ngài. Tình yêu trong câu Mat 10:37 là động cơ để vác thập tự giá trong Mat 10:38. “Vác thập tự giá” không có nghĩa là mang một dấu hiệu trên ve áo hoặc dán một cái nhãn trên xe hơi của chúng ta. Vác thập tự giá có nghĩa là xưng nhận Chúa Giê-xu Christ và vâng phục Ngài cho dù có buồn thảm và đau đớn. Có nghĩa là chúng ta chết với Chúa mỗi ngày. Nếu Chúa bị treo trên thập tự giá vì tội chúng ta, thì ít nhất chúng ta có thể vác thập tự thay cho Ngài.

Mat 10:39 giới thiệu cho chúng ta chỉ có 2 sự chọn lựa: giữ gìn sự sống mình hoặc hi sinh sự sống mình. Không có lập trường hàng hai. Nếu chúng ta giữ gìn lợi ích riêng của chúng ta, chúng ta sẽ thua ngược lại làm chết bản ngã của mình và sống cho ích lợi của Ngài, chúng ta sẽ thắng. Bởi vì sự tranh chiến thuộc linh không thể tránh khỏi trên thế gian, thì tại sao chúng ta không làm chết bản ngã và để cho Đấng Christ đắc thắng cho chúng ta và trong chúng ta? Rốt lại, sự tranh chiến thật sự xảy ra ở bên trong - sự tự kỷ đối đầu với sự hi sinh.

***Chúng ta có thể làm nguồn phước hạnh cho nhau*** (Mat 10:40-42). Không phải mọi người đều chối bỏ lời làm chứng của chúng ta. Có nhiều người sẽ tiếp đón chúng ta và nhận lãnh ơn phước. Xét cho cùng chúng ta là những sứ giả của Nhà Vua. Vua của chúng ta sẽ đảm bảo chắc chắn rằng họ được phần thưởng về những gì họ đã làm. Khi người ta tiếp đón chúng ta, họ tiếp đón Nhà Vua bởi vì chúng ta là đại sứ của Ngài. Hãy đọc IISa 10:1-19 để làm thí dụ về những gì xảy ra khi người ta xử tệ với đoàn tùy tùng của Nhà Vua.

Tuy nhiên ơn phước không phải tự nhiên mà có được. Phước hạnh có được tùy nơi thái độ của chủ nhà. Nếu chủ nhà tiếp đãi sứ giả như một vị tiên tri (người phát ngôn cho Đức Chúa Trời), thì ông ta sẽ nhận phần thưởng còn nếu ông ta chỉ tiếp đãi

Sứ giả như một người công bình, ông ta nhận một phần thưởng khác. Nhưng ngay cả một cốc nước lạnh chúng ta lấy lòng thành thật ban cho, chúng ta cũng nhận được phần thưởng.

Bạn hãy nhớ rằng chủ đề của phần cuối chương này nói về chức phận môn đệ, chứ không chức phận con. Chúng ta trở nên con cái Đức Chúa Trời bởi tin nơi Chúa Giê-xu Christ chúng ta là môn đệ khi chúng ta trung tín theo Ngài và vâng theo ý muốn của Ngài. Chức phận con không thay đổi, nhưng chức phận môn đệ thay đổi khi chúng ta bước đi với Đấng Christ. Ngày nay cần có nhiều môn đệ trung tín, những người biết học tập nơi Chúa và sống cho Ngài.

Điều này đưa chúng ta đến phần kết thúc của nội dung chính yếu đầu tiên của sách Ma-thi-ơ, SỰ MẠC KHẢI CỦA NHÀ VUA. Chúng ta đã nhìn thấy Con Người của Ngài (Các chương 1-4), Các Phép Tắc của Ngài (Các chương 5-7) và Quyền Phép của Ngài (Các chương 8-10). Dân tộc sẽ đáp lại sự mạc khải này như thế nào?

## **8. VUA BỊ CHỐNG ĐỐI (Mat 11:1-12:50)**

Mọi chứng cứ đã được bày tỏ. Giăng Báp-tít đã giới thiệu Nhà Vua cho dân tộc. Chúa Giê-xu đã hé mở cho thấy con người, phép tắc và quyền phép của Ngài. Giờ đây là lúc các bậc lãnh đạo đất nước đưa ra quyết định của họ. Thay vì chấp nhận Ngài, họ bắt đầu phản đối chống lại Ngài. Có 4 lĩnh vực chống đối được nêu ra trong 2 chương này.

### **1. Sự nổi loạn chống lại tiên tri của Ngài (Mat 11:1-30)**

*Sự giải thích* (Mat 11:1-15). Giăng Báp-tít bị bỏ tù trong ngục Machaerus bởi vì ông đã thẳng thắn tố cáo Hê-rốt, vua chư hầu đã lấy vợ của em trai mình là Hê-rô-đi-a làm vợ. (Lu 3:19-20). Dường như các nhà lãnh đạo Do Thái phải phản đối vua Hê-rốt và tìm cách trả tự do cho Giăng, nhưng họ không làm gì cả. Thái độ của họ đối cùng Giăng phản ánh lòng của họ đối với Chúa Giê-xu, vì Giăng Báp-tít đã chỉ Chúa Giê-xu cho mọi người và ngợi khen Ngài.

Chúng ta thật dễ dàng cảm thông với Giăng Báp-tít khi ông bị đau đớn trong ngục. Giăng Báp-tít là người quen sống nơi đồng vắng, và bây giờ bị giam cầm trong bốn vách tường. Giăng Báp-tít là người năng động, rao giảng về Nước Đức Chúa Trời cách đầy ơn giờ đây ông phải im lặng. Giăng Báp-tít rao báo về sự phán xét, và sự phán xét ấy đang dần dần đến với ông (Mat 3:7-12). Giăng Báp-tít chỉ nghe kể lại một phần chức vụ của Chúa Giê-xu và ông không thể nhìn thấy trọn vẹn bức tranh đời sống và chức vụ của Chúa Giê-xu.

Chúa chúng ta đã trả lời cho Giăng Báp-tít cách khéo léo và đầy lòng nhân từ. Ngài nhắc cho Giăng Báp-tít nhớ các lời tiên tri trong Cựu Ước nói về chức vụ của Đấng Mê-si-a (Es 29:18-19 35:4-6). Các môn đệ của Giăng đã trình lại mọi điều Chúa Giê-xu đang làm (Lu 7:18), nhưng Chúa Giê-xu phán bảo họ “chỉ cho Giăng thấy lần nữa”. Giăng Báp-tít đã đến trong tâm thần và quyền năng của Ê-li (Lu 1:17), và chính Ê-li cũng có những ngày yếu đuối sòn ngã. Chúa Giê-xu bảo đảm với Giăng Báp-tít rằng Ngài đang làm trọn ý chỉ của Cha Ngài.

Sau khi trả lời cho Giăng Báp-tít, Chúa Giê-xu khen ngợi ông. Giăng không phải là “người giảng đạo nổi tiếng” đáp ứng được thị hiếu của đám đông, ông cũng không phải là cây sậy thay đổi theo chiều gió. Giăng là người can đảm vạch ra tội lỗi, một

người cao trọng nhất trong các đấng tiên tri. Sự kiện Giăng được đặc ân công bố về Đấng Mê-si-a-a đã tạo cho ông một địa vị quan trọng. Chức vụ của Giăng đánh dấu cao điểm của luật pháp và các đấng tiên tri.

Có hàm ý gì khi nói Giăng Báp-tít là “Ê-li đấng phải đến” (Mat 11:14). Người đến trong tâm thần và quyền phép của Ê-li (Lu 1:17), người cũng ăn mặc và thi hành chức vụ như Ê-li (Mat 3:4 IIVua 1:7,8). Giống như Ê-li, Giăng rao giảng sứ điệp về sự phán xét cho dân tộc bội đạo Y-sơ-ra-ên. Chức vụ của Giăng đã được báo trước (Es 40:3) và ông làm cho ứng nghiệm lời tiên tri ấy. Nhưng trong Ma 4:5 nói tiên tri về sự đến của Ê-li “trước ngày lớn và đáng sợ của Đức Giê-hô-va chưa đến”. “Ngày của Đức Giê-hô-va” ở đây là thời kỳ khổ nạn sẽ đến trên khắp đất (Mat 24:15). Nhưng chẳng có sự phán xét nào theo sau chức vụ của Giăng Báp-tít. Tại sao như vậy?

Giăng sửa soạn một dân tộc cho Chúa Giê-xu và giới thiệu Chúa Giê-xu cho họ (Lu 1:15-17 Gi 1:29-34). Nếu như dân chúng nhận lãnh lời chứng của Giăng và tiếp nhận Đấng Mê-si-a, thì Giăng đã làm ứng nghiệm lời tiên tri theo nghĩa đen. Nhưng thay vào đó, các lời tiên tri được ứng nghiệm theo ý nghĩa thuộc linh trong đời sống của những người tin theo Chúa. Chúa Giê-xu cắt nghĩa rõ điều này trong Mat 17:10-13. Nhiều sinh viên Kinh Thánh tin rằng Ma 4:5 sẽ được ứng nghiệm theo đúng nguyên văn khi Ê-li đến với vai trò là một trong “hai người làm chứng” đã được nói đến trong Kh 11:1-19.

Dân chúng rất kính trọng Giăng (Mat 21:26), nhiều người trong số họ đã ăn năn và nhận lãnh báp-tem nơi Giăng. Nhưng các nhà lãnh đạo tôn giáo không công nhận Giăng, điều này chứng tỏ tấm lòng vô tín và cứng cõi của họ. Thay vì trở nên như trẻ thơ và tự hạ mình, các nhà lãnh đạo bày tỏ sự ấu trĩ và cứng cõi của họ, giống như trẻ con, bĩu môi la lối vì chúng không đạt được điều chúng muốn. Thí dụ trong Mat 11:16-19 nói lên tình trạng thuộc linh của các nhà lãnh đạo giáo hội, và buồn thay ngày hôm nay có nhiều tấm lòng vô tín như vậy.

**Sự lên án** (Mat 11:16-24). Tìm thấy chữ khốn nạn trên môi miệng Chúa Giê-xu quả là điều bất thường. Từ này có nghĩa là sự phán xét, nhưng nó cũng gồm tóm sự thương tiếc và buồn rầu. Thảm thương thay cho những thành phố này xem nhẹ cơ hội nghe thấy Đấng Thánh của Đức Chúa Trời để được cứu. Các thành phố Ty-rơ và Si-đôn thuộc về dân ngoại, những thành phố Sô-đôm và Gô-mô-rơ thờ lạy hình tượng sẽ ăn năn nếu họ nhìn thấy các phép lạ mà Chúa Giê-xu và các môn đệ của Ngài đã làm. Ca-bê-na-um là thành “đã được cao tới trời” bởi vì thành ấy có Đấng Mê-si-a sinh sống tại đó. Tuy nhiên thành ấy càng có nhiều đặc quyền thì càng lãnh lấy trách nhiệm và sự đoán phạt lớn lao hơn. Năm trong số 10 phép lạ ghi lại trong Mat 8:1-9:38 được Chúa thực hiện tại Ca-bê-na-um.

**Sự mời gọi** (Mat 11:25-30). Tại sao các bậc lãnh đạo giáo hội chống đối Giăng và Chúa Giê-xu? Bởi vì họ (các nhà lãnh đạo) cho mình là thiêng liêng khôn ngoan và không muốn trở nên những em bé khiêm nhường thật thà. Có sự khác biệt rất lớn giữa những đứa trẻ hư đốn trong ví dụ (Mat 11:16-19) và các con trẻ dễ bảo trong lời khen ngợi này. Đức Chúa Cha bày tỏ chính Ngài cho Đức Chúa Con, và Đức Chúa Con lại bày tỏ chính mình Ngài cùng Cha Ngài cho những ai sẵn lòng đến tiếp nhận Con Đức Chúa Trời làm chủ đời mình. Những câu KT này nói lên cả quyền tể trị của Đức Chúa Cha lẫn trách nhiệm của tội nhân. Lời mời gọi này được tóm tắt trong 3 mệnh lệnh.

“Hãy đến”. Các thầy biệt lập (người Pha-ri-si) đều nói “Hãy làm” và tìm cách khiến dân chúng làm theo luật pháp Môi-se và các truyền thống. Nhưng chúng ta chỉ tìm thấy sự cứu rỗi đích thực nơi một người đó là Chúa Giê-xu Christ. Đến với Chúa có nghĩa là tin cậy Ngài. Lời mời này dành cho những ai mệt mỏi và nặng gánh ưu tư. Đây chính là sự cảm nhận của những ai đang ở dưới ách chủ nghĩa luật pháp của người Pha-ri-si (Mat 23:4 Cong 15:10).

“Nhận lấy”. Đây là một từng trải sâu đậm. Chúng ta đến với Chúa Giê-xu Christ bởi đức tin, Ngài cho chúng ta được yên nghỉ. Khi nhận lấy ách của Ngài và học theo Ngài, chúng ta sẽ tìm được yên nghỉ, đó là sự yên nghỉ của thuần phục và vâng lời. Thứ nhất được “hoà thuận với Đức Chúa Trời” (Ro 5:1), thứ hai có “sự bình an của Đức Chúa Trời” ngự trị trong lòng (Phil 4:6-8). Trong thời của Chúa “gánh lấy ách” nghĩa là trở nên môn đệ của Ngài. Từ “dễ chịu” có nghĩa “vừa vặn” Ngài có chiếc ách hoàn toàn thích hợp cho đời sống và nhu cầu của chúng ta (IGi 5:3).

“Hãy đọc”. Hai mệnh lệnh đầu miêu tả thời kỳ quyết định trong cuộc đời khi chúng ta tìm đến và thuận phục Chúa Giê-xu Christ nhưng bước tiếp theo này đi vào một quá trình. Càng học biết nhiều về Chúa Giê-xu, chúng ta càng tìm thấy được sự bình an sâu xa trong tâm hồn, bởi vì chúng ta càng tin cậy nơi Đấng Christ. Lời mời gọi này dành cho “tất cả mọi người” - không chỉ dành cho dân Y-sơ-ra-ên mà thôi (Mat 10:5-6).

## **2. Sự chống nghịch các phép tắc của Ngài (Mat 12:1-21)**

Chúa Giê-xu có dụng ý vi phạm các phép tắc ngày Sa-bát một đôi lần. Ngài dạy dân chúng rằng luật pháp bề ngoài không bao giờ cứu họ và khiến họ nên thánh được sự công bình thật phải ra từ tấm lòng. Nguyên ngữ Sa-bát theo tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là “nằm nghỉ hay nghỉ ngơi”, điều này giải thích tại sao Ma-thi-ơ đưa ra những mâu thuẫn về Ngày Sa-bát ở tại đây. Chúa Giê-xu ban sự yên nghỉ cho tất cả người sẽ tìm đến với Ngài, không có sự yên nghỉ nào trong việc tuân thủ các lễ nghi tôn giáo,

Chúng ta làm đúng luật pháp khi thoả mãn cơn đói tại nơi đồng ruộng của người lân cận chúng ta (Phu 23:24-25). Nhưng làm điều đó trong ngày Sa-bát là vi phạm luật theo truyền thống của thầy thông giáo và người Pha-ri-si vì hành động đó có nghĩa là làm việc. Chúa Giê-xu đưa ra lời giải đáp gồm có 3 phần.

*Ngài dẫn chứng một vị vua* (Mat 12:3-4). Chỉ các thầy tế lễ mới được phép ăn bánh thánh, tuy nhiên vua Đa-vít và đoàn tùy tùng của vua đã ăn bánh ấy. Tất nhiên Con vua Đa-vít có quyền ăn bông lúa mì nơi đồng ruộng của Cha Ngài. Và nếu như vua Đa-vít phá bỏ luật pháp và không bị định tội, chắc chắn Chúa Giê-xu cũng có thể phá bỏ lễ thói của con người và Ngài không có tội (ISa 21:1).

*Ngài dẫn chứng các thầy tế lễ* (Mat 12:5-6). Các thầy tế lễ phải dâng nhiều của lễ thiêu trong ngày Sa-bát (Dan 28:9-10), và họ không bị kết tội. Thực tế, sự phục vụ của họ nằm trong sự vâng theo luật pháp Đức Chúa Trời đã ban cho. Điều này cho thấy truyền thống của con người về ngày Sa-bát là sai, vì chúng nghịch lại với luật pháp của Đức Chúa Trời.

*Ngài dẫn chứng một đấng tiên tri* (Mat 12:7). Câu KT là lời trích từ Os 6:6, và cũng là lời trích Chúa Giê-xu đã dùng (Mat 9:13). Luật Sa-bát được ban bố cho dân Y-sơ-ra-ên làm dấu chứng về mối tương giao của dân sự với Đức Chúa Trời (Ne 9:12-15 Exo 20:9-11 31:13-17). Nhưng điều luật ấy cũng là hành động nhân từ dành cho cả người



lấn súc vật, cho họ và súc vật được nghỉ ngơi mỗi tuần. Bất kỳ giáo luật nào đi ngược lại với ân sủng và sự chăm sóc của Thiên Chúa cũng rất đáng nghi ngờ. Đức Chúa Trời muốn có lòng nhân từ, chớ không muốn của lễ tôn giáo. Ngài muốn có lòng yêu thương chớ không muốn chủ nghĩa luật pháp. Người Pha-ri-si nghĩ rằng họ hy sinh vâng giữ luật Sa-bát nghĩa là họ đang hầu việc Đức Chúa Trời. Khi lên án Chúa Giê-xu Christ và các môn đệ Ngài, họ nghĩ rằng họ đang bênh vực cho Đức Chúa Trời. Những người giữ gìn luật lệ giáo hội ngày nay quả giống họ làm sao.

Bạn lưu ý rằng Chúa Giê-xu đã dẫn chứng đáng tiên tri, thầy tế lễ, và vị vua vì Ngài là Đấng Tiên Tri, Thầy Tế Lễ và Nhà Vua. Bạn cũng chú ý 3 lần Chúa Giê-xu dùng câu “lớn hơn”: là Thầy Tế Lễ, Ngài “lớn hơn đền thờ” (Mat 12:6) là Đấng tiên tri, Ngài “lớn hơn Giô-na” (Mat 12:41) là Nhà Vua, Ngài “Lớn hơn Sa-lô-môn” (Mat 12:42).

Trong lời tuyên bố chính Ngài là “Chúa ngày Sa-bát”, Chúa Giê-xu thực sự khẳng định sự đồng đẳng với Đức Chúa Trời vì Đức Chúa Trời đã thiết lập ngày Sa-bát (Sa 2:1-3). Và rồi Ngài chữa lành người teo tay để chứng minh cho lời tuyên bố này. Thật buồn khi các bậc lãnh đạo giáo hội sử dụng người đàn ông và sự tật nguyền của ông ta làm vũ khí chống lại Chúa Giê-xu. Nhưng Chúa không sợ sự hăm dọa của họ. Không làm điều thiện trong ngày Sa-bát (hoặc bất cứ ngày nào khác) cũng giống như làm điều ác. Chúa Giê-xu lập luận, rằng một nông dân có thể săn sóc súc vật của mình vào ngày Sa-bát, thế thì chúng ta không nên chăm sóc con người được làm nên bởi hình ảnh của Đức Chúa Trời sao?

Họ phản ứng lại lời thách thức mạnh mẽ này bằng cách tìm mưu giết Ngài. Họ đã cáo Ngài phạm tội lộng ngôn khi Ngài chữa lành cho người đau bại (Mat 9:1-8), và lên án thiếu sự cách biệt khi dùng bữa chung với các bạn của Ma-thi-ơ (Mat 9:11-13). Nhưng hành động này còn tệ hại hơn nữa. Họ cho Chúa Giê-xu cố tình vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời. Ngài đã làm việc trong ngày Sa-bát bởi việc gặt lúa và chữa lành người bệnh.

Khi thấy họ căm ghét ngài, Chúa Giê-xu bỏ đi nơi khác. Ngài không công khai chống lại kẻ thù nghịch, nhưng Ngài làm ứng nghiệm lời tiên tri trong Es 42:1-4. Kẻ thù của Ngài chỉ là cây sậy đã gãy, ngọn đèn gần tàn. Hãy lưu ý đến chi tiết dân ngoại được đề cập đến hai lần, đây là lời nói bóng khác mà Ma-thi-ơ dùng để nói đến dân Y-sơ-ra-ên chối bỏ Vua mình và Nước Đức Chúa Trời sẽ đến với dân ngoại.

Sự rút lui của Chúa vào thời điểm này là lời báo trước cho “sự thôi công việc của Ngài” được mô tả trong Mat 14-20 Trong suốt thời gian ấy, Chúa Giê-xu tránh gây bất đồng trực tiếp với kẻ thù Ngài để Ngài có thể theo đúng “chương trình của Ba Ngôi Đức Chúa Trời” và bị đóng đinh trên thập tự giá. Hơn nữa, trong suốt thời gian ấy, Ngài dạy dỗ các môn đệ Ngài và chuẩn bị họ trước khi Ngài chịu đóng đinh trên thập tự.

### **3. Chống lại quyền lực của Ngài (Mat 12:22-37)**

*Lời buộc tội* (Mat 12:22-24). Người đàn ông được mang đến với Chúa Giê-xu chắc chắn đang ở trong tình trạng tội tệt, vì ông ta bị mù, không nói được và bị quỷ ám, Chúa Giê-xu chữa lành cho người, một điều mà người Pha-ri-si không làm được. Họ cáo giác Ngài nhờ năng quyền của quỷ để trừ quỷ chớ không bởi quyền năng của Đức Chúa Trời. Họ không đồng ý với nhận định của Ni-cô-đem về các phép lạ của Ngài Gi 3:2).

**Câu giải đáp** (Mat 12:25-30). Chúa Giê-xu phán rằng lời nói của họ không có căn cứ và phi lý. Tại sao quỷ Sa-tan chống lại chính nó? Chúa Giê-xu khẳng định quỷ Sa-tan có một vương quốc, vì nó là chúa của thời đại này (Mat 4:8-9 Gi 12:31). Ngài cũng phán rằng quỷ Sa-tan có “nhà”, nhà ở đây muốn nói đến thân thể của người đàn ông mà nó ám (Mat 12:33-44). Nếu quỷ Sa-tan trừ quỷ Sa-tan, thì nó đang chống lại chính mình, chia rẽ nước của nó và phá hoại nhà mình.

Sự cáo buộc của người Pha-ri-si cũng vô căn cứ từ quan điểm của họ, mặc dù họ không thấy điều đó. Có mấy thầy trừ quỷ là người Giu-đa (Cong 19:13-16) đã thành công. Họ đã dùng quyền phép nào để trừ quỷ? Nếu dùng quyền của quỷ Sa-tan họ liên minh với quỷ. Dĩ nhiên, không có người Pha-ri-si nào chấp nhận lời kết luận ấy.

Chúa Giê-xu có quyền đuổi quỷ vì trước hết Ngài đã đắc thắng Sa-tan, chúa của các quỷ. Sự đắc thắng của Ngài bởi quyền phép của Thánh Linh Đức Chúa Trời (“ngón tay của Đức Chúa Trời”: (Lu 11:20) chớ không bởi quyền của một quỷ nào. Điều này có nghĩa Đức Chúa Trời là Đấng thắng hơn Sa-tan, và họ phải quyết định chọn đứng ở phía nào. Không thể nào có sự thoả hiệp. Hoặ chúng ta ở về phía Đức Chúa Trời hoặ chúng ta chống nghịch Ngài.

**Lời khuyên bảo** (Mat 12:31-37). Chúa Giê-xu cảnh cáo rằng lời nói của họ chứng minh sự độc ác trong lòng họ. Tội chống nghịch Đức Thánh Linh không phải là vấn đề của lời nói lời nói tuôn ra chỉ là “trái” của tấm lòng tội lỗi. Nếu lòng chứa đầy sự tốt đẹp, sự tốt lành ấy sẽ tuôn tràn qua môi miệng và làm ích cho nhiều người khác. Nhưng nếu tấm lòng chất chứa tội lỗi, từ môi miệng sẽ tuôn chảy những điều xấu xa làm hại đến người nói lẫn kẻ nghe.

Nhưng tội “phạm đến Đức Thánh Linh” là tội gì? Ngày nay chúng ta có phạm tội ấy không? Nếu có thì như thế nào? Chúa chúng ta phán rằng Đức Chúa Trời sẽ tha thứ những lời nói phạm đến Con Người nhưng Ngài không tha lời nói phạm thượng đến Đức Thánh Linh. Điều này có phải Đức Thánh Linh quan trọng hơn Chúa Giê-xu Christ, Con của Đức Chúa Trời không? Hoàn toàn không phải như vậy. Chúng ta thường nghe người ta nói phạm đến danh của Đức Chúa Trời hoặ của Chúa Giê-xu Christ, nhưng hiếm khi nghe nói đến danh Đức Thánh Linh. Làm thế nào Đức Chúa Trời tha thứ những lời nói phạm đến danh Con Ngài mà lại không tha thứ cho lời nói phạm đến Đức Thánh Linh?

Rõ ràng tình trạng này chỉ tồn tại trong thời gian Chúa Giê-xu thi hành chức vụ trên thế gian. Chúa Giê-xu không khác với bất kỳ người Giu-đa nào (Es 53:2). Nói phạm đến Chúa Giê-xu Christ có thể được tha thứ trong khi Ngài còn sống trên thế gian. Nhưng khi Thánh Linh của Đức Chúa Trời giáng lâm trong ngày lễ ngũ tuần làm bằng chứng Chúa Giê-xu là Đấng Christ và Ngài đang sống, chối bỏ lời chứng của Đức Thánh Linh là dứt khoát không tin Ngài. Hậu quả chỉ là sự đoán phạt.

Khi các bậc lãnh đạo giáo hội chối bỏ Giăng Báp-tít, họ đang chối bỏ Đức Chúa Cha là Đấng đã sai phái Giăng Báp-tít. Khi họ chối bỏ Chúa Giê-xu, họ đang chối bỏ Đức Chúa Con. Nhưng khi họ không chấp nhận chức vụ của các sứ đồ, họ đã khước từ Đức Thánh Linh - và đến đây không còn phương cách nào khác. Chẳng có lời chứng nào nữa. Tội chối bỏ ấy không thể nào tha thứ được.

Nhóm từ “lời hư không” trong Mat 12:36 có nghĩa là “những lời vô ích”. Nếu Đức Chúa Trời phán xét “lời nói nhỏ nhặt” của chúng ta, Ngài sẽ đoán xét những lời nói

cổ ý của chúng ta như thế nào? Chính bởi cuộc chuyện trò vào những lúc không gìn giữ chúng ta để lộ cá tính thật của mình.

Ngày nay có “tội không thể tha thứ” nào không? Vâng có, tội chối bỏ Chúa Giê-xu Christ đến cùng, Chúa Giê-xu phán mọi tội đều được tha thứ (Mat 12:31). Tội tà dâm, tội giết người, tội phạm thượng, và các tội khác đều được Ngài tha thứ Tất cả tội lỗi vừa nêu đều có thể được tha thứ. Nhưng Đức Chúa Trời không thể tha thứ cho tội chối bỏ Con Ngài. Chính Đức Thánh Linh là Đấng làm chứng về Chúa Giê-xu Christ (Gi 15:26) và Ngài cũng là Đấng tuyên án tội nhân hư mất (Gi 16:7-11).

#### **4. Chống lại nhân tính của Ngài (Mat 12:38-50)**

“Người Giu-đa đòi phép lạ” (ICo 1:22). Đòi phép lạ là bằng chứng của sự vô tín. Họ muốn Ngài chứng tỏ cho thấy Ngài là Đấng Mê-si-a. Chúng ta tự hỏi không biết còn bằng chứng nào nữa để cho họ. Nếu tra xem lời Kinh Thánh, và thành tâm tìm hiểu cuộc đời của Chúa Giê-xu, họ sẽ kết luận rằng “Đây là Con Đức Chúa Trời”. Nhưng đối với Chúa Giê-xu, cho họ một dấu hiệu sẽ là việc làm sai. Tất nhiên Ngài đã tha mãi cho lòng vô tín của họ và cho phép họ đặt ra các tiêu chuẩn cho đức tin. Cho dù Ngài có làm phép lạ nào đi nữa, điều đó cũng chẳng làm họ vừa lòng.

Chúa Giê-xu đưa ra ba điểm để trả lời cho thách thức của họ.

*Ngài nhắc lại lịch sử của họ* (Mat 12:39-42). Tiên tri Giô-na là người Giu-đa được sai đến với dân ngoại, và nữ vương Sê-ba là người ngoại bang đã đến thăm vua Sa-lô-môn là người Giu-đa (IISu 9:1-12). Do sự đố kỵ giữa người Giu-đa và dân ngoại bang, việc nhắc đến dân ngoại ở đây ắt làm cho người Pha-ri-si tức giận. Nhưng chúng ta đã biết trong nhiều dịp khác hoặc Chúa Giê-xu hoặc Ma-thi-ơ có đề cập đến dân ngoại bang.

Giô-na là một phép lạ cho dân thành Ni-ni-ve bởi vì ông đã từng trải (trong bụng con cá lớn) sự chết, sự chôn và sự sống lại. Phép lạ duy nhất về Chúa Giê-xu ban cho dân sự của Ngài là sự chết, sự chôn và sự sống lại. Các sứ điệp trong 7 chương đầu của sách Công-vụ tập trung vào sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ, chớ không nói về sự chết của Ngài trên thập tự giá. Dân Giu-đa trong thời đó tin rằng Ngài đã chết, vì vậy sự sống lại là đề tài chính của cuộc chuyện trò (Lu 24:18). Nhưng họ không tin Ngài đã sống lại (Mat 28:11-15). Trong Cong 2:1-7:60 Đức Thánh Linh bày tỏ cho dân Y-sơ-ra-ên lời chứng đầy đủ rằng Chúa Giê-xu đang sống. Đây là phép lạ duy nhất mà họ cần.

Chúa Giê-xu cao trọng hơn Giô-na về nhiều phương diện. Nhân tính của Ngài lớn hơn vì Giô-na chỉ là con người. Ngài lớn hơn Giô-na trong sự vâng lời vì Giô-na không vâng lời Đức Chúa Trời và bị Ngài quở phạt. Chúa Giê-xu đã chết thực sự trong khi Giô-na “nằm trong” bụng con cá lớn. Chúa Giê-xu đã sống lại từ trong kẻ chết bởi quyền năng của Ngài. Giô-na thi hành chức vụ chỉ tại một thành phố trong lúc Chúa Giê-xu hi sinh đời mình cho toàn thế giới. Hẳn nhiên Chúa Giê-xu cao trọng hơn Giô-na về tình yêu thương của Ngài vì Giô-na không yêu thương dân thành Ni-ni-ve - ông ta muốn họ phải chết. Sứ điệp của Giô-na cứu dân Ni-ni-ve thoát khỏi cơn đoán phạt ông ta là sứ giả của cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Sứ điệp của Chúa Giê-xu là sứ điệp của ân điển và ơn cứu rỗi. Khi chúng ta tin nhận Chúa Giê-xu Christ, chúng ta không chỉ được cứu khỏi cơn đoán phạt, nhưng chúng ta còn nhận được sự sống dư dật, đời đời.

Chúa Giê-xu cũng lớn hơn vua Sa-lô-môn trong sự khôn ngoan, giàu có và công tác của Ngài. Nữ hoàng Sê-ba đã ngạc nhiên về những điều bà chứng kiến trong vương quốc của vua Sa-lô-môn nhưng những điều chúng ta có được trong Nước Đức Chúa Trời qua Chúa Giê-xu Christ còn trội vượt hơn sự vinh hiển của vua Sa-lô-môn. Ngồi chung bàn với Chúa Giê-xu, nghe lời Ngài dạy, và cùng chia sẻ những phước hạnh của Ngài là điều thoả thích hơn nhiều khi viếng thăm và thán phục một kinh đô nổi tiếng, cho dù đó là đế đô của vua Sa-lô-môn.

Bài học chính rút ra từ bài học lịch sử này là: Dân thành Ni-ni-ve sẽ làm chứng nghịch lại các nhà lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên, vì họ đã ăn năn lúc nghe sứ điệp của Giô-na rao giảng. Nữ hoàng Sê-ba cũng sẽ lên án họ, vì bà đã từ xa đi đến đặng nghe lời khôn ngoan của vua Sa-lô-môn. Tuy nhiên các bậc cầm quyền Do Thái không chịu nghe sự khôn ngoan của Chúa Giê-xu Christ Đấng đang ngự ngay chính giữa họ. Dịp tiện càng lớn, án phạt càng nặng. Sự bi thảm trong lịch sử Y-sơ-ra-ên đó là đầu tiên dân sự chối bỏ những người giải cứu họ, nhưng họ phải chấp nhận trong lần thứ hai. Sự thật này hoàn toàn đúng với trường hợp của Giô-sép, Môi-se, vua Đa-vít, các đấng tiên tri (Mat 23:29) và Chúa Giê-xu Christ.

***Ngài thấy tấm lòng của họ*** (12:43-45). Chúng ta nên nổi ý những câu này với Mat 12:24-29. “Nhà” của Sa-tan là thân thể của người bị quỉ ám. Kinh Thánh cho thấy rõ tà ma không có nơi nương thân và chúng tìm các thân thể để vào trú ngụ (8:28-31). Khi tà ma ra khỏi, cuộc đời người đàn ông được thay đổi trở nên tốt đẹp hơn nhưng đời sống của người đó vẫn còn trống trải. Khi quỉ trở lại, nó mang theo nhiều quỉ khác nữa và cuộc đời của người ấy kết thúc trong thảm kịch.

Bài học ứng dụng quan trọng nhất phải dành cho dân Y-sơ-ra-ên, nhất là dòng dõi thời Chúa Giê-xu thi hành chức vụ trên thế gian. Một dân tộc đã được dẹp bỏ hình tượng tà thần đã gây đau khổ cho họ trong thời Cựu Ước. Nhưng sự cải cách không chưa đủ. Cải cách có thể làm cho sạch nhưng không thể làm cho đầy. Đáng lý ra dân Y-sơ-ra-ên đã nhận ơn cứu rỗi và được đầy dẫy đời sống tâm linh. Nhưng thay vào đó, họ từ chối Ngài và kết cuộc là sự hư mất.

Cũng có bài học ứng dụng cho cá nhân. Lau dọn nhà sạch sẽ chưa đủ chúng ta phải mời người đến thuê nhà ngay. Người Pha-ri-si hãnh diện về “nhà sạch” của họ, nhưng tấm lòng của họ trống rỗng. Chỉ có tôn giáo, hoặc sự cải cách sẽ không đem đến sự cứu rỗi. Ất hẳn phải có sự tái sinh, nhận Chúa Giê-xu Christ vào lòng (Kh 3:20).

***Ngài chối bỏ sự tôn trọng của họ*** (Mat 12:46-50). Ngay cả gia đình về phần xác của Chúa Giê-xu cũng không hiểu trọn vẹn về Ngài và chức vụ của Ngài (Gi 7:1-5). Một số bạn bè của Ngài cho Ngài bị điên (Mac 3:21). Nhưng Đức Chúa Giê-xu không muốn sự vinh hiển đến từ loài người. Chúa Giê-xu nhấn mạnh đến gia đình của Đức Chúa Trời trong khi Ngài không tỏ ra thiếu kính trọng đối với gia đình về phần xác của Ngài.

Lưu ý cách dùng từ “hể ai” (Mat 12:50) của Ngài. Điều này tương ứng với lời mời ân cần của Ngài trong Mat 11:28-30 mà Ngài đã khích lệ mọi người đến tin nhận Ngài. Nếu cả đất nước không công nhận Ngài, thì ít nhất các cá nhân trong nước - và giữa vòng dân ngoại cũng có thể tin nhận Ngài. Nhưng điều gì sẽ xảy ra cho vương quốc của lời hứa?

## **9. NHỮNG BÍ MẬT CỦA VUA (Mat 13:1-58)**

Chương sách này ghi lại các sự kiện của ngày khó khăn trong chức vụ của Chúa Giê-xu Christ. Ngài biết rằng sự chống đối ngày càng gia tăng của các nhà lãnh đạo giáo hội sẽ đưa Ngài đến thọ hình trên thập tự giá Ngài phải giải thích sự việc này cho các môn đệ Ngài. Nhưng họ nêu lên câu hỏi hợp lý “Điều gì sẽ xảy đến cho Nước Đức Chúa Trời mà chúng tôi đang rao giảng?” Câu hỏi ấy đã được trả lời bằng một loạt các ví dụ. Vì vậy, trước hết Ngài giải nghĩa những sự kiện có liên quan đến vương quốc, sau đó Ngài giải thích cho họ những sự kiện về thập tự giá.

Việc Chúa dùng những thí dụ đã làm rối trí các môn đệ. Trong khi giảng dạy Ngài đã dùng một số thí dụ, nhưng trong ngày đó Ngài dạy họ một loạt 7 thí dụ có liên quan với nhau, và rồi Ngài thêm một thí dụ thứ tám. Chữ thí dụ có nghĩa là “trình bày cặp theo”. Đó là một câu chuyện, hoặc một so sánh được sắp đặt bên cạnh một sự việc khác để làm cho bài học được rõ ràng. Nhưng đây không phải là những thí dụ tầm thường Chúa Giê-xu gọi các thí dụ này là “Những điều màu nhiệm của Nước thiên đàng” (Mat 13:11). Trong Tân Ước, “điều màu nhiệm” là chân lý thuộc linh chỉ được hiểu bởi sự mạc khải từ trên cao. Đó là sự “giấu kín thiêng liêng” chỉ bày tỏ cho những người “trong nội bộ” đã học biết về Chúa và vâng theo Ngài.

Trong các thí dụ này, Chúa Giê-xu giải thích tiến trình rao giảng Phúc Âm trên thế giới. Nếu dân Y-sơ-ra-ên nhận Ngài là Vua, phước hạnh ắt đã tuôn tràn từ Giê-ru-salem cho đến khắp cả trái đất. Nhưng họ đã chối bỏ Ngài, và Đức Chúa Trời phải bắt đầu một chương trình mới trên thế gian. Trong suốt thời kỳ hiện tại, “Nước Trời” pha trộn giữa thật và giả, tốt và xấu như đã được miêu tả trong các thí dụ này. Đó là “thế giới Cơ Đốc” bày tỏ lòng trung thành với Vua. Tuy nhiên vẫn còn chứa đựng nhiều điều nghịch với phép tắc của Vua.

Tại sao Chúa Giê-xu dạy bằng các thí dụ? Có hai lý do: vì sự thờ ơ chậm chạp của dân chúng (13:10-17) bởi vì điều đó đã được tiên báo trong Thi 78:2 Mat 13:34-35. Chúa Giê-xu không giảng dạy bằng thí dụ để làm bối rối hoặc lên án dân chúng. Trái lại, Ngài tìm cách khuấy động sự quan tâm của họ và gọi lên trong họ sự tò mò. Những thí dụ này sẽ làm sáng tỏ cho người có lòng tìm kiếm và tin cậy. Nhưng chúng sẽ đem lại sự tối tăm cho người không quan tâm và cứng lòng.

Bảy thí dụ miêu tả cho chúng ta thấy tiến trình thuộc linh của “nước trời” trong thời kỳ hiện tại. Trong các thí dụ này chúng ta thấy được 3 giai đoạn phát triển thuộc linh.

## **1. Khai sinh Nước thiên đàng (Mat 13:1-9,18-23)**

Thí dụ về người gieo giống không bắt đầu bằng dòng chữ “Nước thiên đàng giống như...” bởi vì thí dụ ấy miêu tả Nước thiên đàng bắt đầu như thế nào. Nước thiên đàng bắt đầu bằng việc rao giảng lời Đức Chúa Trời, trồng hạt giống đạo trong lòng con người. Khi chúng ta nói: “Hãy để tôi gieo ý tưởng này vào trong tâm trí bạn” chúng ta diễn tả ý tưởng của thí dụ này. Hạt giống đạo là lời Đức Chúa Trời các loại đất tượng trưng cho nhiều hạng người khác nhau và những kết quả khác nhau cho thấy sự nghe theo lời Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu đã giải thích thí dụ này vì vậy không có sự khó hiểu về ý nghĩa.

Tại sao lại so sánh Lời Đức Chúa Trời với hạt giống? Bởi vì Lời Đức Chúa Trời là Lời “sống và linh nghiệm” (He 4:12). Không giống như lời của con người, lời Đức Chúa Trời có sự sống bên trong và sự sống đó được truyền đến cho những người tin Chân

lý của Đức Chúa Trời phải bén rễ trong lòng người nghe, được vun xới và đơm hoa kết trái. Thật đáng ngạc nhiên có đến ba phần tư hạt giống không kết quả. Chúa Giê-xu không miêu tả thời kỳ gặt hái qui mô, nhưng Ngài miêu tả thời kỳ Lời Đức Chúa Trời sẽ bị mọi người chối bỏ. Ngài không nghĩ đến “có vô số người” theo Ngài, vì Ngài biết rằng hầu hết mọi người sẽ không nhận lời Hằng sống của Ngài và không kết quả.

Nhờ trái của cây mà nhận biết được sự cứu rỗi thật (Mat 7:16). Điều này bao gồm sự thánh khiết (Ro 6:22), cá tính của Cơ Đốc nhân (Ga 5:22-23), các việc lành (Co 1:10), chinh phục kẻ khác cho Đấng Christ (Ro 1:13), chia sẻ những gì mình có (Ro 15:25-28), và ngợi khen Đức Chúa Trời (He 13:15). Nếu một cây muốn sanh trái, nó phải đâm rễ trong đất và hấp thu ánh nắng mặt trời.

Trong thí dụ, mặt trời tiêu biểu cho sự bắt bớ xảy đến vì có Lời Đức Chúa Trời. Sự bắt bớ giúp cho người tin đạo lớn lên. Nhưng ánh nắng sẽ làm chết cây không có rễ. Điều này giải thích tại sao một số “người tin đạo” không đứng vững: Đức tin của họ yếu ớt, hiểu biết của họ nghèo nàn, và quyết định của họ không thành thật. Có thể “tin” mà không được cứu (Gi 2:23-25). Nếu đời sống không kết quả thì không có đức tin cứu rỗi trong lòng.

Chúng ta tìm thấy, chữ “hãy nghe” trong Ma-thi-ơ chương 13 có mười chín lần. Thí dụ về người gieo giống được ghi lại trong 3 sách Phúc Âm đầu, và ở mỗi lần lời khuyên dạy kết thúc đều khác nhau. Chúng ta nghe lời Đức Chúa Trời thật là quan trọng “Đức tin đến bởi sự người ta nghe và người ta nghe khi lời Đấng Christ được rao giảng” (Ro 10:17). Chúa Giê-xu phán “Ai có tai mà nghe hãy nghe” (Mat 13:9), “Hãy cẩn thận về điều mình nghe” (Mac 4:24), và “Hãy coi chừng về cách các người nghe” (Lu 8:18).

## **2. Việc Chúa dùng những thí dụ đã làm rối trí các môn đệ. (Mat 13:10-17)**

Trong khi giảng dạy Ngài đã dùng một số thí dụ, nhưng trong ngày đó Ngài dạy họ một loạt 7 thí dụ có liên quan với nhau, và rồi Ngài thêm một thí dụ thứ tám. Chữ thí dụ có nghĩa là “trình bày cặp theo”. Đó là một câu chuyện, hoặc một so sánh được sắp đặt bên cạnh một sự việc khác để làm cho bài học được rõ ràng. Nhưng đây không phải là những thí dụ tầm thường Chúa Giê-xu gọi các thí dụ này là “Những điều mầu nhiệm của Nước thiên đàng” (Mat 13:11). Trong Tân Ước, “điều mầu nhiệm” là chân lý thuộc linh chỉ được hiểu bởi sự mạc khải từ trên cao. Đó là sự “giấu kín thiêng liêng” chỉ bày tỏ cho những người “trong nội bộ” đã học biết về Chúa và vâng theo Ngài.

Trong các thí dụ này, Chúa Giê-xu giải thích tiến trình rao giảng Phúc Âm trên thế giới. Nếu dân Y-sơ-ra-ên nhận Ngài là Vua, phước hạnh ắt đã tuôn tràn từ Giê-ru-sa-lem cho đến khắp cả trái đất. Nhưng họ đã chối bỏ Ngài, và Đức Chúa Trời phải bắt đầu một chương trình mới trên thế gian. Trong suốt thời kỳ hiện tại, “Nước Trời” pha trộn giữa thật và giả, tốt và xấu như đã được miêu tả trong các thí dụ này. Đó là “thế giới Cơ Đốc” bày tỏ lòng trung thành với Vua. Tuy nhiên vẫn còn chứa đựng nhiều điều nghịch với phép tắc của Vua.

Tại sao Chúa Giê-xu dạy bằng các thí dụ? Có hai lý do: vì sự thờ ơ chậm chạp của dân chúng (13:10-17) bởi vì điều đó đã được tiên báo trong Thi 78:2 Mat 13:34-35. Chúa Giê-xu không giảng dạy bằng thí dụ để làm bối rối hoặc lên án dân chúng. Trái lại,

Ngài tìm cách khuấy động sự quan tâm của họ và gọi lên trong họ sự tò mò. Những thí dụ này sẽ làm sáng tỏ cho người có lòng tìm kiếm và tin cậy. Nhưng chúng sẽ đem lại sự tối tăm cho người không quan tâm và cứng lòng.

### 3. Chống phá Nước thiên đàng (Mat 13:24-43)

Sa-tan chống phá Nước thiên đàng bằng cách cướp lấy lời Đức Chúa Trời trong lòng con người (Mat 13:4,19). Nhưng khi nó thất bại, nó có nhiều mưu chước khác để tấn công công việc của Đức Chúa Trời. Ba thí dụ này cho thấy Sa-tan chỉ là kẻ bắt chước. Nó ươm mầm Cơ Đốc nhân giả, gây dựng sự lớn lên giả tạo và đưa ra giáo điều nguy tạo.

**Cỏ lùng - Cơ Đốc nhân giả** (Mat 13:24-30,36-43). Sa-tan không thể nhổ rễ lúa mì (những Cơ Đốc nhân), vì vậy nó cài những Cơ Đốc nhân giả vào giữa vòng họ. Trong thí dụ này, hạt giống tốt không phải là Lời Đức Chúa Trời. Nó tiêu biểu cho người đã được biến đổi qua việc tin theo Lời Đức Chúa Trời. Cánh đồng không phải là tấm lòng con người cánh đồng ở đây là thế gian. Chúa Giê-xu Christ đang gieo trong những người thật lòng tin Ngài ở khắp mọi nơi để họ có thể kết quả (Gi 12:23-26). Nhưng bất luận nơi nào Đấng Christ gieo hạt giống đạo thật thì quỷ Sa-tan cũng đến gieo cỏ lùng vào đó.

Chúng ta phải biết những Cơ Đốc nhân giả mạo của ma quỷ. Ma quỷ có những Cơ Đốc nhân giả dối (II Co 11:26) là những kẻ tin một Phúc Âm giả (Ga 1:6-9). Nó khuyến khích sự công bình riêng (Ro 10:1-3), và thậm chí nó còn có Hội Thánh giả mạo (Kh 2:9). Vào thời kỳ sau rốt, nó sẽ sản sinh ra một Đấng Christ giả (II Te 2:1-12).

Chúng ta cũng phải tỉnh thức để biết chắc rằng các sứ giả của Sa-tan không xâm nhập vào sự tương giao thật và gây thiệt hại (II Phi 2:1-22 I Gi 4:1-6). Đó là lúc con cái Đức Chúa Trời ngủ nghỉ thì Sa-tan lại hành động. Trách nhiệm của chúng ta không phải cất bỏ sự giả dối nhưng là gieo trồng lẽ thật của Đức Chúa Trời. (Điều này không có ý nói đến kỷ luật trong phạm vi Hội Thánh địa phương). Chúng ta không phải là những thám tử nhưng là những nhà truyền giáo. Chúng ta phải chống lại Sa-tan và vạch trần sự dối trá của nó. Nhưng chúng ta cũng phải gieo lời Đức Chúa Trời và kết quả ở nơi Đức Chúa Trời đã đặt để chúng ta.

Điều gì sẽ xảy ra cho cỏ lùng? Đức Chúa Trời sẽ gom chúng lại và đốt đi. Thật là thú vị khi thấy một số “bó” này đã xảy ra khi các nhóm giáo phái khác nhau tìm kiếm cách hoà trộn và liên kết lại với nhau. Sự hiệp nhất thuộc linh giữa những Cơ Đốc nhân thật lòng tin Chúa là một chuyện, nhưng sự hợp nhất tôn giáo về mặt hình thức giữa những người tự nhận là Cơ Đốc nhân là một chuyện hoàn toàn khác. Ngày nay việc phân biệt chân giả thật là khó khăn, nhưng đến ngày cuối cùng, các thiên sứ sẽ phân loại chúng ta.

**Hạt cải - phát triển không bình thường** (Mat 13:31-32). Bên đông phương, hạt cải tượng trưng cho điều gì đó nhỏ bé và tầm thường. Nó sinh ra một cây cao lớn, nhưng nó không phải là “cây” theo đúng nghĩa. Dầu vậy, cây đó cao lớn đủ cho chim trời đến làm tổ ở trên cành nó.

Bởi vì Chúa Giê-xu không giải thích thí dụ này, cho nên chúng ta phải dùng những lời giải thích của Ngài trong các thí dụ khác để tìm ra ý nghĩa của nó. Chim trời trong thí dụ người gieo giống tiêu biểu cho quỷ Sa-tan (13:19). Các câu văn như Da 4:12 và Exe 17:23 cho thấy cây cối là biểu tượng của thế lực đời này. Nhưng sự kiện

này ngụ ý rằng thí dụ dạy về sự phát triển không bình thường của nước Trời, tạo điều kiện cho Sa-tan có thể hành động. Đương nhiên “thế giới Cơ Đốc giáo” nắm quyền trên khắp thế giới với hệ thống tổ chức phức tạp gồm nhiều nhánh. Ngày nay điều gì có cung cách khiêm tốn lúc khởi đầu sẽ huênh hoang về của cải vật chất và ảnh hưởng chính trị. Một số người cho rằng lời thí dụ này dạy về sự thành công trong việc rao giảng Phúc Âm trên toàn thế giới. Nhưng ý nghĩa đó trái nghịch với lời dạy của Chúa Giê-xu trong thí dụ thứ nhất. Có thể Kinh Thánh Tân Ước dạy chúng ta về sự giảm sút trong việc truyền rao Phúc Âm khi ngày cuối cùng hầu gần nữa là khác.

**Men - tín lý giả** (Mat 13:33). Hột cải minh họa cho sự phát triển giả tạo về số lượng của Nước thiên đàng, trong khi đó men cho thấy sự phát triển về chất của giáo lý và lời sống giả dối. Qua Kinh Thánh, chúng ta biết men là hình ảnh của tội lỗi. Trong kỳ lễ Vượt qua các gia đình người Giu-đa phải dẹp men khỏi nhà họ (Xu 12:15-19 13:7). Men không được dùng trong các cửa lễ (Xu 34:25), ngoại trừ các ổ bánh được dùng trong kỳ lễ sau lễ Vượt qua 50 ngày (Le 23:15-21). Nhưng ở điểm đó bánh tượng trưng cho người Giu-đa và dân ngoại bang hiện diện trong Hội Thánh, và tội lỗi hiện hữu trong Hội Thánh.

Chúa Giê-xu dùng hình ảnh men để nói đến sự giả hình (Lu 12:1), đạo lạc (Mat 16:6-12) và sự thoả hiệp với thế gian (Mat 22:16-21). Phao-lô dùng hình ảnh men để đề cập đến sự băng hoại trong Hội Thánh (ICo 5:6-8) cũng như giáo lý giả dối (Ga 5:9). Tội lỗi giống như men: Nó phát triển cách kín giấu, mục rữa ra và “dậy cả lên” (ICo 5:2 4:18-19 8:1).

Sa-tan đã nhọc công đưa ra giáo lý sai lầm và cách sống giả dối vào trong quyền hạn của Lời Đức Chúa Trời. Ngay từ những ngày sơ khai của Hội Thánh đầu tiên, người tin đạo thật đã tranh chiến với giáo lý sai lầm và sự giả hình. Thật buồn thay cho một số Hội Thánh đã một lần đặt lòng tin nơi Lời Đức Chúa Trời rồi bỏ chân lý quay sang tin vào chuyện hoang đường. “Hãy xem xét mọi việc điều gì lành thì giữ lấy” (ITe 5:21).

Nước Đức Chúa Trời bắt đầu bằng việc gieo hạt giống đạo Đức Chúa Trời vào lòng con người. Nhiều hạt không có kết quả nhưng có một số hạt kết nhiều quả. Quý Sa-tan gieo vào trong thế gian những Cơ Đốc nhân giả mạo để chống phá công việc của Đức Chúa Trời, nó cũng thúc đẩy sự tăng trưởng giả tạo và xen vào giáo lý sai lầm. Chúng ta thấy dường như Sa-tan đang chiến thắng. Nhưng chân giả sẽ phơi bày vào thời kỳ cuối cùng chớ không phải trong suốt giai đoạn sinh trưởng.

#### **4. Kết quả của Nước thiên đàng (Mat 13:44-58)**

Vào ngày cuối cùng, Đức Chúa Trời sẽ có 3 hạng người. Người Giu-đa (của báu giấu kín), Hội Thánh (ngọc châu) và các nước ngoại bang đã được cứu sẽ đi vào thiên đàng vinh hiển (tay lưới).

**Của báu giấu kín** (Mat 13:44). Ví dụ này thường được giải thích thông thường là tội nhân tìm gặp Đấng Christ và bỏ hết mọi sự mình có để được Ngài và Ngài ban cho sự cứu rỗi. Nhưng lời giải thích này phát sinh một số vấn đề. Trước hết, Chúa Giê-xu Christ không phải là của báu giấu kín. Có lẽ Ngài là người nổi tiếng nhất trong lịch sử. Thứ hai, tội nhân không thể nào “tìm gặp Đấng Christ” được vì họ đui mù và cứng cõi (Ro 3:10). Chính Đấng Christ đến tìm tội nhân hư mất (Lu 19:10). Và chẳng có tội nhân nào mua được sự cứu rỗi. Xin chúng ta lưu ý người đàn ông trong ví dụ không



mua của báu giấu kín nhưng ông đã mua cả đám ruộng đó. “Đám ruộng là thế gian” Mat 13:38). Phải chăng tội nhân hư mất mua thế gian để được Đấng Christ sao? Rồi đem Ngài đi giấu ư?

Một lần nữa, hình bóng Cựu Ước giúp chúng ta hiểu được ý nghĩa. Của báu ở đây là dân Y-sơ-ra-ên (Xu 19:5 Thi 135:4). Dân Y-sơ-ra-ên đã được lập trong thế gian để dâng sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời, nhưng dân tộc ấy thất bại, trở thành một dân tộc không ai biết đến, một của báu không được đầu tư để sinh lợi cho Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu Christ đã dâng cả mạng sống Ngài để mua chuộc cả thế gian nhằm cứu dân mình (Gi 11:51). Ngài đã chết trên thập tự giá vì tội cả thế gian nhưng trong ý nghĩa đặc biệt, Ngài chịu chết vì dân Y-sơ-ra-ên (Es 53:8). Dân Y-sơ-ra-ên đã chịu đoán phạt và dường như bị huỷ diệt, nhưng trong cái nhìn của Đức Chúa Trời dân ấy “bị giấu kín” và sẽ lại được bày tỏ ra trong sự vinh hiển.

Về mặt chính trị, cũng có một tương lai cho dân Y-sơ-ra-ên, khi dân tộc này được lập quốc trở lại vào ngày 14 tháng năm 1947. Nhưng đất nước Y-sơ-ra-ên đã đi sai lạc về phương diện thuộc linh. Đức Chúa Trời nhìn thấy dân Y-sơ-ra-ên là của báu của Ngài, và một ngày kia Đức Chúa Trời sẽ lập Y-sơ-ra-ên mới trong nước vinh hiển.

**Hột châu quý giá** (Mat 13:45-46). Một bài thánh ca nổi tiếng làm sống mãi lời giải thích hột châu là Chúa Giê-xu Christ và sự cứu rỗi của Ngài. Nhưng có nhiều ý cũng phản đối lời giải thích này như đã được áp dụng trong thí dụ trước. Tội nhân không tìm đến Chúa, nhưng Đấng Christ tìm đến với người có tội. Không có tội nhân nào có thể trả được nợ cứu rỗi cho dù anh ta có bán hết thầy điều mình có.

Hột châu ở đây tiêu biểu cho Hội Thánh. Kinh Thánh phân biệt rõ giữa người Giu-đa, người ngoại bang và Hội Thánh của Đức Chúa Trời (ICo 10:32). Hội Thánh ngày nay là thân thể của Đấng Christ gồm có những kẻ tin là người Giu-đa và dân ngoại bang Eph 2:11). Không giống như hầu hết các đá quý khác, hột châu là vật nguyên khối - người ta không thể chạm trổ nó như kim cương hay ngọc bích. Hội Thánh là một khối thống nhất (Eph 4:4-6), mặc dù Hội Thánh hữu hình trên thế gian bị phân chia thành nhiều hệ phái. Giống như hột châu, Hội Thánh là kết quả của sự đau đớn. Chúa Giê-xu Christ đã chịu chết vì Hội Thánh (Eph 5:25) và Hội Thánh đã được khai sinh bởi sự đau khổ của Ngài trên thập tự giá.

Hạt châu dần dần lớn lên và Hội Thánh Đức Chúa Trời cũng từ từ tăng trưởng khi Đức Thánh Linh cáo trách và biến đổi tội nhân ăn năn. Không ai nhìn thấy được quá trình tạo hình hạt châu, vì nó nằm kín trong lớp vỏ của con sò dưới đại dương. Cũng vậy chẳng người nào nhìn thấy được sự lớn mạnh của Hội Thánh Đức Chúa Trời trên trần gian. Ngày nay Hội Thánh của Đức Chúa Trời ở giữa vòng các dân tộc (đại dương trong Kinh Thánh nói đến các dân tộc, (Da 7:1-3 Kh 13:1 17:15) và một ngày kia vẻ đẹp của Hội Thánh của Đức Chúa Trời sẽ được bày tỏ ra.

Vì vậy, Sa-tan có hành động mưu kế xảo quyệt trong thế gian, Đấng Christ vẫn đang hình thành Hội Thánh của Ngài. Ngài hi sinh tất cả điều Ngài có để mua chuộc Hội Thánh Ngài, và quỷ Sa-tan không thể làm điều gì để ngăn trở Ngài được. Chỉ có một Hội Thánh, một hạt châu quý giá mà thôi, dù có nhiều Hội Thánh địa phương. Không phải ai có tên trong Hội Thánh địa phương là thuộc viên của Hội Thánh Đức Chúa Trời, thân thể của Đấng Christ. Chỉ bởi sự ăn năn và đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ chúng ta mới trở nên chi thể trong thân của Ngài. Dĩ nhiên tất cả những kẻ

thật lòng tin Chúa phải gắn bó với Hội Thánh địa phương nơi họ cư ngụ để thờ phượng và hầu việc Đức Chúa Trời.

*Mê lưới* (Mat 13:47-50). Công cuộc rao giảng Phúc Âm của Đức Chúa Trời trong thế gian không biến đổi thế gian. Giống như một lưới kéo khổng lồ thâu tóm đủ loại cá, cá giống tốt lẫn xấu. Hội Thánh hữu hình ngày nay gồm có cả những người tin đạo thật lẫn giả (thí dụ về cỏ lùng) và tốt lẫn xấu. Đến ngày tận thế, Đức Chúa Trời sẽ chia Cơ Đốc nhân thật với giả, kẻ ác với người công bình. Khi Chúa Giê-xu Christ trở lại thế gian, để chiến đấu trong trận chiến Hạt-ma-ghe-đôn (Kh 19:11), Ngài sẽ phân chia người tin với kẻ vô tín còn sống trên thế gian. Những người đang sống này không phải là các chi thể trong Hội Thánh Đấng Christ (đã được cất lên trời) hoặc dân Y-sơ-ra-ên. Những dân ngoại này sẽ được phân xử theo luật công bình: Người được cứu sẽ vào hưởng Nước thiên đàng, những kẻ hư mất sẽ bị quăng vào hồ lửa địa ngục. Chúng ta cũng tìm thấy được ý nghĩa ấy trong thí dụ “chiên và dê” (Mat 25:31).

Trong các thí dụ này Chúa Giê-xu dùng đến 2 lần nhóm từ “ngày tận thế” 13:39,49). Ngài không có ý nói đến ngày tận chung của “thời kỳ Hội Thánh”, Chúa không bày tỏ cho các môn đệ về sự thật của Hội Thánh cho mãi về sau này (Mat 16:18). “Thời kỳ” Ngài muốn nói đến là thời kỳ dân Giu-đa vào lúc kết thúc Kỳ Đại Nạn mô tả trong Mat 24:1-31 và Kh 6:1-9:21. Chúng ta nên thận trọng đừng “tưởng rằng” các phân đoạn chép trong Phúc Âm Ma-thi-ơ này là những chân lý sau này được bày tỏ qua Phao-lô và các sứ đồ khác.

(Mat 13:51-52) Khi Chúa Giê-xu phán xong các lời thí dụ này, Ngài hỏi các môn đệ xem họ có hiểu các lời Ngài đã dạy không và họ mạnh mẽ trả lời: “Vâng thưa Chúa có hiểu”. Sự hiểu biết đòi hỏi ý thức trách nhiệm. Để giải thích điều này, Chúa thêm một thí dụ sau cùng (Mat 13:51-52) để nhắc nhở họ về trách nhiệm của mình.

Họ phải họ là những thầy thông giáo để khám phá lẽ thật. Các thầy thông giáo được hình thành từ một nhóm người thuộc giới quý tộc dưới sự lãnh đạo của E-xơ-ra. Mục đích của họ nhằm bảo tồn luật pháp, nghiên cứu và áp dụng những chân lý của luật pháp vào trong đời sống hằng ngày. Trải qua nhiều năm, sự nghiệp cao quý của họ đã sa sút suy đồi trở thành thói quen giữ gìn các truyền thống và lời giải thích của con người, và chất thêm gánh nặng trong cuộc sống của dân chúng (Lu 11:46-52). Họ quá chú tâm đến quá khứ đến nỗi làm ngơ những gì xảy ra trong hiện tại. Thay vì chia sẻ chân lý sống động của Lời Đức Chúa Trời, họ quảng bá những giáo lý chết và “khắc cốt ghi tâm” những lời truyền thông không giúp được cho ai.

Là người tin Chúa, chúng ta không tìm tòi lẽ thật, bởi vì chúng ta có lẽ thật trong Con Ngài (Gi 14:6) và trong lời Đức Chúa Trời (Gi 17:7). Chúng ta được dạy dỗ bởi Thần Lẽ Thật Gi 16:13 tức là lẽ thật (IGi 5:6). Chúng ta tìm tòi trong lời Đức Chúa Trời để có thể khám phá những chân lý mới mẻ hơn. Chúng ta là những thầy thông giáo - những học trò - ngồi nơi chân Chúa Giê-xu lắng nghe lời của Ngài. Niềm vui của đời sống Cơ Đốc nhân đó là đặc ân học biết được ý muốn của Đức Chúa Trời qua Lời của Ngài. Nhưng chúng ta không được dừng lại ở chỗ đó.

Họ phải là những môn đệ làm theo chân lý. “Vì vậy, mọi thầy thông giáo đều trở nên môn đệ của Nước thiên đàng...” là lời dịch chính xác hơn cho Mat 13:52. Thầy thông giáo đặt nặng vấn đề học, nhưng môn đệ coi trọng cách sống. Môn đồ là người thi hành lời Đức Chúa Trời (Gia 1:22) và họ học bằng cách làm theo.

Thật khó để giữ cho đời sống chúng ta được quân bình. Chúng ta thường đặt nặng vấn đề học tập mà xem nhẹ cung cách sống. Hoặc chúng ta quá bận rộn trong sự hầu việc Chúa đến nỗi không còn thời gian học hỏi lời của Đức Chúa Trời. Mỗi thầy thông giáo phải là môn đệ của Chúa và mỗi môn đệ của Chúa phải là thầy thông giáo.

Họ phải là những nhà quản lý phân phát lẽ thật. Các thầy thông giáo gìn giữ Luật pháp nhưng không đem luật pháp vào trong đời sống dân chúng. Sự dạy dỗ quý báu của Luật pháp bị lẽ thói của con người che khuất. Hạt giống không được gieo trồng để nó có thể sanh hoa kết trái. “Vàng bạc thuộc linh” không được đem ra sử dụng để có thể sinh lợi. Là Cơ Đốc nhân chúng ta nên thận trọng dè dặt nhưng không giữ chặt.

Người quản gia bảo vệ tài sản, nhưng ông ta cũng phân phát nó khi có nhu cầu. Ông ta phân phát cho cả cũ lẫn mới. Những nguyên tắc và hiểu biết mới mẻ dựa trên các lẽ thật cũ. Cái mới không thể phủ nhận của cái cũ bởi vì cái cũ ra từ cái mới (Le 26:10). Nếu không có cái cũ, cái mới chỉ có tính chất mới nhưng không có giá trị lâu dài. Nhưng cái cũ không có ích lợi gì nếu không có những áp dụng mới vào cuộc sống ngày nay. Chúng ta cần đến cả hai.

(Mat 13:53-58) Khi Chúa Giê-xu phán dạy xong các lời thí dụ này, Ngài đi ngang qua biển trong một cơn bão và Ngài chữa lành những người bị quỷ ám trong xứ Ga-đa-ra. Ma-thi-ơ ghi lại sự kiện trong Mat 8:28-34. Lúc đó Ngài về thăm quê hương ngài tại Na-xa-rét, và sự kiện này Ma-thi-ơ đã ghi lại trong 13:53-58.

Hai điều này gây ngạc nhiên cho dân thành Na-xa-rét. Lời nói khôn ngoan của Chúa và phép lạ của Ngài. Tuy vậy, họ không tin Ngài và điều này làm hạn chế chức vụ của Ngài. Điều gì gây cho người ta nghi ngờ Ngài? Họ quá quen thuộc Ngài theo cách nhìn con người, vì Ngài đã lớn lên ở giữa vòng họ. Đó là trường hợp nhận biết Ngài theo xác thịt (II Co 5:18) và không có sự soi tỏ thiêng liêng mà Đức Chúa Trời ban cho những người vâng phục Ngài (Mat 11:25-30). Những người này bước đi bằng mắt thấy chớ không phải bằng đức tin.

Nhưng nếu bạn bè và gia đình của Ngài không tin Ngài, thì có hi vọng nào cho dân Y-sơ-ra-ên tin vào Ngài? Những ngày đầu chức vụ của Ngài, Chúa Giê-xu đã giảng dạy tại thành Na-xa-rét (Lu 4:16-31) và người ta đã chối bỏ Ngài và bây giờ Ngài lại bị người ta khước từ. Đây là cuộc viếng thăm cuối cùng của Ngài đến Na-xa-rét, dân thành Na-xa-rét không còn có cơ hội nào nữa. Mọi người biết tiếng Chúa Giê-xu là “Giê-xu người Na-xa-rét” và những người theo Ngài được gọi là “Người Na-xa-rét”, nhưng người Na-xa-rét không chấp nhận Ngài. Ma-thi-ơ đã chọn sự kiện này thật phù hợp để kết thúc phần “Nổi loạn chống lại Vua”.

## **10. VUA RÚT LUI (Mat 14:1-36)**

Tôi đặt tựa đề cho các chương 14-20 là “Vua ẩn dật”. Trong suốt thời gian Ma-thi-ơ ghi chép lại trong các chương này, Chúa Giê-xu thường rút lui khỏi đám đông và dành thì giờ một mình với các môn đệ Ngài (Mat 14:13 15:21,29 17:1-8). Có một vài lý do cho những lần rút lui này, sự chống đối của kẻ thù Ngài càng gia tăng, Ngài cần nghỉ ngơi, và Ngài cần phải chuẩn bị cho các môn đệ Ngài hiểu được cái chết sắp đến của Ngài trên thập tự giá. Chẳng may, các môn đệ thường bị cuốn hút vào cảm xúc thú vị do đoàn dân đông gây ra khi họ muốn tôn Ngài làm vua (Gi 6:15).

Tuy nhiên chúng ta không nên nghĩ rằng những lần rút lui này hoặc thời gian nghỉ ngơi tránh khỏi đoàn dân đông là thời gian Ngài không hành động. Thường thì đoàn

dân đông theo Ngài và Ngài không thể nào ở riêng một mình được. Ngài không hẹp hòi thoả đáp các nhu cầu của họ cho dù Ngài cần sự yên tĩnh để nghỉ ngơi. Trong các chương 14-20, chúng ta sẽ thấy 3 nhóm người này. Kẻ thù của Chúa Giê-xu Christ, đám đông đói khát và các môn đệ. Khi câu chuyện đạt đến cao điểm, dường như kẻ thù chiến thắng nhưng điều này không đúng. Trong chương kết thúc, Ma-thi-ơ mô tả Vị vua đã sống lại giao quyền cho các môn đệ của Ngài đi khắp thế gian chia sẻ tin mừng cho vô số người.

Trong chương này chúng ta nhìn thấy 3 nhóm người này và phản ứng của Chúa đối với họ.

## 1. Kẻ thù của Ngài: sự cảnh cáo (Mat 14:1-13)

Gia đình của vua Hê-rốt xuất hiện trong 4 sách Phúc Âm và sách Công-vụ các sứ đồ và chúng ta dễ nhầm lẫn các viên chức cai trị.

Hê-rốt đại đế thành lập triều chính và cai trị từ năm 37 trước Chúa đến năm thứ 4 sau Chúa. Ông ta không phải là người Giu-đa theo huyết thống nhưng là người dân Ê-đôm, hậu tự của Ê-sau. “Về thực tế ông là một người ngoại đạo, và là một người có tính cách tàn bạo” (Từ điển Thánh Kinh của Unger). Ông ta có 9 vợ (một số sách nói ông có 10 vợ), và ông không ngần ngại sát hại con hoặc vợ của mình nếu họ chống đối lại ý muốn của ông. Chính ông là người đã giết hại các trẻ em từ hai tuổi trở xuống tại Bết-lê-hem (Mat 2:13-18). Hê-rốt An-ti-ba, vua Hê-rốt được đề cập đến trong chương này, là con trai của Hê-rốt đại đế. Tước hiệu của ông là “tổng đốc” có nghĩa là “nhà cai trị một phần tư vương quốc”. Ông cai trị từ năm thứ 4 trước Chúa đến năm 39 sau Chúa, và ông đã cai trị lọc lừa và vị kỷ. Ông ta yêu thích sự xa hoa và tham vọng trở thành nhà cai trị lớn.

Hê-rốt A-c-ríp-ba là vua Hê-rốt đã bỏ tù Phi-e-rơ và giết Gia-cơ (Cong 12:1-25). Ông là cháu nội của Hê-rốt đại đế.

Hê-rốt A-c-ríp-ba II là vua Hê-rốt đã hỏi cung Phao-lô (Cong 25:13). Ông là con trai của vua Hê-rốt A-c-ríp-ba I.

Tất cả các vua Hê-rốt đều mang dòng máu Ê-đôm và giống như tổ phụ Ê-sau của họ, họ thù địch với dân Giu-đa (Sa 25:19). Họ giữ lễ nghi phép tắc của Do Thái giáo để giúp họ thực hiện được kế hoạch thâm tóm quyền lực và của cải.

Hê-rốt A-c-ríp-ba đã phạm tội góm ghiec: Người đã lấy Hê-rốt-đi-a vợ Phi-líp I là em mình, bỏ vợ của mình và gởi trả nàng lại cho cha nàng, vua Petra (Le 18:16,20-21). Hê-rốt đã nghe theo tiếng cám dỗ và tù lao vào tội lỗi đáng sợ.

Nhưng có những tiếng nói khác mà Đức Chúa Trời sai đến để cảnh cáo Hê-rốt.

**Tiếng nói của vị Tiên Tri** (Mat 14:3-5). Giăng Báp-tít đã cảnh cáo Hê-rốt cách mạnh mẽ và kêu gọi ông ta ăn năn. Giăng biết rằng một người cai trị phạm tội sẽ làm cho đất bị ô uế và dễ dàng tạo cơ hội cho người khác phạm tội, và ông cũng biết rằng Đức Chúa Trời sẽ đoán phạt tội nhân (Ma 3:5). Chúng ta nên khen ngợi Giăng vì ông đã can đảm vạch tội và lên án nó. Y-sơ-ra-ên là tuyển dân của Đức Chúa Trời, nếu các bậc lãnh đạo dân sự phạm tội (mặc dầu họ là người không tin Chúa) cơn đoán phạt của Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ giáng trên dân sự.

Thay vì lắng nghe lời của tôi tớ Đức Chúa Trời và vâng lời Ngài, Hê-rốt sai bắt Giăng và bỏ ông vào ngục. Giăng Báp-tít bị giam trong ngục thất Machaerus, nằm

cách phía đông Biển Chết 4 dặm. Nhà tù đó nằm trên đỉnh núi đá cao 3.500 bộ so với mặt biển và chỉ có lối vào ở một phía.

Chính Hê-rô-đia, vợ Hê-rốt, người đã nuôi thù hận với Giăng (Mac 6:19) và bà ta đã ảnh hưởng đến chồng mình. Bà ta lập mưu sai con gái của mình vào nhảy múa tại bữa tiệc sinh nhật của Hê-rốt. Hê-rô-đia biết rằng chồng của bà sẽ không chống nổi sức quyến rũ của con gái của bà ta và vua sẽ vội vàng hứa ban cho con gái mình một điều gì. Nàng cũng biết Hê-rốt sẽ giữ “thể diện” trước quan khách và triều thần của mình. Âm mưu được thực hiện và kết quả Giăng bị chém đầu.

**Tiếng nói của lương tâm** (Mat 14:1-2). Khi Hê-rốt nghe về những công việc lạ lùng của Đức Chúa Giê-xu, ông chắc rằng Giăng Báp-tít đã sống lại. Lương tâm vua bị cáo trách, cả vợ vua lẫn bạn bè đều không thể an ủi vua được. Tiếng nói lương tâm có sức mạnh, và có thể đó là tiếng nói của Đức Chúa Trời phán với những tấm lòng biết lắng nghe Ngài.

Thay vì lắng nghe tiếng cáo trách của lương tâm, Hê-rốt quyết định giết Chúa Giê-xu như ông đã giết Giăng Báp-tít. Một số người Pha-ri-si (có lẽ nhằm âm mưu) báo với Chúa Giê-xu rằng vua Hê-rốt muốn tìm cách giết Chúa Giê-xu (Lu 13:31-32). Những lời báo này không làm cho Ngài lo lắng. Chữ “chồn cáo” trong Lu 13:32 là giống cái. Chúa Giê-xu phán: “Hãy đi nói với con chồn cái ấy...” Có thể Ngài đang ám chỉ đến Hê-rô-đia, người đang nắm quyền đằng sau ngai vàng chẳng?

Tiếng nói của Chúa Giê-xu (Lu 23:6-11). Cuối cùng lúc Hê-rốt gặp Chúa Giê-xu, ông ta thấy rằng Con Đức Chúa Trời không nói với ông ta một lời! Hê-rốt đã làm cho tiếng của Đức Chúa Trời bị yên lặng “Ngày này nếu các ngươi nghe tiếng Ngài, thì chớ cứng lòng” (He 3:7-8).

Tiếng nói lịch sử: Đáng lý ra Hê-rốt nên biết rằng ông không thể chạy tội mình được. Lịch sử ghi lại rằng Hê-rốt đã đánh mất uy tín và thế lực. Lực lượng của ông ta đã bị quân Ả-rập đánh bại, và lời thỉnh cầu được phong làm vua (do vợ của ông thúc đẩy) đã bị hoàng đế Ca-li-gu-la từ chối. Hê-rốt đã bị đày qua đảo Gaul (Nước Pháp) và sau đó bị đày qua Tây Ban Nha nơi ông chết tại đó.

Mọi người biết đến Hê-rốt là nhà cai trị yếu kém chỉ quan tâm đến những thú vui riêng tư và vị trí quyền lực của mình mà thôi. Vua không quan tâm lo lắng đến đời sống dân chúng, ông ta chỉ phục vụ bản thân mình. Ông ta có cái “vinh dự” là người đã giết vị tiên tri cao trọng nhất đã được Đức Chúa Trời sai đến để công bố Phúc Âm của Ngài.

Chúa chúng ta phản ứng gì khi nghe tin Giăng bị giết? Thận trọng: Ngài yên lặng rút lui khỏi miền đó và đi tề ra nơi “vắng vẻ”. Ngài sống theo chương trình của Ba Ngôi Đức Chúa Trời (Gi 2:4 7:6 7:30 8:20 12:23,27 13:1 17:1), và Ngài không muốn gây hấn với Hê-rốt. Bởi vì nhân viên mật vụ của Hê-rốt ở khắp mọi nơi cho nên Chúa phải thực hành sự khôn ngoan và thận trọng.

Chắc chắn Chúa Giê-xu đã kín đáo rời khỏi khi Ngài nghe Giăng đã bị giết. Đất nước Giu-đa để cho Giăng bị giết vì họ không làm gì để giúp ông cả. Nhưng cũng chính các nhà lãnh đạo này lại đòi xử tử Chúa Giê-xu. Chúa Giê-xu không bao giờ cho phép các nhà cai trị dân Giu-đa quên lời chứng của Giăng (Mat 21:23). Vì họ từ chối lời chứng của Giăng, nên họ chối Đấng Mê-si-a là Vua của họ.

## **2. Đoàn dân đông: lòng thương xót (Mat 14:14-21)**

Chúa Giê-xu và các môn đệ của Ngài rất cần được nghỉ ngơi (Mac 6:31) nhưng nhu cầu của Đoàn dân đông cảm động lòng Ngài. Chữ được dịch “động lòng thương xót” theo nghĩa đen có nghĩa là “bị khuấy động tâm can”. Điều đó mạnh hơn sự thương cảm. Từ ngữ này được sử dụng 12 lần trong các sách Phúc Âm, và trong số ấy có 8 lần liên quan đến Chúa Giê-xu Christ.

Chúa Giê-xu “động lòng thương xót” khi Ngài thấy đám dân đông khát khao (Mat 9:36). Họ như chiên tan lạc sau khi bị hót lông - tả tơi, kiệt sức và quanh quẩn. Hai lần Ngài “động lòng thương xót” khi Ngài nhìn đám dân đông đang đói không có thức ăn (Mat 14:14 15:32). Hai người mù (Mat 20:34) và người bị phung (Mac 1:4) cũng khuấy động lòng thương xót của Ngài, như Ngài đã động lòng thương xót bà goá thành Na-in (Lu 7:13).

Chúa Giê-xu đã dùng cụm từ này trong 3 thí dụ. Một vua kia đã động lòng thương xót người đầy tớ không thể trả nổi nợ và người đã xoá nợ của anh ta chúng ta cũng nên tha thứ cho người khác (Mat 18:21-35). Người Sa-ma-ri đã động lòng thương xót người Giu-đa đã bị nạn và đã yêu thương săn sóc anh (Lu 10:25-37). Người cha động lòng thương xót đưa con hoang đàng của mình, ông chạy ra ôm hôn nó khi nó trở về nhà (Lu 15:20). Nếu Cha chúng ta ở trên trời bày tỏ lòng thương xót đối với chúng ta như vậy, chúng ta không nên có lòng thương xót đối với người lân cận sao?

Phép lạ hoá bánh nuôi 5.000 người được ghi lại trong cả 4 sách Phúc Âm (Mac 6:35-44 Lu 9:12-17 Gi 6:4-13). Đó quả thật là một phép lạ. Những người giải thích rằng Chúa Giê-xu chỉ nhắc nhở dân chúng bày ra bữa trưa mang theo đã lờ đi chân lý rõ ràng của Kinh Thánh. Gi 6:14 khẳng định sự kiện ấy là “dấu lạ” hoặc “phép lạ”. Lẽ nào đám đông lại muốn tôn Chúa Giê-xu làm vua chỉ vì Ngài phỉnh họ chia sót bữa ăn trưa của họ? (Gi 6:14-15). Không đời nào?

Chúng ta tưởng tượng nhìn thấy nỗi bối rối lúng túng của các môn đệ. Ở đây có đến hơn 5.000 người đang đói và họ có gì để nuôi số người này. Dĩ nhiên các môn đệ biết rằng Chúa Giê-xu có dư quyền năng đáp ứng nhu cầu, nhưng họ đã không quay sang Ngài để nhờ Ngài giúp đỡ. Thay vào đó, các môn đệ rà soát nguồn thức ăn họ có được (một em bé có 5 cái bánh và hai con cá) và ngân quỹ có hạn của họ. Khi họ xét đến vấn đề thời gian (chiều tối) và nơi chốn (nơi vắng vẻ), họ đi đến kết luận không thể nào làm được gì để giải quyết khó khăn này. Họ góp ý với Chúa “Xin Thầy cho dân chúng về”

Ngày nay nhiều con cái Chúa có hành động giống như các môn đệ. Vì lý do này, chẳng bao giờ Đức Chúa Trời hành động đúng lúc hoặc đúng nơi. Chúa Giê-xu quan sát nỗi thất vọng của các môn đệ khi họ gắng tìm cách giải quyết nan đề, nhưng “chính Ngài đã viết điều Ngài sẽ làm rồi” (Gi 6:6). Ngài muốn dạy họ bài học đức tin và vâng phục. Bạn lưu ý các bước chúng ta phải có trong việc giải quyết mọi nan đề của cuộc sống.

Hãy bắt đầu bằng những gì chúng ta có. Môn đồ Anh-rê tìm thấy một cậu bé mang theo một bữa trưa, và ông ta đưa cậu bé đến với Chúa Giê-xu. Cậu bé có sẵn lòng dâng bữa ăn trưa của mình cho Chúa không? Vâng, cậu bé bằng lòng giao bữa ăn trưa của mình cho Chúa. Đức Chúa Trời bắt đầu từ hiện trạng của chúng ta và sử dụng những gì chúng ta có.

Hãy giao những gì bạn có cho Chúa Giê-xu. Chúa Giê-xu nhận lấy bữa ăn trưa đạm bạc, tạ ơn rồi phân phát ra cho mỗi người. Trong tay Ngài phép lạ hoá ra nhiều

đã xảy ra. “Số ít trở nên nhiều Đức Chúa Trời ở cùng và ban phước” Chúa Giê-xu bé bánh và trao cho các môn đệ và đến phiên họ phân phát bánh nuôi đám dân đông.

Hãy vâng theo điều Ngài truyền dạy. Các môn đệ bảo dân chúng ngồi xuống theo lệnh Chúa Giê-xu. Họ mang bánh phát cho dân chúng và khám phá ra rằng có dư cho mọi người. Là tôi tớ của Ngài, chúng ta là “những nhà đại lý phân phối” chứ không phải “những nhà sản xuất”. Nếu chúng ta trao điều chúng ta có cho Ngài, Ngài sẽ chúc phước tạ ơn và trao lại cho chúng ta để sử dụng nuôi nấng người khác.

Hãy giữ gìn các kết quả. Có 12 giỏ đầy bánh và cá sau khi dân chúng ăn no nê. Nhưng các miếng bánh này được các môn đệ cẩn thận thu lại để không có miếng nào phải bỏ phí (Mac 6:43 Gi 6:12). Tôi tự hỏi không biết cậu bé mang về lại nhà mình bao nhiêu miếng bánh? Chúng ta thử tưởng tượng mẹ cậu bé ngạc nhiên biết bao khi bà nghe cậu bé kể lại câu chuyện ấy.

Sứ đồ Giăng đã ghi lại bài giảng về “Bánh hằng sống” mà Chúa Giê-xu đã giảng ngày hôm sau tại nhà hội ở thành Ca-bê-na-um (Gi 6:22). Dân chúng thích thú nhận lãnh bánh thuộc thể, nhưng họ không chịu nhận Bánh Hằng Sống là Con Đức Chúa Trời từ trời xuống. Phép lạ nuôi 5.000 người thực sự là một bài giảng bằng hành động. Chúa Giê-xu là Bánh Sự Sống, và chỉ có Ngài mới thoả mãn sự đói khát thuộc linh trong lòng con người. Điều đáng buồn là con người phí thời gian và tiền bạc vào “những thứ không phải là bánh” (Es 55:1-7). Con người ngày hôm nay đang phạm phải sai lầm tương tự.

Chúa Giê-xu vẫn để lòng thương xót trên đám dân đông đói khát, và Ngài vẫn phán dạy Hội Thánh Ngài: “Hãy cho họ ăn”. Chúng ta quá ư dễ dàng đuổi người ta đi, viện lý do này khó khăn khác, bảo rằng chúng ta không đủ khả năng. Chúa Giê-xu đòi hỏi chúng ta trao cho Ngài mọi sự chúng ta có và để Ngài sử dụng nếu Ngài thấy phù hợp. Thế giới đói khát đang nuôi mình bằng những điều trống rỗng trong khi chúng ta lấy mất khỏi họ Bánh Sự sống. Khi chúng ta giao cho Đấng Christ mọi điều chúng ta sở hữu chúng ta sẽ không bị mất bao giờ. Chúng ta luôn luôn hưởng được ơn phước bội phần hơn lúc chúng ta bắt đầu.

### **3. Các môn đệ: sẵn sóc và quan tâm (Mat 14:22-36)**

Sứ đồ Giăng ghi lại lý do tại sao Chúa Giê-xu vội vã rời khỏi đám đông và hối môn đệ trở lại thuyền: Đám đông muốn tôn Ngài làm vua (Gi 6:14-15). Chúa biết rằng việc làm của họ không xuất phát từ động cơ thiêng liêng và mục đích của họ nằm ngoài ý muốn của Đức Chúa Trời. Nếu các môn đệ lưu lại, họ sẽ rơi vào mưu định của dân chúng vì cho đến lúc bấy giờ, các môn đệ không hiểu hết được chương trình của Chúa Giê-xu Christ. Họ biện luận “ai là người cao trọng nhất”, và một cuộc khởi nghĩa quần chúng ắt hẳn hoàn toàn thích hợp với họ.

Kinh nghiệm của các môn đệ trong cơn bão có thể là điều khích lệ chúng ta khi chúng ta băng qua những cơn giông tố của cuộc đời. Khi chúng ta thấy mình trong cơn bão, chúng ta có thể yên nghỉ trên những lời hứa chắc chắn.

“Ngài đã mang tôi đến nơi đây”, Cơn bão xảy ra vì nó nằm trong ý muốn của Đức Chúa Trời và không (giống như Giô-na) nằm ngoài ý chỉ của Đức Chúa Trời. Liệu Chúa Giê-xu có biết cơn bão sắp xảy ra không? Tất nhiên Ngài biết. Ngài có chủ động đưa họ vào cơn bão không? Đúng vậy. Trong cơn bão họ thấy an toàn vì ở trong ý định của Đức Chúa Trời hơn là trên đất liền mà vì nằm ngoài ý định của Đức Chúa

Trời. Chúng ta đừng bao giờ đánh giá sự an ninh của chúng ta chỉ căn cứ trên hoàn cảnh mà thôi.

Khi đọc Kinh Thánh, chúng ta khám phá ra có hai loại bão tố: cơn bão sửa trị, đó là khi Đức Chúa Trời trách phạt chúng ta và cơn bão ích lợi khi Đức Chúa Trời nâng đỡ chúng ta lớn lên. Tiên tri Giô-na gặp bão vì ông không vâng lời Đức Chúa Trời và Ngài đã sửa trị ông. Các môn đệ cũng gặp bão vì họ vâng lời Chúa Giê-xu Christ và họ được dạy dỗ để lớn lên. Trước đó khi Ngài ở trên thuyền với các môn đệ, Ngài cho họ gặp bão để thử luyện họ (Mat 8:23-27). Nhưng bây giờ Ngài ở bên ngoài thuyền để thử nghiệm họ.

Nhiều Cơ Đốc nhân có ý nghĩ sai lầm là hễ vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời sẽ “thuận buồm xuôi gió”. Nhưng điều này không đúng. Chúa Giê-xu đã hứa “Các ngươi sẽ có sự hoạn nạn trong thế gian” (Gi 16:33). Khi chịu bão tố vì có vâng lời Chúa, chúng ta nên nhớ rằng Ngài đã mang chúng ta đến thì Ngài cũng chăm sóc bảo vệ chúng ta.

“NGÀI đang cầu thay cho tôi”. Toàn cảnh này là bức tranh thật xúc động về Hội Thánh và Chúa Giê-xu Christ ngày nay. Con cái Đức Chúa Trời đang ở trên biển đời giông tố. Nhưng Chúa Giê-xu Christ đang ngự bên hữu Đức Chúa Trời “cầu nguyện thế cho chúng ta” (Ro 8:34). Ngài thấy các môn đệ và biết nỗi khó khăn của họ (Mac 6:48), cũng như vậy Ngài nhìn thấy và biết nhu cầu của chúng ta. Ngài cảm nhận gánh nặng của chúng ta và biết những thử thách chúng ta đang trải qua (He 4:14-16). Chúa Giê-xu đang cầu thay cho môn đệ của Ngài để đức tin của họ không thiếu thốn.

Nếu bạn biết Chúa Giê-xu Christ hiện diện ở phòng kế bên đang cầu thay cho bạn, điều đó sẽ không đem đến cho bạn sự khích lệ mới mẻ để chịu nổi cơn giông bão và làm theo ý muốn Ngài sao? Dĩ nhiên bạn sẽ kinh nghiệm điều đó. Ngài không có ở phòng bên cạnh nhưng Ngài ở trên trời đang cầu thay cho bạn, Ngài nhìn thấy nhu cầu của bạn, Ngài thấu hiểu nỗi sợ hãi của bạn, và Ngài điều hướng mọi hoàn cảnh.

“Ngài sẽ đến với tôi”. Để thường chúng ta có cảm giác như Chúa Giê-xu ở cách xa chúng ta khi chúng ta trải qua những giờ phút gian nan trong cuộc đời. Trong Thi-thiên, Đa-vít than thở rằng dường như Đức Chúa Trời ở cách xa và không quan tâm đến ông. Dầu vậy ông biết rằng cuối cùng Đức Chúa Trời sẽ giải cứu ông. Ngay cả vị đại sứ đồ Phao-lô cũng gặp phải hoàn cảnh khó khăn quá đến nỗi ông cảm thấy “...bị đè nén quá chừng, quá sức mình, đến nỗi mất lòng trông cậy giữ sự sống” (II Co 1:8).

Chúa Giê-xu luôn luôn có mặt với chúng ta trong mọi cơn giông tố của cuộc đời. “Khi người vượt qua các dòng nước, Ta sẽ ở cùng...” (Es 43:2). Có thể Ngài không đến đúng lúc chúng ta nghĩ rằng Ngài phải đến, bởi vì Ngài biết lúc nào chúng ta cần đến Ngài nhất. Ngài chờ đợi cho đến khi con thuyền ra xa hẳn ngoài biển khơi để mọi hi vọng của con người tiêu tan. Ngài đang thử luyện đức tin của các môn đệ, và điều này có nghĩa là Ngài muốn chúng ta rời xa mọi chỗ dựa của con người.

Tại sao Chúa Giê-xu đi bộ trên mặt biển? Để chỉ cho các môn đệ Ngài thấy rằng chính ngay điều họ sợ hãi (biển cả) chỉ là nấc thang để Ngài đến với họ. Thường thường chúng ta sợ hãi những kinh nghiệm đau thương trong cuộc sống (như việc mổ xẻ hoặc mất mát người thân yêu), nhưng chúng ta chỉ khám phá ra rằng những kinh nghiệm đau thương này lại đem Chúa Giê-xu Christ đến gần với chúng ta hơn.



Tại sao các môn đệ không nhận ra Chúa Giê-xu? Bởi vì họ không tìm kiếm Ngài. Giá như họ lấy đức tin chờ đợi, ắt họ đã nhận biết Ngài rồi. Nhưng thay vào đó, họ vội vã kết luận sai lầm bóng người hiện ra đó là một con ma. Nỗi sợ hãi và đức tin không thể nào cư ngụ trong cùng một tấm lòng, vì sự sợ hãi luôn luôn che khuất mắt chúng ta không thấy được sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

“Ngài sẽ vừa giúp tôi lớn lên”. Đây là toàn bộ mục đích của cơn bão thử thách, nhằm giúp cho các môn đệ trưởng thành trong đức tin. Cuối cùng, một ngày kia Chúa Giê-xu sẽ lìa khỏi họ, và họ sẽ đối diện với nhiều thử thách trong chức vụ của họ. Họ phải học tập tin cậy Ngài mặc dầu Ngài không có mặt với họ ngay cả trong những lúc dường như Ngài không chăm sóc quan tâm đến họ.

Bây giờ chúng ta tập trung chú ý đến Phi-e-rơ. Trước khi chúng ta phê phán ông vì bị sụp xuống nước, chúng ta hãy khen ngợi ông vì hành động đức tin phi thường của ông. Ông đã dám làm một việc khác người. Bất cứ ai đều có thể ngồi yên trong thuyền và nhìn. Nhưng phải là một người có đức tin thật mới dám rời thuyền và đi bộ trên mặt nước.

Điều gì đã làm cho Phi-e-rơ sụp xuống nước? Đức tin của ông ta bắt đầu dao động vì ông đã rời mắt khỏi Chúa và bắt đầu nhìn sự vật chung quanh mình. Chúa Giê-xu hỏi Phi-e-rơ “Tại sao ngươi nghi ngờ?” (Mat 14:31). Từ này được dịch là nghi ngờ mang ý nghĩa “đứng phân vân ở ngã ba đường”. Phi-e-rơ bắt đầu bước đi bằng đức tin lớn nhưng kết thúc đức tin của ông yếu hẳn vì ông nhìn cả hai phía thay vì chỉ nhìn về một phía là Chúa.

Chúng ta nên có lời khen Phi-e-rơ vì biết rằng ông đang bị chìm và vì ông kêu cầu Ngài giúp đỡ. Phi-e-rơ kêu cứu khi ông “đang bắt đầu chìm” và ông không đợi khi mình bị nước cuốn đi. Có lẽ kinh nghiệm này sống lại trong tâm trí của ông nhiều năm sau đó lúc ông viết thư tín đầu tiên của mình: “Vì mắt của Chúa đoái trông người công bình, Tai Ngài lóng nghe lời cầu nguyện người” (IPhi 3:12).

Kinh nghiệm này đầy thử thách cho Phi-e-rơ, nhưng từng trải ấy đã giúp ông lớn lên trong sự nhận biết chính mình và chính Chúa. Những cơn giông bão của cuộc đời không phải dễ chịu, nhưng thật cần thiết. Những lần trải qua như vậy dạy chúng ta tin cậy một mình Chúa Giê-xu Christ và vâng theo Lời dạy của Ngài cho dù hoàn cảnh có là gì chẳng nữa. Người ta đã nói: “Đức tin không phải là tin bất chấp bằng chứng, nhưng là vâng theo bất chấp hậu quả.”

“Ngài sẽ giúp tôi vượt qua”.

“Ngài sẽ giúp tôi vượt qua” Nếu Chúa Giê-xu phán “Hãy đến” thì Ngài sẽ làm hoàn thành việc Ngài mời đến. Bởi vì Ngài là “cội rễ và cuối cùng của đức tin chúng ta” (He 12:2), bất cứ điều gì Ngài bắt đầu, Ngài sẽ hoàn tất. Chúng ta có thể thất bại nơi dọc đường, nhưng cuối cùng Đức Chúa Trời sẽ chiến thắng. Chúa Giê-xu cùng đi với Phi-e-rơ trên mặt biển và lên thuyền.

Từng trải của Phi-e-rơ hoá ra là một phước hạnh cho các môn đệ khác cũng như cho chính ông ta. Khi họ tận mắt nhìn thấy quyền năng của Chúa Giê-xu Christ trong việc chế ngự và làm yên cơn bão, họ chỉ có thể phủ phục xuống trước mặt Ngài mà thờ lạy Ngài. Khi Chúa Giê-xu lần đầu dẹp yên cơn bão (Mat 8:23-27), các môn đệ nói rằng: “Người này là ai?”. Nhưng bây giờ lòng tin của họ đã rõ ràng “Thầy thật là Con Đức Chúa Trời”.

Các môn đệ đã giúp nuôi 5.000 người và Đức Chúa Trời cho phép họ đi qua cơn bão. Trong sách Công-vụ-các-sứ-đồ, họ đã chinh phục 5.000 người trở lại tin nhận Chúa (Cong 4:4), và rồi cơn bão bắt bớ xảy ra. Rất có thể Phi-e-rơ và các môn đệ nhớ lại kinh nghiệm cơn bão họ đã trải qua với Chúa và họ thêm lên lòng mạnh mẽ.

Thí dụ này tôn cao vương quyền của Chúa Giê-xu Christ. Thực ra khi Ma-thi-ơ viết lời thỉnh cầu của Phi-e-rơ “Xin khiến tôi đi trên mặt nước...”, ông ta đã dùng tiếng Hy Lạp có nghĩa là “lời phán truyền của vua”. Phi-e-rơ biết rằng Chúa Giê-xu Christ là Vua trên khắp vũ trụ vạn vật, trong đó có cả sóng gió. Lời Ngài phán là mệnh lệnh và mọi vật phải tuân lệnh Ngài.

Thuyền cập bến thành Ghê-nê-xa-rét, gần thành Ca-bê-na-um và thành Bết-sai-đa và tại đó Chúa Giê-xu đã chữa lành nhiều người. Nhưng người dân thành này có biết Chúa Giê-xu đã trải qua cơn bão để đáp ứng nhu cầu của họ không? Chúng ta có nhớ chăng Ngài đã chịu đựng cơn bão đoán phạt để cứu rỗi linh hồn chúng ta? (Thi 42:7). Ngài chịu đựng cơn bão tội lỗi để chúng ta không còn chịu sự đoán phạt của Đức Chúa Trời. Chúng ta phải bắt chước các môn đệ, phủ phục nơi chân Ngài và nhận biết rằng Chúa Giê-xu là Vua muôn Vua, Chúa trên muôn Chúa.

## **11. ĐIỀU NHÀ VUA QUAN TÂM (Mat 15:1-39)**

Như trong chương trước, chúng ta thấy Chúa đối chất với kẻ chống nghịch Ngài (Mat 15:1-11), dạy dỗ các môn đệ Ngài (Mat 15:12-20), và giảng đạo cho đám dân đông khao khát (15:21-31). Đây là mẫu hình hoạt động của Chúa Giê-xu trong suốt thời gian này.

Chúa chúng ta quan tâm nhiều nhất về lẽ thật và lòng yêu thương. Ngài dạy các bậc lãnh đạo Do Thái về lẽ thật và nêu ra thói đạo đức giả của họ, đồng thời Ngài bày tỏ lòng yêu thương đối với đám đông ngoại bang khi Ngài chu cấp nhu cầu của họ. Qua nghiên cứu hai mối quan tâm ấy, chúng ta có thể hiểu được sứ điệp của chương này.

### **1. Lẽ thật: Ngài không chấp nhận truyền thống của người Giu-đa (Mat 15:1-20)**

Sự kiện sống động này bao gồm ba lời thỉnh cầu của các thầy thông giáo và lời đáp của Chúa Giê-xu.

*Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si* (Mat 15:1-11). Các thầy thông giáo và người Pharisai cấu kết chống đối Ngài, họ từ thành Giêrusalem đến gặp Chúa Giê-xu để chất vấn Ngài cho thấy tính chất nghiêm trọng trong mục đích của họ. Có khả năng uỷ ban này đại diện cho các cấp lãnh đạo trong Toà Công luận tại Giêrusalem. Điều họ cáo buộc về “phép rửa tay trước khi ăn” chẳng có liên quan gì đến sự tẩy sạch. Họ muốn ám chỉ đến nghi thức rửa tay của người Giu-đa chính thống (Mac 7:1-4). Họ thấy khó chấp nhận khi thấy Chúa Giê-xu và môn đệ Ngài ngồi đồng bàn với những người xấu nét, nhưng họ không tìm cách để được tinh sạch! Dĩ nhiên trong lời kiện cáo này, các nhà lãnh đạo giáo hội đang buộc Chúa Giê-xu quan tâm đến chính gốc rễ niềm tin tôn giáo của họ. Nếu Chúa Giê-xu chối bỏ lời truyền thống thiêng liêng của đất nước, thì Ngài là kẻ dị giáo!

Những truyền thống này xuất phát từ đâu? Chúng do các thầy dạy đạo của thế hệ đi trước lưu truyền lại. Những truyền thống này có gốc tích từ “luật miệng” mà (theo

lời các Rabi Do Thái) Môise lệnh cho các trưởng lão, và họ truyền lại cho dân sự. Cuối cùng luật bất thành văn này được viết ra và trở thành kinh Mi-na. Chẳng may, kinh Mishnah lại quan trọng và có thẩm quyền hơn Luật pháp Môi-se.

Chúa chúng ta đáp lại sự buộc tội của họ bằng lời lên án họ (Mat 15:3). Chính họ đang phá bỏ Luật pháp của Đức Chúa Trời qua việc thực hành các truyền thống! Kể đến Ngài minh họa bằng việc họ thực hiện “co-ban” (Mac 7:11) để tiếp tục lời phán dạy của Ngài (Mat 15:4-6). Theo tiếng Hê-bơ-rơ từ Co-Ban có nghĩa “một món quà”. Nếu một người Do Thái muốn trốn tránh trách nhiệm đóng góp tài chính, anh ta tuyên bố của cải mình là “Co-Ban - món quà dâng cho Đức Chúa Trời”. Điều này có nghĩa anh ta được miễn các bốn phận khác, như việc săn sóc cha mẹ mình. Nhưng trong khi làm như vậy, con người đang đánh mất năng quyền của Lời Đức Chúa Trời trong cuộc sống của họ, và do đó làm thương tổn đến nhân cách của mình và mất phúc hạnh của Đức Chúa Trời.

Chúa Giê-xu dùng một ứng dụng để kết thúc lời đáp của Ngài (Mat 15:7-11), Ngài trích trong Es 29:13. Chúa Giê-xu vạch rõ rằng vâng theo truyền thống làm cho con người bất tuân lời Đức Chúa Trời và điều này chứng tỏ lời truyền khẩu là sai lầm. Xu 20:12 dạy chúng ta phải “hiếu kính” cha mẹ. Nhưng luật “Co-Ban” khiến con người bất kính cha mẹ mình, và đồng thời cũng không vâng lời Đức Chúa Trời.

Chẳng may, trong Hội Thánh ngày nay có quá nhiều “những truyền thống Cơ đốc”, những lời dạy do con người đặt ra thường được mọi người xem có thẩm quyền ngang với Lời Đức Chúa Trời - cho dù những lời ấy có trái ngược với Lời dạy của Chúa. Bởi việc vâng giữ những truyền thống này, Cơ đốc nhân đã tự đánh mất đi năng quyền của Lời Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời muốn chúng ta dâng tấm lòng mình cho Ngài, và không chỉ hầu việc bằng môi miệng. Chúng ta tin Ngài trong lòng (Ro 10:9-10), yêu mến Ngài từ trong lòng (Mat 22:37), hết lòng cất tiếng ngợi khen Đức Chúa Trời Co 3:16), chúng ta thật sự vâng phục Ngài (Eph 6:6 Ro 6:17), và dâng hiến từ tấm lòng (ICo 9:7). Không có gì đáng ngạc nhiên khi vua Đavít cầu nguyện, “Đức Chúa Trời ôi! Xin hãy dựng nên trong tôi một lòng trong sạch” (Thi 5:10).

Chúa Giê-xu tuyên bố mạnh mẽ với đoàn dân đông rằng tội lỗi đến từ bên trong lòng, chứ không từ đồ ăn. Chính những gì ra khỏi miệng mới làm dơ dáy chúng ta, chứ không phải vật vào miệng chúng ta.

**Các môn đệ** (Mat 15:12-14). Các môn đệ kinh ngạc vì những lời dạy của Chúa Giê-xu về đồ ăn. Xét cho cùng, họ đã được giáo huấn để trở nên những người Giu Đa mẫu mực (Cong 10:14) cho lời chứng của Phi-e-rơ). Các môn đệ hiểu sự khác biệt giữa đồ ăn “sạch” và “không sạch” (Le 11:1-47).

Nhưng các môn đệ có mối bận tâm khác: Lời dạy này đã gây bực bội cho người Pha-ri-si và chắc chắn gây nên những rắc rối nghiêm trọng. Nhưng Chúa Giê-xu không bận lòng về người Pha-ri-si. Đức Chúa Trời không thiết lập họ cũng như lời dạy của họ, vì vậy điều đó không tồn tại lâu. Trong khi có nhiều nhóm biệt lập muốn tìm cách lưu giữ truyền thống, thì phần lớn học thuyết của người Pha-ri-si không còn nữa. Tuy nhiên, tinh thần Pha-ri-si (truyền thống, luật lệ, đạo đức giả, hình thức bên ngoài) vẫn tồn tại trong chúng ta, đó là điều Chúa Giê-xu gọi là “men của người Pha-ri-si” (Mat 16:6).

Chúa Giê-xu cũng chỉ rõ người Pha-ri-si là kẻ mù và họ có thể đưa những người theo họ sa xuống hố. Trong Mat 23:16, Ngài gọi họ là “kẻ dẫn đường bị mù” - một lời mô tả hoàn toàn xác đáng. Tại sao phải sợ những cây không có rễ sắp bị héo khô, hoặc những người mù dẫn đường không thể biết họ đang đi đâu ?

*Phi-e-rơ* (Mat 15:15-20). Phi-e-rơ không thoả lòng cho đến khi ông hiểu được lời dạy về đồ ăn. Chúa chúng ta kiên nhẫn giảng giải lại ý nghĩa của bài học cho các môn đệ. Điều này dường như rõ ràng đối với chúng ta, nhưng thật mới lạ cho những người Do Thái chính thống. Bất cứ thứ gì đi vào miệng xuống dạ dày và cuối cùng phải bỏ ra nơi kín. Đồ ăn không bao giờ đụng đến tấm lòng. Nhưng điều gì ra từ miệng thì xuất phát từ tấm lòng, và điều này làm dơ dáy người. Dĩ nhiên, hành động bao gồm lời nói thường thì hành động phát tiếng to hơn lời nói.

Một vài năm sau đó, Cứu Chúa chúng ta phải nhắc lại bài học về đồ ăn cho Phi-e-rơ khi Ngài chuẩn bị kêu gọi ông giảng Phúc Âm cho dân ngoại (Cong 10:1-48). Sứ đồ Phao-Lô nhắc đến điều này trong ITi 4:3-6. Ông cũng bàn đến trong Ro 14:1-15:13.

## **2. Lòng thương xót: Ngài đáp ứng nhu cầu của người ngoại bang (Mat 15:21-39)**

Không chỉ dạy họ rằng chẳng có vật thực nào không thanh sạch, Chúa Giê-xu còn thực hành lời dạy của Ngài bằng cách đi vào xứ sở của người ngoại bang. Ngài rời khỏi địa phận xứ Ysơ-ra-ên và lại tẻ tách ra nơi khác, lần này Ngài đi vào bờ cõi xứ Ty-rơ và Si-đôn. Theo quan điểm của người Do-thái thì dân ngoại bị xem là “ô uế”. Thực ra, người Do Thái muốn ám chỉ dân ngoại bang là “loài chó”. Việc Chúa Giê-xu quan tâm chăm sóc dân ngoại bang không phải là điều ngạc nhiên (Mat 12:17-21) mặc dầu vào lúc ấy, Ngài dành phần chăm sóc đặc biệt cho dân Y-sơ-ra-ên (10:5-6).

*Những người bị quỉ ám* (Mat 15:21-28). Chúa Giê-xu đang tìm cách ẩn dật (Mac 7:24), nhưng bằng cách nào đó người đàn bà Ca-na-an này nghe được nơi Chúa Giê-xu trú ngụ và tìm đến với Ngài cầu xin giúp đỡ. Hãy nhớ rằng Chúa chúng ta đáp ứng nhu cầu của người đàn bà này như cách Ngài đã làm, Không phải Ngài muốn dập tắt đức tin của bà ta nhưng Ngài làm cho đức tin ấy lớn lên. Lời đáp của người đàn bà cho thấy đức tin của bà đang lớn lên và bà không chịu để Ngài đi qua khi Ngài chưa nhận lời kêu xin của bà. Ông Samuel Rutherford đầy lòng yêu Chúa đã nêu lên nguyên tắc tuyệt vời này: “Chính công việc của đức tin đòi hỏi và thách thức sự nhân từ ra từ chỗ khó nhất của Đức Chúa Trời.

Khi người đàn bà chạy đến với Chúa Giê-xu xưng Ngài là “Con vua Đa Vít”, bà chủ động đặt mình trong vai trò của người Do Thái đây là điều bà không thể thực hiện được vì bà là người ngoại bang. Dĩ nhiên việc xưng danh hiệu này chứng tỏ bà tin Chúa là Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời, vì “Con vua Đa vít” là danh xưng dành cho Đấng Mê-si-a (Mat 22:42). Khi người đàn bà đến với Chúa Giê-xu bằng ngôn từ của người Do Thái, Ngài im lặng. Đương nhiên, Ngài biết lòng người đàn bà, và sự lặng thinh của Ngài lại khích lệ bà ấy tiếp tục kêu xin.

Không chịu được cảnh có người cứ theo phía sau kêu xin, các môn đệ thưa với Chúa, “Xin Thầy truyền cho bà ấy về!”. Chúng ta không biết chắc hoặc họ muốn nói, “Xin Thầy ban cho đều bà ta cầu xin để bà ấy đi về” hoặc họ chỉ xin Chúa “Truyền cho bà ấy về!”. Trong trường hợp nào cũng bày tỏ sự lạnh nhạt của họ đối với cả người

đàn bà lẫn người con gái bị quỉ ám. Lời đáp của Chúa chúng ta trong Mat 15:24 cho thấy có thể họ muốn Ngài đáp lời cầu xin của bà ấy.

Chúng ta không khỏi khâm phục sự nhẫn nại và lòng kiên trì của người mẹ ngoại bang này. Bà tiếp tục kêu xin lần thứ hai “Lạy Chúa, xin giúp tôi cùng!” và lần này bà tránh không dùng danh xưng Đấng Mê-si-a. Bà đến với Chúa trong vai trò tội nhân cần ơn thương xót của Ngài, và bà không phàn nàn than trách điều gì. Trong lời đáp lại của Chúa Giê-xu, Ngài không gọi người đàn bà là “con chó” theo cách người Pha-ri-si đã gọi một người ngoại bang. Trong tiếng Hy Lạp từ này có nghĩa “con chó con được cưng chiều” và không phải những chó bẩn thỉu chạy rong ngoài đường phố ăn những đồ cặn bã thừa thãi. “Con cái” ám chỉ đến dân Y-sơ-ra-ên.

Chúa Giê-xu không đùa cợt người đàn bà, Ngài cũng không làm cho tình cảnh trở nên khó khăn hơn. Ngài đang khơi gợi một đức tin đang lớn dần lên trong bà ta. Ngay lập tức người đàn bà nắm ngay lấy hình ảnh minh họa của Ngài về bánh của con cái, chính xác đây là điều Ngài muốn bà thực hiện. Chúng ta có thể diễn giải lời đáp của bà ta: “Quả thật người ngoại bang chúng tôi không ngồi cùng bàn và ăn bánh như con cái. Nhưng mấy con chó con ở dưới bàn có thể ăn những miếng bánh vụn rớt từ trên bàn chủ nó!”. Quả là một lời bày tỏ đức tin tuyệt vời!

Chúa Giê-xu đã chấp nhận đức tin này, và ngay tức khắc Ngài đã chữa lành cho con gái bà ta. Cũng đáng nên biết cả hai người có “đức tin lớn” được chép trong Phúc Âm Ma-thi-ơ đều là người ngoại bang: người đàn bà Ca-na-an này và viên thầy đội người La mã (Mat 8:5-13). Trong cả hai trường hợp, Chúa Giê-xu chữa lành người bệnh từ đằng xa. Nói theo nghĩa thuộc linh, dân ngoại bang bị “cách xa” cho đến đời Gô-gô-tha, lúc Chúa Giê-xu chịu chết thay cho cả dân Do Thái lẫn người ngoại bang và khiến họ có thể được hoà lại cùng Con Ngài (Eph 2:11).

Người đàn bà có đức tin lớn vì bà ấy cứ một lòng cầu xin và tin cậy khi mọi việc dường như không ủng hộ mình. Chắc chắn xuất xứ đã ngăn trở bà: Bà là một dân ngoại. Phái tính cũng là hàng rào cản ngăn bà, vì hầu hết các Rabi Do Thái Giáo ít chú ý đến phụ nữ. Dường như các môn đệ không đồng tình với việc làm của bà, và chính lời của Đấng Christ có thể đã dẫn dắt bà tin cậy nơi Chúa cho thấy ngay cả Ngài có vẻ không quan tâm đến bà. Tất cả những cách ngăn này chỉ khiến cho người đàn bà hết lòng cầu xin.

**Những kẻ bịnh và người tàn tật** (Mat 15:29-31). Chúa Giê-xu rời khỏi bờ cõi thành Ty-ơ và Si-đôn, Ngài đến địa phận xứ Đê-ca-bô-lơ. Xứ Đê-ca-bô-lơ bao gồm 10 thành phố-liên minh lại với nhau và được chính quyền La mã cho phép in đồng tiền riêng, điều hành toà án và có quân đội riêng. Đây là phần đất có đa số dân ngoại bang sinh sống.

Tại đó Chúa Giê-xu chữa lành người đàn ông bị điếc và câm (Mac 7:31-37). Dầu Chúa đã dặn người được chữa lành phải im lặng, nhưng anh ta và bạn hữu của mình đã thuật lại phép lạ này ra các miền chung quanh. Sự việc này làm cho một số lớn dân chúng tụ họp lại - gồm có những kẻ què, đui, câm, tàn tật, nhiều kẻ đau khác nữa. Chúa Giê-xu đã chữa lành cho họ, và dân ngoại bang “ngợi khen Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên”.

Chúng ta không thể tránh khỏi ngạc nhiên về nét tương phản giữa những người ngoại bang này với các nhà lãnh đạo Do Thái hiểu biết Lời Kinh Thánh Cựu Ước. Dân ngoại bang ngợi khen Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, còn các bậc lãnh đạo Y-sơ-ra-

ên lại nói rằng Chúa Giê-xu cùng hội với quỷ Sa-tan (Mat 12:22-24). Các phép lạ của Chúa chúng ta không làm cho cư dân các thành phố Do Thái ăn năn (Mat 11:20), tuy nhiên dân ngoại lại tin nhận Ngài. Đáng lẽ chính các phép lạ Ngài làm thuyết phục dân Giu-Đa tin rằng Ngài là Đấng Mê-si-a (Mat 11:1-6 Es 29:18-19 35:4-6). Chúa Giê-xu thán phục đức tin của người lính và người mẹ ngoại bang. Tuy vậy Ngài ngạc nhiên cho lòng vô tín của dân sự Ngài (Mac 6:6).

*Những người đói khát* (Mat 15:32-39). Các nhà phê bình đã cáo giác những người viết sách Phúc Âm cố tình bóp méo các lời tường thuật để chứng tỏ rằng Chúa Giê-xu làm nhiều phép lạ. Họ cho rằng việc hoá bánh nuôi 4.000 người chỉ là phiên bản của phép lạ Chúa đã thực hiện nuôi 5.000 người. Một cuộc xem xét kỹ lưỡng về các bản tường thuật cho thấy rằng lời cáo buộc này không đúng và các nhà phê bình đã nhận định sai. Biểu đồ dưới đây chỉ ra những điểm khác biệt giữa hai lần hoá bánh.

#### **- Hoá bánh nuôi 5.000 người**

Chủ yếu là người Giu-Đa ở Ga-li-lê gần thành Bết-sai-đa  
5 cái bánh, và 2 con cá  
12 giỏ đầy còn dư lại  
Đám dân đông ở với Ngài 1 ngày  
Phép lạ xảy ra vào mùa xuân  
Dân chúng tìm cách tôn Ngài làm Vua

#### **- Hoá bánh nuôi 4.000 người**

Chủ yếu là dân ngoại bang ở xứ Đê-ca-bô-lor  
7 cái bánh, và “một vài con cá”  
7 giỏ đầy còn dư lại  
Đám dân đông ở với Ngài 3 ngày  
Phép lạ xảy ra vào mùa hè  
Không có biểu hiện nào cả

Vì đám dân đông 4.000 người ở với Ngài đã 3 ngày, nên họ đã dùng hết phần ăn mang theo. Lòng thương xót của Chúa chúng ta không cho phép Ngài để cho đoàn dân bị đói trên đường trở về nhà, nếu không cho họ ăn họ sẽ ngắt xỉu dọc đường. Động cơ đầu tiên Ngài làm phép lạ này chỉ vì Ngài muốn chu cấp nhu cầu vật chất cho con người. Dân chúng đã thấy phép lạ Ngài làm và ngợi khen Đức Chúa Trời, do đó phép lạ này không nhằm mục đích rao truyền một sứ điệp hoặc bày tỏ chức vụ của Ngài.

Tuy nhiên, phép lạ này có mục đích đặc biệt cho các môn đệ Ngài. Chúng ta ngạc nhiên khi thấy họ quên việc Chúa hoá bánh nuôi 5.000 người (Đọc kỹ Mat 16:6-12). Mười hai môn đệ ấp úng trong khi đáng lý ra họ nên nói, "Chúa Giê-xu đã hoá bánh và cá, vì vậy chúng ta không cần phải lo lắng!" Dĩ nhiên, có thể họ nghĩ rằng Ngài sẽ không làm phép lạ giống như vậy trong xứ ngoại bang. Hoặc có thể do lần trước đám đông đã cố tôn Ngài làm Vua sẽ làm cho Chúa Giê-xu tránh lập lại phép lạ ấy.

Giống phép lạ nuôi 5.000 người, phép lạ này xảy ra trong tay của Ngài. Khi Chúa Giê-xu bẻ bánh và trao cho các môn đệ, bánh được nhân lên gấp bội. Ai nấy ăn và no nê. Hơn nữa Chúa Giê-xu ra lệnh thu lại tất cả bánh còn dư lại để khỏi bỏ phí. Khả năng thực hiện phép lạ không cho phép phạm sự ban cho của Đức Chúa Trời.

Chữ được dịch những giỏ trong Mat 15:37 có nghĩa “một cái thúng lớn”. Cùng một loại giỏ đã được dùng để giòng Phao-lô xuống khỏi vách thành Đa-mách (Cong 9:25). Chữ được dịch những giỏ trong Mat 14:20 có nghĩa “một cái giỏ bằng sợi cây liễu gai”, loại giỏ người ta dùng mang thức ăn hoặc đựng các loại hàng hoá khác. Hai từ khác nhau này được sử dụng là một bằng chứng khác nữa cho thấy hai phép lạ hoàn toàn khác nhau.

Chúa Giê-xu không ban phát sứ điệp về “bánh của sự sống” cho đám đông như Ngài đã làm cho người Do-Thái tại thành Ca-bê-na-um, theo sau phép lạ hoá bánh cho 5.000 người (Gi 6:22). Bánh Ma-na trong Cựu Ước và “bánh của Đức Chúa Trời” ắt sẽ xa lạ đối với người ngoại bang. Chúa Giê-xu luôn luôn giảng dạy phù hợp với nhu cầu và khả năng hiểu biết của dân chúng.

Trước khi kết thúc Ma-thi-ơ chương 15, chúng ta hãy ôn lại vài bài học thuộc linh chúng ta đã học được.

(1) Kẻ thù của lẽ thật thường là những người theo tôn giáo sống theo giá trị truyền thống của con người. Quỷ Sa-tan thường dùng “tôn giáo” để làm mù trí hiểu của tội nhân đối với chân lý đơn giản trong lời Đức Chúa Trời.

(2) Chúng ta phải đề phòng đối với bất kỳ hệ thống tôn giáo nào cho chúng ta cách biện hộ tội lỗi và không vâng theo lời Đức Chúa Trời.

(3) Chúng ta cũng phải đề phòng sự thờ phượng chỉ trên môi miệng mà không xuất phát từ tấm lòng.

(4) Nếu chúng ta trau dồi người bề trong, thì Đức Chúa Trời sẽ hình thành người bề ngoài cho chúng ta theo ý Ngài muốn. Sự thánh khiết thật sự xuất phát từ bên trong.

(5) Không dễ gì để phá bỏ những tập tục xưa cũ. Có điều gì đó trong chúng ta cứ muốn níu kéo quá khứ và không chịu thay đổi. Ngay cả Phi-e-rơ phải hai lần học bài học của mình!

(6) Chúng ta không dám giới hạn đạo Đấng Christ đối với bất cứ quốc gia nào hoặc dân tộc nào. Phúc Âm của Chúa đến “với người Do Thái trước tiên” (Ro 1:16), nhưng ngày nay ân điển dành cho mọi người khắp mọi dân tộc. “Vì ai kêu cầu danh Chúa thì sẽ được cứu” (Ro 10:13).

## **12. SỰ NGẠC NHIÊN CỦA NHÀ VUA (Mat 16:1-28)**

Các sự kiện ghi lại trong Ma-thi-ơ chương 16 tạo nên một bước ngoặt đáng nhớ trong đời sống chức vụ của Chúa chúng ta. Lần đầu tiên Ngài nhắc đến Hội Thánh (Mat 16:18) và Ngài nói rõ về sự chết của Ngài trên thập tự giá (Mat 16:21). Ngài bắt đầu cho môn đệ biết trước Ngài sẽ bị bắt, chịu chết trên thập tự giá và sống lại. Nhưng, như chúng ta thấy, họ chậm hiểu lời phán dạy của Ngài.

Chủ đề đức tin xuyên suốt qua các sự kiện trong chương này. Khi nghiên cứu các diễn biến này, chúng ta sẽ thấy bốn đức tin khác nhau và sự liên hệ của chúng với Đấng Christ như thế nào.

## **1. Lòng vô tín - thách thức Đấng Christ (Mat 16:1-4)**

Với mưu đồ bắt bí Chúa Giê-xu đã làm cho hai tập thể tôn giáo đối lập liên minh lại ra sức chống đối Ngài. Họ đang đón đợi lúc Ngài trở lại xứ Ga-li-lê. Dĩ nhiên phe Pha-ri-si là những người ủng hộ nền nếp truyền thống trong thời của họ, trong khi người Sa-đu-sê có tư tưởng tự do hơn (Cong 23:6-10). Họ hiệp lòng thách đố Chúa Giê-xu: “Xin làm cho xem một dấu lạ từ trên trời xuống để chúng tôi tin Thầy là Đấng Christ.”

Chữ được dịch là DẤU LẠ có nghĩa nhiều hơn là một phép lạ hoặc sự bày tỏ quyền năng. Nó mang nghĩa “một việc lạ lùng mà bởi đó người ta nhận biết một người hoặc xác nhận người đó là ai.”

Đây là lần thứ tư các nhà lãnh đạo giáo hội đòi xem một dấu lạ (Gi 2:18 Mat 12:38 Gi 6:30). Sau đó, một lần khác họ lại yêu cầu cho xem dấu lạ (Lu 11:14). Nhưng phép lạ không cáo trách con người cảm biết tội lỗi hoặc ban cho tấm lòng khát khao ơn cứu rỗi (Lu 16:27-31 Gi 12:10-11 Cong 14: 8-20). Phép lạ sẽ thêm lên sự mạnh mẽ cho những đời sống đặt lòng tin cậy Đức Chúa Trời, nhưng sẽ không giúp ích gì cho lòng vô tín.

Tại sao Chúa Giê-xu nói về thời tiết? Ngài muốn vạch trần sự giả trá và lòng tối tăm cứng cõi của kẻ chống đối Ngài. Họ có khả năng xem xét hiện tượng trong thế giới của Đức Chúa Trời và rút ra những kết luận giá trị, nhưng họ không nhìn thấy các bằng chứng Ngài đã giới thiệu cho họ. Kẻ thù của Ngài không chịu tin, do đó họ không thể tin được (Gi 12:37). Người Pha-ri-si và Sa-đu-sê không thiếu bằng chứng họ thiếu lòng thành thật và đức khiêm nhường.

Đòi hỏi dấu lạ cho thấy tình trạng xấu xa trong lòng họ: hung ác và gian dâm. Ngài không lên án họ phạm tội gian dâm trong xác thịt, nhưng Ngài kết tội họ gian dâm thuộc linh (Es 57:1-21 Gia 4:4). Họ là người đang thờ lạy tà thần do bàn tay con người dựng nên, đây là tội gian dâm thuộc linh. Nếu họ thờ phượng Đức Chúa Trời Chân Thần, ắt họ đã nhận biết Con của Ngài khi Đấng ấy đến thế gian.

Trước đây Chúa Giê-xu đã đề cập đến dấu lạ của đấng tiên tri Giô-na (Mat 12:38-45). Đây là dấu hiệu về sự chết, sự chôn và sự sống lại. Sự bị đóng đinh, bị chôn và sống lại của Chúa chúng ta chính thật là một dấu lạ cho dân Y-sơ-ra-ên biết chính Ngài Đấng Mê-si-a của họ. Đó là dấu lạ Phi-e-rơ đã giảng trong ngày lễ Ngũ Tuần (Cong 2:22). Mat 16:4 ghi lại lần thứ ba Chúa rời khỏi xứ Ga-li-lê. Ngài bỏ đi để tránh vua Hê-rốt (Mat 14:13) và người Pha-ri-si (15:21). Đó quả là một hành động đoán xét.

## **2. Ít đức tin - hiểu nhầm Đấng Christ (Mat 16:5-12)**

Các môn đệ chỉ mang theo một ổ bánh (Mac 8:14). Chúng ta không được biết về mấy giỏ bánh còn dư lại sau phép lạ Chúa nuôi 4.000 người vừa xảy ra trước đó. Có lẽ môn đệ đã đem phân phát cho người khác. Nhơn lúc thấy môn đệ lúng túng về việc không mang theo thức ăn Chúa Giê-xu dạy họ một chân lý thuộc linh quan trọng: Hãy giữ về men của người Pha-ri-si và người Sa-đu-sê.



Các môn đệ hiểu nhầm lời dạy của Ngài họ nghĩ rằng Ngài đang nói về bánh thuộc thể. Trong chức vụ của Chúa Giê-xu, người ta thường diễn dịch sai lời dạy của Ngài theo nghĩa đen hơn là nghĩa thuộc linh. Ni-cô-đem nghĩ rằng Chúa Giê-xu đang nói về sự sinh ra theo công lệ tự nhiên (Gi 3:4), và người đàn bà Sa-ma-ri cho rằng Ngài đang ám chỉ đến nước uống từ giếng (Gi 4:11). Đám đông Do Thái trong nhà hội cho rằng Chúa Giê-xu đang nói về việc ăn thịt và huyết (Gi 6:52) trong khi Ngài có ý mô tả từng trái thuộc linh (Gi 6:63).

Khi nghiên cứu trong bài học Ma-thi-ơ chương 13, chúng ta thấy men đối với người Do Thái là hình bóng về tội lỗi. Cả người Pha-ri-si lẫn Sa-đu-sê đã gieo vào trong tín lý của Do-Thái-Giáo những giáo lý lầm lạc. Phe Pha-ri-si là những người gìn giữ luật pháp họ đã dạy dân chúng rằng muốn làm đẹp lòng Đức Chúa Trời và được vào trong nước của Ngài dành cho dân Y-sơ-ra-ên chỉ cần tuân thủ điều răn và các phép tắc của cha ông truyền lại. Người Sa-đu-sê suy nghĩ phóng khoáng hơn họ phủ nhận không có vương quốc nào như vậy trên đất. Họ cũng bác bỏ chân lý về sự sống lại và sự hiện hữu của thiên sứ.

Tại sao khi Chúa đề cập đến men lại khiến cho các môn đệ suy nghĩ và bàn tán về việc họ thiếu bánh? Có thể các môn đệ dự định mua bánh bên bờ biển bên kia, và nghĩ rằng Chúa Giê-xu muốn nhắc họ đừng mua bánh không tinh sạch mà người Do Thái không được phép ăn. Nếu các môn đệ nhớ cách nào Chúa đã hai lần hoá bánh, chắc chắn họ sẽ không phải lo lắng. “Ít đức tin” đã ngăn trở họ không hiểu được lời dạy của Chúa và khiến họ thiếu lòng nhờ cậy nơi quyền năng của Ngài để có thể thoả mãn mọi nhu cầu.

“Ít đức tin” là một trong những tên gọi Chúa thích dùng cho môn đệ của Ngài (Mat 6:30 8:26 14:31). Dĩ nhiên “ít đức tin” còn tốt hơn không có đức tin. Các môn đệ đã nhận lãnh nhiều bài học trước khi họ đạt được “đức tin lớn”.

### **3. Giữ đức tin - Xưng nhận Đấng Christ (Mat 16:13-20)**

Chúa Giê-xu cùng môn đệ Ngài vào địa phận dân ngoại bang, trong thành Sê-sa-rê Phi-líp cách thành Giê-ru-sa-lem độ 120 dặm về phía bắc xứ Palestine. Địa phận này nổi tiếng vì có nhiều tôn giáo khác nhau: Là trung tâm thờ lạy thần Ba-anh tại đây có nhiều nơi thờ thần Pan của người Hi Lạp và Hê-rốt đại đế đã xây một đền thờ tại đó để tôn thờ Sê-sa Augustus. Giữa khung cảnh mê muội thờ lạy thần tượng này Phi-e-rơ đã xưng nhận Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời. Và có thể trong phạm vi đền thờ Sê-sa Chúa Giê-xu đã phán một điều gây kinh ngạc: Ngài chưa lập nước Ngài, nhưng Ngài sẽ lập Hội Thánh Ngài.

Nếu có ai đó hỏi rằng, “Người ta nói tôi là ai vậy?” chúng ta sẽ cho rằng anh ta bị tâm thần hoặc kiêu căng. Nhưng trong trường hợp Chúa Giê-xu, việc xưng nhận chính xác Ngài là ai là nền tảng của sự cứu rỗi (Ro 10:9-10 IGi 2:18-23 4:1-3). Bản Thể Nhân tính và công việc của Ngài là một, chúng ta không được tách rời. Thật ngạc nhiên khi thấy dân chúng không biết rõ về Chúa Giê-xu (Gi 10:19-21). Giống như Hê-rốt, có lẽ dân chúng nghĩ Chúa Giê-xu là Giăng Báp Tít từ kẻ chết sống lại.

Lời tiên tri chép rằng Ê-li sẽ trở lại (Ma 4:5), một số người cho rằng Đấng Christ đã làm ứng nghiệm lời tiên báo này. Tuy vậy, Chúa Giê-xu không thi hành chức vụ giống như Ê-li nhưng đó là Giăng Báp tít người đến “trong tâm thần và quyền phép của Ê-li” (Lu 1:13-17). Giê-rê-mi là đấng tiên tri than khóc đã tan vỡ lòng mình khi

thấy cảnh hoang tàn đổ nát của dân tộc. Quả thật chúng ta cũng thấy hình ảnh này trong Chúa Giê-xu, Con Người gánh đau thương.

Một điều dễ hiểu: Chúng ta không thể nào có kết luận xác thực về Chúa Giê-xu Christ qua việc trưng cầu ý dân. (Nhưng một số người đã tìm kiếm “sự hiểu biết thuộc linh” bằng cách này). Điều quan trọng không phải ở những điều người ta nói, nhưng chính cá nhân bạn và tôi nghĩ gì? Những phán quyết của đám đông (dù đúng hay sai) không thể nào thay thế cho quyết định của cá nhân chúng ta được.

Phi-e-rơ đã trả lời đúng: “Chúa là Đấng Christ (Đấng Mê-si-a) Con Đức Chúa Trời hằng sống!”. Đây là điều Đức Chúa Trời đã mặc khải cho Phi-e-rơ. Chính Chúa Giê-xu giải thích kinh nghiệm này trong (Mat 11:25-27). Sự mặc khải này không do kết quả tìm kiếm riêng của Phi-e-rơ, nhưng bởi ân điển ban cho của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã giấu kín những điều này với người Pha-ri-si và Sa-đu-sê đầy lòng kiêu ngạo, mà Ngài tỏ cho “trẻ thơ”, những môn đệ có lòng khiêm nhường.

Chúng ta nên biết rằng trước khi Phi-e-rơ xưng nhận đức tin đã có nhiều trường hợp bày tỏ đức tin khác. Na-tha-na-ên công nhận Đấng Christ là Con Đức Chúa Trời (Gi 1:49), và các môn đệ tuyên bố rằng Ngài là Con Đức Chúa Trời sau khi Ngài dẹp yên cơn bão (Mat 14:33). Phi-e-rơ bày tỏ đức tin của mình trong lúc đám đông rời bỏ Chúa Giê-xu sau khi nghe Ngài giảng dạy về bánh sự sống (Gi 6:68-69). Thực ra, lúc Anh-rê đưa anh mình là Phi-e-rơ đến cùng Chúa Giê-xu, đó là hành động bày tỏ đức tin (Gi 1:41).

Vậy thì lần bày tỏ đức tin này khác với những lần trước như thế nào? Trước tiên Chúa Giê-xu chủ động muốn nghe sự bày tỏ này. Đó không phải là việc đáp ứng tình cảm từ phía đám đông đã chứng kiến phép lạ, nhưng là lời nói chân thành hiểu biết của một người đã được Đức Chúa Trời dạy dỗ.

Hơn nữa, Chúa Giê-xu chấp nhận lời tuyên xưng này và dùng điều ấy để dạy họ một lẽ thật mới. Ất hẳn lòng Ngài vui mừng khi nghe Phi-e-rơ tuyên bố như vậy. Chúa biết rằng bây giờ Ngài có thể dẫn Phi-e-rơ vào những bước hiểu biết lẽ mầu nhiệm và tinh thần phục vụ mới mẻ. Tất cả sự chăm sóc Cứu Chúa chúng ta dành cho môn đệ nhằm mở cho họ con đường dẫn đến kinh nghiệm này. Chúng ta hãy xem từng chữ, từng câu quan trọng sau đây.

**Vàng đá** - Các môn đệ là người Do Thái biết rõ Kinh Thánh Cựu Ước, họ hiểu ngay vàng đá hình bóng về Đức Chúa Trời. “Chúa là Vàng Đá, công việc của Ngài là trọn vẹn...” (Phu 32:4). “Đức Giê-hô-va là hòn đá tôi, đồn lũy tôi...” (Thi 18:2). “Trừ ra Đức Giê-hô-va ai là Đức Chúa Trời? Ngoại Đức Chúa chúng tôi ai là hòn đá lớn?” (Thi 18:31).

Nhưng chúng ta hãy xem các từ ngữ Hy Lạp mà Đức Thánh Linh soi dẫn Ma-thi-ơ sử dụng. “Người là petros (một hòn đá), và Ta sẽ lập Hội Thánh Ta trên vàng đá này (petra - một vàng đá lớn)”. Chúa Giê-xu đã đặt tên mới cho Si-môn là Phi-e-rơ (Gi 1:42) có nghĩa “hòn đá”. Theo chữ A-ram Sê-pha cũng có nghĩa là “hòn đá”. Ai tin Chúa Giê-xu Christ và xưng nhận Ngài là Con Đức Chúa Trời làm Cứu Chúa đời mình đều là “hòn đá sống” (IPhi 2:5).

Chúa Giê-xu Christ là Vàng Đá móng và Hội Thánh được xây trên nền ấy. Lời tiên tri trong Cựu Ước đã nói như vậy (Es 28:16 Thi 118:22). Chính Chúa Giê-xu phán dạy điều này Mat 21:42), Phi-e-rơ và các sứ đồ khác đều giảng dạy lẽ thật này (Cong 4:10-

12). Thánh Phao-Lô khẳng định rằng nền Hội Thánh là Chúa Giê-xu Christ (ICo 3:11). Các sứ đồ và tiên tri đã lập nền này khi họ rao giảng Chúa Giê-xu Christ cho tội nhân hư mất (Eph 2:20 ICo 2:1-2 3:11).

Nói cách khác, khi xem xét bằng chứng, chúng ta thấy toàn bộ lời giảng dạy trong Thánh kinh đều nói về Hội Thánh, là đền thờ Đức Chúa Trời (Eph 2:19-22) được xây trên nền tảng là Chúa Giê-xu Christ - chớ không phải trên Phi-e-rơ. Làm thế nào Đức Chúa Trời có thể tạo dựng Hội Thánh Ngài trên một con người sa ngã yếu đuối như Phi-e-rơ? Hơn nữa chính Phi-e-rơ người từng xưng nhận Đấng Christ lại trở thành cừ thù và suy nghĩ theo cách Sa-tan (Mat 16:22). Một số người lập luận, “Nhưng điều đó xảy ra trước khi Phi-e-rơ đầy dẫy Đức Thánh Linh”. Chúng ta hãy xem những việc Phi-e-rơ làm trái với sự dạy dỗ được chép trong Ga 2:1-21, những sai phạm mà Phao-lô phải đề cập đến. Sự việc này xảy ra sau khi Phi-e-rơ đầy dẫy Đức Thánh Linh.

Hội Thánh - Từ ngữ quan trọng này xuất hiện lần đầu trong Tân Ước. Từ chữ ekklesia trong tiếng Hy Lạp (ek-klay-see-uh) chúng ta có từ tiếng Anh là “ecclesiastical” (thuộc giáo hội), nói đến mọi điều có liên quan tới Hội Thánh. Theo nghĩa đen là “Hội được gọi ra”. Từ ngữ này được dùng 114 lần trong Tân Ước và trong số ấy có 90 lần nhắc đến Hội Thánh địa phương (hội chúng). Tuy nhiên, trong cách dùng đầu tiên của từ ekklesia, có khả năng Chúa Giê-xu nghĩ đến Hội Thánh chung. Ngài không chỉ thiết lập Hội chúng địa phương, nhưng còn lập Hội Thánh cho cả thế giới bao gồm hết thảy những ai tuyên xưng đức tin giống Phi-e-rơ.

Chữ ekklesia không phải là một từ mới đối với các môn đệ. Từ ngữ này được dùng để gọi hội những công dân Hy Lạp được hâm mộ có công giúp việc cai trị thành phố hoặc khu dân cư (Cong 19:32,39,41). Hơn nữa, bản dịch Cựu Ước ra tiếng Hy Lạp (bản Kinh Thánh 70) dùng chữ ekklesia để mô tả hội chúng Y-sơ-ra-ên mỗi khi dân sự tập họp lại dâng tế lễ cho Đức Chúa Trời (Phu 31:30 Cac 20:2). Tuy nhiên, điều này không có nghĩa hội chúng Y-sơ-ra-ên trong Cựu-ước là một “Hội Thánh” giống như các Hội Thánh thời Tân Ước. Hơn nữa, Chúa Giê-xu đang giới thiệu cho các môn đệ một điều dạy dỗ mới mẻ.

Chúa Giê-xu nói về “Hội Thánh Ta” tương phản với những hội chúng khác. Đây phải là điều mới và khác biệt, vì trong Hội Thánh của Ngài, Chúa Giê-xu sẽ hiệp một mọi kẻ tin là người Giu-Đa và dân ngoại bang lại với nhau và thành lập một đền thờ mới, một thân thể mới (Eph 2:11-3:12). Trong Hội Thánh của Ngài, những khác biệt về màu da chủng tộc không còn quan trọng nữa (Ga 3:28). Chúa Giê-xu Christ là Đấng tạo dựng Hội Thánh, Ngài làm Đầu Hội Thánh (Eph 1:22 Co 1:18).

Trong Hội Thánh mỗi cá nhân tín hữu là một “viên đá sống” (IPhi 2:5). Tín hữu sẽ gặp nhau trong các Hội Thánh địa phương hoặc các hội chúng để thờ phượng Đấng Christ và hầu việc Ngài nhưng họ cũng là một bộ phận thuộc Hội Thánh chung, là thành viên của đền thờ do Đấng Christ tạo lập. Chỉ có một Hội Thánh, một thân thể cho tôi con Đức Chúa Trời và hội đó phải được bày tỏ ra cho thế gian đều biết bởi tình yêu thương và sự hiệp một (Gi 17:20-26).

Các cửa địa ngục - Tốt hơn nên dịch là “các cửa âm phủ”. Địa ngục là số phận cuối cùng dành cho mọi kẻ không tin sau khi khai trình trước toà án lớn và trắng (Kh 20:11-15). Âm phủ chỉ lãnh địa của người chết”. Nó chứa linh hồn những người chết không được cứu và đem trả những linh hồn ấy nơi ngày sau rốt (Kh 20:13 chữ “địa ngục” phải

đọc là “âm phủ”). Theo lời phán của Chúa Giê-xu, âm phủ ở dưới thấp (Mat 11:23), và đó là tù ngục do Ngài nắm giữ chìa khoá (Kh 1:18).

Dựa theo Lu 16:19-31, một số người tin rằng tất cả những kẻ chết trước khi Đấng Christ chịu chết và sống lại đều xuống âm phủ - những người tin được ở nơi phước hạnh còn những kẻ không tin phải ở nơi đoán phạt. Ngày nay chúng ta biết chắc rằng Cơ Đốc-nhân khi qua đời sẽ lập tức được vào ở trong sự hiện diện của Chúa Giê-xu Christ (Phi 1:23 IICo 5:6-8).

Trong Kinh Thánh “Các cổng” tiêu biểu cho quyền hành và thế lực. Đối với người Do Thái cổng thành là hội trường thành phố đối với người dân ở các nước phương Tây. Công việc quan trọng được giải quyết tại nơi cổng thành (Phu 16:18 17:8 Ru 4:11). “Các cửa âm phủ” hình bóng về quyền lực của sự chết và Quỷ Sa-tan. Bởi sự chết và sống lại của Ngài, Chúa Giê-xu Christ đắc thắng tử thần để con cái Ngài không còn bị sự chết trói buộc. Đấng Christ sẽ “xông vào các cửa âm phủ” giải thoát những người bị cầm trong vòng tội mọi! Tuyên ngôn này được nhắc lại trong He 2:14-15 ICo 15:50 và một số câu Kinh Thánh khác.

Chìa khoá Nước Thiên Đàng - Chìa khoá là biểu hiện của quyền lực (Es 22:15,22 Lu 11:52). “Nước Thiên đàng” không phải là trời, vì không có ai trên thế gian này mang chìa khoá đến trời!(Mọi câu chuyện đùa về “Thánh Phi-e-rơ gát cổng thiên đàng” bắt nguồn từ sự hiểu lầm này. Những câu chuyện ấy vừa trái với Kinh Thánh vừa xúc phạm đến vị sứ đồ). Chúng ta dùng chìa khoá để mở cửa ra vào. Sứ đồ Phi-e-rơ được giao đặc quyền mở “cửa đức tin” cho người Do Thái trong lễ Ngũ Tuần (Cong 2:1-41), cho người Sa-ma-ri (Cong 8:14), và cho dân ngoại (Cong 10:1-48). Nhưng các sứ đồ khác cũng dự phần trong đặc quyền này (Mat 18:18), và sứ đồ Phao lô nhận lãnh quyền “mở cửa đức tin” cho dân ngoại ngoài xứ Palestine (Cong 14:27).

Trong phân đoạn này hoặc các phần khác trong Tân Ước chúng ta không thấy nói đến sứ đồ Phi-e-rơ hay những người nối gót ông có địa vị hoặc đặc quyền gì trong giáo hội cả. Trong cả hai thư tín Phi-e-rơ đều tuyên bố không gì hơn là chức sứ đồ (IPhi 1:1), là trưởng lão (Mat 5:1), và là tôi tớ của Chúa Giê-xu Christ (IIPhi 1:1).

Buộc và mở - Đây là cụm từ quen thuộc với người Do Thái, vì các thầy dạy đạo thường dạy họ về “buộc và mở”, nghĩa là cấm đoán hay cho phép. Lời phán của Chúa chúng ta trong Mat 16:19 ám chỉ đến Phi-e-rơ. Nhưng sau đó lời phán trong Mat 18:18 bao gồm tất cả các sứ đồ. Là đại diện cho Chúa, họ đang thực hành quyền phép theo lời phán của Ngài.

Các động từ tiếng Hy Lạp trong Mat 16:19 rất là quan trọng. Bản Kinh Thánh Expanded Translation (Bản Dịch Mở Rộng) của Tiến sĩ Kenneth S.Wuest viết là: “...bất cứ điều gì người buộc ở dưới đất (cấm người ta làm), sẽ được buộc trên trời và điều gì người mở dưới đất (cho phép người ta làm), cũng sẽ được mở trên trời...”. Chúa Giê-xu không phán rằng Đức Chúa Trời sẽ làm theo những gì họ làm trên đất, nhưng Ngài phán họ phải làm trên đất mọi điều gì Đức Chúa Trời đã định liệu. Hội Thánh được tạo dựng không nhằm làm cho ý muốn con người được thành trên trời bèn là làm theo ý chỉ của Đức Chúa Trời ở trên đất.

Các sứ đồ không chia sẻ chân lý về Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời cho người khác mãi đến sau khi Ngài sống lại và thăng thiên về trời. Lúc ấy “dấu lạ về đấng tiên tri Giô-na” đã hoàn tất, Đức Thánh Linh đã được ban xuống, và sứ điệp đã được công bố. Dân Do Thái nói chung, và các bậc lãnh đạo giáo hội nói riêng, đều chưa sẵn lòng

đón nhận tin mừng. Hãy đọc sứ điệp của Phi-e-rơ tại Ngày lễ Ngũ Tuần để thấy ông bày tỏ như thế nào về Chúa Giê-xu là Đấng Christ (Cong 2:1-41).

#### **4. Đức tin hầu việc - bước theo Đấng Christ (Mat 16:21-28)**

Đã bày tỏ về bản thể của Ngài, bây giờ Chúa Giê-xu tuyên bố công việc của Ngài vì hai điều này phải đi đôi với nhau. Ngài sẽ lên Giê-ru-sa-lem, chịu khổ và chết, rồi Ngài sống lại từ trong kẻ chết. Đây là lần thứ nhất Chúa nói rõ về cái chết của Ngài, mặc dầu trước đó Ngài giữ kín việc này Gi 2:19 3:14 6:51 Mat 12:39-40 16:4). “Và Ngài nói tỏ tường đều đó với môn đệ”(Mac 8:32).

Phản ứng bàng hoàng của Phi-e-rơ khi nghe Chúa Giê-xu báo tin Ngài sẽ chịu chết chắc chắn cũng là cảm xúc của các môn đệ còn lại. “Hỡi Chúa, Đức Chúa Trời nào nỡ vậy! Sự đó sẽ không xảy đến cho Chúa đâu!” Chúa Giê-xu quay lại và quở trách Phi-e-rơ rằng, “Hỡi Sa-tan, hãy lui ra đằng sau Ta! Ngươi làm hòn đá vấp chân Ta!” (theo nghĩa đen). Phi-e-rơ “hòn đá” vừa được Đức Chúa Trời chúc phước khen ngợi (Mat 16:18) đã trở nên Phi-e-rơ hòn đá vấp chân không đem lại ích lợi gì cho Chúa Giê-xu!

Lỗi lầm của Phi-e-rơ là gì? Ông đang nghĩ theo cách nhìn của loài người, vì hầu hết con người đều muốn tránh đau khổ và chết chóc. Phi-e-rơ không nhìn nhận vấn đề theo cách nghĩ của Đức Chúa Trời. Chúng ta tìm thấy ý tưởng của Đức Chúa Trời ở đâu? Chính trong Lời của Đức Chúa Trời. Cho đến khi được đầy dẫy Đức Thánh Linh, Phi-e-rơ mới có xu hướng dùng Lời Đức Chúa Trời trong tranh luận. Phi-e-rơ có đủ đức tin xưng nhận Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời, nhưng ông không tin nổi Chúa Giê-xu chịu đau đớn và chết là đúng. Dĩ nhiên, quỷ Sa-tan đồng ý với Phi-e-rơ, vì nó cũng dùng chính cách ấy để cám dỗ Chúa Giê-xu trong đồng vắng (Mat 4:8-10).

Ngày nay thập tự giá là hình ảnh của tình yêu và sự tận hiến mà mọi người công nhận. Nhưng vào thời đó, thập tự giá là hình cụ kinh khiếp dùng để xử tử phạm nhân. Người dân La mã trong tầng lớp xã hội có học thức không nhắc đến hình ảnh thập tự giá. Thực ra, không có công dân La Mã nào bị đóng đinh trên thập tự giá cả cái chết ghê sợ này chỉ dành cho kẻ thù của họ mà thôi. Chúa Giê-xu chưa bày tỏ cụ thể Ngài sẽ bị đóng đinh (Ngài đã nói đều này trong Mat 20:17-19). Nhưng các lời phán của Ngài dưới đây nhấn mạnh về Thập Tự giá.

Ngài giới thiệu với các môn đệ về hai cách sống:

##### **a. -Từ bỏ mình**

- Vác Thập tự giá mình
- Bước theo Đấng Christ
- Vì Đấng Christ mất sự sống mình
- Từ bỏ thế gian
- Giữ được linh hồn mình
- Nhận được phần thưởng và sự vinh hiển của Đấng Christ

##### **b. - Sống cho mình**

- Coi thường Thập tự giá
- Bước theo thế gian

- Vì chính mình giữ sự sống
- Được thế gian
- Mất linh hồn mình
- Mất phần thưởng và vinh hiển của Đấng Christ

Từ bỏ mình không có nghĩa từ bỏ mọi sự. Điều đó có nghĩa là dâng trọn vẹn chính mình cho Đấng Christ và cùng chịu nhục nhã đau đớn và đồng chết với Ngài. Sứ đồ Phao lô mô tả điều này trong Ro 12:1-2 Phi 3:7-10 và Ga 2:20. Vác Thập Tự giá không có nghĩa mang gánh nặng trên vai hoặc gặp phải rắc rối. (Lần nọ gặp một bà lão nói với tôi rằng chứng hen suyễn của bà là thập tự giá bà phải mang lấy!) Vác thập tự giá có nghĩa gắn bó cuộc sống của mình với Đấng Christ, cùng Ngài chịu cảnh chối bỏ, nhục nhã, đau đớn và đồng chết với Ngài.

Nhưng sự đau đớn luôn cặp theo sự vinh hiển. Đây là lý do tại sao Chúa Giê-xu kết thúc bài giảng ngắn ngủi này bằng lời ám chỉ đến Nước thiên đàng vinh hiển của Ngài (Mat 16:28). Lời phán này được ứng nghiệm trong vòng một tuần lễ trên núi Hoá Hình, được ghi lại ở chương sau.

### **13. SỰ VINH HIỂN CỦA VUA (Mat 17:1-27)**

Chương sách mở đầu bằng cảnh tượng vinh hiển trên chót núi, và kết thúc là hình ảnh Phi-e-rơ bắt một con cá để nộp thuế. Hai sự việc thật khác biệt! Tuy vậy, Chúa Giê-xu Christ, Nhà Vua, là chủ đề của toàn chương sách. Ba sự kiện trong chương này cho chúng ta ba bức tranh về Vị Vua.

#### **1. Nhà vua trong vinh quang của Ngài (Mat 17:1-13)**

Ma-thi-ơ và Mác nói sự hoá hình xảy ra “cách sáu ngày sau”, trong khi Lu-ca cho biết “khoảng tám ngày sau” (Lu 9:28). Không có sự mâu thuẫn nào ở đây lời văn của Lu-ca tương đương cách nói của người Do Thái “khoảng một tuần sau đó”. Trong suốt tuần lễ ấy, ắt hẳn các môn đệ suy gẫm và bàn luận điều Chúa Giê-xu muốn dạy về sự chết và sống lại của Ngài. Có khả năng họ cũng tự hỏi điều gì sẽ xảy ra đối với lời hứa về Nước Đức Chúa Trời chép trong Cựu Ước. Nếu Chúa Giê-xu tạo dựng Hội Thánh, vương quốc Ngài đã hứa sẽ như thế nào?

Nội dung chương sách không nêu tên nơi xảy ra phép lạ. Có lẽ phép lạ đã xảy ra trên Núi Hết-Môn, gần thành Sê-sa-rê Phi-líp.

Sự Hoá Hình bày tỏ bốn khía cạnh vinh hiển của Chúa Giê-xu Christ là Vua.

Nhân tính của Ngài vinh hiển. Đối với lời tường thuật, đây là lần duy nhất Chúa Giê-xu bày tỏ vinh quang trong bản thể nhân tính khi Ngài còn tại thế. Chữ biến hoá được dịch nghĩa là “biến hình”. Biến hình là sự thay đổi bên ngoài xuất phát từ bên trong. Khi con sâu bướm làm kén và sau đó nở thành bướm, nó đã trải qua tiến trình biến thái. Sự vinh hiển của Chúa không phải là sự phản chiếu nhưng là sự toả sáng từ bên trong. Hình trạng bên ngoài của Ngài biến đổi khi Ngài để cho vinh quang rực rỡ của Ngài chiếu sáng ra (He 1:3).

Phép lạ này chắc chắn làm cho các môn đệ tăng thêm lòng tin cậy, nhất là Phi-e-rơ người vừa mới xưng nhận Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời. Nếu việc xưng nhận này xảy ra sau khi Chúa Hoá Hình, thì điều đó không có ý nghĩa bao nhiêu. Phi-e-rơ

có lòng tin, ông công khai bày tỏ đức tin của mình, và nhận được sự bảo đảm (Gi 11:40 He 11:6).

Nhiều năm sau đó, sứ đồ Giăng đã thuật lại phép lạ này khi Đức Thánh Linh soi dẫn ông viết: "...chúng ta đã ngắm xem sự vinh hiển của Ngài, thật như vinh hiển của Con Một đến từ nơi Cha, đầy ơn và lẽ thật" (Gi 1:14). Trong Phúc Âm Giăng, vị sứ đồ nhấn mạnh thần tánh của Đấng Christ và vinh hiển trong Con người của Ngài (Gi 20:31 2:11 7:39 11:4 12:23 13:31-32).

Chúa Giê-xu Christ đã lìa bỏ ngôi vinh hiển đến thế gian (Gi 17:5). Bởi vì Ngài đã hoàn tất công giá cứu chuộc trên Thập tự giá, cho nên Ngài nhận lại vinh hiển vốn có nơi Ngài và bây giờ Ngài ban cho chúng ta cùng dự phần trong sự vinh hiển với Ngài (Gi 17:22,24). Tuy nhiên, chúng ta không phải đợi đến khi vào nước trời mới dự phần trong sự "biến hoá vinh hiển" này. Khi chúng ta đầu phục Đức Chúa Trời, Ngài sẽ "biến hoá" tâm thần chúng ta nên mới (Ro 12:1-2). Khi vâng phục Thánh Linh của Đức Chúa Trời, Ngài biến đổi (biến hoá) chúng ta "từ vinh hiển qua vinh hiển" (II Co 3:18). Khi tra xem lời Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ nhìn thấy Con Đức Chúa Trời và được Thánh Linh Ngài biến đổi trong vinh quang của Ngài.

Vương quốc của Ngài vinh hiển. Kết thúc lời giảng về việc vác thập tự giá, Chúa Giê-xu hứa rằng một vài môn đệ sẽ thấy "Con người ngự đến trong nước Ngài" (Mat 16:28). Ngài chọn Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng làm chứng nhân cho sự kiện này. Ba người bạn và là cộng sự đồng làm việc này (Lu 5:10) đã hiện diện với Chúa Giê-xu trong nhà của Giai-ru (Lu 8:51), và họ cùng đi với Ngài vào vườn Ghết-sê-ma-nê trước khi Ngài thọ hình trên thập tự giá (Mat 26:37).

Tiến sĩ G. Campbell Morgan đã nêu rõ rằng cả ba dịp tiện này đều có liên quan đến sự chết. Chúa Giê-xu muốn dạy cho ba vị môn đệ rằng Ngài chiến thắng trên tử thần (Ngài kêu con gái Giai-ru sống lại) và chịu đau đớn cho đến chết (trong vườn Ghết-sê-ma-nê). Sự Hoá Hình dạy họ rằng Ngài được vinh hiển trong sự chết.

Sự hiện đến của Môi-se và Ê-li thật là quan trọng. Môi-se đại diện cho Luật Pháp và Ê-li đại diện cho lời tiên tri. Tất cả Luật Pháp và Lời tiên tri nói về Đấng Christ và đều được ứng nghiệm trong Chúa Giê-xu Christ (He 1:1 Lu 24:27). Mọi lời chép trong Cựu Ước đều sẽ được ứng nghiệm. Vương quốc theo lời hứa sẽ được thiết lập (Lu 1:32-33,68-77). Cũng như ba môn đệ đã chứng kiến Chúa Giê-xu vinh hiển trên thế gian, con cái Đức Chúa Trời sẽ nhìn thấy Ngài trong nước vinh hiển của Ngài trên đất (Kh 19:11-20:6).

Phi-e-rơ hiểu rõ và không hề quên sứ điệp này. "...chúng tôi đã tận mắt thấy sự oai nghiêm vinh hiển của Ngài...và vì vậy chúng tôi càng tin các lời tiên tri chắc chắn hơn. (I Phi 1:12). Kinh nghiệm Phi-e-rơ từng trải trên hòn núi thánh làm cho ông càng tin lời tiên tri trong Cựu Ước. Điều quan trọng không phải thấy những cảnh tượng lạ lùng, nhưng là nghe lời phán của Đức Chúa Trời. "Đây là Con yêu dấu của Ta, đẹp lòng Ta mọi đường hãy nghe lời Con đó" (Mat 17:5).

Tất cả những người được sanh lại đều thuộc về Nước Đức Chúa Trời (Gi 3: 3-5). Đây là vương quốc thuộc linh cách biệt với thế giới vật chất đời này (Ro 14:17). Nhưng một ngày kia, lúc Chúa Giê-xu trở lại trần gian, sẽ có vương quốc vinh hiển 1.000 năm (Kh 20:1-7) do Chúa Giê-xu Christ ngự trên ngôi Vua. Những ai đặt lòng tin cậy nơi Ngài sẽ trị vì với Ngài (Kh 5:10).

Ngài vinh hiển trên thập tự giá. Các môn đệ phải học biết rằng đau đớn và vinh hiển luôn đi đôi với nhau. Phierơ ngăn Chúa lên Giê-ru-sa-lem để chịu chết, vì vậy Chúa Giê-xu nhắc nhở ông ta rằng nếu Ngài không chịu đau đớn và chết, sẽ không thể nào có vinh hiển. Chắc chắn Phi-e-rơ đã học được sự dạy dỗ này, vì trong thư tín thứ nhất ông nhấn mạnh đến “sự chịu khổ và vinh hiển” (IPhi 1:6-8,11 4:12-5:11).

Môi-se và Ê-li chuyện trò với Chúa Giê-xu về “sự Ngài qua đời” và sẽ được ứng nghiệm tại thành Giê-ru-sa-lem (Lu 9:31). Ngài chịu đau đớn và chết không phải là một tai nạn, nhưng là ứng nghiệm lời tiên tri. Phi-e-rơ dùng từ “khi tôi đi” để mô tả ông sắp qua đời (IIPhi 1:15). Đối với người tin Chúa, chết không phải là con đường một chiều đi thẳng vào trong quên lãng. Đó là một cuộc ra đi - sự giải thoát - khỏi ràng buộc của cuộc sống này để vào trong cuộc sống tự do vinh hiển nơi thiên đàng.

Do Chúa Giê-xu đã chịu chết và trả xong nợ tội, chúng ta được cứu rỗi - được chuộc mua và giải thoát khỏi xiềng xích tội lỗi. Hai môn đệ về làng Em-ma-út hi vọng Chúa Giê-xu sẽ giải phóng đất nước ra khỏi ách thống trị của đế quốc La Mã (Lu 24:42). Sự chết của Ngài được ứng nghiệm không phải vì tự do về chính trị, nhưng vì tự do thiêng liêng: tự do thoát khỏi đời ác này (Ga 1:4) tự do chẳng còn sống cuộc đời vô nghĩa không ra chi (IPhi 1:18) thoát khỏi tội lỗi (Tit 2:14). Sự cứu rỗi chúng ta nhận được trong Đấng Christ là đời đời không thay đổi.

Ngài vinh hiển trong sự vâng phục. Phi-e-rơ không thể hiểu vì sao Con Đức Chúa Trời lại qui phục con người tội lỗi và bằng lòng chịu đau khổ. Sự Hoá Hình là cách Đức Chúa Trời dạy cho Phi-e-rơ biết rằng Chúa Giê-xu được vinh hiển khi chúng ta từ bỏ mình, vác thập tự giá và theo Ngài. Triết lý đời này dạy chúng ta “Hãy tự cứu lấy bạn!” nhưng Cơ Đốc-giáo dạy “Hãy đầu phục Đức Chúa Trời!”. Khi Ngài đứng trong vinh hiển tại núi Hoá Hình, Chúa Giê-xu chứng minh cho ba môn đệ thấy sự vâng phục lúc nào cũng dẫn đến vinh hiển. Khởi đầu là đau đớn, kết thúc vinh hiển thập tự giá đi trước, mả miện theo sau.

Mỗi người trong số ba môn đệ này đều có một nhu cầu cho chân lý này. Gia-cơ chịu tử đạo đầu tiên (Cong 12:1-2). Giăng là môn đệ qua đời sau cùng, nhưng ông sẽ trải qua hoạn nạn bất bớ nặng nề trên đảo Bát-mô (Kh 1:19). Phi-e-rơ sẽ kinh qua nhiều đau đớn và cuối cùng phó sự sống mình cho Đấng Christ (Gi 21:15-19 IIPhi 1:12).

Phi-e-rơ không tán thành thập tự giá khi lần đầu Chúa Giê-xu nói đến sự chết của Ngài (Mat 16:22). Trong vườn Ghết-sê-ma-nê, ông đã dùng gươm để bênh vực Chúa Giê-xu (Gi 18:10). Thực ra, ngay tại trên núi Hoá Hình Phi-e-rơ cũng tìm cách thua với Chúa Giê-xu điều phải làm. Ông muốn dựng ba cái lều cho Chúa Giê-xu, Môi-se, và Ê-li - để tất cả có thể lưu lại đó hưởng vinh hiển! Nhưng Đức Chúa Cha ngăn cản Phi-e-rơ và Ngài dạy ông làm theo hướng khác: “Hãy nghe theo Ngài!” Đức Chúa Cha không cho phép con người đặt Con yêu dấu của Ngài ngang hàng với Môi-se và Ê-li. “Chỉ một mình Chúa Giê-xu” (Mat 17:8) là hình ảnh của Đức Chúa Trời.

Lúc Chúa Giê-xu và ba môn đệ từ trên núi trở xuống, Ngài căn dặn môn đệ không được tiết lộ những gì họ đã thấy cho ai ngay cả chín môn đệ kia. Nhưng ba môn đệ vẫn hoang mang bối rối. Họ đã học biết rằng Ê-li sẽ đến trước để chuẩn bị cho việc thiết lập vương quốc Y-sơ-ra-ên. Sự xuất hiện của Ê-li tại trên núi có phải ứng nghiệm cho lời tiên tri này không? (Ma 4:5-6).

Chúa Giê-xu đưa ra câu giải đáp có hai phần để trả lời câu hỏi của họ. Đúng vậy, tiên tri Ê-li sẽ đến như lời phán hứa trong Ma 4:5-6. Nhưng nói theo nghĩa thuộc linh,



tiên tri đã đến trong con người của Giăng Báp-Tít (Lu 1:17 Mat 11:10-15). Dân tộc đã để cho Giăng bị giết, và đòi xử tử Chúa Giê-xu. Tuy nhiên chương trình của Đức Chúa Trời sẽ ứng nghiệm bất chấp hành động của các nhà lãnh đạo tội lỗi.

Khi nào Ê-li sẽ đến để sửa lại mọi việc? Một số người cho rằng Ê-li là một trong “hai chứng nhân” mà chức vụ của họ được mô tả trong Kh 11:1-19. Một số khác tin rằng lời tiên tri được ứng nghiệm qua chức vụ của Giăng Báp Tít để không có sự đến của tiên tri Ê-li trong tương lai nữa.

## **2. Nhà vua trong địa vị quyền thế của Ngài (Mat 17:14-21)**

Chúng ta trải qua từ núi vinh hiển đến thung lũng nhu cầu. Chúa Giê-xu và ba môn đệ thành linh xuất hiện khiến cho đoàn dân ngạc nhiên (Mac 9:15). Người cha đau khổ đã mang đứa con bị quỷ ám đến với chín môn đệ để xin họ đuổi quỷ cho con trai mình nhưng các môn đệ không làm được. Các thầy thông giáo thấy thất bại của các môn đệ và nhân đó cãi lẽ với họ. Trong lúc môn đệ tìm cách bảo vệ mình, còn các thầy thông giáo tố cáo họ thì quỷ hầu như cướp lấy mạng sống của người con trai bất lực.

Khi ta so sánh các chuyện kể trong sách Phúc Âm về cảnh thương tâm này, chúng ta thấy đứa con trai một này quả thật đang ở trong tình trạng hiểm nghèo nửa sống nửa chết. Mathiơ chép rằng thằng bé mắc bệnh phong điên (mất trí), rất đau đớn và muốn tự sát, thường té vào lửa và ngã xuống nước. Mác cho biết thằng bé bị câm, thường ngã xuống đất sôi bọt mồm và ngiên răng. Sau khi bị như vậy, thằng bé mòn mỏi cứng đờ như xác chết. Bác sĩ Lu-ca cho biết thằng bé là con trai một thường kêu la mỗi khi lên cơn co giật. Trong khi một số triệu chứng có thể do nguyên nhân tự nhiên gây ra, thì đứa trai này lại bị quỷ hành hạ. Các môn đệ bất lực không làm gì được. Chẳng có gì ngạc nhiên khi người cha chạy đến nơi chân Chúa Giê-xu.

Phản ứng đầu tiên của Chúa là buồn rầu. Khi Ngài nhìn các môn đệ đang bối rối, các thầy thông giáo đang cãi lẽ, và người cha với đứa con đang cần sự giúp đỡ, Ngài đau đớn trong lòng và phán:” Ta ở với các ngươi và nhìn các ngươi cho đến chừng nào?” (Lu 9:41). Lòng vô tín và tâm linh cứng cõi của họ là gánh nặng chất trên Ngài. Cứu Chúa chúng ta cảm thấy gì khi nhìn thấy Cơ đốc nhân ngày nay mất đi năng quyền của Ngài?

Chúa Giê-xu chữa lành cho người con trai và truyền lệnh Ma quỷ không được trở lại quấy phá cậu ta nữa (Mac 9:25). Tà ma cố “vật ngã thằng bé lần cuối cùng” để đả động nghĩ rằng nó đã chết Mat 17:26). Nhưng Chúa Giê-xu đỡ thằng bé ngồi dậy và giao cho cha nó, trong khi đoàn dân lấy làm lạ và ngợi khen sự vinh hiển của Đức Chúa Trời (Lu 9:43).

Đáng lý cả chín môn đệ đều có thể đuổi được quỷ. Chúa Giê-xu đã ban cho họ quyền phép này (Mat 10:1,8). Nhưng vì có nào đó họ đã đánh mất năng quyền của mình! Khi các môn đệ hỏi Chúa về nguyên nhân thất bại nhục nhã của họ, Ngài phán: Do họ thiếu đức tin (Mat 17:20), thiếu sự cầu nguyện, và thiếu kỷ luật trong đời sống Mat 17:21, mặc dù câu Kinh Thánh này không có ghi trong bản văn).

Có lẽ chín môn đệ đã ganh tị vì họ không được chọn đi lên núi với Chúa Giê-xu. Trong lúc Chúa vắng mặt, họ bắt đầu sống theo ý riêng. Bỏ qua sự cầu nguyện đức tin họ trở nên yếu đuối. Và rồi lúc sự khó khăn đến họ không chuẩn bị sẵn sàng. Giống như Sam-sôn, họ xung trận mà không biết rằng mình đã mất năng quyền (Cac 16:20).

Qua gương của các môn đệ chúng ta thấy tầm quan trọng của đời sống thuộc linh mạnh mẽ.

“Đức tin như hạt cải” không chỉ nói lên mức độ lớn nhỏ (Đức Chúa Trời sẽ ban thưởng ngay cả đức tin nhỏ bé) nhưng còn nói đến sự sống động và lớn mạnh của đức tin ấy. Đức tin như hạt cải là mầm sống được nuôi dưỡng và lớn lên. Đức tin phải được vun xới để phát triển và kết nhiều quả cho Đức Chúa Trời (ITe 3:10 IITe 1:3). Nếu chín môn đệ liên tục cầu nguyện, tự giữ mình trong kỷ luật và suy gẫm lời Đức Chúa Trời, ắt hẳn họ đã đuổi quỷ thành công và cứu được thằng bé rồi.

Toàn bộ bức tranh này cho thấy những gì Chúa Giê-xu sẽ thực hiện khi Ngài rời thiên đàng vinh hiển trở lại trần gian này. Ngài sẽ chiến thắng quỷ Sa-tan và xiềng nó lại trong 1.000 năm (Kh 20:1-6).

### **3. Nhà vua trong đức khiêm nhu của Ngài (Mat 17:22-27)**

Đây là lần thứ hai, Chúa Giê-xu nhắc đến sự chết và sống lại của Ngài. Các môn đệ lo buồn và không dám hỏi Ngài về điều đó. Thực ra, các môn đệ không tin lời báo về sự sống lại của Ngài vì họ quên lời Ngài đã hứa (Mac 16:14). Nhưng kẻ thù nhớ những lời Ngài phán (Gi 2:19) và đã hành động phù hợp (Mat 27:62-66).

Thật là ngược đời: một vị Vua lại lâm vào cảnh nghèo túng quá đến nỗi không thể có nửa đồng bạc nộp thuế hằng năm cho đền thờ! Chúng ta đáng nên lưu tâm đến những đặc điểm khác thường của phép lạ này.

Chỉ có Ma-thi-ơ chép lại phép lạ này. Ma-thi-ơ trước kia là một người thu thuế, đã chép Tin mừng về Vị Vua, và phép lạ này khẳng định vương quyền của Chúa chúng ta. Các vua thế gian không thu lương lấy thuế của con trai mình. Chúa Giê-xu tự khẳng định Ngài không phải nộp thuế này vì Ngài là Con trai của Vua, Con Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, là Con Đức Chúa Trời Ngài lại quá túng thiếu đến nỗi không nộp được nửa đồng bạc các môn đệ Ngài cũng nghèo như vậy. Ngài thi hành quyền làm Vua trên muôn vật để cung ứng nhu cầu.

Đức Chúa Trời ban cho A-Đam và Ê-va quyền quản trị muôn vật, trong đó có cá dưới biển (Sa 1:26 Thi 8:6-8). Loài người đã đánh mất quyền quản trị này do tội lỗi, vì vậy Phi-e-rơ không thể ra lệnh cho con cá để tìm thấy đồng bạc. Chúa Giê-xu đã thực hành quyền tể trị không những trên loài cá nhưng còn trên cả loài vật (Mat 21:1-7) và loài chim nữa (Mat 26:34,74-75). A-đam đánh mất quyền quản trị muôn vật chỉ vì ông không vâng lời Đức Chúa Trời, nhưng Chúa Giê-xu Christ lấy lại quyền ấy bằng sự vâng lời (He 2:6).

Trong lúc con cái Chúa ngày nay không có trọn quyền trên muôn vật, nhưng một ngày kia chúng ta sẽ đồng trị với Đấng Christ và thực hành quyền tể trị với Ngài. Trong lúc đó, Đức Chúa Trời chăm sóc kẻ thuộc về Ngài và bảo đảm rằng tất cả muôn vật đang hành động vì có người tin cậy và vâng lời Ngài.

Đây là phép lạ duy nhất Ngài thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu của Ngài. Quỷ Sa-tan đã cám dỗ Đấng Christ dùng quyền thiên thượng để thoả mãn nhu cầu của Ngài (Mat 4:3-4), nhưng Ngài đã từ chối. Tuy nhiên trong trường hợp này, Ngài không dùng quyền năng Ngài cho riêng mình, vì những người khác cũng có nhắc đến trong phép lạ. “Để chúng ta khỏi làm gương xấu cho họ”, là lời Chúa dùng giải thích cho phép lạ Ngài làm. Ngài không muốn dân chúng khó chịu vì Ngài là người Do Thái lại không đóng góp cho công việc đền thờ. Trong lúc Chúa Giê-xu không ngần ngại phá

bỏ phép tắc lễ nghi do con người đặt ra, thì Ngài cẩn thận tuân giữ Luật pháp Đức Chúa Trời.

Là Cơ Đốc Nhân, chúng ta không được dùng sự tự do trong Đấng Christ làm thương tổn hoặc nguy hại đến người khác. Nói cách nghiêm túc, Chúa Giê-xu không phải nộp thuế nhưng những lý do thiết thực, Ngài đã làm điều đó. Ngài cũng bao gồm cả Phierơ để lời làm chứng của họ không bị tổn hại.

Đây là phép lạ duy nhất sử dụng đến tiền. Bởi vì Ma-thi-ơ đã từng là nhà thu thuế, cho nên chúng ta chắc rằng ông ta sẽ quan tâm đến phép lạ này. Việc nộp thuế này có gốc tích từ thời Môi-se (Xu 30:11). Tiền thuế lúc ban đầu được dùng làm các lỗ mòng bằng bạc của khung Đền (Xu 38:25-27). Các khoản thuế sau này được dùng để trang trải các công việc của Đền tạm và sau đó là Đền thờ. Tiền là sự nhắc nhở cho người Do Thái nhớ rằng họ đã được cứu chuộc ra khỏi ách nô lệ trong xứ Ai Cập. Chúng ta đã được mua chuộc bằng huyết báu của Chúa Giê-xu Christ. (IPhi 1:18-19).

Đây là phép lạ duy nhất sử dụng một con cá. Chúa Giê-xu đã hoá cá ra nhiều cho Phi-e-rơ (Lu 5:1-11), và phép lạ ấy được Ngài lập lại trong Gi 21:1. Nhưng trong trường hợp này, Ngài chỉ dùng một con cá. Khi ta xem xét mức độ phức tạp của phép lạ, ắt chúng ta kinh ngạc. Trước tiên, có ai đó phải đánh rơi một đồng bạc xuống nước. Kế đó, một con cá đớp lấy đồng bạc và giữ nó trong miệng. Rồi cũng chính con cá đó - trong khi vẫn ngậm đồng bạc trong miệng - cắn lưới câu của Phi-e-rơ và bị Phi-e-rơ bắt lấy. Bạn không thể lý giải tất cả diễn tiến này theo cách hiểu tự nhiên được. Thật quá phức tạp để cho đó là do tình cờ may mắn, và cũng quá khó đối với tài xoay xở của con người.

Phép lạ được thực hiện dành cho Phi-e-rơ. Các môn đệ khác nộp thuế như thế nào chúng ta không được biết. Đây là một trong những phép lạ Chúa Giê-xu thi thố cho Phi-e-rơ. Ngài chữa lành cho bà gia Phi-e-rơ (Mac 1:29-34), giúp Phi-e-rơ đánh bắt cá (Lu 5:1-11), khiến ông ta đi bộ trên mặt nước (Mat 14:22-33), chữa lành lỗ tai của Man-chu (26:47-56), và giải cứu Phi-e-rơ thoát khỏi tù ngục Cong 12:1). Chúng ta không lấy làm lạ khi Phi-e-rơ viết, “Lại hãy trao mọi điều lo lắng mình cho Ngài, vì Ngài hay săn sóc anh em” (IPhi 5:7).

Chúa Giê-xu biết điều Phi-e-rơ cần và Ngài có thể đáp ứng điều đó. Trong lúc bước vào nhà Phi-e-rơ nghĩ rằng ông có một vấn đề cần phải giải quyết. Nhưng trước khi Phi-e-rơ có thể thưa với Chúa điều phải làm, Ngài đã phán với ông! Đức Chúa Cha đã ngắt lời Phi-e-rơ tại trên núi Hoá Hình (Mat 17:5), và bây giờ Đức Chúa Con ngắt lời của Phi-e-rơ trong nhà. Nếu như chúng ta để cho Chúa Giê-xu điều hướng cuộc đời mình, chúng ta sẽ thấy Ngài thoã mãn mọi nhu cầu vì danh vinh hiển của Ngài.

Đây là phép lạ duy nhất không thấy ghi nhận kết quả. Chúng ta trông chờ một câu Kinh Thánh khác nữa viết là: ” Và Phi-e-rơ đi ra biển, thả câu, và kéo lên bờ một con cá và khi người banh miệng con cá ra, người thấy trong đó một đồng bạc và dùng nó nộp thuế Đền thờ cho mình và cho Chúa Giê-xu.” Nhưng phân đoạn Kinh Thánh không có câu thứ 28. Vậy thì làm thế nào chúng ta biết được phép lạ đã xảy ra? Bởi vì Chúa Giê-xu đã phán, điều đó tất sẽ thành! “Chẳng có một lời nào không ứng nghiệm” (IVua 8:56).

Chúng ta phải khen ngợi Phi-e-rơ vì đức tin của ông. Dân chúng tại bờ biển quen thấy Phi-e-rơ mang lưới trong tay, chớ không phải cần câu và lưới câu. Nhưng Phi-e-rơ đã tin vào lời phán của Chúa, và Đức Chúa Trời đã tôn trọng đức tin của ông. Nếu

chúng ta tin cậy nơi Vua, Ngài sẽ đáp ứng mọi nhu cầu của chúng ta khi chúng ta vâng theo lời của Ngài.

## 14. SỰ QUỠ TRÁCH CỦA NHÀ VUA (Mat 18:1-35)

Tại sao một số con cái Đức Chúa Trời phải trải qua một thời gian khó khăn như vậy mới sống hoà hợp với nhau được? Tôi nghe có một bài thơ nói rất đúng về vấn đề này.

Sống trên mây với các thánh đồ yêu mến,

Vinh quang, thật vinh quang.

Sống nơi thế hạ với các thánh đồ ta biết-

Vâng đó là chuyện lắm tình tiết!

Giữa vòng các Cơ Đốc-nhân ngày nay có quá nhiều phân rẽ và bất hoà, vì vậy chúng ta rất cần lời dạy dỗ trong Ma-thi-ơ chương 18. Chúa Giê-xu quở trách các môn đệ Ngài vì lòng họ kiêu ngạo và tham muốn quyền lợi địa vị ở thế gian này, Ngài dạy họ ba điều quan trọng về cách nào để sống hiệp một và hoà thuận giữa vòng con dân Chúa.

### 1. Đức khiêm nhường (Mat 18:1-14)

Có người định nghĩa chính xác sự khiêm nhường là “nét duyên dáng mà bạn đã đánh mất ngay khi bạn nhận biết mình đang sở hữu!” Người ta cũng nhận định rõ ràng, “Sự khiêm nhường thật không phải là nghĩ cách thấp kém về bản thân, nhưng là không một mảy may để ý đến chính bản thân mình”.

*Cần phải có lòng khiêm nhường* (Mat 18:1). “Ai trong chúng ta là người lớn hơn hết?” là đề tài các môn đệ bàn luận nhiều lần, vì chúng ta thường thấy vấn đề này xuất hiện trong sách Phúc Âm. Các diễn tiến mới xảy ra có thể khiến tình trạng càng tồi tệ, nhất là sự việc có liên quan đến Phi-e-rơ. Xét cho cùng, Phi-e-rơ đã đi bộ trên mặt nước, ở với Chúa trên chót núi, và đã nộp thuế bởi một phép lạ.

Sự việc Chúa Giê-xu bày tỏ cùng các môn đệ về sự đau đớn và cái chết hầu đến của Ngài chẳng có ảnh hưởng gì đến họ. Các môn đệ đang nghĩ về chính mình và tính xem họ sẽ được địa vị nào trong Nước thiên đàng. Vấn đề này cuốn hút các môn đệ đến nỗi họ đã thực sự cãi nhau! (Lu 9:46).

Thói ích kỷ và sự chia rẽ của con cái Đức Chúa Trời là điều đáng hổ thẹn đối với đức tin Cơ đốc giáo. Điều gì gây nên những nan đề này? Tính tự cao - tự nghĩ mình quan trọng hơn điều mình thực sự có. Chính sự kiêu ngạo đã dẫn con người vào con đường tội lỗi trong buổi đầu sáng thế (Sa 3:5). Khi con cái Chúa chỉ sống cho chính mình và không quan tâm đến người khác, lúc ấy mâu thuẫn và chia rẽ xảy ra (Phi 2:1).

*Gương về sự khiêm nhường* (Mat 18:2-6,10-14). Các môn đệ nín thở chờ đợi Chúa Giê-xu nêu tên ai là người lớn nhất trong vòng họ. Nhưng Ngài hoàn toàn không để ý gì đến sự trông mong của họ và Ngài gọi một đứa trẻ đến để ở giữa các môn đệ. Ngài dùng đứa trẻ này làm gương dạy họ về sự cao trọng thật.

Sự khiêm nhường thật có nghĩa là tự biết mình, tự chấp nhận mình, sống với chính bản chất của mình - bản chất tốt nhất – để làm vinh hiển Đức Chúa Trời. Điều đó giúp tránh được hai thái cực: tự hạ thấp mình hơn địa vị đáng phải có như Môi-se đã

làm khi Đức Chúa Trời kêu gọi ông, (Xu 3:11), hoặc tôn cao mình lên hơn địa vị đang có (Ro 12:3). Đời sống thật sự khiêm nhường không phủ nhận những ân tứ mà Đức Chúa Trời ban cho, nhưng sử dụng chúng để làm vinh hiển Đức Chúa Trời.

Một đứa trẻ trong trắng có những đức tính hướng đến sự khiêm nhường: tin cậy (Mat 18:6), phụ thuộc, thích làm cho người khác vui mừng, không kiêu ngạo hoặc ham muốn được lớn hơn người khác. Tất cả chúng ta vốn có bản chất nổi loạn muốn trở thành người nổi tiếng chớ không thích làm tôi tớ phục vụ. Cần phải được dạy dỗ nhiều chúng ta mới có thể học được những bài học về khiêm nhường.

Các môn đệ muốn biết ai là người lớn hơn hết trong Nước thiên đàng. Nhưng Chúa Giê-xu khuyến cáo rằng nếu không khiêm nhường họ không thể nào vào được Nước Đức Chúa Trời! Họ phải biến đổi – xoay hướng sự suy nghĩ - nếu không sẽ chẳng bao giờ có được Nước thiên đàng.

Trong những câu Kinh Thánh này dường như Chúa Giê-xu đang pha trộn hai khái niệm: bản chất của con trẻ là gương mẫu về sự khiêm nhường, và con cái của Đức Chúa Trời cho dù có thể ở bất cứ lứa tuổi nào. Là Cơ đốc nhân, không những vì Chúa Giê-xu chúng ta tiếp nhận các em trẻ nhưng chúng ta cũng phải chấp nhận tất cả các con cái của Đức Chúa Trời và tìm cách chăm sóc họ (Ro 14:1). Gây cho một đứa trẻ phạm tội hoặc dẫn chúng đi sai đường là một việc hết sức nghiêm trọng. Nó cũng nguy hại giống như việc gây cho một con cái Chúa vấp phạm bởi gương xấu của chúng ta (Ro 14:13 ICo 8:9). Đời sống thật sự khiêm nhường chỉ nghĩ đến người khác chớ không nghĩ đến chính mình.

Chúa Giê-xu giải thích có thể chúng ta có bốn thái độ khác nhau hướng về trẻ con và do vậy chúng ta cũng có thái độ hướng đến sự khiêm nhường thật. Chúng ta có thể tìm cách trở nên khiêm nhường thật như trẻ con Mat (18:3-4), như đối với Chúa. Hoặc chúng ta chỉ tiếp nhận con trẻ Mat 18:5) bởi vì Chúa Giê-xu đã dạy chúng ta. Nếu không cẩn thận chúng ta sẽ làm cho các em sa ngã (Mat 18:6), và kết cuộc chúng ta khinh để các em (Mat 18:10).

Coi thường trẻ con là một hiểm họa, bởi vì Đức Chúa Trời coi trọng con trẻ. Khi tiếp rước con trẻ (hoặc một con cái Chúa), tức là chúng ta tiếp rước Đấng Christ (Mat 18:5). Đức Chúa Cha chăm sóc con trẻ và các thiên sứ canh giữ chúng (Mat 18:10). Giống như người chăn tốt, Đức Chúa Trời tìm kiếm những tội nhân hư mất và cứu vớt họ chúng ta không được gây cho họ mất đức tin. Nếu người chăn lo chăm sóc một con chiên trưởng thành, thì việc bảo vệ cho các chiên con lấy làm quan trọng biết bao!

Ngày nay trẻ em bị bỏ bê và ngược đãi, chúng ta cần phải nghiêm túc chú ý lời cảnh cáo của Đấng Christ. Thà buộc cổ đá vào cổ người ấy ném xuống biển còn hơn để người ấy ngược đãi một trẻ nhỏ và phải chịu hình phạt của Đức Chúa Trời (Mat 18:6).

***Giá phải trả của sự khiêm nhường*** (Mat 18:7-9). Người thật sự khiêm nhường giúp ích xây dựng người khác, chớ không phá đổ họ. Người ấy làm viên đá lót đường cho kẻ khác bước lên, và không làm hòn đá vấp chân ai. Vì vậy, bất kỳ điều gì làm tôi sa ngã phải dẹp bỏ khỏi đời sống tôi, vì nếu không, tôi sẽ gây cho người khác vấp phạm. Chúa Giê-xu đã phán giống như vậy trong Bài Giảng Trên Núi (5:29-30). Thánh Phao lô đã dùng mắt, tay, và chân để minh họa sự nhờ cậy lẫn nhau giữa các chi thể trong thân thể Đấng Christ (ICo 12:14-17).

Sự khiêm nhường bắt đầu bằng việc tự xét mình, và tiếp theo là quên mình. Chúa Giê-xu không dạy chúng ta làm hại đến thân thể, vì thân thể chúng ta có đau đớn cũng không thể nào thay đổi tình trạng thuộc linh trong lòng chúng ta được. Hơn nữa, Ngài đang dạy chúng ta thực hiện “cuộc giải phẫu tâm linh” trong chính con người chúng ta, loại bỏ bất kỳ điều gì khiến chúng ta sa sút yếu đuối và gây cho người khác vấp phạm. Người khiêm nhường sống cho Chúa Giê-xu trước hết và kể đến cho tha nhân - cuối cùng người mới nghĩ đến bản thân mình. Người vui mừng khi phải mất mát những điều tốt đẹp nếu điều đó đem ích lợi cho người lân cận. Có lẽ lời giải thích tốt nhất về điều này nằm trong Phi 2:1-18.

## **2. Sự thành thật (Mat 18:15-20)**

Chẳng phải lúc nào chúng ta cũng thực hành đức tính khiêm nhường. Nhiều lúc cố ý hay vô tình, chúng ta chọc giận người khác và làm khổ họ. Ngay cả Luật pháp Cựu Ước cũng nhìn nhận “tội phạm do lầm lỡ” (Dan 15:22), và vua Đa vít đã cầu nguyện Chúa tha thứ “những lỗi ông không biết” Thi 19:12), nghĩa là “những lỗi mắt tôi không thấy”. Chúng ta nên làm gì khi một con cái Chúa phạm tội nghịch cùng chúng ta hoặc gây chúng ta vấp phạm? Cứu Chúa cho chúng ta những lời khuyên:

Giữ kín vấn đề. Hãy đến với người đã phạm tội và nói chuyện riêng với người đó. Có thể anh ta không nhận ra điều đã làm. Hoặc mặc dù anh ta có cố tình phạm tội, thái độ hạ mình và yêu thương của bạn sẽ giúp anh ta ăn năn xin lỗi. Quan trọng hơn hết, bạn hãy đến với người ấy với tư tưởng được người anh em của bạn, chớ đừng đến với ý nghĩ sẽ thắng cuộc tranh luận. Chúng ta có thể thắng cuộc tranh luận nhưng đánh mất anh em mình.

Phải mặc lấy lòng nhu mì và khiêm nhường khi tìm cách sửa dạy anh em chị em mình (Ga 6:1). Chúng ta không nên lên án người có tội, hoặc đi kể cho mọi người biết về điều anh em mình vấp phạm. Chúng ta phải hết lòng yêu thương tìm cách giúp đỡ họ giống như cách chúng ta muốn họ đối xử khi chúng ta ở trong tình cảnh ấy. Chữ “sửa lại” trong Ga 6:1 là từ y học trong tiếng Hy Lạp có nghĩa “chỉnh lại cái xương bị gãy”. Hãy nghĩ đến sự kiên nhẫn và lòng nhân hậu cần phải có!

Nhờ những anh em khác giúp đỡ. Nếu người phạm lỗi từ chối không chịu sửa đổi, lúc ấy chúng ta có thể tự do bày tỏ gánh nặng với một hoặc hai tín hữu đáng tin cậy. Nên chia sẻ mọi việc chúng ta thấy và nhờ anh em trong Chúa cầu nguyện khuyên lơn người ấy. Xét cho cùng có thể chúng ta sai trong xử sự. Nếu người anh em thấy nguyên nhân xảy ra là đúng, lúc ấy sẽ cùng đi với chúng ta đến với người phạm lỗi cố thuyết phục anh ta một lần nữa. Không chỉ những anh em này bèn lòng cầu nguyện và kiên nhẫn thuyết phục, nhưng họ còn là người làm chứng sự thật cho Hội Thánh về buổi nói chuyện (Phu 19:15 IICo 13:1).

Khi tội lỗi không được giải quyết cách chân thành, nó sẽ lây lan. Vấn đề lúc đầu chỉ xảy ra giữa hai người bây giờ lớn dần kéo theo đến bốn năm người. Không có gì đáng ngạc nhiên khi cả Chúa Giê-xu và Phao-Lô đều so sánh tội lỗi như men, bởi vì men làm cho tiêm nhiễm và lây lan.

Nhờ Hội Thánh giúp đỡ. Hãy nhớ, mục tiêu của chúng ta không nhằm để thắng một vụ kiện tụng nhưng để chinh phục được một anh em. Chữ “được lại” ở Mat 18:15 được dùng trong ICo 9:19-20 nói đến việc chinh phục người bị hư mất nhưng cũng thật quan trọng trong việc thuyết phục người đã được cứu. Đây là lần thứ hai

Chúa chúng ta nhắc đến Hội Thánh (Mat 16:18), và ở đây Chúa muốn nói đến Hội Thánh địa phương. Các môn đệ của Chúa được dạy dỗ trong nhà hội Do-Thái-Giáo, vì thế họ quen thuộc với kỷ cương của giáo hội.

Sự việc riêng tư giữa hai người bây giờ được công bố cho toàn Hội Thánh đều biết. Kỷ cương phép tắc của Hội Thánh ngày nay thường bị xao lãng, nhưng nó được nhắc đến ở đây và trong các thư tín (ICo 5:1-13 IITe 3:6-16 IITi 2:23-26 Tit 3:10). Con cái trong gia đình cần phải có kỷ luật như thế nào thì con cái Đức Chúa Trời trong Hội Thánh cũng cần phép tắc thế ấy. Nếu đến lúc sự việc đưa ra cho toàn thể Hội Thánh, nhưng người phạm lỗi vẫn chưa hối ý và ăn năn, lúc ấy người đó phải chịu hình thức kỷ luật. Anh ta không thể nào được mọi người đối xử như anh em thuộc linh, vì anh ta đã mất địa vị ấy. Anh ta chỉ được đối đãi như người ngoài Hội Thánh, dầu không bị khinh ghét nhưng không có mối tương giao thân thiết.

*Hãy giữ Hội Thánh trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời* (Mat 18:18-20). Điều then chốt là Hội Thánh phải ở trong tình trạng thuần khiết nhất trước khi kỷ luật một thành viên. Khi Hội Thánh kỷ luật một người nào, thực sự Hội Thánh đang tự kiểm điểm và xem xét chính mình. Đây là lý do Chúa thêm vào những từ ngữ nói về quyền phép, sự cầu nguyện, và thông công. Chúng ta không thể kiểm điểm người khác nếu không tự xem lại mình. Bất cứ điều gì chúng ta ràng buộc (cho phép) trong Hội Thánh chắc chắn trước đó đã được Đức Chúa Trời cho phép. (Xem các lời giải thích trong Mat 16:9).

Hội Thánh phải đặt dưới quyền điều khiển của Lời Đức Chúa Trời. Kỷ cương Hội Thánh không phải ám chỉ đến một nhóm cảnh sát Cơ đốc cư xử một cách kiêu căng hùng hổ. Đúng hơn, điều đó có nghĩa Đức Chúa Trời đang thực thi quyền tể trị của Ngài trên và qua Hội Thánh địa phương để sửa dạy con cái Ngài đang sai phạm.

*Không chỉ phải có thẩm quyền của lời Đức Chúa Trời, nhưng còn phải thành tâm cầu xin* (Mat 18:19). Chử thuận nhau trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là “bản giao hưởng”. Hội Thánh phải hiệp ý trong sự cầu nguyện khi tìm cách khuyên dạy thành viên sai phạm. Chính qua sự cầu nguyện và tìm kiếm lời Đức Chúa Trời chúng ta sẽ hiểu được ý muốn của Đức Chúa Cha trong từng vấn đề.

Sau hết, *phải có sự thông công* (Mat 18:20). Hội Thánh địa phương phải là cộng đồng thờ phượng, nhận biết Chúa đang hiện diện ở giữa. Thánh Linh của Đức Chúa Trời có thể cáo trách cả người phạm tội lẫn Hội Thánh, và Ngài cũng đoán phạt tội lỗi giữa Hội Thánh (Cong 5:1-11).

Hội Thánh ngày nay rất cần sự thành thật. “Lấy lòng yêu thương nói ra lẽ chân thật” là tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời (Eph 4:15). Nếu chúng ta bày tỏ yêu thương không bởi lòng chân thật, đó chỉ là hình thức bên ngoài. Nhưng nếu chúng ta cố gắng nói ra lẽ chân thật nhưng không bởi tình yêu thương, thì đó có thể là một điều ác. Chúa Giê-xu luôn luôn lấy lòng yêu thương giảng dạy lẽ thật. Nếu lẽ thật làm cho đau đớn, đó là vì ” BẠN HỮU LÀM CHO THƯƠNG TÍCH ẤY LÀ BỞI LÒNG THÀNH TÍN...” Ch 27:6).

Nhưng chúng ta nhớ kỹ rằng khiêm nhu phải đi trước thành thật. Một Cơ đốc nhân kiêu ngạo không thể lấy lòng yêu thương nói ra lẽ chân thật được. Người ấy sẽ dùng lỗi lầm của anh em mình làm vũ khí nghịch lại họ chớ không dùng nó làm công cụ xây dựng. Kết quả chỉ gây thêm chia rẽ và bất hòa.

Sự dối trá là tội lỗi đầu tiên xảy ra trong nội bộ Hội Thánh trong thời Tân Ước (Cong 5:1-11). A-na-nia và Sa-phi-ra tìm cách làm cho cả Hội Thánh tin rằng họ có đời sống thuộc linh cao hơn. Họ tự dối lòng mình khi nghĩ rằng có thể thoát được sự lừa dối họ nói dối anh em trong Đấng Christ và các lãnh đạo Hội Thánh và đã tìm cách nói dối Đức Thánh Linh. Kết quả họ đã bị lên án và chết. Có thể Đức Chúa Trời không giết mọi người giả dối trong Hội Thánh ngày nay, nhưng thói đạo đức giả thực sự bóp chết Hội Thánh.

Vấn đề nội bộ thứ hai (Cong 6:1-7) có liên quan tới những người đang bị bỏ bê không được chăm sóc. Các sứ đồ và môn đệ giải quyết vấn đề bằng lẽ thật và lòng yêu thương, kết quả Hội Thánh nhận được phước hạnh dồi dào từ nơi Chúa. Cần phải có lòng thành thật và tình yêu thương, hai điều này phải được thực hiện bằng đức khiêm nhường.

### 3. Sự tha thứ (Mat 18:21-35)

Khi bắt đầu sống trong bầu không khí khiêm nhường thành thật, chúng ta phải liệu mình và sẵn lòng chịu hiểm nguy. Nếu lòng khiêm nhường và thành thật không sanh bông trái tha thứ, thì các sợi dây thân ái không thể kiên toàn và mạnh mẽ được. Phi-e-rơ nhận ra nguy cơ rạn nứt mối tương giao với anh em nên hỏi Chúa Giê-xu cách ông phải xử trí như thế nào khi gặp người mắc lỗi với mình trong tương lai.

Nhưng Phi-e-rơ đã mắc một vài sai phạm nghiêm trọng. Đầu tiên, ông thiếu hạ mình. Ông biết chắc anh em của ông sẽ phạm tội nghịch cùng mình, nhưng ông thì không nghịch lại anh em mình! Sai phạm thứ hai Phi-e-rơ đòi hỏi giới hạn và biện pháp. Nơi nào có lòng yêu thương, nơi đó không hề có giới hạn hoặc biện pháp (Eph 3:17-19). Phi-e-rơ nghĩ rằng ông đang bày tỏ đức tin và lòng yêu thương lớn lao khi tha thứ cho anh em mình ít nhất là bảy lần. Vả lại, các thầy dạy đạo đã giảng rằng ba lần là đủ.

Chắc chắn Phi-e-rơ rất đỗi kinh ngạc khi nghe Chúa đáp, “Đến bảy mươi lần bảy” (490 lần). Ai có thể tính nổi bấy nhiêu lần xúc phạm như vậy? Nhưng đó là điều Chúa muốn phán dạy: Lòng yêu thương “không chấp trách điều gì” (ICo13:5, BDY). Khi đã tha thứ cho anh em mình được nhiều lần như thế, lúc ấy chúng ta có thói quen tha thứ.

Nhưng Chúa Giê-xu không khuyên dạy tha thứ qua loa hoặc chiếu lệ. Tình yêu Cơ đốc không mù quáng (Phi 1:9-10). Sự tha thứ Đấng Christ đòi hỏi dựa trên lời dạy dỗ của Ngài trong các câu Mat 18:15-20. Nếu một người phạm lại lỗi cũ, bởi lòng thương yêu tha thứ của anh em mình khích lệ người đó có đủ sức mạnh và năng lực để đắc thắng tội lỗi ấy. Nếu chúng ta lên án anh em mình, chúng ta phôi bày nổi xấu hổ của họ. Nhưng nếu tạo không khí yêu thương tha thứ, chúng ta có thể giúp Đức Chúa Trời bày tỏ sự thiện lành trong họ.

Thí dụ nêu trên minh họa năng lực của tha thứ. Thật là quan trọng khi thấy rằng thí dụ này không nói về sự cứu rỗi, vì cứu rỗi là sự đầy trọn của ân điển và là sự ban cho không điều kiện. Làm cho ơn tha thứ của Đức Chúa Trời trở nên một việc tạm thời là xúc phạm đến chính lẽ thật Thánh Kinh (Ro 5:8 Eph 2:8-9 Tit 3:3-7). Thí dụ đề cập đến sự tha thứ giữa hai anh em trong Chúa, không phải giữa tội nhân hư mất và Đức Chúa Trời. Chương sách này nhấn mạnh đến một người tha thứ cho một người khác trong Hội Thánh (Mat 18:15,21).



Nhân vật chính trong phân đoạn này trải qua ba giai đoạn trong từng trải ơn tha thứ.

**Ông ta là một con nợ** (Mat 18:23-27). Người đàn ông này thâm lạm ngân quỹ của nhà vua và khi vua tính sổ, tội lỗi ông bị phát hiện. Tổng số thuế thu được trong xứ Palestine mỗi năm vào khoảng 800 ta-lâng, vì vậy bạn có thể hiểu mức độ thiếu thành thật của người đàn ông này. Theo thời giá ngày nay, khoản tiền này có thể tương đương trên 10 triệu đô la (khoảng 140 tỉ đồng Việt Nam).

Người đàn ông này nghĩ rằng ông ta có thể thoát được nợ. Ông ta thưa với Vua cho mình có thời gian để có thể trả hết nợ. Chúng ta tìm thấy hai tội mà ông ta phạm ở đây: kiêu ngạo và thiếu lòng thành thật ăn năn. Người đàn ông không xấu hổ vì mình đã thâm lạm tiền bạc của vua ông ta xấu hổ vì bị bắt. Và thực sự ông ta nghĩ rằng mình đủ khả năng kiếm tiền trả nợ Vua. Trong nền kinh tế thời ấy, một người đàn ông phải làm việc 20 năm mới kiếm được một ta-lâng.

Ông ta ở trong tình thế vô vọng, ngoại trừ một điều: Vua là người đầy lòng thương xót. Vua chấp nhận sự mất mát và tha nợ cho tên đầy tớ. Điều này có nghĩa ông ta được Vua ân xá, bản thân ông ta và gia đình sẽ không bị bỏ tù cho đến khi trả hết nợ. Người đầy tớ không xứng đáng với ơn tha thứ này hoàn toàn do hành động yêu thương và nhân từ của người chủ thực hiện.

**Ông ta là một chủ nợ** (18:28-30). Người đầy tớ rời khỏi Vua ra về, gặp người bạn cùng làm việc mắc nợ ông ta 100 xu (khoảng 14.000 đồng Việt nam). Một công nhân trung bình kiếm được một xu một ngày, vì vậy số nợ này không có ý nghĩa gì so với khoản tiền người đầy tớ nợ Vua. Thay vì chung vui với bạn của mình vì được xoá nợ, ông ta xử tệ với bạn mình và đòi người ấy phải trả nợ cho mình. Người bạn mắc nợ cũng bày tỏ giống như người đầy tớ: “Xin giãn cho tôi thì tôi sẽ trả cho anh!” Nhưng người đầy tớ bất nghĩa không chịu tha cho người khác những gì ông ta muốn người khác làm cho mình.

Có lẽ về mặt luật pháp ông ta có quyền bắt bỏ tù người khác nhưng trong lương tâm ông không có quyền làm như vậy. Chính người đầy tớ đã được tha thứ - ông ta lại không thể tha thứ cho bạn mình sao? Người đầy tớ và gia đình đã được tự do không bị tù tội. Ông ta không nên cho bạn mình tự do sao?

**Ông ta bị bỏ tù** (18:31-34). Ban đầu nhà Vua giải thoát người đầy tớ khỏi bị tù, sau đó ông ta tự đưa mình vào tù. Người đầy tớ thực thi sự công bình và bắt bạn mình bỏ tù. Nhà Vua hỏi, “Vậy người muốn sống theo lẽ công bình ư?”. “Người sẽ có công bình! Hãy giam đũa đầy tớ gian ác này vào ngục và làm khổ nó! Ta sẽ làm cho người như người đã làm cho người khác.” (Không thấy nói đến toàn bộ gia đình bị phạt tù. Suy cho cùng chính người cha trong gia đình đã xử tệ với bạn của mình và bỏ qua ơn tha thứ của vua.)

Đóng chặt cửa lòng khoan dung tha thứ là ngục tù tệ hại nhất của thế gian. Nếu từ chối tha thứ cho người khác, lúc đó chúng ta đang tự giam hãm chính mình và gây ra nỗi khổ riêng cho mình. Tôi đã gặp một số người đau khổ nhất trong những năm tháng chức vụ của tôi, họ đều là những người không chịu tha thứ cho người khác. Họ chỉ sống để nghĩ cách trả thù người đã cư xử xấu với họ. Nhưng thực sự họ đang tự hành hạ mình.

Người đầy tớ này có điều gì sai chẳng? Ông ta sai phạm giống như nhiều Cơ đốc nhân: Họ đã nhận ơn tha thứ, nhưng thực sự trong lòng không kinh nghiệm ơn tha thứ một cách sâu xa. Vì vậy họ không thể chia sẻ sự tha thứ cho người xử tệ với họ. Nếu chúng ta chỉ sống theo lẽ công bình, luôn mưu tìm điều gì thuộc về mình, chúng ta sẽ tự giam mình trong tù ngục. Nhưng nếu sống theo sự tha thứ, chia sẻ những gì Đức Chúa Trời đã ban cho, lúc ấy chúng ta sẽ tận hưởng niềm vui và tự do. Phi-e-rơ đòi xin một thước đo công lý Chúa Giê-xu phán với ông ta hãy thực hành sự tha thứ và quên đi thước đo.

Chúa Giê-xu nghiêm nghị cảnh cáo các môn đệ. Ngài không phán Đức Chúa Trời chỉ cứu rỗi những người tha thứ cho người khác. Chủ đề của thí dụ này là tha thứ giữa vòng anh em trong Chúa, chớ không phải sự cứu rỗi dành cho tội nhân hư mất. Chúa Giê-xu cảnh cáo rằng Đức Chúa Trời không thể tha thứ nếu chúng ta không có lòng khiêm nhường ăn năn. Chúng ta bày tỏ tình trạng thật của lòng mình qua cách đối xử với người khác. Khi có lòng khiêm nhường ăn năn, chúng ta sẽ vui vẻ tha thứ cho kẻ khác. Nhưng nơi nào có sự kiêu ngạo và ý thích trả thù, nơi đó không thể có sự hối cải thật và điều này có nghĩa Đức Chúa Trời không thể tha cho chúng ta được.

Nói cách khác, nhận ơn thứ tha của Đức Chúa Trời không thì chưa đủ ngay cả việc tha thứ cho người khác cũng vậy. Chúng ta phải kinh nghiệm ơn tha thứ trong lòng chúng ta để rồi hạ mình xuống và rộng lòng nhân ái thứ tha kẻ khác. Người đầy tớ trong thí dụ không kinh nghiệm sâu xa về sự tha thứ và khiêm nhường. Ông ta chỉ vui khi được “thoát khỏi khó khăn”. Ông ta chẳng bao giờ thực sự ăn năn.

*“Hãy ở với nhau cách nhân từ, đầy dẫy lòng thương xót, tha thứ nhau như Đức Chúa Trời đã tha thứ anh em trong Đấng Christ vậy.” (Eph 4:32). “Nếu một người trong anh em có sự gì phàn nàn với kẻ khác, thì hãy nhường nhịn nhau và tha thứ nhau: như Chúa đã tha thứ anh em thế nào, thì anh em cũng phải tha thứ thế ấy” (Co 3:13).*

## **15. NHỮNG LỜI GIÁO HUẤN CỦA NHÀ VUA (Mat 19:1-15)**

Mat 19:1-2. Việc Nhà Vua “rút lui” khỏi đám đông sắp đến hồi kết thúc. Nhưng sự công kích của kẻ thù ngày càng mạnh mẽ, cuối cùng đã bắt và đóng đinh Ngài. Các nhà lãnh đạo giáo hội luôn đặt ra những câu hỏi về ngày Sa-bát và dấu lạ để tìm cách gài bẫy Chúa, nhưng không thể làm hại Ngài được. Họ lại tiếp tục thử Ngài, lần này họ đưa ra vấn đề gây nhiều tranh cãi nhất - ly dị.

Ly dị là vấn đề nghiêm trọng và gây xôn xao dư luận ngày hôm nay. Tỷ lệ các vụ ly dị cứ leo thang (vào thời điểm viết sách này, cứ 1,8 cặp cưới nhau có 1 cặp bỏ nhau), và tình trạng ly dị đã len lỏi vào trong gia đình các bậc lãnh đạo Hội Thánh. Người ta nhận xét rằng các cặp vợ chồng “cưới nhau để sống tốt hơn hoặc tệ hơn, nhưng không lâu dài.” Chúng ta cần xem xét lại những lời Chúa Giê-xu phán dạy về đề tài này. Ngài giải thích bốn điều luật khác nhau liên quan đến hôn nhân và ly dị.

### **1. Luật tạo dựng ban đầu (Mat 19:3-6)**

Thay vì trích dẫn sách Phục-truyền-luật-lệ-ký, Chúa Giê-xu trở về với sách Sáng-thế-ký. Công việc Đức Chúa Trời đã thực hiện khi Ngài tạo dựng hôn nhân đầu tiên dạy chúng ta cách cụ thể điều Ngài định liệu đối với một người nam và một người nữ.

Nếu xây dựng gia đình theo kiểu mẫu của Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ không băn khoăn lo lắng về luật ly dị.

Lý do lập gia đình. Một điều duy nhất không “tốt” trong công trình sáng tạo đó là con người sống một mình (Sa 2:18). Người nữ được tạo dựng để đáp ứng nhu cầu này. A-đam không tìm được sự tương giao với loài vật. Ông cần một bạn đồng hành ngang bằng với mình để có thể tìm được hạnh phúc nơi người đó. Đức Chúa Trời dựng nên Ê-va để đáp ứng nhu cầu này.

Hôn nhân làm duy trì nòi giống. “Hãy sinh sản thêm nhiều và làm cho đầy đầy..” là mạng lệnh Đức Chúa Trời giao cho đôi vợ chồng đầu tiên Sa 1:28). Từ buổi ban đầu Đức Chúa Trời phán rằng tình dục phải được thực hiện trong hôn nhân. Ngoài hôn nhân, tình dục trở thành sức mạnh tàn phá nhưng trong hôn nhân đặt nền tảng trên tình yêu, tình dục có thể đem lại sự sáng tạo và ích lợi.

Hôn nhân là phương cách tránh tội gian dâm (ICo 7:1-6). Dĩ nhiên, một người nam không nên lập gia đình chỉ để hợp pháp hoá sự thèm muốn! Nếu anh ta có thèm muốn ngoài hôn nhân, chắc chắn sẽ phạm tội sau khi lập gia đình. Anh ta không nên nghĩ rằng lập gia đình sẽ giải quyết mọi nan đề riêng tư về tình dục. Nhưng hôn nhân là công việc Đức Chúa Trời chỉ định cho một người nam và một người nữ cùng chia sẻ vui buồn trong đời sống lứa đôi.

Phao lô dùng hôn nhân làm hình ảnh minh họa cho mối tương giao mật thiết giữa Đấng Christ và Hội Thánh (Eph 5:22-23). Như Ê-va được dựng nên bởi xương sườn A-đam Sa 2:21), thì Hội Thánh cũng được khai sinh bởi sự đau đớn và khổ hình của Đấng Christ trên thập tự giá. Đấng Christ yêu Hội Thánh Ngài, nuôi dưỡng Hội Thánh bằng lời Hằng sống của Ngài, thánh hoá và chăm sóc Hội Thánh. Mối thâm giao giữa Đấng Christ và Hội Thánh là gương soi cho tất cả người chồng noi theo.

Những đặc tính của hôn nhân. Trở lại Luật pháp nguyên thủy trong vườn Ê-đen, Chúa Giê-xu nhắc kẻ nghe đạo Ngài nhớ đến các đặc tính cơ bản của hôn nhân. Nếu ghi nhớ những đặc tính này, chúng ta sẽ biết cách xây dựng một gia đình hạnh phúc và bền lâu.

-Đó là sự kết hợp thiêng liêng. Đức Chúa Trời thiết lập hôn nhân, và do đó chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể điều hướng tính chất và qui luật của hôn nhân. Không toà án nào có thể thay đổi những gì Đức Chúa Trời đã tạo dựng.

-Đó là sự kết hợp về thể xác. Người nam và người nữ trở nên “một thịt”. Trong khi chồng và vợ phải hiệp lòng hiệp ý với nhau là điều quan trọng, thì mối liên kết cơ bản trong hôn nhân là phần xác thịt. Nếu người nam và người nữ trở nên “một linh hồn”, thì sự chết sẽ không phân rẽ hôn nhân vì linh hồn không bao giờ chết. Dù cho người nam và người nữ bất hoà nhau, “không thể tương hợp”, và không sống chung được, họ vẫn là vợ chồng vì sự kết hiệp thành một thể chất.

-Đó là sự kết hợp vĩnh viễn. Theo kế hoạch Đức Chúa Trời sắp xếp người nam và nữ gắn bó cuộc đời với nhau. Luật pháp ban đầu Đức Chúa Trời không cho biết gì về “những cuộc hôn nhân thử nghiệm”. Luật pháp Đức Chúa Trời đòi hỏi người chồng người vợ bước vào đời sống hôn nhân trong sự hiểu biết và tin cậy nhau.

-Đó là một thể hiệp nhất giữa người nam và người nữ. Đức Chúa Trời không tạo dựng hai người nam và một người nữ, hai nữ một nam, hai nam hoặc hai nữ. Cho dù các nhà tâm lý học và luật học nào đó có nói gì thì “Hôn nhân tập thể”, “hôn nhân

đồng giới tính”, và những thay đổi khác thường trong hôn nhân là trái với ý muốn của Đức Chúa Trời.

Điều răn thứ bảy (Mat 5:27-30)

Trong cuộc trao đổi này Chúa Giê-xu không nhắc đến điều răn thứ bảy, Ngài trích dẫn trong Bài Giảng Trên Núi (5:27-32). Chúng ta hãy nghiên cứu những lời Ngài phán.

Chúa Giê-xu và các tác giả Tân Ước xác nhận mệnh lệnh “Người chớ phạm tội tà dâm” (Xu 20:14). Trong khi dường như chữ Thông Dâm nói đến nhiều hình thức dâm dục (Mac 7:21 Ro 1:29 ICo 6:13), thì chữ ngoại tình chỉ liên quan đến những người đã lập gia đình. Một người đã có gia đình quan hệ tình dục với người không phải vợ hoặc chồng của mình, đó là tội ngoại tình. Đức Chúa Trời phán rằng ấy là việc làm sai và tội lỗi. Có vô số lời nhắc nhở trong Tân Ước chống lại tội tà dâm, bao gồm cả tội ngoại tình (Cong 15:20 ICo 6:15-18 Ga 5:19 Eph 4:17 5:3-12 Co 3:5 ITe 4:3-7 He 13:4).

Điều răn này xác nhận sự thánh khiết của tình dục. Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên tình dục, Đức Chúa Trời bảo vệ nó, và Ngài hình phạt khi chúng ta vi phạm luật lệ của Ngài. Chín điều răn được nhắc lại trong Tân Ước cho chúng ta vâng theo. (Điều răn giữ ngày Sa-bát chỉ dành cho dân Y-sơ-ra-ên và không dùng cho Hội Thánh ngày nay). Chúng ta không nên nghĩ rằng được sống “dưới thời ân điển”, chúng ta có thể xem thường luật pháp Đức Chúa Trời và tránh khỏi bị hình phạt. “Đức Chúa Trời sẽ đoán phạt kẻ dâm dục và kẻ phạm tội ngoại tình” (He 13:4).

Tuy nhiên, Chúa Giê-xu giảng giải cặn kẽ hơn về vấn đề ngoại tình. Ngài phán rằng ngoại tình có thể là tội phạm kín giấu trong lòng cũng như ngoài thể xác. Chỉ đơn giản kiểm soát hành vi của thân thể thì không đủ chúng ta cũng phải làm chủ những ý nghĩ và ham muốn thầm kín nữa. Nhìn một phụ nữ mà động lòng tham muốn thì trong lòng đã phạm tội ngoại tình. Điều này không có nghĩa chúng ta không thể ngưỡng mộ một dáng dấp yêu kiều, hoặc một bức tranh đẹp vì có thể làm điều đó mà không phạm tội. Chính khi ánh mắt nhìn với ý định thoả mãn ham muốn tình dục, chúng ta phạm tội ngoại tình trong lòng.

Một cuộc sống tình dục thánh khiết bắt nguồn từ những ham thích bên trong. Chúa Giê-xu chọn lựa ra mắt và tay, bởi vì thị giác và xúc giác thường thường là những bước đầu tiên hướng đến tội phạm tình dục. Dĩ nhiên, Ngài không ra lệnh chúng ta giải phẫu thân thể, bởi vì Ngài đang đề cập đến những ham muốn bên trong. Ngài dạy chúng ta phải giải quyết dứt khoát với tội lỗi, cất khỏi cuộc sống chúng ta bất cứ điều gì chiều chuộng những ham muốn sai trái của chúng ta. Chúng ta phải “đói khát sự công bình”.

Chúa Giê-xu không thay đổi Luật hôn nhân ban đầu tại vườn Êđên, Ngài cũng không huỷ bỏ điều răn thứ bảy. Những lời dạy của Ngài đặt nền tảng vững chắc trên công cuộc sáng tạo của Đức Chúa Trời và luật không thay đổi của Đức Chúa Trời.

## **2. Luật ly dị của Môi-se (Mat 19:7-8)**

Giống như nhiều người “tranh luận về tôn giáo”, những người Pharisi này không thích tìm tòi chân lý. Họ chỉ quan tâm làm sao biện hộ cho chính mình và những gì họ tin. Đây là lý do người Pharisi hỏi về sự để vợ trong Luật pháp Do Thái chép trong Phu 24:1-4.

Tôi gợi ý bạn nên đọc phân đoạn Kinh Thánh quan trọng này trong bản New American Standard Bible để phân biệt các thì của động từ. Bản dịch này nói rất rõ rằng Môi-se chỉ ban cho một mệnh lệnh: Vợ đã bị để bỏ không thể trở lại với người chồng cũ nếu người ấy bị người chồng thứ hai đuổi đi. Môi-se không truyền mệnh lệnh ly dị ông cho phép ly dị. Ông truyền rằng người chồng phải cho người vợ trước của mình chứng thư ly dị. Nhưng người vợ không thể trở lại với người chồng trước của mình sau khi có người chồng thứ hai và rồi lại ly dị.

Đây thật là một luật khôn ngoan. Đầu tiên, người chồng sẽ cân nhắc trước khi vội vã bỏ vợ, bởi vì anh ta không thể cưới cô ấy trở lại. Hơn nữa, chắc chắn sẽ mất thời gian để tìm một thầy thông giáo (không phải ai ai cũng có thể viết được các chứng từ pháp luật), và trong suốt thời gian chờ đợi ấy hai người ly thân có thể làm hoà với nhau. Người Pha-ri-si đang diễn giải Luật pháp Môise y như thể đó là một điều răn. Chúa Giê-xu quả quyết rằng Môi-se chỉ cho phép ly dị.

Nhưng Môi-se có ý gì đối với sự không tinh sạch nào đó nơi người nữ? Theo tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là “sự trần truồng”, nhưng điều này không có ý nói đến tội phạm tình dục. Cụm từ ấy có nghĩa “điều xấu hổ nào đó” (Sa 2:25 3:7,10). Chính cách diễn giải cụm từ này đã phân chia thành hai trường phái Rabi Hillel và Rabi Shammai, đây là những học giả Do Thái nổi tiếng trong thế kỷ thứ nhất. Quan niệm của Hillel rất dễ dãi họ nói rằng người chồng có thể ly dị vợ vì bất cứ lý do nào, trong khi Shammai có cái nhìn nghiêm khắc hơn họ cho rằng Môi-se đang nói về tội phạm tình dục. Chúa Giê-xu không ủng hộ trường phái nào cả, chắc chắn Ngài làm buồn lòng một đôi người.

Có vài luật hôn nhân đặt ra cho người Do thái, chúng ta nên nghiên cứu để hiểu được bối cảnh. Ví dụ, nếu một người nam cưới vợ và khám phá ra rằng cô ấy không còn đồng trinh, anh ta có thể tố cáo nàng và nàng phải bị ném đá chết (Phu 22:13-21). Dĩ nhiên, anh ta phải có bằng chứng và nếu không có bằng chứng, anh ta sẽ bị phạt và phải sống suốt đời với người nữ ấy. Luật này bảo vệ người nữ như người nam.

Nếu người nam nghi ngờ vợ mình không chung thủy, anh ta sẽ áp dụng cách thức đã vạch ra trong Dan 5:11-31. Ngày nay chúng ta không thể áp dụng theo trình tự ấy được (chắc chắn có bao gồm sự đoán phạt của Thiên Chúa) bởi vì không còn có thầy tế lễ và bàn thờ.

Hãy nhớ rằng Luật pháp Môise phạt tội chết đối với người phạm tội ngoại tình (Phu 22:22 Le 20:10). Kẻ chống nghịch Chúa đưa ra luật này nhằm gài bẫy Ngài (Gi 8:1). Trong khi đó chúng ta không thấy trong Cựu Ước nhắc đến người nào đã bị ném đá vì tội ngoại tình, đây là luật của Đức Chúa Trời. Kinh nghiệm của Giô-sép (Mat 1:18-25) cho thấy rằng người Do Thái thường ly dị hơn là ném đá để giải quyết người vợ ngoại tình.

Tại sao Đức Chúa Trời truyền mạng lệnh người nam hoặc người nữ phạm tội ngoại tình phải bị ném đá chết? Tất nhiên đây là một gương để cảnh cáo dân sự, vì ngoại tình làm băng hoại chính cấu trúc xã hội và gia đình. Nếu muốn có một xã hội đảm bảo và Hội Thánh bền vững, phải có giao kết trong hôn nhân, và hứa chung thủy với nhau và với Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời bảo toàn dân Y-sơ-ra-ên bởi vì theo lời hứa Đấng Christ sẽ ra đời từ dân tộc ấy. Đức Chúa Trời chống nghịch việc ly dị trong dân Y-sơ-ra-ên vì nó làm cho dân tộc suy yếu và có phương hại đến sự ra đời của Đấng Mê-si-a (Ma 2:10-16).

Nhưng có một lý do khác để kết án tử hình: Việc xử tội chết người phạm tội cho phép người không phạm tội tự do lập gia đình lần nữa. Cái chết chấm dứt sự ràng buộc trong hôn nhân, vì hôn nhân là sự kết hiệp hai thể xác (Ro 7:1-3). Các thế hệ con cháu trong dân Y-sơ-ra-ên phải được tiếp tục lưu truyền, đó là điều thật quan trọng để họ có thể bảo vệ được sản nghiệp của cha ông mình (Dan 30:1-16).

Chúng ta nên để ý một sự kiện sau cùng trước khi kết thúc phần này: Việc Ly dị Môi-se cho phép trong Phu 24:1-22 thực sự cắt đứt mối quan hệ hôn nhân ban đầu. Đức Chúa Trời cho phép người phụ nữ lập gia đình trở lại, và cuộc hôn nhân thứ hai của người nữ ấy không bị kể là ngoại tình. Người đàn ông thứ hai lập gia đình với cô ấy được gọi là “chồng” và không phải là kẻ ngoại tình. Điều này giải thích thế nào người đàn bà Sa-ma-ri có thể có năm đời chồng, và tuy đang sống với một người nhưng không phải là chồng (Gi 4:16-18). Rõ ràng tất cả năm lần hôn nhân ấy đều hợp pháp và đúng Kinh Thánh.

Điều này có nghĩa ly dị theo Kinh Thánh chia cắt mối liên hệ hôn nhân. Người nam không thể dùng luật pháp phá đổ mối quan hệ này, nhưng Đức Chúa Trời có thể phá đổ. Cùng một Đức Chúa Trời Đấng ban luật pháp để nối kết con người lại với nhau cũng có thể chia lìa họ. Đức Chúa Trời có thể làm điều đó nhưng con người không làm được.

Sau hết, Chúa Giê-xu phán rõ ràng Luật ly dị theo Môi-se là sự nhượng bộ về phần của Đức Chúa Trời. Luật hôn nhân đầu tiên của Đức Chúa Trời không có chỗ cho vấn đề ly dị, nhưng luật đó đã được đặt ra trước khi con người phạm tội. Hơn nữa, hai người sống với nhau thường xảy ra bất hoà, một hoặc cả hai người đều tìm sự an ủi ở nơi khác và vì vậy sẽ phạm tội, cho nên Đức Chúa Trời cho phép ly dị. Việc ly dị này bao gồm quyền tái hôn. Người Pha-ri-si không hỏi về sự tái hôn, vì điều này không thành vấn đề. Họ chấp nhận người trong cuộc sẽ tìm bạn đời khác, và điều này được luật pháp Môi-se cho phép.

### **3. Luật hôn nhân của Chúa chúng ta (Mat 19:9-15 5:31-32)**

(Mat 9:9-12). Khi Chúa Giê-xu phán “Vả Ta phán cùng các ngươi”, Ngài đang tuyên bố Ngài là Đức Chúa Trời vì chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể thiết lập hoặc thay đổi các luật lệ hôn nhân. Ngài phán rằng hôn nhân là sự kết hiệp vĩnh viễn chỉ có thể bị tan vỡ vì tội ngoại tình. Chử Thông Dâm trong Tân Ước bao gồm nhiều tội phạm về tình dục. Sự thông dâm được định nghĩa như là “quan hệ tình dục giữa hai người không cưới nhau” không được áp dụng ở đây, vì Chúa Giê-xu đang dạy về những người đã có gia đình. Chúng ta có tin rằng 24.000 người nam phạm tội thông dâm theo sự lôi kéo của Ba-la-am (Dan 25:1-18) đều là những người chưa lập gia đình không? Có phải lời khuyên bảo trong Cong 15:20,29 chỉ gởi cho các thành viên độc thân trong Hội Thánh thôi sao?

Hôn nhân là sự kết hợp lâu bền giữa hai con người và chỉ có thể chấm dứt do: sự chết hoặc ngoại tình. (Tôi muốn kể luôn cả trường hợp đồng tính luyến ái và hành vi đồi bại khác). Con người không thể phá đổ sự kết hợp này, nhưng Đức Chúa Trời có thể làm được. Dưới Luật pháp Cựu Ước, tội nhân bị ném đá chết. Nhưng Hội Thánh ngày nay không giữ quyền hình phạt ấy (Ro 13:1-4). Có phải tội ngoại tình và thông dâm phạm trong thời Luật pháp nghiêm trọng hơn ngày hôm nay chăng? Hẳn nhiên là không! Nếu có thể nói ngày nay những tội lỗi như vậy thậm chí còn tệ hại hơn trong

ánh sáng đầy trọn của ân điển Đức Chúa Trời mạc khải mà chúng ta nhận được qua Chúa Giê-xu Christ.

Kết luận dường như ly dị trong Tân Ước đồng nghĩa với sự chết trong Cựu Ước: Nó cho phép người không phạm tội tự do tái hôn.

Hãy lưu ý luật mới của Chúa chúng ta về hôn nhân và ly dị đặt cơ sở trên ba điều luật trước. Từ Luật hôn nhân nơi vườn Êđên Ngài đưa ra nguyên tắc: hôn nhân là sự kết hợp hai con người và chỉ chấm dứt do nguyên nhân một trong hai người chết đi, và chỉ một mình Đức Chúa Trời có thể cho phép kết thúc cuộc hôn nhân đó. Từ điều răn thứ bảy Ngài đưa ra nguyên tắc: ngoại tình thực sự làm tan vỡ hôn nhân. Từ Luật Ly Dị của Môi-se Ngài đưa ra nguyên tắc: Đức Chúa Trời có thể cho phép ly dị và chấm dứt hôn nhân, và người không phạm tội có thể tái hôn mà không mắc tội ngoại tình.

Lời dạy của Chúa cho thấy rằng chỉ có một điểm cơ bản theo lời Chúa cho phép ly dị, đó là tội ngoại tình (thông dâm). Nếu hai người ly dị vì bất cứ lý do nào khác, rồi tái hôn, họ sẽ bị định tội là ngoại tình.

Chúa Giê-xu không dạy rằng người phạm tội phải ly dị. Tất nhiên giữa hai người có thể tha thứ, kiên nhẫn khuyên lơn sửa dạy và nối lại mối tương giao bị gãy đổ. Đây là giải pháp mà các tín hữu Cơ đốc giải quyết vấn đề. Nhưng buồn thay bởi lòng chúng ta cứng cõi, đôi khi không thể hàn gắn sự đổ vỡ để cứu vãn tình trạng hôn nhân. Ly dị là sự chọn lựa cuối cùng chớ không phải là giải pháp trước nhất.

Những cuộc sống lứa đôi hạnh phúc không phải là ngẫu nhiên. Những cuộc hôn nhân ấy là kết quả của sự cam kết, yêu thương, hiểu biết lẫn nhau, hy sinh và chịu khó làm việc. Nếu vợ chồng làm tròn lời đính ước, họ sẽ tận hưởng sự gắn bó ngày càng nồng thắm đủ làm họ thoải mái và giữ họ chung thủy với nhau. Trừ khả năng cảm dỗ bất chợt đến, không một người chồng hoặc vợ nào nghĩ đến mối liên hệ với người khác, với điều kiện là mối dây ràng buộc của họ ngày càng sâu đậm và sung mãn. Và tình yêu trong sáng của chồng hoặc vợ là vũ khí mạnh mẽ chống lại cảm dỗ bất chợt xảy đến.

Phản ứng về lời phán dạy của Chúa Giê-xu Christ cho thấy họ không đồng ý với Ngài. Họ lý luận “Nếu phạt người nam phải xử với vợ mình như vậy, thì thà không cưới vợ là hơn! Chúa Giê-xu không muốn họ xem ly dị là một “sai lầm” vì lúc ấy họ không có thái độ nghiêm túc đối với hôn nhân.

Trong Mat 19:12, Chúa Giê-xu phán rõ rằng mỗi người nam (và nữ) phải xem xét ý muốn của Đức Chúa Trời dạy về hôn nhân. Một số người sẽ không lập gia đình vì có không có khả năng sinh sản bẩm sinh. Những người khác không lập gia đình vì gánh lấy trách nhiệm trong xã hội họ đã “mất khả năng sinh sản từ tay người ta”. Đứa con một phải chăm sóc cha mẹ cao tuổi có thể là hình ảnh trong lãnh vực này. Giống như Phao lô, một số người sống độc thân để có thể hầu việc Đức Chúa Trời tốt hơn. (ICo 7:7).

(Mat 19:13-15) Thật phù hợp cho Lời dạy của Chúa chúng ta về hôn nhân với phước hạnh con cháu nối dõi là hậu tự Đức Chúa Trời ban cho những người đã lập gia đình. Chúa Giê-xu không xem con cái như là tai họa hoặc gánh nặng. ” Hai người sẽ trở nên một thịt” được ứng nghiệm qua việc sinh sản con cái, và tình thương của cha mẹ được trưởng thành và sâu sắc hơn khi nó được chan hoà với mọi thành viên trong gia đình.

Cha mẹ đem con cái đến với Chúa Giê-xu để Ngài có thể chúc phước cho chúng. Ở đây không có ý niệm gì về phép Báp-têm hoặc sự cứu rỗi. Con trẻ chưa đạt đến tuổi hiểu biết (Es 7:16) chắc chắn được cứu bởi sự chết của Chúa Giê-xu Christ (Ro 5:17-21). Trẻ em sinh ra vốn là tội nhân (Thi 51:5) nhưng nếu chúng chết trước khi hiểu biết, chúng được tái sinh và được vào thiên đàng (II Sa 12:23 Thi 23:6).

Tất nhiên con trẻ có đặc ân được Chúa Giê-xu bồng ẵm trên tay Ngài và cầu nguyện cho chúng. Ngày nay việc dâng trẻ tại nhà thờ nhằm làm theo gương tốt này. Thật hạnh phúc cho những trẻ em có cha mẹ lập gia đình trong ý muốn của Đức Chúa Trời, cha mẹ ấy luôn vâng lời Chúa, đồng thời dẫn chúng đến với Chúa Giê-xu để Ngài ban phước.

## **16. MỆNH LỆNH CỦA NHÀ VUA (Mat 19:16-20:34)**

Không ai theo phò Vua lại không phải trả giá. Rốt cuộc, Ngài đã lên Thập tự giá vì có tội chúng ta! Chúng ta có quyền thoát khỏi hi sinh và đau khổ không? Trong phần này, Chúa phán dạy nhiều mệnh lệnh thích đáng dành cho những ai muốn tin cậy Ngài và trở thành môn đệ của Ngài.

### **1. Chúng ta phải hết lòng kính mến Đấng Christ (Mat 19:16-26)**

Ba sách Phúc Âm đầu tiên đều chép sự kiện này. Khi kết hợp các sự kiện, chúng ta biết người đàn ông này là một vị quan trẻ tuổi, giàu có - có thể là quan cai nhà hội. Chắc chắn chúng ta có thể khen ngợi người đàn ông trẻ tuổi này vì đã công khai tìm gặp Đấng Christ và hỏi Ngài về sự sống đời đời. Dường như chàng thanh niên này không giấu giếm điều gì và sẵn lòng lắng nghe lời phán của Chúa. Nhưng thật buồn, ông ta đã quyết định sai.

Dường như sự việc diễn tiến xoay quanh một số câu hỏi quan trọng.

“Tôi phải làm việc lành chi cho được sự sống đời đời?” (Mat 19:16-17). Chàng thanh niên bày tỏ lòng thành thật, mặc dầu theo anh ta, để đạt được sự cứu rỗi chỉ tập trung vào việc làm chứ không phải đức tin. Nhưng đây là điều người Do Thái thời đó mong đợi. Cho dù chàng có địa vị xã hội, đạo đức, và tôn giáo, nhưng chàng cảm thấy cần phải làm một điều gì nữa.

Nhưng lời đáp của Chúa không tập trung vào sự cứu rỗi. Ngài buộc chàng trai trẻ suy nghĩ cách nghiêm túc về chữ nhân lành người dùng để xưng danh Chúa. Chúa Giê-xu phán, “Chỉ có Đức Chúa Trời là Đấng nhân lành, Người có tin Ta là Đấng nhân lành và là Đức Chúa Trời chẳng? Nếu Chúa Giê-xu chỉ là một thầy dạy đạo trong lịch sử, lời của Ngài chẳng có giá trị gì hơn những giáo huấn của bất kỳ bậc lãnh đạo tôn giáo nào khác. Nhưng nếu Chúa Giê-xu là Đấng nhân lành, tất nhiên Ngài là Đức Chúa Trời, vì vậy chúng ta nên chú tâm nghe lời Ngài dạy.

Tại sao Chúa Giê-xu nhắc đến các điều răn? Có phải Ngài thực sự muốn dạy con người nhận được sự sống đời đời là do làm theo Luật pháp của Đức Chúa Trời? Nếu ai giữ được các điều răn, tất nhiên người đó sẽ vào được Nước thiên đàng. Nhưng không ai giữ trọn vẹn luật pháp của Đức Chúa Trời. “Vì chẳng có một người nào bởi việc làm theo luật pháp mà sẽ được xưng công bình trước mặt Ngài, vì luật pháp cho người ta biết tội.” (Ro 3:20). Chúa Giê-xu không giới thiệu Luật pháp để chàng thanh niên biết cách làm theo hầu được cứu rỗi, nhưng để chàng ta thấy mình cần được cứu. Luật Pháp là chiếc gương soi chỉ cho thấy hiện trạng của chúng ta (Gia 1:22-25).



“Những điều răn gì?” (Mat 19:18-19) Có phải người trai trẻ đang tránh né vấn đề Chúa đặt ra không? Tôi không nghĩ như vậy. Nhưng ông ta đang phạm một sai lầm, vì chẳng ai có thể tách rời Luật Pháp của Đức Chúa Trời ra từng phần riêng rẽ được. Phân biệt “coi trọng” hoặc “xem nhẹ” một điều răn nào trong Luật pháp của Đức Chúa Trời là lạc mất mục đích toàn vẹn của luật pháp. “Vì người nào giữ trọn luật pháp, mà phạm một điều răn, thì cũng đáng tội như đã phạm hết thảy” (Gia 2:10). Luật Pháp đại diện quyền tể trị của Đức Chúa Trời, không vâng theo điều gì dù có thể nghĩ rằng nhỏ nhặt chúng ta vẫn chống nghịch lại Ngài.

Dĩ nhiên, vị quan trai trẻ chỉ nghĩ đến sự vâng lời bề ngoài. Anh ta quên rằng thái độ nằm ở trong lòng. Trong Bài Giảng Trên Núi, Chúa Giê-xu đã dạy ghen ghét đồng nghĩa với giết người, và tham muốn xác thịt là phạm tội ngoại tình. Chúng ta vui vì người trai trẻ này có nhân cách và đạo đức tốt. Nhưng tiếc là ông ta không nhận biết tội lỗi của mình, ăn năn và tin nhận Đấng Christ.

Chúa Giê-xu không trích dẫn điều răn đặc biệt phù hợp với ông ta, “Người chớ tham lam” (Xu 20:17). Đáng lẽ ra anh ta nên suy xét tất cả điều răn và không chỉ xem xét những điều răn Chúa Giê-xu nêu ra mà thôi. Có phải anh ta đang tìm kiếm cách nào dễ dàng để theo Chúa? Phải chăng anh ta đang lừa dối chính bản thân mình? Tôi tin anh ta bày tỏ lòng thành thật, trong khả năng anh ta có thể biết được. Nhưng anh ta không để cho ánh sáng lời Đức Chúa Trời xuyên thấu vào lòng mình. Chúa Giê-xu cảm thấy yêu mến người này (Mac 10:21), vì vậy Ngài tiếp tục tìm cách giúp đỡ anh ta.

“Còn thiếu chi cho tôi nữa?” (Mat 19:20-22). Trong Kinh Thánh không có chỗ nào dạy chúng ta rằng một tội nhân nhờ bán hết gia tài mình và phân phát tiền bạc cho kẻ nghèo mà được cứu. Chúa Giê-xu không hề dạy Ni-cô-đem làm điều này, hoặc bất kỳ tội nhân nào được ghi lại trong các sách Phúc Âm. Chúa Giê-xu biết rằng anh ta tham lam yêu của cải vật chất. Qua việc yêu cầu anh ta bán gia tài mình, Chúa Giê-xu đang buộc anh ta tra xét lại lòng mình và quyết định đâu là ưu tiên trong đời mình. Có được mọi phẩm chất đáng khen ngợi, người trai trẻ này vẫn chưa kính mến Đức Chúa Trời hết lòng. Của cải vật chất là cứu cánh trong đời sống anh ta. Anh không thể làm theo lời phán của Chúa, “Hãy đi bán... đến mà theo...”

Chàng thanh niên buồn rầu bỏ đi, nhưng có thể anh ta đã ra đi trong sự vui mừng và bình an. Chúng ta không thể yêu thương và phục vụ hai chủ (Mat 6:24). Chúng ta có thể biết chắc ngoài Chúa Giê-xu Christ, ngay cả của cải vật chất trong đời sống cũng không đem lại sự vui mừng hoặc thoả lòng dài lâu. Sở hữu những tài vật là điều tốt miễn là chúng ta không đánh mất những giá trị mà tiền bạc không thể mua được. Nếu cuối cùng vị quan trẻ tuổi không đến với Đấng Christ, ông ta sẽ chết trong sự hư mất, ông ta chỉ là một trong những “người giàu nhất” trong nghĩa trang mà thôi.

“Vậy thì ai được cứu?” (19:23-26). Dân Do Thái thời đó tin rằng giàu có là bằng chứng Đức Chúa Trời ban phước. Bằng chứng này họ dựa trên lời hứa của Đức Chúa Trời ban cho dân tộc Do thái từ buổi đầu của lịch sử dân tộc. Thật Đức Chúa Trời phán hứa ban cho ơn phước vật chất nếu họ vâng theo lời Ngài, và cất đi của cải họ có nếu họ không vâng theo mạng lệnh Ngài (Phu 26:1-28:68). Nhưng trong buổi đầu khai sinh dân tộc, thưởng phạt là cách duy nhất Đức Chúa Trời dùng để dạy họ. Chúng ta dạy dỗ con cái chúng ta cũng như vậy.

Tuy nhiên, thái độ thành tâm vâng lời không tùy thuộc vào sự ham thích được phần thưởng hay sợ bị hình phạt. Động cơ vâng lời xuất phát bởi lòng kính yêu Chúa.

Trong cuộc sống và lời dạy dỗ của Ngài, Chúa Giê-xu tìm cách chỉ cho con người biết rằng ơn phước thuộc linh quan trọng hơn nhiều so với của cải vật chất có được. Đức Chúa Trời nhìn thấy trong lòng, và Đức Chúa Trời muốn xây dựng nhân cách con người. Sự cứu rỗi là quà tặng của Đức Chúa Trời đáp lại lòng tin cậy của con người. Giàu có vật chất không phải là sự bảo đảm Đức Chúa Trời đẹp lòng về con người.

Là người Giu Đa mẫu mực, các môn đệ lấy làm ngạc nhiên về lời phán dạy của Chúa Giê-xu về người giàu. Câu hỏi họ nêu lên phản ánh quan điểm thần học của họ: “Nếu người giàu không thể được cứu, còn có hi vọng nào cho chúng ta?” Dĩ nhiên, Chúa Giê-xu không phán rằng sở hữu của cải làm cho con người không thể thấy được Nước Đức Chúa Trời. Một vài nguyên bản của câu Kinh Thánh Mac 10:24 viết, “Thật khó vào Nước thiên đàng cho những ai đặt lòng tin cậy vào sự giàu có” Đây chắc chắn là nội dung lời dạy của Chúa chúng ta. Ap-ra-ham là người giàu có, dầu vậy ông có đức tin lớn. Sở hữu của cải là điều tốt nếu của cải không làm chủ bạn.

Chúng ta không thể theo phò Vua và sống theo của cải đời này. Không thể hầu việc Đức Chúa Trời lại hầu việc cho tiền bạc nữa. Tham tiền bạc là cội rễ của mọi điều ác (ITi 6:6-10). Chúa Giê-xu Christ phán truyền cho mọi người muốn theo Ngài phải hết lòng kính yêu Ngài.

## **2. Chúng ta phải tuyệt đối vâng lời Ngài (Mat 19:27-30)**

Phi-e-rơ nhanh chóng nhận ra sự khác biệt giữa vị quan giàu có và các môn đệ nghèo khó: “Chúng tôi đã bỏ mọi sự mà theo Thầy vậy thì chúng tôi sẽ được chi?” Chúa Giê-xu cho họ một lời hứa lớn lao về phần thưởng cả trong đời này lẫn trong đời sau. Họ sẽ đồng ngồi trên ngai cai trị khi Chúa lập ngai nước Ngài. Bất cứ điều tốt nào họ từ bỏ vì có Ngài họ sẽ được lãnh bội phần hơn. Nói cách khác, họ không hi sinh - nhưng đang đầu tư vào Nước Trời. Nhưng không phải mọi lợi ích đều nhận được trong đời này.

Tuy nhiên, Chúa Giê-xu tìm thấy trong câu hỏi của Phierơ nói lên động cơ hầu việc sai. Đây là lý do Ngài cảnh cáo thêm rằng một số người có thể đứng đầu theo mắt họ nhưng lại đứng cuối trong sự phán xét, và nhiều người đang ở hàng cuối sẽ vượt lên hàng đầu. Lẽ thật này được nêu rõ chi tiết trong thí dụ về những người làm công trong vườn nho.

## **3. Người làm công trong vườn nho (Mat 20:1-16)**

Thí dụ nêu ra ở đây không có liên quan gì đến sự cứu rỗi. Đồng xu (công giá của một ngày làm việc thời đó) không tượng trưng cho sự cứu rỗi, vì chẳng ai làm việc để được sự cứu rỗi. Thí dụ ấy cũng không nói đến phần thưởng, vì tất cả chúng ta sẽ không nhận phần thưởng giống nhau. “Ai nấy sẽ nhận phần thưởng tùy theo công việc mình đã làm” (ICo 3:8).

Thí dụ nhấn mạnh thái độ đúng đắn trong sự hầu việc. Thật là quan trọng khi biết rằng ngày hôm ấy thực sự có hai hạng người làm công: hạng người muốn có một hợp đồng làm việc với tiền công một xu một ngày, và hạng người không có một hợp đồng đồng ý nhận bất cứ điều gì ông chủ cho là phải. Hạng người làm công đầu tiên khăng khăng mặc cả với chủ.

Điều này giải thích lý do người chủ trả cho công nhân như ông đã làm: Chủ muốn những người được thuê đầu tiên (nhất mực đòi thoả thuận) thấy số tiền ông trả cho

những công nhân được thuê trễ hơn. Đó là cách duy nhất người chủ có thể bày tỏ cho người làm công thấy sự hào phóng của chủ.

Bạn hãy tự đặt mình vào vai trò người làm công được thuê đầu tiên nhưng nhận tiền công cuối cùng. Mỗi người trong số họ được nhận một xu, vì đó là số tiền đã chấp nhận trước khi vào làm việc. Nhưng hãy tưởng tượng họ ngạc nhiên như thế nào khi thấy các công nhân được thuê sau cùng mỗi người nhận một xu! Điều này có nghĩa là mỗi người trong số họ nhận được 12 xu!

Nhưng những người vào làm lúc ba giờ chiều cũng nhận một xu - vì chỉ có ba giờ làm việc thôi. Những người đứng ở cuối hàng nhanh chóng tính lại tiền lương của mình: bốn xu cho một ngày làm việc. Khi người vào làm lúc trưa cũng nhận một xu, điều này cắt giảm đáng kể số tiền công của những người có hợp đồng, vì bây giờ họ sẽ chỉ nhận hai xu.

Nhưng người chủ chỉ trả cho mỗi người một xu tiền công. Dĩ nhiên, họ lăm lăm cùng chủ nhà! Nhưng họ không lý luận gì, vì đã thoả thuận làm việc với tiền công một xu. Họ nhận những gì đã đòi hỏi từ đầu. Nếu tin vào sự công bình của chủ, chắc chắn họ sẽ nhận nhiều hơn. Nhưng họ đã đòi thoả thuận công giá trước khi làm việc.

Bài học dành cho các môn đệ Đấng Christ thật rõ ràng. Chúng ta không nên hầu việc Ngài vì muốn nhận phần thưởng như mong ước, và không nên yêu cầu phải biết những gì chúng ta sẽ nhận. Đức Chúa Trời vô cùng rộng rãi và đầy lòng nhân từ luôn ban cho tốt hơn điều chúng ta đáng được hưởng.

Bây giờ chúng ta có thể hiểu được những hiểm họa đằng sau câu hỏi của Phi-e-rơ chép trong câu 27. Trước hết, nếu thật sự không xứng đáng, chúng ta không nên “tưởng” (Mat 20:10) rằng sẽ nhận được nhiều hơn. Có thể làm công việc của Cha trên trời nhưng đồng thời không lấy lòng tốt làm theo ý muốn của Ngài (Eph 6:6). Nếu chúng ta hầu việc Ngài chỉ vì lợi ích (tạm thời lẫn đời đời), chúng ta sẽ hụt mất những phước hạnh tốt nhất mà Ngài dành ban cho chúng ta. Chúng ta phải nhờ cậy Ngài tuyệt đối và tin rằng Ngài luôn luôn ban cho điều tốt nhất.

Có nguy cơ dẫn đến sự kiêu ngạo. Phi-e-rơ hỏi, “Chúng tôi sẽ được chi?”. Thí dụ này đã cảnh cáo ông ta, “Làm thế nào người biết người sẽ nhận được điều gì?” Hãy coi chừng tính quá tự tin về phần thưởng Đức Chúa Trời sẽ ban cho, vì những kẻ đầu sẽ trở nên rớt! Cũng như vậy, đừng nản chí thất vọng vì những người tự xem mình là “tôi tớ không ra chi” cuối cùng sẽ nhận tiền công trước nhất.

Hãy coi chừng sự nguy hiểm khi nhìn những người làm công khác và so sánh đo lường với họ. Phao lô nhắc nhở chúng ta trong ICo 4:5 “Chớ xét đoán sớm quá”. Chúng ta nhìn thấy người làm và công việc của họ, nhưng Đức Chúa Trời nhìn thấy trong lòng.

Cuối cùng, chúng ta phải coi chừng kéo trách cứ Đức Chúa Trời và cảm thấy mình bị bỏ rơi. Nếu các người làm công nhận việc từ sáng sớm tin cậy và không mặc cả với chủ, chắc chắn chủ đã trả cho họ nhiều hơn. Chủ là người rộng rãi nhưng họ không tin cậy. Họ không thấy vui khi người khác nhận nhiều hơn, thay vào đó họ ganh tị và lăm bằm. Lòng nhân từ của chủ không đem họ đến sự ăn năn Ro 2:4). Điều đó vạch trần bản chất thật trong tâm địa họ: Họ sống vị kỷ! Bất cứ khi nào thấy một tôi tớ lăm bằm, chúng ta biết anh ta không đầu phục trọn vẹn ý muốn của chủ.

#### **4. Chúng ta phải làm rạng danh Ngài (Mat 20:17-34)**

Lần thứ ba, Chúa Giê-xu thông báo với các môn đệ Ngài sẽ bị bắt, bị đóng đinh và sống lại (Mat 16:21-17:22). Trong những lần trước, Ngài không chỉ rõ sẽ chết cách nào. Nhưng lần này Ngài đề cập rõ về thập tự giá. Ngài cũng bày tỏ Ngài sẽ sống lại, nhưng sự điệp của Ngài không thấu đến lòng các môn đệ.

Trái ngược với lời phán về sự chết và đau đớn của Ngài chúng ta nghe thấy lời thỉnh cầu của Gia-cơ, Giăng và mẹ của họ là Sa-lô-mê. Chúa Giê-xu nói về thập tự giá, nhưng họ quan tâm đến địa vị. Họ muốn dành chỗ ngồi quan trọng trong nước Ngài! Chúng ta thấy rõ lòng hờn hỷ của bà Salômê đằng sau lời yêu cầu này, và nỗi thích thú của bà ấy khi tiến cử con của mình cho Chúa.

Trước khi phê phán việc làm của họ, chúng ta hãy lưu ý một số đặc điểm nổi bật trong sự kiện này. Trước hết họ thật sự tin vào lời cầu xin và mạnh dạn tin vào lời Chúa Giê-xu phán hứa về việc ngồi trên các ngai (19:28). Chữ “muôn vật đổi mới” trong câu ấy có nghĩa “sự tạo dựng mới” và ám chỉ đến trời mới đất mới mà Chúa Giê-xu và người theo Ngài sẽ cai trị khi Ngài trở lại trần gian. Chắc chắn về phần họ phải tin rằng Ngài sẽ thiết lập các ngai vinh hiển này, vì Ngài vừa mới cho họ biết rằng Ngài sắp bị đóng đinh.

Nhưng có một vài điểm sai trong lời cầu xin của họ. Bắt đầu từ sự thiếu hiểu biết. Chúa Giê-xu đáp, "Người không hiểu điều mình cầu xin". Bà Sa-lô-mê không nhận biết rằng con đường dẫn đến vinh hiển phải trải qua khó khăn. Gia-cơ là môn đệ đầu tiên tử vì đạo, và Giăng phải sống những ngày gian khổ trên đảo Bát-mô. Cả ba mẹ con đều thích làm theo ý muốn của mình, chớ không theo ý muốn của Đức Chúa Trời, họ muốn đạt được phần thưởng theo cách của mình.

Một yếu tố khác, họ thiếu sự hướng dẫn của Chúa. Họ suy nghĩ theo cách thế gian: Gia-cơ và Giăng muốn “ra oai” với các môn đệ khác theo cách những quan cai trị ngoại bang không được cứu hống hách với thần dân. Lời yêu cầu của họ theo ý muốn xác thịt (hưởng thụ), bởi vì họ đang cầu xin vinh hiển cho riêng mình, chớ không cho Đức Chúa Trời. Rất có thể họ thấy nhẹ nhõm khi bày tỏ với Chúa Giê-xu điều họ mong muốn trước khi Phi-e-rơ thực hiện!

Sau hết, lời yêu cầu này không những thuộc thế gian và xác thịt đời này, nó còn thuộc về ma quỷ. Lời yêu cầu phát sinh bởi lòng kiêu ngạo. Quỷ Sa-tan đã tìm kiếm ngai vị (Es 14:12-15) và thất bại. Quỷ Sa-tan đã dâng cho Chúa Giê-xu một ngai nước nhưng Ngài đã từ chối (Mat 4:8-11). Quỷ Sa-tan thổi phồng cứu cánh (ngai nước) chớ không đá động gì đến cách thức đạt đến cứu cánh ấy. Chúa Giê-xu khuyến cáo Sa-lô-mê và hai con trai của bà rằng ngai vị đặt biệt chỉ dành sẵn cho những người xứng đáng. Không có ngõ tắt nào để vào Nước Đức Chúa Trời cả.

Lời thỉnh cầu này gây cho các môn đệ còn lại “căm giận” - có lẽ vì họ không nghĩ đến điều đó trước! Sự khôn ngoan từ trên cao luôn dẫn đến hoà thuận sự khôn ngoan của thế gian đưa đến tranh cạnh (Gia 3:13-4:3). Ích kỷ chỉ đem lại bất hoà và chia rẽ.

Mỗi bất hoà này tạo cho Chúa Giê-xu có cơ hội dạy các môn đệ bài học thực tế về vai trò lãnh đạo. Trong vương quốc của Ngài, chúng ta không nên theo gương của đời này. Gương noi theo của chúng ta là Chúa Giê-xu, chớ không phải vị chủ tịch tập đoàn hoặc một người nổi tiếng giàu có nào đó. Chúa Giê-xu đến thế gian trong vai trò là tôi tớ vì vậy, chúng ta nên phục vụ lẫn nhau. Ngài đến thế gian để phó sự sống mình do đó chúng ta nên phó sự sống mình để phục vụ Ngài và người khác.

Chữ tôi tớ trong Mat 20:26 có nghĩa đơn giản là “một đầy tớ”. Danh từ “Chấp sự” xuất xứ từ chữ này. Chữ tôi tớ trong Mat 20:27 có nghĩa là “tôi mọi”. Không phải tôi tớ nào cũng là tôi mọi, nhưng tất cả tôi mọi đều là tôi tớ. Trong Hội Thánh ngày nay chúng ta thật buồn khi biết rằng có nhiều người nổi tiếng, nhưng có ít tôi tớ. Nhiều người muốn “cây quyền thế cai trị người khác” (Mat 20:25), nhưng ít người muốn mang khăn bưng chậu rửa chân người khác.

Chìa khoá đạt đến sự cao trọng không tìm thấy ở địa vị hoặc quyền thế, nhưng ở tính chất. Chúng ta đạt được ngôi nước do việc hy sinh cả mạng sống chúng ta chớ không do cầu xin trên môi miệng. Chúng ta phải đặt mình vào địa vị của Chúa Giê-xu Christ trong tâm tình phục vụ chịu khổ, vì chính Ngài cũng không thể đạt được vinh hiển nếu không bởi con đường thập tự giá. Lời chú giải hay nhất cho vấn đề này chép trong Phi 2:1-18.

Để lời cầu xin có giá trị cao hơn, chúng ta phải thêm lên trong sự hầu việc. Nếu chúng ta phục vụ Ngài và anh em mình, chúng ta sẽ không cầu xin theo ý riêng mình cách vị kỷ. Nếu chúng ta thành tâm nói rằng, “Lạy Chúa xin Ngài dạy, kẻ tôi tớ Ngài đang lắng nghe”, lúc ấy Ngài sẽ phán với chúng ta, “Hỡi kẻ tôi tớ hãy nói, Đức Chúa Trời người đang nghe”. Nếu lời cầu xin không làm chúng ta trở nên những tôi tớ tốt hơn, thì có gì đó chưa đúng trong các lời cầu xin ấy.

Lời cầu xin có làm chúng ta dễ dàng sống với người khác không? Hai môn đệ đã cầu xin theo ý riêng mình và biến mối thông công chung trở thành hỗn loạn! Lời cầu xin có khiến chúng ta giống Chúa Giê-xu Christ nhiều hơn không? Lời cầu xin có buộc chúng ta phải trả giá nào không? Cầu xin trong ý muốn Đức Chúa Trời không có nghĩa là sự thoát ly thực tế trong chốc lát nhưng nó hàm chứa hành động cập theo. Nếu lời cầu xin không đem chúng ta đến gần với Thập tự giá hơn, chúng ta đã đi ra ngoài ý muốn của Đức Chúa Trời.

Bà Sa-lô-mê đã kinh nghiệm bài học này. Lúc Chúa Giê-xu bị đóng đinh trên thập tự giá, có bà đứng bên chân thập tự Gi 19:25, “chị em của mẹ Ngài”) và chia sẻ nỗi đau của Cứu Chúa. Bà không thấy hai ngai bên hữu và bên tả Chúa - bà chỉ thấy hai tên cướp trên hai cây thập tự hai bên Chúa. Và bà nghe Chúa Giê-xu giao con trai của bà là Giăng cho Mari mẹ Ngài. Bà bị cáo trách vì tính ích kỷ của mình, và bà yên lặng thuận phục.

Sự kiện kết thúc chương 20 của sách Mathiơ là việc Chúa chữa lành cho Ba-ti-mê và bạn của anh ta cũng bị mù (Mac 10:46-52). Ở đây Chúa Giê-xu thực hành những gì Ngài vừa dạy các môn đệ. Ngài trở nên tôi tớ đối với hai người ăn xin mù bị người khác coi khinh. Đám đông vây quanh Chúa Giê-xu cố tìm cách bảo hai người mù nín thính. Nhưng Chúa Giê-xu đã cảm thương và chữa lành cho họ. Ngài là người phục vụ ngay cả cho kẻ ăn xin.

Chương sách này chứa đựng một số lời dạy khó cho chúng ta chấp nhận và thực hiện. Nếu chúng ta yêu những vật ở thế gian này, chúng ta không thể hết lòng yêu Đức Chúa Trời được. Nếu không hoàn toàn thuận phục ý chỉ Đức Chúa Trời, chúng ta không thể vâng theo Ngài trọn vẹn được. Nếu chúng ta tìm kiếm vinh hiển cho riêng mình, hoặc nếu so sánh mình với anh em khác, chúng ta không thể làm vinh hiển danh Ngài.

Chúng ta không thể nhìn biết Chúa Giê-xu là Vua nếu không yêu kính Ngài hết lòng, vâng lời Ngài trọn vẹn, và hết sức làm sáng danh Ngài. Nếu chúng ta làm được

những điều này, chúng ta được chia phần với Ngài trong sự sống và vui mừng của Ngài, rồi một ngày kia chúng ta sẽ đồng trị vì cùng Ngài!

## **17. SỰ PHÁN XÉT CỦA VUA (Mat 21:1-22:14)**

Bây giờ chúng ta đi vào phần chính yếu thứ tư của Phúc Âm Ma-thi-ơ, “Vua Bị Chối Bỏ”. Trong phần này (Mat 21:1-22:14), Đức Chúa Giê-xu chỉ rõ tội lỗi dân Y-sơ-ra-ên và giải thích tại sao các nhà lãnh đạo giáo hội chối bỏ Ngài và sứ điệp của Ngài.

### **1. Mù lòa thuộc linh (Mat 21:1-11)**

Vì là ngày lễ Vượt Qua cho nên có lẽ có khoảng 2 triệu người bên trong và chung quanh thành Giê-ru-sa-lem. Đây là lần duy nhất trong chức vụ, Chúa Giê-xu thực sự lên kế hoạch bày tỏ mình ra giữa công chúng. Mãi cho đến lúc này, Ngài nghiêm cấm mọi người không được nói Ngài là ai, và Ngài chủ động tránh không xuất hiện ở nơi đông người.

Tại sao Chúa Giê-xu chuẩn bị cho sự bày tỏ này? Trước hết Ngài vâng theo lời Đức Chúa Trời và làm ứng nghiệm lời tiên tri trong Xa 9:9. Có thể lời tiên tri này chỉ dành cho Chúa Giê-xu Christ, vì Ngài là người duy nhất có đủ tiêu chuẩn làm Vua Y-sơ-ra-ên. Thường thường chúng ta không gắn liền con lừa không ra chi với vương quyền, nhưng đây là con vật thuộc hoàng gia của triều đình Do Thái (IVua 2:32). Thực sự có hai con vật được nhắc tới, lừa cái và lừa con. Chúa Giê-xu cỡi trên lưng lừa con và lừa mẹ đi bên cạnh.

Bằng cách so sánh lời trích dẫn của Ma-thi-ơ với nguyên văn lời tiên tri trong Xa-cha-ri, chúng ta thấy một vài sự kiện thú vị. Lời tiên tri của Xa-cha-ri mở đầu bằng, “Hãy mừng rỡ cả thể!” nhưng Ma-thi-ơ lược bỏ phần này. Khi Chúa Giê-xu vào thành Giê-ru-sa-lem, Ngài khóc! Làm thế nào Ngài (hoặc dân chúng) có thể mừng rỡ khi sự đoán phạt đang đến gần?

Ma-thi-ơ cũng bỏ phần “Ngài là công bình và ban sự cứu rỗi.” Cứu Chúa chúng ta vào thành Giê-ru-sa-lem là một cử chỉ của lòng thương xót và nhân từ, chớ không phải là hành động của sự công bình hoặc đoán phạt. Ngài đã ban ơn cứu rỗi họ, nhưng họ từ chối không nhận lấy (Gi 1:11). Dân Y-sơ-ra-ên lại nhìn thấy Vua, Ngài sẽ đến trong đại quyền đại vinh (Kh 19:11).

Con lừa con này chưa được ai cỡi (Mac 11:2), tuy vậy nó bằng lòng mang gánh nặng trên lưng nó. Dĩ nhiên sự hiện diện của lừa mẹ giúp đỡ nó. Nhưng chúng ta nhớ rằng người cỡi lừa là Vua Đấng “có quyền cai trị công việc tay Chúa làm... tất cả loài chiên, bò, chim trời, cá biển và các loài thú rừng”(Thi 8:6-7). Việc Chúa Giê-xu cỡi con vật này và điều khiển nó là một bằng chứng khác chứng minh Vương quyền của Ngài.

Lý do thứ hai giải thích việc Chúa Giê-xu công khai bày tỏ về Ngài giữa đám đông: Điều này buộc các nhà lãnh đạo Do Thái phải hành động. Khi thấy dân chúng tự phát diễu hành, họ kết luận rằng phải giết Chúa Giê-xu (Gi 12:19). Các lời tiên tri trong Thánh Kinh chép rằng Chiên Con Đức Chúa Trời phải bị đóng đinh vào ngày lễ Vượt qua. Cuộc diễu hành của Đấng Christ được nhiều người mến mộ tung hô đã kích động nhà cầm quyền ra tay hành động.

Dân chúng tung hô Chúa Giê-xu là Vua của họ cả bằng lời nói lẫn việc làm. Họ hô to HỒ-SA-NA có nghĩa, “Bây giờ xin hãy cứu vớt!”. Họ trích dẫn lời Kinh Thánh trong Thi 118:25-26, và thi-thiên này chắc chắn nói về Đấng Mê-si-a. Cuối tuần đó,

Chính Chúa Giê-xu nhắc đến thi-thiên này và cho biết thi-thiên ấy nói về chính mình Ngài (Mat 21:42 Thi 118:22-23).

Chúng ta nhớ rằng đám đông dự lễ Vượt Qua bao gồm ít nhất là ba nhóm: Những người Giu-Đa sống ở Giê-ru-sa-lem, đám đông đến từ Ga-li-lê, và những người thấy Chúa Giê-xu kêu La-xa-rô sống lại (Gi 12:17-18). Tin tức về phép lạ này loan đi khắp nơi chắc chắn đã thu hút một đám dân đông như vậy. Dân chúng muốn chính mắt mình trông thấy người thực hiện phép lạ ấy.

Nhưng người Do Thái vẫn không nhận ra Chúa Giê-xu là Vua của họ. Điều gì đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên đui mù thuộc linh như vậy? Trước hết các người dạy đạo đã cất khỏi họ lẽ thật trong lời Đức Chúa Trời và thay vào đó là những lời do con người đặt ra (Lu 11:52). Các bậc lãnh đạo không quan tâm lẽ thật họ chỉ thích bảo vệ lợi ích của riêng họ (Gi 11:47-53). Họ công khai tuyên bố một cách tối tăm cứng cỏi, “Chúng tôi không có Vua nào trừ ra Sê-sa!”. Ngay cả các phép lạ của Chúa cũng không làm họ tin được. Và họ càng chống nghịch lẽ thật bao lâu, họ càng trở nên mù lòa bấy nhiêu (Gi 12:35)

## 2. Đạo đức giả (Mat 21:12-22)

Chúa Giê-xu thực hiện hai hành động đoán phạt: Ngài dẹp sạch đền thờ, và rửa sả cây vả. Cả hai hành động trái ngược với cung cách bình thường trong chức vụ của Ngài, vì Ngài không đến thế gian để đoán xét, nhưng để cứu vớt kẻ có tội (Gi 3:17). Cả hai hành động này nói lên sự giả dối của dân Y-sơ-ra-ên: Đền thờ là hang trộm cướp, và dân tộc (được biểu thị bằng cây vả) không có trái. Sự tham tiền bên trong và sự vô sinh bên ngoài là những bằng chứng cho thấy sự giả dối của họ.

*Dọn sạch đền thờ* (Mat 21:12-16). Chúa Giê-xu cũng có hành động tương tự lúc Ngài bắt đầu thi hành chức vụ (Gi 2:13-25). Bây giờ sau ba năm, đền thờ lại bị ô uế bởi việc “kinh doanh tôn giáo” của các nhà lãnh đạo giáo hội. Họ đã biến Hành Lang Cho Người Ngoại Bang thành chỗ cho người Giu-Đa sống ở nước ngoài có thể đổi tiền và mua bán các con sinh tế. Việc làm lúc đầu như là một dịch vụ thuận tiện cho khách hành hương ở nơi xa đến chẳng bao lâu đã biến thành việc mua bán sinh lợi. Những người buôn bán đã ra giá cắt cổ và không ai có thể cạnh tranh hay phản đối họ được. Các nhà sử học cho chúng ta biết rằng Thầy tế lễ thượng phẩm An-ne là người quản lý sự nghiệp kinh doanh này, có các con trai của ông công tác nữa.

Mục đích của Hành Lang Cho Người Ngoại Bang trong đền thờ nhằm cho “những người ngoại” có cơ hội vào đền thờ để học biết về Đức Chúa Trời Chân thần từ nơi dân Y-sơ-ra-ên. Nhưng sự tồn tại của “chợ tôn giáo” làm cho nhiều người ngoại bang nhạy cảm quay lưng lại với lời làm chứng của người Y-sơ-ra-ên. Hành Lang Dành Cho Người Ngoại Bang được dùng làm nơi buôn bán vụ lợi, chứ không dùng cho công tác truyền giáo.

Khi Chúa Giê-xu gọi đền thờ là “Nhà Ta”, Ngài muốn khẳng định Ngài là Đức Chúa Trời. Khi Ngài gọi đền thờ là “Nhà Ta là nhà cầu nguyện”, Ngài muốn nhắc lại lời tiên tri Es 56:7. Toàn chương thứ 56 của sách Ê-sai tố cáo sự bất trung của các bậc lãnh đạo Y-sơ-ra-ên. Nhóm từ “hang trộm cướp” xuất xứ từ Gie 7:11 và là một phần trong sứ điệp dài mà Giê-rê-mi rao giảng tại cửa đền thờ, quở trách dân sự về những tội giống như Chúa Giê-xu đã thấy và đoán phạt trong thời gian Ngài thi hành chức vụ.

Tại sao Chúa Giê-xu gọi đền thờ là “hang trộm cướp”? Bởi vì nơi những kẻ trộm ẩn náu được gọi là hang. Các nhà lãnh đạo giáo hội và một số người dùng đền thờ và Do-Thái-giáo để che đậy tội lỗi của họ.

Đức Chúa Trời muốn gì trong nhà của Ngài? Đức Chúa Trời muốn có sự cầu nguyện giữa vòng dân sự Ngài (ITi 2:1), vì sự cầu nguyện thật lòng là một dấu chứng cho thấy chúng ta nương dựa nơi Đức Chúa Trời và đức tin chúng ta đặt nơi lời Hằng sống của Ngài. Ngài cũng muốn dân sự được cứu giúp trong nhà Ngài (Mat 21:14). Người có nhu cầu cảm thấy được tôn trọng và tìm được sự nâng đỡ khi có cần. Phải có quyền năng trong nhà Đức Chúa Trời, quyền năng hành động biến đổi cuộc đời con người. Ngợi khen là một đặc điểm khác của nhà Đức Chúa Trời (Mat 21:15-16). Chúa Giê-xu trích dẫn những lời này trong Thi 8:2

**Rửa sả cây vả.** (Mat 21:17-22). Việc Chúa Giê-xu rửa sả cây vả có thể làm chúng ta ngạc nhiên. Cùng một quyền năng đã làm cây khô héo cũng có thể khiến nó sống và sinh nhiều quả. Chắc chắn Chúa Giê-xu không qui tội cho cây vì không sinh trái.

Khi chúng ta xem xét thời gian và địa điểm diễn ra sự kiện này, chúng ta hiểu nó thấu đáo hơn. Chúa Giê-xu tiến gần về thành Giê-ru-sa-lem vào tuần lễ cuối cùng trong chức vụ công khai đối với dân sự của Ngài. Cây vả biểu tượng cho dân tộc Y-sơ-ra-ên (Lu 13:6-9 Gie 8:13 Os 9:10,16). Giống như cây vả này chỉ có lá nhưng không có trái, dân Y-sơ-ra-ên chỉ có hình thức tôn giáo bên ngoài nhưng không có từng trái đức tin kết quả từ nếp sống đạo. Chúa Giê-xu không tức giận cây vả. Trái lại, Ngài dùng cây vả này để dạy dỗ môn đệ Ngài.

Đức Chúa Trời muốn sanh bông trái trong đời sống con cái Ngài. Bông trái là sản phẩm của sự sống. Cây xanh tốt thường thường cho thấy sẽ có trái, nhưng trường hợp này thì không phải. Trong thí dụ cây vả (Lu 13:6-9), người làm vườn dành nhiều thời giờ chăm sóc cây nhưng bây giờ thời gian đã hết. Cây này không đem lại ích lợi và đang choán chỗ.

Qua thí dụ này chúng ta có thể rút ra bài học ích lợi cho cá nhân, trong khi đó ý nghĩa chính yếu dành cho dân Y-sơ-ra-ên. Giờ đoán phạt đã đến. Quan Tòa đã tuyên án phạt, nhưng bản án sẽ không được thực hiện trong vòng 40 năm. Sau đó người La Mã đánh chiếm và phá hủy thành Giê-ru-sa-lem cùng đền thờ và làm cho dân chúng tản lạc.

Chúa Giê-xu dùng sự kiện này để dạy các môn đệ Ngài bài học thực tiễn về đức tin và sự cầu nguyện. Đền thờ phải là “nhà cầu nguyện”, và dân sự phải là một dân tộc tin kính Chúa. Nhưng cả hai điều quan trọng này đều thiếu mất. Cũng vậy, chúng ta nên thức tỉnh về nguy cơ không kết quả.

### **3. Không làm theo Lời Đức Chúa Trời (Mat 21:23-46)**

Cả ba thí dụ này phát sinh do các thầy tế lễ cả và các trưởng lão đòi hỏi Chúa Giê-xu giải thích bởi thẩm quyền nào Ngài đã dẹp sạch đền thờ. Là những người coi sóc đời sống tâm linh của dân sự, họ có quyền nêu câu hỏi này. Nhưng chúng ta ngạc nhiên vì sự dốt nát của họ. Chúa Giê-xu đã bày tỏ cho họ biết về Ngài trong ba năm thi hành chức vụ, nhưng họ vẫn không thấy sự thật. Họ muốn có bằng chứng nhiều hơn.

Ngài không có ý tránh né vấn đề khi nhắc họ nhớ lại chức vụ của Giăng Báp Tít. Giăng Báp Tít đã dọn đường cho Chúa Giê-xu. Nếu các nhà lãnh đạo chấp nhận chức



vụ của Giăng, chắc chắn họ đã nhận Chúa Giê-xu. Thay vào đó, các bậc lãnh đạo tôn giáo đã để cho vua Hê-rốt bắt giam Giăng và giết ông trong ngục. Nếu họ không công nhận thẩm quyền của Giăng, thì họ không thừa nhận thẩm quyền của Chúa Giê-xu Cả Giăng và Chúa Giê-xu đều do Đức Chúa Trời sai đến với họ.

Một nguyên tắc cơ bản trong cuộc sống Cơ đốc nhân đó là chúng ta không thể học biết chân lý mới mẻ nếu không vâng theo những gì Đức Chúa Trời đã phán dặn chúng ta. “Nếu ai khứng làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời, thì sẽ biết đạo lý Ta có phải là bởi Đức Chúa Trời, hay là Ta nói theo ý Ta” (Gi 7:17). Các bậc lãnh đạo giáo hội đã chối bỏ lời rao giảng của Giăng Báp-tít, và vì vậy Chúa Giê-xu không thể bày tỏ cho họ chân lý mới được. Cả Chúa Giê-xu và Giăng Báp-tít đều ở dưới quyền hướng dẫn của Đức Chúa Trời.

**Họ chối bỏ Đức Chúa Cha** (Mat 21:23-32). Dĩ nhiên, vườn nho hình bóng về dân Y-sơ-ra-ên (Es 5:1-30 Thi 80:8-16). Hai người con trai đại diện cho hai tầng lớp người trong dân tộc ấy: những người theo đạo tự cho mình là công bình, và những người thâu thuế cùng kẻ có tội. Khi Giăng đến rao giảng sứ điệp về sự ăn năn, đám đông có đạo tỏ ra thích thú việc Giăng làm, nhưng họ không chịu ăn năn hạ mình để nhận lãnh Báp-têm (Mat 3:7-12 Gi 1:19-28). Tuy vậy, đám người ngoại đạo vâng theo lời giảng dạy của Giăng ăn năn tội lỗi mình và nhận lãnh Báp-têm.

Các nhà lãnh đạo phạm hai tội: Họ không tin sứ điệp của Giăng Báp-tít và không chịu ăn năn tội lỗi của mình. Dĩ nhiên, họ cảm thấy rằng họ không cần phải ăn năn (Lu 18:9-14). Nhưng khi chứng kiến sự ăn năn đã thay đổi những người thâu thuế và kẻ có tội, chắc chắn họ cũng được thuyết phục rằng sứ điệp của Giăng là đúng và sự cứu rỗi có thật. Các nhà lãnh đạo giáo hội cứ tiếp tục khước từ chứng cứ rõ ràng mà Đức Chúa Trời ban cho họ.

Khi từ chối Giăng thực sự họ đã khước từ Đức Chúa Cha Đấng sai người đến. Nhưng Đức Chúa Trời đầy lòng nhân từ, thay vì đoán phạt họ, Ngài sai Con Ngài đến. Điều này dẫn đến thí dụ kế tiếp.

**Họ chối bỏ Đức Chúa Con** (Mat 21:33-46). Chúng ta vẫn còn ở tại vườn nho. Thí dụ này đặt nền tảng trên Es 5:1-7, và qua đó Chúa Giê-xu nhắc cho người Do Thái nhớ rằng Đức Chúa Trời đã đối xử tốt lành với dân sự. Đức Chúa Trời giải cứu họ ra khỏi Ai Cập và đem họ vào trong xứ đượm sữa và mật. Ngài ban cho họ mọi phước hạnh vật chất lẫn tâm linh và chỉ đòi hỏi họ sanh bông trái để làm vinh danh Ngài. Thỉnh thoảng Đức Chúa Trời sai tôi tớ Ngài (các đấng tiên tri) đến cùng dân sự để thu hái kết quả. Nhưng dân sự bạc đãi tôi tớ của Ngài, thậm chí còn giết họ nữa.

Chủ nhà phải làm gì? Có thể Người đã sai quân lính đến tiêu diệt những người gian ác này. Nhưng thay vào đó người sai con trai của người đến với họ. Dĩ nhiên, điều này ám chỉ đến Chúa Giê-xu Christ, Con Đức Chúa Trời. Ngài là “Người kế tự” (He 1:2). Thay vì chấp nhận và tôn quý con, họ quăng con đó ra ngoài vườn và giết đi. Chúa Giê-xu bị đóng đinh “ở ngoài cửa thành” (He 13:12-13), bị chính dân tộc của Ngài chối từ.

Dân chúng bị cuốn hút vào kịch tính của câu chuyện khi lắng nghe thí dụ và không nhận ra rằng họ đã tự kết tội mình. Chúa Giê-xu trích dẫn lời Thi 118:22-23 để giải thích cho họ hiểu rằng Ngài là Người Con đó và các nhà lãnh đạo giáo hội là những người trồng nho (Mat 21:45). Đám đông đã dẫn lời Thánh Kinh trong Thi 118:26 để

tung hô Chúa Giê-xu khi Ngài tiến vào thành Giê-ru-sa-lem, vì vậy lời Kinh Thánh này thật sự sống động trong tâm trí các thầy thông giáo và người Pha-ri-si.

Trong Cựu Ước, người ta thường ám chỉ Đức Chúa Trời như một vầng đá hay tảng đá (Phu 32:4,18,30-31 Thi 18:2,31,46). Hòn Đá cũng là một danh xưng của Đấng Mê-si-a. Đối với dân Y-sơ-ra-ên, Chúa Giê-xu là Hòn Đá vướng mắc (Es 8: 14-15 Ro 9:32-33 ICo 1:23). Dân Y-sơ-ra-ên khước từ Đấng Mê-si-a, nhưng bởi sự chết và sống lại của Ngài, Ngài đã thành lập Hội Thánh. Đối với Hội Thánh, Chúa Giê-xu là Hòn Đá góc nhà (Eph 2:20-22 IPhi 2:4-5). Vào ngày cuối cùng, Chúa Giê-xu sẽ đến như một Hòn đá (Da 2:34) đập và phá hủy các nước ngoại bang, sau đó thiết lập nước vinh hiển của Ngài.

Hẳn nhiên, bậc cầm quyền Do Thái biết lời Kinh Thánh Chúa Giê-xu trích dẫn hàm ý nói về Đấng Mê-si-a. Họ là thợ xây đã loại bỏ hòn đá (Cong 4:11). Kết quả ra sao? Trước tiên Nước Đức Chúa Trời sẽ cất khỏi dân tộc Y-sơ-ra-ên và cho một dân khác, đó là Hội Thánh IPhi 2:9, và hãy lưu ý nội dung các câu 6-10). Những ai chống lại Đá này sẽ bị “giập nát” những người mà Đấng Christ đoán phạt sẽ bị tan tành như bụi.

#### **4. Họ chối bỏ Đức Thánh Linh (Mat 22:1-14)**

Chúng ta không nên nhầm lẫn thí dụ này với thí dụ về bữa tiệc lớn (Lu 14:16-24) cho dù chúng có những yếu tố chung. Một lần nữa chúng ta gặp Người Cha và Người Con Người Con còn sống (cho dù bọn tròng nho đã làm điều gì) và có thêm cô dâu. Lời gọi ý nói về Đức Chúa Giê-xu và Hội Thánh Ngài được miêu tả trong Eph 5:22-33. Giai đoạn được mô tả trong thí dụ này phải xảy ra sau khi Chúa sống lại, thăng thiên về trời và lúc Đức Thánh Linh giáng lâm.

Đức Chúa Cha vẫn đang mời gọi dân tộc Y-sơ-ra-ên đến dự tiệc, mặc dầu họ đã giết Con Ngài. Khi nghiên cứu bảy chương sách đầu tiên của sách Công-vụ, chúng ta khám phá ra rằng Phúc Âm chỉ giảng ra cho người Giu-Đa chớ không cho ai khác (Cong 2:5,10,14,22,36 3:25 6:7). Chương trình của Đức Chúa Trời “trước tiên cho người Giu-Đa” (Ro 1:16 Cong 3:26). Các bậc cầm quyền đất nước phản ứng như thế nào về công việc của Đức Thánh Linh hành động qua các sứ đồ? Họ chối bỏ Lời Đức Chúa Trời và kết án Hội Thánh. Bậc cầm quyền Do Thái đồng ý Hê- rôt giết Giảng Báp Tít, đòi đóng đinh Chúa Giê-xu trên thập tự giá, và cũng chính họ đã ném đá Ê-tiên cho đến chết! Hơn nữa Hê-rôt đã giết Gia-cơ (Cong 12:1).

Trong thí dụ này Nhà Vua đã phản ứng ra sao đối với cách dân chúng đối xử các tôi tớ Ngài? Ngài nổi giận và sai quân lính đến tiêu diệt chúng và đốt phá thành của họ. Rồi Ngài quay sang các dân khác và mời họ đến dự tiệc. Đây là bức tranh Đức Chúa Trời đối đãi dân Y-sơ-ra-ên. Họ chối bỏ Đức Chúa Cha khi không chịu vâng theo lời rao giảng của Giảng Báp Tít. Dân Y-sơ-ra-ên chối bỏ Đức Chúa Con khi bắt và đóng đinh Ngài. Bởi lòng thương xót và nhân từ của Ngài, Đức Chúa Trời sai các sứ giả khác. Đức Thánh Linh giáng trên các tín hữu đầu tiên và họ nhận lãnh quyền năng làm chứng rằng Chúa Giê-xu là Đấng sống và Ngài có thể cứu vớt dân tộc Y-sơ-ra-ên (Cong 2:32-36 3:19-26). Các phép lạ do các tín hữu đầu tiên thực hiện là bằng chứng Đức Chúa Trời đang hành động trong họ và qua họ.

Nhưng dân Y-sơ-ra-ên cũng chối bỏ cả Đức Thánh Linh! Đây là lời Ê-tiên lên án dân sự: “Các ngươi cứ nghịch với Đức Thánh Linh hoài” (Cong 7:51). Do việc dân

chúng ném đá Ê-tiên, Đức Chúa Trời không còn nhịn nhục đối với dân Y-sơ-ra-ên nữa mặc dầu Ngài hoãn cơn đoán phạt gần 40 năm. Trong Cong 8:1-40 chúng ta thấy Phúc Âm được rao giảng trong xứ Sa-ma-ri, và trong 10:1-48, Phúc Âm được đem đến cho dân ngoại..

Theo tôi, sự chối bỏ cuối cùng là “tội nói phạm đến Đức Thánh Linh” mà Chúa Giê-xu đã phán trong Mat 12:22-32. Đây là tội lỗi của một dân tộc, dân Y-sơ-ra-ên đã phạm tội này. Khi chối bỏ Giảng Báp Tít, họ chối bỏ Đấng sai người đến nhưng còn có chức vụ của Đức Chúa Con. Khi chối bỏ Con Đức Chúa Trời, họ được tha thứ vì sự không biết của mình (Lu 23:34 Cong 3:17). Ngày nay không thể tha thứ cho bất cứ tội nhân nào chối bỏ Đấng Christ, vì sự chối bỏ này dẫn đến kết án linh hồn (Gi 3:16-22).

Nhưng vẫn còn công việc của Đức Thánh Linh. Thánh Linh ngự giữa Hội Thánh trong ngày lễ Ngũ Tuần, và các sứ đồ đã làm nhiều dấu kỳ phép lạ (Cong 2:43 He 2:1-4). Các nhà lãnh đạo chối bỏ lời chứng của Đức Thánh Linh, và điều này dẫn đến sự phán xét sau cùng. Họ đã chối bỏ Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh, vậy thì không còn có cơ hội nào khác.

Ngày nay người ta không phạm “tội chống nghịch Đức Thánh Linh” giống như cách dân Y-sơ-ra-ên đã phạm, bởi vì hoàn cảnh khác nhau. Thánh Linh của Đức Chúa Trời đang làm chứng qua thân vị và công việc của Chúa Giê-xu. Chính Đức Thánh Linh cáo trách thế gian về tội lỗi của họ (Gi 16:7-11). Những kẻ vô tín có thể chống lại Đức Thánh Linh (Cong 7:51), nhưng không ai biết được giờ khủng hoảng khi Đức Thánh Linh không còn quan tâm đến tội nhân hư mất.

Các câu Mat 22:11-14 có vẻ giống như phần phụ thêm cho thí dụ, nhưng những câu Kinh Thánh này cực kỳ quan trọng. Áo dự tiệc cưới do chủ tiệc cung cấp để mọi người đều được trang phục lịch sự và người nghèo không cảm thấy xấu hổ. Sự cứu rỗi dành cho từng cá nhân cách riêng tư. Chúng ta phải chấp nhận những điều Đức Chúa Trời ban cho chúng ta - sự công bình của Đấng Christ - và không cố tìm đường riêng cho mình. Vì các thí dụ này đều nhấn mạnh đến một dân tộc, cho nên sự nhấn mạnh đến cá nhân ở phần cuối cùng là rất quan trọng.

Các bậc cầm quyền đã mắc phải chứng bệnh mù lòa thuộc linh, sống cuộc đời đạo đức giả, và cố tình không vâng theo lời Đức Chúa Trời. Thay vì lắng nghe lời cáo trách của Chúa Giê-xu và ăn năn, họ quyết định công kích và cãi lẽ với Ngài. Kết quả của họ là sự phán xét. Chúng ta nên cẩn thận đừng theo gương bất tuân của họ.

## **18. SỰ CHỐNG ĐỠ CỦA NHÀ VUA (Mat 22:15-46)**

Vào ngày thứ ba trong tuần lễ Vượt qua, kẻ thù tìm cách nêu ra nhiều câu hỏi “ẩn ý” để gài bẫy Ngài. Những người này vẫn còn cảm tức vì cách Ngài đánh giá họ qua hàng loạt thí dụ. Ngài phơi bày ý đồ xấu xa của họ và cảnh cáo rằng họ đang tìm cho mình sự xét đoán. Các nhà lãnh đạo giáo hội không thích bị làm nhục trước đám đông. Họ dốc quyết tâm hãm hại Chúa Giê-xu, mong sụp bẫy Ngài trong lời nói để có lý do bắt Ngài.

Nhưng có một lý do khác đối với các câu hỏi này, một lý do mà kẻ thù Ngài không nhận ra. Chúa Giê-xu sắp chịu chết như Chiên Con của Đức Chúa Trời, và việc kiểm tra con chiên kỹ lưỡng trước ngày lễ Vượt Qua là điều cần thiết (Xu 12: 3-6). Nếu phát hiện bất kỳ tí vết gì trên mình con chiên, người ta không thể dâng nó làm của tế lễ.

Chúa Giê-xu đã được kẻ thù của Ngài công khai tra xét, và họ không tìm thấy nơi Ngài có sai sót nào.

Dĩ nhiên, cuộc trao đổi giữa Chúa Giê-xu và các nhà lãnh đạo tôn giáo cũng là cơ hội cho họ tin nhận Chúa và được cứu rỗi. Thực ra, có một thầy thông giáo đã đến rất gần với Nước Đức Chúa Trời (Mac 12:32-34). Thậm chí trong giây phút cuối cùng, vẫn còn hy vọng cho tội nhân hư mất, nếu người đó chấp nhận lẽ thật, ăn năn tội và tin nhận Chúa Giê-xu Christ.

Có bốn câu hỏi được nêu ra trong cuộc đối chất công khai này, trong đó kẻ thù nêu lên ba câu hỏi và câu còn lại do Chúa Giê-xu Christ.

### **1. Câu hỏi có tính chất chính trị về việc nộp thuế (Mat 22:15-22)**

Người Pha-ri-si và phe đảng Hê-rốt thù địch nhau nhưng vì có chung kẻ thù nên họ liên minh với nhau. Người Pha-ri-si chống việc thu thuế do đế quốc La Mã qui định vì:

(1) Họ không muốn phục tùng quyền lực ngoại bang

(2) Hoàng đế được tôn trọng như vị thần và

(3) họ có mục đích sử dụng tiền tốt hơn là giao nó cho người La Mã. Vì ủng hộ vua Hê-rốt nên những người thuộc đảng Hê-rốt tán thành việc nộp thuế. Cuối cùng, Hê-rốt được Hoàng đế Sê-sa ban cho quyền hành không có sự giúp sức của đế quốc La Mã, Hê-rốt chắc chắn sẽ khốn đốn trong việc cai trị.

Pa-les-ti-ne là nước thuộc địa, và người Do Thái không mảy mòi gì với quân xâm lược. Mỗi loại thuế dân nghèo phải nộp là điều nhắc họ nhớ xứ sở họ đang bị nước ngoài cai trị. Đảng Xê-Lốt, một tổ chức của những người Giu-Đa quá khích “hoạt động ngầm” thường tổ chức chống đối đế quốc La Mã. Họ chống lại mọi loại thuế do nhà cầm quyền La Mã đặt ra.

Để dàng thấy tại sao người Pha-ri-si và đảng Hê-rốt chọn việc nộp thuế làm miếng mồi nhử Chúa vào bẫy. Rõ ràng dù Chúa Giê-xu đứng ở phía nào, Ngài cũng tạo ra khó khăn cho chính Ngài và chức vụ của Ngài. Nếu không đồng ý nộp thuế, Ngài sẽ mắc lỗi với chính quyền La Mã. Nếu ưng thuận nộp thuế, Ngài sẽ bị rắc rối với người Giu-Đa.

Chúa Giê-xu thấy ngay âm mưu của họ. Ngài biết mục đích thật sự của họ không nhằm tìm câu trả lời, nhưng tìm phương hãm hại Ngài. Họ chỉ đóng vai là người quan tâm đến việc nộp thuế, và điều này làm họ trở thành bọn đạo đức giả. Chỉ căn cứ vào một yếu tố này không thôi, Ngài có thể từ chối không trả lời cho họ. Nhưng Ngài biết mọi người chung quanh sẽ không hiểu. Đây là dịp tiện để Ngài làm cho kẻ thù Ngài phải ngậm miệng, đồng thời dạy cho dân chúng một bài học thuộc linh quan trọng.

Mỗi nhà cai trị đều đúc đồng tiền và cho in ảnh của mình lên đồng bạc đó. Đồng “xu” (đơ-ni-ê) có mang hình của Sê-sa, vì vậy đồng bạc ấy thuộc về Sê-sa. Chúa Giê-xu đáp, “Hãy trả cho Sê-sa những gì thuộc về Sê-sa, và trả cho Đức Chúa Trời những gì thuộc về Đức Chúa Trời”. Qua câu trả lời tuy đơn giản nhưng sâu sắc này, Chúa Giê-xu dạy một số chân lý quan trọng.

Cơ Đốc nhân phải tôn trọng và vâng theo các bậc cầm quyền. Các phần khác trong Tân Ước cũng dạy dỗ chân lý này (Ro 13:1-14 IPhi 2:13-17 ITi 2:1). Cơ Đốc Nhân có

quyền công dân cả trên trời (Phi 3:20) lẫn dưới đất. Chúng ta phải kính trọng nhà cầm quyền thuộc về thế gian (hoặc những lãnh đạo do dân bầu lên), tuân theo pháp luật, nộp thuế, và cầu nguyện cho hết thảy các bậc chấp chánh.

Cơ đốc nhân phải tôn kính và vâng lời Đức Chúa Trời. Sê-sa không phải là Đức Chúa Trời. Chính quyền không thể ép buộc tôn giáo (Cong 5:29), họ cũng không nên giới hạn sự tự do thờ phượng. Công dân tốt làm rạng danh đất nước mình bởi vì anh ta thờ phượng Đức Chúa Trời.

Con người mang ảnh tượng của Đức Chúa Trời và chịu ơn của Ngài. Hình ảnh của Sê-sa nằm trên đồng bạc nhưng con người mang ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Sa 1:26-27). Tội lỗi đã làm hỏng hình ảnh tốt đẹp của Đức Chúa Trời trong con người, nhưng qua Chúa Giê-xu Christ, con người có thể nhận lại ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Eph 4:24 Col 3:10).

Mối tương quan giữa tôn giáo và chính quyền có tính cách cá nhân và riêng tư. Con cái Đức Chúa Trời có quyền và bổn phận phục vụ trong chính quyền (hãy nhớ trường hợp của Đa-ni-ên và Giô-sép). Nhưng chính quyền kiểm soát Hội Thánh hoặc Hội Thánh chi phối chính quyền là điều sai.

## 2. Câu hỏi về giáo lý sống lại (Mat 22:23-33)

Mặc dầu người Pha-ri-si và phe đảng Hê-rốt đã thua cuộc, nhưng phái Sa-đu-sê tham gia trận chiến và tìm cách công kích Chúa Giê-xu. Hãy nhớ nhóm người này chỉ thừa nhận ngũ kinh Môi-se. Người Sa-đu-sê không tin vào thế giới thần linh hoặc giáo lý sống lại (Cong 23:8). Họ thường thách thức người Pha-ri-si chứng minh giáo lý sống lại qua ngũ kinh Môi-se, nhưng người Pha-ri-si không làm được.

Điều minh họa giả dối của Phái Sa-đu-sê dựa trên luật pháp Do Thái về “hôn nhân làm lưu danh người chết không con” chép trong Phu 25:5-10. (Chữ levirate xuất xứ từ chữ levir trong tiếng La-tinh có nghĩa “người anh em chồng”). Điều đó không có liên quan gì đến chi phái Lê-vi). Mục đích của phong tục này là để lưu danh người chết không có con cái nối dõi. Trong một đất nước như Y-sơ-ra-ên, việc thừa kế gia đình là điều chính yếu, mỗi gia đình phải có người nam nối dõi thật là quan trọng. Mọi người sẽ đánh giá là một kẻ xấu xa khi người đó không chịu giúp xây dựng gia đình cho người anh em đã chết.

Người Sa-đu-sê dùng sự kiện không có người nữ nào có thể có bảy chồng trong cuộc sống đời sau để làm cơ biện hộ cho điều họ không tin vào sự sống lại. Giống như nhiều người ngày hôm nay, họ hình dung cuộc sống đời sau là sự kéo dài của cuộc sống hiện tại - có chăng chỉ là tốt hơn.

Nhưng Chúa Giê-xu phán với họ rằng họ dốt nát. Họ không biết Kinh Thánh, cũng không biết quyền phép của Đức Chúa Trời, suy ra họ thực sự không biết Đức Chúa Trời. Trong cuộc sống đời sau không có nhu cầu lập gia đình bởi vì không còn có sự chết nữa. Do đó không cần phải sinh sản con cái để thay thế những người chết.

Chúa Giê-xu không phán rằng chúng ta sẽ là những thiên sứ khi được vinh hiển trong thiên đàng. Ngài dạy chúng ta sẽ “như các thiên sứ sáng láng”, lúc ấy chúng ta sẽ không có giới tính và không cưới vợ hoặc lấy chồng. Những câu chuyện phiếm chúng ta nghe và những phim hoạt hình chúng ta xem về người chết trở thành thánh thần hoàn toàn sai với Thánh Kinh.

Chúa chúng ta không vui khi bác bỏ quan điểm ngu dại của người Sa-đu-sê về cuộc sống trong tương lai. Ngài cũng muốn trả lời đều họ tuyên bố không có sự sống lại và Ngài chứng minh điều đó qua ngũ kinh Môi-se! Ngài biết rằng họ chỉ chấp nhận các sách do Môi-se viết ra. Ngài nhắc họ nhớ lại lời Đức Chúa Trời phán với Môi-se chép trong Xu 3:6, "Ta là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, Đức Chúa Trời của Gia-cốp." Ngài không phán, "Ta đã là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham..." vì đều đó có nghĩa Áp-ra-ham không còn nữa. Do lời phán "Ta là", cho thấy rõ ba nhân vật đức tin này vào lúc ấy vẫn còn sống. Và bởi sự lặp lại nhiều lần "Đức Chúa Trời của", Chúa muốn phán rằng Ngài biết và yêu thương họ một cá nhân và riêng tư.

Suy đoán về tương lai là điều nguy hiểm. Chúng ta nên yên nghỉ nơi thẩm quyền của Lời Đức Chúa Trời, vì chỉ trong Kinh Thánh chúng ta mới có câu giải đáp cho các thắc mắc của con người về tương lai. Thánh Kinh không nói cho chúng ta biết mọi việc trong cuộc sống tương lai, nhưng Lời Đức Chúa Trời khích lệ và soi sáng cho chúng ta. Chúa Giê-xu trả lời cho những người Sa-đu-sê ngu dại và dốt nát đầy đủ đến nỗi họ phải "cứng họng" (chữ nín thình trong Mat 22:34). Ngay cả đám đông cũng lấy làm lạ và ngạc nhiên về sự dạy dỗ của Ngài.

### 3. Câu hỏi về luân thường đạo lý (Mat 22:34-40)

Có lẽ phe Pha-ri-si thích thú khi thấy đối thủ của họ, người Sa-đu-sê, bối rối. Một thầy dạy luật trong bọn họ biết Chúa Giê-xu đối đáp lưu loát (Mac 12:28) bèn nêu câu hỏi của mình: "Thưa Thầy, trong Luật pháp, điều răn nào là lớn hơn hết?" (Mat 22:36). Chúng ta có đủ lý do để tin rằng người này đặt câu hỏi với lòng thành thật và thái độ khiêm nhường.

Đây không phải là câu hỏi mới, vì các thầy dạy luật đã bàn luận nó trong nhiều thế kỷ. Họ có tài liệu chứng minh cho 613 mệnh lệnh, gồm có 248 điều phải làm và 365 điều phải tránh. Chẳng ai có hy vọng thực hiện trọn vẹn tất cả mệnh lệnh này. Vì vậy, để dễ thực hiện, các chuyên gia luật pháp đã chia các mệnh lệnh ra làm hai phần "ng nghiêm khắc" (quan trọng) và "dễ dãi" (không quan trọng). Một người có thể chuyên làm "những mệnh lệnh nghiêm khắc" và không bận tâm đến những điều tầm thường.

Giải pháp này cho thấy rõ sự nguy hiểm: Bạn chỉ cần phạm một điều luật, dù nghiêm khắc hay dễ dãi, cũng đã đắc tội trước mặt Đức Chúa Trời. "Vì người nào giữ trọn luật pháp, mà phạm một điều răn, thì cũng đáng tội như đã phạm hết thầy." (Gia 2:10).

Chúa Giê-xu trích dẫn chữ "Shema" (Xu 6:4), lời tuyên xưng đức tin nhắc lại mỗi ngày trên môi miệng mọi người Do Thái chính thống. (Chữ "Shema" xuất xứ từ tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa "nghe thấy". Lời xưng nhận đức tin bắt đầu bằng, "Hỡi Y-sơ-ra-ên, Hãy nghe!"). Điều răn lớn nhất là phải yêu mến Chúa Trời với tất cả những gì chúng ta có - tấm lòng, linh hồn, tâm trí, sức lực, của cải, sự phục vụ. Yêu mến Đức Chúa Trời không phải "có thiện cảm với Ngài", vì tình yêu thật bao gồm cả ý chí lẫn con tim. Nơi đâu có tình yêu, nơi đó sẽ có tâm tình phục vụ và vâng lời.

Nhưng chúng ta không thể tách rời lòng yêu mến Đức Chúa Trời ra khỏi tình yêu thương tha nhân vì vậy Chúa Giê-xu cũng trích dẫn Le 19:18 và liệt nó ngang bằng với kinh Shema. Tất cả Luật Pháp và Lời Tiên tri đều dựa trên nền tảng của hai điều răn này. Chúng ta có thể ghi nhận thêm rằng lời giảng dạy trong các thơ tín Tân Ước hiệp

với lời tuyên bố này. Nếu một người thật sự yêu mến Đức Chúa Trời, người đó cũng phải yêu mến anh em và người lân cận mình (IGi 3:10-18 4:7-21).

Nếu có mối tương giao đúng đắn với Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ không phạm điều răn của Ngài. Tình yêu là nền tảng cho sự vâng lời. Thật ra, tất cả mệnh lệnh và điều răn đều tóm tắt trong sự yêu thương (Ro 13:8-10). Nếu chúng ta yêu mến Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ yêu tha nhân và nếu yêu người lân cận, chúng ta sẽ không muốn làm điều gì có hại đến họ.

Nhưng Chúa Giê-xu muốn đem đến ý nghĩa sâu xa hơn khi truyền đạt câu trả lời lạ lùng này. Dân Do Thái sợ việc thờ lạy thần tượng. Khi Chúa Giê-xu tuyên bố Ngài là Đức Chúa Trời, họ phản đối vì không thể tin việc thờ lạy một vật thọ tạo là đúng. Chúa Giê-xu công nhận sự thờ phượng và không trách phạt những ai tôn kính Ngài. Điều này có phải thờ thần tượng không? Không, vì Ngài là Đức Chúa Trời! Nhưng nếu Luật Pháp đòi hỏi chúng ta yêu mến Đức Chúa Trời và người lân cận, thì người Do Thái yêu mến Chúa Giê-xu không có gì sai cả. Nhưng thay vào đó họ lập mưu giết Ngài. Một ngày nọ, Ngày đã phán với họ, “Nếu Đức Chúa Trời là Cha các ngươi, thì các ngươi sẽ yêu mến Ta...” (Gi 8:42). Họ chấp nhận quyền của Luật Pháp, tuy nhiên đòi sống họ không vâng theo lời dạy của Luật Pháp.

Thầy thông giáo người đã nêu câu hỏi về nguồn gốc của điều răn dường như là người khiêm nhường và thành thật. Không phải tất cả người Pha-ri-si đều là đạo đức giả. Ông ta công khai đồng ý với Chúa Giê-xu (Mac 12:32-33). Điều này chắc chắn làm cho bạn hữu trong giới Pha-ri-si của ông ta một phen hoảng sợ. Chúa Giê-xu biết rõ người đàn ông này có lòng thành thật, và Ngài khen ngợi trí khôn ngoan và tính khiêm nhường của ông ta. Vậy ông ta có đi trọn con đường để vào Nước Trời khi tiến đến gần tới đích? Chúng ta tin rằng đúng như vậy.

Chúa Giê-xu đã trả lời ba câu hỏi khó. Ngài giải quyết mối quan hệ giữa tôn giáo và bậc cầm quyền, giữa cuộc sống đời này và đời sau, giữa Đức Chúa Trời và người lân cận. Đây là những mối quan hệ thiết yếu, và chúng ta không thể làm ngơ trước lời dạy dỗ của Chúa. Nhưng có một câu hỏi quan trọng hơn những câu hỏi nêu trên mà Chúa Giê-xu đã chất vấn kẻ nghịch lại Ngài.

#### **4. Câu hỏi cá nhân về Đấng Mê-si-a (Mat 22:41-46)**

Chúa Giê-xu không diễn đạt câu hỏi này giống như Ngài đã hỏi các môn đệ, “Còn các ngươi thì xưng Ta là ai?” (Mat 16:15). Đã từng biện luận với Ngài nên những người này không đồng tình với mục đích của Ngài, họ cũng không thành thật trong việc thẩm định đúng về Ngài. Chúa Giê-xu phải gợi ý gián tiếp với kẻ chống đối Ngài. Ngài đưa ra vấn đề như một câu hỏi về thần học, trong khi đó lại là câu quan trọng nhất cho mỗi cá nhân mà họ chưa bao giờ đối diện.

Ngài hỏi họ, “Về Đấng Christ, các ngươi nghĩ thế nào?”. Là những học giả uyên bác về Luật pháp, họ biết câu trả lời: “Ngài là Con Vua Đa-vít.” Nếu được hỏi, có thể họ đã liên hệ đến nhiều chương đoạn trong Kinh Thánh Cựu Ước bao gồm IISa 7:12-13 Thi 78:68-72 Mi 5:2. Một khi họ đã trả lời câu hỏi của Ngài, Chúa Giê-xu nêu tiếp câu hỏi thứ hai, câu hỏi này được trích trong Thi 110:1 - “Chúa (Đức Giê-Hô-Va) phán cùng Chúa tôi rằng: 'Hãy ngồi bên hữu Ta, cho đến khi nào Ta để kẻ thù nghịch ngươi dưới chân ngươi'”.

Mọi học giả Do Thái chính thống đều giải nghĩa câu Kinh Thánh này nhằm vào Đấng Mê-si-a-a. Chỉ có Đấng Mê-si-a-a mới có thể ngồi bên hữu Giê-Hô-Va Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu tin vào thần cảm và sự chính xác của Lời Kinh Thánh Cựu Ước, vì Ngài phán rằng Vua Đa-vít nói những lời này “theo sự cảm động của Chúa Thánh Linh” (Mat 22:43). Không ai dám nghi ngờ về sự chính xác và uy quyền của nội dung câu Kinh Thánh trên.

Chúa Giê-xu hỏi, “Nếu Đấng Mê-si-a là Con Vua Đa-vít, thì làm thế nào Đấng Mê-si-a lại có thể làm Chúa của Vua Đa-vít được?”. Chỉ có một cách giải đáp cho câu hỏi này. Là Đức Chúa Trời, Đấng Mê-si-a là Chúa của Vua Đa-vít là con người, Ngài là Con của Vua ấy. Ngài là “chồi và hậu tự của Đa-vít” (Kh 22:16). Thi 110:1 dạy chúng ta biết về thần tánh và nhân tánh của Đức Chúa Giê-xu. Ngài là Chúa của Vua Đa-vít đồng thời cũng là Con vua ấy.

Trong thời gian thi hành chức vụ trên đất, Chúa Giê-xu thường chấp nhận tước hiệu “Con Vua Đa-vít” (Mat 9:27 12:23 15:22 20:30-31 21:9,15). Các nhà lãnh đạo đã nghe đám đông tung hô Ngài là “Con Vua Đa-vít” khi Ngài cỡi lừa vào thành Giê-ru-sa-lem. Việc Ngài công nhận tước hiệu này là bằng chứng Chúa Giê-xu biết chính Ngài là Đấng Mê-si-a, Con Đức Chúa Trời. Là Đức Chúa Trời, Chúa Giê-xu là Chúa của Vua Đa-vít nhưng là người, Ngài là Con vua ấy, vì Ngài sinh ra trong dòng dõi Đa-vít (Mat 1:1,20).

Trong thời ấy các học giả không phân biệt rõ ràng về Đấng Mê-si-a. Họ thấy hai hình ảnh về Đấng mê-si-a trong Cựu Ước và họ không thể nào dung hòa được hai hình ảnh ấy. Một hình ảnh nói đến sự đau khổ của người đầy tớ, một hình ảnh khác nói đến một quân vương đắc thắng và đang trị vì. Có hai Đấng Mê-si-a sao? Làm thế nào tội tớ của Đức Chúa Trời lại chịu đau đớn và bị chết được? (IPhi 1:10-12).

Nếu chịu lắng nghe lời Chúa Giê-xu phán dạy, ắt họ đã biết chỉ có một Đấng Mê-si, và chính Ngài có hai bản thể thần tính và nhân tính. Vì có gánh thay tội lỗi Ngài chịu khổ và chết như một con sinh tể. Rồi Ngài đắc thắng sự chết và sống lại, và một ngày kia Ngài sẽ trở lại để chiến thắng kẻ thù nghịch Ngài. Tuy nhiên, các nhà lãnh đạo giáo hội có suy nghĩ riêng của mình, họ không muốn thay đổi quan điểm. Nếu nghe theo lời giảng dạy của Ngài, chắc chắn họ nhìn nhận Ngài là Đấng Christ và đây là điều họ không sẵn lòng.

Kết quả là kẻ thù nghịch Ngài phải lạng thình trong cuộc đối thoại ngày hôm ấy. Họ không dám hỏi Ngài điều gì nữa, không phải vì họ đã tin vào lẽ thật, nhưng vì họ sợ phải đối diện với lẽ thật. “Họ không dám hỏi Ngài câu nào nữa” (Lu 20:40). Nhưng họ cũng không có can đảm đối diện với chân lý để có hành động phù hợp.

Nhìn nhận Chúa Giê-xu Christ là vấn đề sinh tử. Chúng có đã rõ ràng cho tất cả mọi người xem xét. Có thể chúng ta cố chấp khi tìm hiểu điều đó để rồi lạc mất chân lý. Hoặc chúng ta thành tâm và khiêm nhường tra xét để rồi khám phá ra chân lý cứu rỗi, chúng ta tin nhận và được cứu. Các bậc lãnh đạo giáo hội bị mù loà nặng nề vì lời truyền thống, địa vị, và tấm lòng ích kỷ kiêu ngạo đến nỗi không thể - và sẽ không - nhìn thấy lẽ thật và tiếp nhận lẽ thật.

Ngày nay chúng ta không dám phạm phải sai lầm tương tự.

## **19. NHÀ VUA CÔNG KÍCH (Mat 23:1-39)**



Đây là sứ điệp cuối cùng Chúa rao giảng giữa vòng dân chúng. Đó là lời lên án nặng nề nhắm vào tôn giáo sai lầm được ngụy trang dưới lớp vỏ lễ thật. Rất có thể có một số thường dân sững sốt trước lời dạy của Ngài, vì họ xem người Pha-ri-si là những người mô phạm.

Có lẽ chúng ta nên tự nhắc nhở không phải tất cả mọi người Pha-ri-si đều đạo đức giả. Vào thời đó có khoảng 6.000 người Pha-ri-si, có nhiều người là “môn đệ tin theo Chúa Giê-xu” nhưng không thường xuyên nhóm họp. Hầu hết người Pha-ri-si đều là những nhà buôn thuộc giai cấp trung lưu và rất có thể họ đã thành thật trong việc tìm kiếm chân lý và sự thánh sạch. Danh xưng “Pha-ri-si” xuất xứ từ một thuật ngữ có nghĩa “biệt riêng ra”. Người Pha-ri-si biệt lập với dân ngoại, tránh xa những người Do Thái “ô uế” không làm theo Luật pháp (đó là “hạng thuế và người có tội” (Lu 15:1-2), và bất cứ người nào chống lại truyền thống lâu đời đang chi phối cuộc sống của họ.

Trong vòng phe Pha-ri-si có vài người thật sự tìm kiếm lẽ đạo thuộc linh. Ni-cô-đem (Gi 3:1-36 7:50-53), Giô-sép người A-ri-ma-thê (Gi 19:38), và một người không nêu tên được ghi lại trong Mac 12:32-34 kín đáo theo Chúa. Ngay cả Ga-ma-li-ên cũng bày tỏ lòng bao dung đối với Hội Thánh mới thành lập (Cong 5:34). Nhưng hầu hết người Pha-ri-si dùng tôn giáo của họ để tiến thân và thâu góp của cải vật chất. Không có gì đáng ngạc nhiên khi Chúa Giê-xu công kích họ. Hãy lưu ý ba phần trong sứ điệp này.

## 1. Lời giải thích cho đoàn dân (Mat 23:1-12)

Trong phần này, Chúa Giê-xu giải thích những sai lầm cơ bản trong tôn giáo của người Pha-ri-si.

**Họ Có Khái Niệm Sai Về Sự Công Bình** (Mat 23:2-3). Trước hết họ nắm lấy quyền hạn không thuộc về mình. “Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si đều ngồi trên ngôi của Môi-se...”, bản dịch theo nghĩa đen. Trong Kinh Thánh không có chỗ nào chép Đức Chúa Trời ban cho nhóm người này bất cứ quyền hạn gì. Quyền hạn duy nhất họ có được là Lời Đức Chúa Trời. Vì vậy, dân chúng vâng theo mọi điều người Pha-ri-si giảng dạy qua Kinh Thánh. Nhưng dân chúng không phải vâng theo các truyền thống tập tục và những luật lệ do con người đặt ra.

Đối với người Pha-ri-si, công bình có nghĩa là tuân theo Luật pháp của Đức Chúa bằng hình thức bên ngoài. Họ làm ngơ tình trạng thật bên trong lòng. Tôn giáo bao gồm việc vâng theo vô số điều luật chi phối mọi chi tiết của cuộc sống, bao gồm cả những gì bạn làm với những gia vị trong tủ thức ăn của bạn (Mat 23:23-24). Người Pha-ri-si cẩn thận trong lời nói lời và theo những nghi lễ chuẩn mực, nhưng trong lòng họ không vâng theo Luật pháp. Đức Chúa Trời muốn sự chân thật nơi bề trong (Thi 51:6). Giảng dạy không đi đôi với thực hành chỉ là công việc giả dối.

**Họ Có Khái Niệm Sai Lầm Về Chức Vụ** (Mat 23:4). Đối với họ, thi hành chức vụ có nghĩa là truyền luật lệ cho dân chúng và buộc thêm gánh nặng trên vai người ta. Nói cách khác, người Pha-ri-si đặt khó khăn trên người khác nhiều hơn trên chính họ. Chúa Giê-xu đến để cất đi gánh nặng của con người (Mat 11:28-30), nhưng tôn giáo theo luật pháp luôn làm cho gánh nặng thêm bí đất hơn. Chúa Giê-xu chẳng hề đòi hỏi chúng ta làm bất cứ điều gì mà Ngài không làm trước. Người Pha-ri-si ra lệnh

người khác làm, nhưng họ không tham gia vào. Họ là người chuyên quyền trong tôn giáo, chớ không phải là người dẫn dắt thuộc linh.

*Họ Có Khái Niệm Sai Lầm Về Sự Cao Trọng* (Mat 23:5-12). Theo họ, thành công là được mọi người nhận biết và kính trọng. Họ không quan tâm đến sự chấp nhận của Đức Chúa Trời. Họ dùng tôn giáo để gây ảnh hưởng, chớ không làm sáng danh Đức Chúa Trời (Mat 5:16). Điều này còn có nghĩa tôn giáo được dùng làm đồ trang sức để phô diễn lòng mộ đạo của họ. “Những hộp kinh của người Do Thái” là những chiếc hộp làm bằng da được người Pha-ri-si đặt các phần Kinh Thánh vào trong đó. Họ đeo các chiếc hộp ấy trên trán hoặc trên tay, theo như lời dạy trong Phu 6:8 và 1:18. Họ cũng kéo dài thêm kích thước của “các tua” trên ché áo của họ (Dan 15:38 Mat 9:20).

Người Pha-ri-si cũng cho rằng địa vị là một dấu chỉ về sự cao trọng, vì vậy họ tìm chỗ ngồi cao nhất trong nhà hội và tại các bữa ăn đông người. Chỗ ngồi không có liên quan gì đến bản thân người ngồi. Albert Einstein viết, “Đừng cố sức trở thành một người thành đạt, nhưng tốt hơn nên trở thành người có giá trị.”

Họ cũng nghĩ rằng các danh xưng cao quý là dấu hiệu của sự cao trọng. Tước hiệu “Ra-bi” có nghĩa là “người vĩ đại của tôi” và các nhà lãnh đạo giáo hội thêm thường danh xưng này. (Ngày nay các bậc lãnh đạo giáo hội thích thú học vị tiến sĩ danh dự). Chúa Giê-xu cấm các môn đệ dùng danh xưng Ra-bi vì tất cả họ đều là anh em, và chỉ một mình Chúa Giê-xu là Thầy của họ mà thôi (“Chủ” trong c.8). Giữa vòng con cái Đức Chúa Trời có sự bình đẳng về mặt thuộc linh, dưới quyền tể trị của Chúa Giê-xu Christ.

Chúa Giê-xu cũng cấm họ dùng danh xưng cha có liên hệ đến phạm vi thuộc linh. Xưng hô với người cha về phần xác bằng tên gọi ấy chắc chắn là điều không sai, nhưng gọi một nhà lãnh đạo thuộc linh là cha là điều sai. Thánh Phao-lô tự ám chỉ là ông là “người cha thuộc linh” vì ông đã dùng Phúc Âm mà sanh con cái Chúa trong Chúa Giê-xu Christ (ICo 4:15). Nhưng Phao lô không yêu cầu họ dùng thuật ngữ này để gọi ông.

Danh xưng thứ ba Chúa Giê-xu cấm sử dụng đó là Chủ (c.10), từ đó mang nghĩa “người hướng dẫn, người giáo huấn, người lãnh đạo.” Từ này không giống với từ được dịch là “Thầy” ở câu 8 trong bản King James. Chữ Thầy đó có nghĩa “người thầy”, trong khi chữ ở đây có nghĩa “người đi trước và hướng dẫn”. Có lẽ từ tương đương trong ngôn ngữ hiện đại là “thẩm quyền”. Đức Chúa Trời đã đặt để các bậc lãnh đạo trong Hội Thánh, nhưng họ không được thay thế Đức Chúa Trời trong đời sống chúng ta. Một người lãnh đạo thuộc linh thật trực tiếp đưa bày chiên của mình vào tự do và mối tương giao mật thiết với Đấng Christ, chớ không đưa họ vào sự ràng buộc với ý tưởng và tin lý của mình.

Sự cao trọng thật tìm thấy trong khi hầu việc người khác, chớ không buộc người ta phục vụ mình (Gi 3:30 13:12-17). Con người không tạo ra được sự cao trọng thật nó chỉ đến từ Đức Chúa Trời khi chúng ta vâng lời Ngài. Nếu chúng ta tự tôn mình lên, Đức Chúa Trời sẽ hạ chúng ta xuống. Nhưng nếu chúng ta tự hạ mình xuống, đến lúc thuận tiện Đức Chúa Trời sẽ nhắc chúng ta lên (IPhi 5:6).

## **2. Quả trách người Pha-ri-si (Mat 23:13-36)**

Chúng ta không nên đọc các lời quả trách với ý nghĩ Chúa Giê-xu không kiềm chế nổi giận dữ. Quả thật Ngài có tức giận tội lỗi của họ, và những tội lỗi họ gây ra cho

dân sự. Nhưng thái độ của Ngài là nỗi đau buồn vì tội lỗi của người Pha-ri-si và vì họ đui mù không nhìn thấy lẽ thật của Đức Chúa Trời.

Có lẽ cách tốt nhất khi giải thích tám “lời quở trách” này là phải đối chiếu với tám phước lành chép trong Mat 5:1-12. Trong Bài Giảng Trên Núi Chúa mô tả sự công bình thật trong phân đoạn này Ngài nói đến sự công bình giả.

**Vào Nước thiên đàng - đóng cửa Nước thiên đàng** (Mat 23:13 5:3). Người có lòng khó khăn vào Nước thiên đàng, nhưng kẻ có lòng kiêu ngạo không vào Nước thiên đàng và còn ngăn trở người khác nữa. Động từ trong tiếng Hi-Lạp cho thấy con người đang cố công ngăn cấm người khác. Chính bạn không vào Nước Đức Chúa Trời là điều đáng buồn nhưng khi bạn ngăn trở không cho người khác vào đó là điều đáng buồn hơn. Bằng cách dạy những lời truyền khẩu do con người đặt ra thay cho lẽ thật của Đức Chúa Trời, người Pha-ri-si “đã đoạt lấy chìa khóa của sự biết” và đóng cánh cửa đi vào sự cứu rỗi (Lu 11:52).

**Những kẻ than khóc được yên ủi - những kẻ phá hủy bị đoán phạt** (Mat 23:14 5:4). Câu này không có chép trong sách Ma-thi-ơ, nhưng có chép trong Phúc Âm Mac 12:40 và Lu 20:47. Thay vì than khóc vì tội lỗi của mình, và than khóc với các bà góa thiếu thốn, người Pha-ri-si lợi dụng dân chúng để cướp bóc. Họ dùng tôn giáo làm “áo choàng che đậy sự tham muốn” (ITe 2:5).

**Người nhu mì hưởng được đất - kẻ kiêu ngạo linh hồn bị quăng vào trong địa ngục** (Mat 23:15 5:5). Người qui đạo là người cải tâm theo một tôn giáo. Người Pha-ri-si ra đi chinh phục người khác trở lại với hệ thống giáo luật của họ, tuy nhiên họ không thể giới thiệu những người này cho Đức Chúa Trời hằng sống. Thay vì cứu rỗi linh hồn, người Pha-ri-si kết án linh hồn!

“Đứa con của địa ngục” đồng nghĩa với “đứa con của quỷ”, đó là từ Chúa Giê-xu dùng để gọi người Pha-ri-si (Gi 8:44 Mat 12:34 23:33). “Đứa con của ma quỷ” là người chối bỏ phương cách cứu rỗi của Đức Chúa Trời (sự xưng công bình bởi đức tin nơi Đấng Christ). Con người này chỉ phô trương sự công bình riêng của mình tùy thuộc vào hệ thống tôn giáo. Người trở lại đạo thường thường bày tỏ lòng hăng say hơn hẳn người hướng dẫn mình, và sự “tận tụy gấp đôi” này chỉ sinh ra án phạt gấp đôi. Thật là một thảm kịch khi người ta nghĩ rằng mình đang vào thiên đàng trong khi thực sự họ đang tiến dần vào sự hư mất!.

**Đói khát sự công bình - tham lam lợi lộc** (Mat 23:16-22 5:6). “những người chỉ đường mù” là cách mô tả đầy đủ, lời mô tả chắc chắn làm cho người nghe phải bật cười. Trước đây Chúa Giê-xu đã dùng cách mô tả này (Mat 15:14). Người Pha-ri-si không thấy chân giá trị của sự sống. Họ đã lẫn lộn những ưu tiên trong đời sống của mình. Họ thề thốt và dùng vật thánh để chứng minh cho lời thề đó - chẳng hạn vàng trong đền thờ hoặc của lễ dâng trên bàn thờ. Nhưng họ không chỉ đền thờ hoặc bàn thờ để thề. Chính đền thờ làm cho vàng nên thánh và bàn thờ làm cho của lễ nên thánh. Họ đang để Đức Chúa Trời ra ngoài những ưu tiên trong đời sống.

Chúa Giê-xu biết rằng người Pha-ri-si muốn có cả vàng lẫn của lễ trên bàn thờ. Đây là lý do người Pha-ri-si thực hành luật “Co-ban” - bất kỳ vật gì dâng cho Đức Chúa Trời không thể đem cho người khác (Mac 7:10-13 Mat 15:1-9). Họ không tìm kiếm sự công bình của Đức Chúa Trời chỉ ham lợi lộc vật chất. Họ triển khai một “hệ thống tôn giáo” cho phép họ ăn cắp những điều thuộc về Đức Chúa Trời và người khác mà vẫn giữ được thanh danh.

**Được thương xót - từ chối sự thương xót** (23:23-24 5:7). Người Pha-ri-si tập trung vào những điều nhỏ nhặt. Họ đặt ra các qui định cho mọi lãnh vực chi li trong cuộc sống, trong khi đó họ quên những điều quan trọng. Thường thường các thầy dạy luật là những người khắc khe đến từng chi tiết nhỏ nhặt, nhưng không nhìn thấy những nguyên tắc lớn lao. Đám đông này không nghĩ gì về việc lên án một người vô tội, tuy vậy họ lại sợ không dám đi vào trường án Phi-lát vì sợ bị ô uế (Gi 18:28).

Không có thắc mắc nào nói lên rằng Kinh Thánh Cựu Ước đã đòi hỏi của dâng phần mười (Le 27:30 Phu 14:22). Áp-ra-ham đã dâng phần mười từ lâu trước khi có luật lệ này (Sa 14:20), và Gia-cốp theo gương ông nội mình (Sa 28:20-22). Các nguyên tắc dâng hiến Cơ đốc dưới thời ân điển được chép trong IICo 8:1-9:15. Chúng ta không chỉ vui lòng dâng một phần mười (10%), nhưng cũng muốn dâng cho Chúa những của dâng vì lòng đầy dẫy tình yêu Chúa.

Công lý, thương xót và thành tín là những phẩm chất quan trọng mà Đức Chúa Trời tìm kiếm. Không thể thay thế bằng việc vâng theo các luật lệ. Lưu tâm đến các chi tiết là điều tốt, nhưng chúng ta đừng bao giờ đánh mất nhận thức về những ưu tiên trong lãnh vực thuộc linh. Chúa Giê-xu không lên án việc dâng phần mười. Nhưng Ngài cáo trách những người để cho sự đắn đo về luật pháp ngăn trở họ không phát triển được đặc tính Cơ đốc nhân thật.

**Lòng trong sạch - lòng dơ dáy** (Mat 23:25-28 5:8). Chúa Giê-xu dùng hai hình ảnh minh họa: bát đĩa, và ngôi cổ mộ. Cả hai hình ảnh nói lên cùng một chân lý: Có thể bên ngoài sạch sẽ nhưng bên trong lại dơ dáy. Hãy tưởng tượng chúng ta đang sử dụng những bát đĩa bị dơ! Bất cứ món gì bỏ vào trong đĩa hay chén cũng thành ra dơ nhớp. Người Pha-ri-si cẩn thận giữ bề ngoài rất sạch, bởi vì đó là phần con người nhìn thấy và họ muốn mọi người khen ngợi. Nhưng Đức Chúa Trời nhìn thấy trong lòng (ISa 16:7). Khi Đức Chúa Trời nhìn người bề trong, Ngài thấy “sự tham nhũng và quá độ” (c.25, BDY).

Người Do Thái cẩn thận không đụng đến xác chết hoặc bất cứ vật gì có liên quan đến người chết, vì họ sẽ bị ô uế (Dan 19:11). Họ tô trắng mồ mả để có ai đó khỏi tình cờ đụng phải, đặc biệt điều này được thực hiện tại kỳ lễ Vượt qua. Quả thật là một hình ảnh giả nhân giả nghĩa: tô trắng thật sạch đẹp bên ngoài nhưng bên trong đầy dẫy xương người chết và mọi thứ dơ dáy!

Cứu Chúa chúng ta hứa, "Phước cho kẻ có lòng trong sạch". "Khá cẩn thận giữ tấm lòng con hơn hết, vì các nguồn sự sống do nơi nó mà ra" (Ch 4:23). Ông D.L. Moody thường nói, "Nếu tôi chăm chút bản tính của mình, tiếng thom của tôi sẽ tự lan ra". Người Pha-ri-si sống để được danh tiếng, chớ không muốn có nhân cách tốt.

**Người hòa giải và chịu bắt bớ là con cái Đức Chúa Trời - những kẻ buộc tội người khác là con cái ma quỷ** (Mat 23:29-33 5:9-12). Khi Chúa Giê-xu gọi người Pha-ri-si là “loài rắn...dòng dõi rắn lục”, Ngài đang coi họ giống hệt quỷ Sa-tan là con rắn (Sa 3:1). Trong thí dụ về cỏ lùng, Chúa Giê-xu phán rõ rằng quỷ Sa-tan có một gia đình (Mat 13:38). Sa-tan là kẻ giết người và nói dối (Gi 8:44), và con cái Sa-tan sống theo gương nó. Người Pha-ri-si là kẻ nói dối (Mat 23:30) và giết người (23:34).

Đối với Pha-ri-si việc xây dựng, tôn tạo và tô điểm mồ mả các người tử vì đạo là công việc theo tập tục. Nhưng chính “tổ phụ của họ” đã giết các thánh tử đạo! Dĩ nhiên không phải tổ tiên về phần xác của họ, nhưng “tổ tiên về phần thiêng liêng” - những kẻ giả nhân giả nghĩa trong các thời trước.

Trên thế giới luôn có môn đệ giả, bắt đầu là Ca-in (Sa 4:1-15 IGi 3:10-15). Người Pha-ri-si và phe đảng của họ phạm tội đổ huyết công bình vì có “tôn giáo”. Người tử đạo đầu tiên trong Thánh Kinh Cựu Ước là A-bên (Sa 4:1-26), và thánh tử đạo sau cùng được ghi lại trong Cựu Ước là tiên tri Xa-cha-ri (IISu 24:20-22) - Kinh Thánh Hê-bơ-rơ kết thúc bằng sách Sử-ký thứ nhì, chớ không phải sách Ma-la-chi.)

Quá trình lịch sử của tội giết người sẽ đem lại kết quả gì? Đó là cơn đoán phạt khủng khiếp! “Dòng dõi này” (“dòng dõi răn phạt”, Mat 22:33) sẽ gánh chịu cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời khi chén tội ác đã đầy (Mat 22:32 Sa 15:16). Một vài cơn đoán phạt đã xảy ra khi thành Giê-ru-sa-lem bị phá hủy, và các cơn đoán phạt còn lại sẽ được thi hành trong cõi đời đời.

Khi ôn lại các lời Chúa chúng ta quở trách, chúng ta có thể hiểu tại sao người Pha-ri-si là kẻ thù nghịch Ngài. Ngài coi trọng người bề trong họ quan tâm người bề ngoài. Ngài dạy một nếp sống thuộc linh dựa trên các nguyên tắc đạo lý, trong khi đó người Pha-ri-si tập trung vào việc giữ các luật lệ và lễ nghi tôn giáo. Chúa Giê-xu đánh giá thuộc linh theo bản chất trong khi đó người Pha-ri-si đo lường mức độ thiêng liêng qua các hoạt động tôn giáo và sự tuân giữ các luật lệ mắt thấy. Chúa Giê-xu dạy sống khiêm nhường và hy sinh phục vụ nhưng người Pha-ri-si kiêu ngạo và dùng người khác để hoàn thành mục đích riêng của họ. Đời sống thánh khiết của Chúa Giê-xu lột trần lòng sùng đạo giả tạo và tôn giáo hời hợt của họ. Thay vì ra khỏi chốn tối tăm, người Pha-ri-si tìm cách dập tắt Ánh Sáng và họ đã thất bại.

### **3. Sự than khóc về Giê-ru-sa-lem (Mat 23:37-39)**

Chúa Giê-xu phán những lời đau thương này để bày tỏ lòng thương yêu thành thật của Ngài đối với thành Giê-ru-sa-lem, và Ngài đau xót vì họ đã bỏ qua nhiều cơ hội cứu rỗi. “Giê-ru-sa-lem” ám chỉ toàn thể dân tộc Y-sơ-ra-ên. Các nhà lãnh đạo đất nước đã phạm tội triền miên chối bỏ sứ giả của Đức Chúa Trời, thậm chí họ còn giết một số sứ giả. Nhưng bởi hồng ân của Ngài, Chúa Giê-xu đã đến để nhóm họp dân chúng lại và cứu vớt họ.

“Ta muốn... các người chẳng khứng” là lời tóm tắt thảm kịch của sự chối bỏ lẽ thật sau cùng. Ở đây không có sự đối chất nào về quyền uy của Chúa và trách nhiệm của con người, cả hai đã được nói đến. Đức Chúa Trời không thể áp đặt sự cứu rỗi trên con người Ngài cũng không thể thay đổi hậu quả của lòng cứng cõi vô tín của họ. “Các người không muốn đến cùng Ta để được sự sống” (Gi 5:40).

Hình ảnh gà mẹ túc con mình lại ấp trong cánh là hình ảnh quen thuộc. Môi-se dùng hình ảnh ấy trong bài giảng tạm biệt (Phu 32:11), các chỗ khác trong Cựu Ước cũng có nhắc đến hình ảnh này (Ru 2:12 Thi 17:8 36:7 91:4). Đó là bức tranh nói về lòng yêu thương, sự quan phòng và sẵn lòng chết để bảo vệ kẻ khác. Chúa Giê-xu đã chịu chết vì tội lỗi của thế gian, trong đó có dân tộc Y-sơ-ra-ên nhưng “dân Ngài không chịu nhận lấy” (Gi 1:11).

“Nhà các người” có thể nói đến cả đền thờ lẫn thành phố Giê-ru-sa-lem, cả hai đã bị quân xâm lược phá hủy vào năm 70 sau Chúa. Đền thờ là “Nhà của Ta” Mat 21:13, nhưng bây giờ nó bị hoang phế trống không. Chúa Giê-xu rời bỏ đền thờ và thành phố rồi đi ra lên núi Ô-i-ve (24:1-3).

Dẫu vậy, Chúa Giê-xu để lại cho dân tộc Do Thái một lời hứa: Một ngày kia Ngài sẽ trở lại, dân chúng sẽ thấy Ngài và hô “Đáng ngợi khen cho Đấng nhân danh Chúa

mà đến!” Đây là lời trích từ Thi 118:26, lời Thi-thiên nói về Đấng Mê-si-a đó được nhắc lại nhiều lần trong tuần lễ cuối cùng của chức vụ Ngài. Đám đông đã hô to những lời chúc tụng này trong ngày Chúa Nhật lễ Lá (Mat 21:9).

Lời hứa này sẽ được ứng nghiệm khi nào? Đến ngày tận thế lúc Chúa Giê-xu Christ trở lại trần gian để giải phóng dân Y-sơ-ra-ên và đánh bại kẻ thù của họ (Ro 11:25-27 Xa 12:1-14). Việc dân Y-sơ-ra-ên chối bỏ Vua sẽ không ngăn cản kế hoạch cứu rỗi lớn lao của Đức Chúa Trời. Thay vì thiết lập vương quốc vinh hiển của Ngài trên thế gian, Chúa Giê-xu lập Hội Thánh Ngài (Mat 16:18 Eph 2:11-22). Khi công tác ấy hoàn tất, Ngài sẽ trở lại và đem Hội Thánh Ngài về trời (ITe 4:13-18). Lúc ấy sẽ có giờ đoán phạt trên thế gian ("ngày của Chúa," "thì giờ bối rối của Gia-cốp"), cuối thời kỳ đoán phạt Ngài sẽ trở lại giải cứu dân Y-sơ-ra-ên.

Chúng ta đọc lời quở trách nặng nề này mà không thể không ngạc nhiên về lòng kiên nhẫn và sự nhân từ của Đức Chúa Trời. Không có quốc gia nào được ban phước như dân Y-sơ-ra-ên, tuy nhiên cũng không có đất nước nào lại phạm tội chống lại lòng nhân từ của Đức Chúa Trời cho bằng dân Y-sơ-ra-ên. Họ là con kên lư dẫn phước hạnh của Đức Chúa Trời đến cho thế gian, vì "sự cứu rỗi bởi người Giu-đa" (Gi 4:22). Tuy nhiên họ đã trải qua nhiều đau khổ đắng cay trong thế gian này.

Chúa Giê-xu sinh ra là một người Giu-đa, và Ngài yêu thương dân tộc của Ngài. Là người ngoại bang chúng ta phải cảm ơn Đức Chúa Trời vì người Giu-Đa, vì họ cho chúng ta lời chứng về một Đức Chúa Trời thật, họ cho chúng ta Kinh Thánh, và Chúa Giê-xu Christ, Đấng Cứu Thế. Giống như Chúa Giê-xu, chúng ta phải yêu thương người Giu-Đa, tìm cách chinh phục họ trở lại cùng Chúa, cầu thay cho hòa bình của Giê-ru-sa-lem, và khích lệ bằng mọi cách chúng ta có thể làm được.

## **20. NHÀ VUA HỒI LAI. PHẦN I (Mat 24:1-44)**

(Mat 24:1-4)

Bài giảng trên núi Ô-li-ve phát sinh một số câu hỏi mà các môn đệ đã hỏi Ngài khi Chúa Giê-xu phán với họ rằng một ngày kia đền thờ sẽ bị phá hủy. Trước hết, họ muốn biết khi nào sự đó xảy ra. Lời giải đáp này không có ghi trong Phúc Âm Ma-thi-ơ nhưng có chép trong Lu 21:20-24. Thứ hai, họ hỏi về dấu chỉ ngày Đấng Christ trở lại trần gian. Câu hỏi này được trả lời trong Mat 24:29-44. Trong câu hỏi chót, họ muốn biết về dấu chỉ ngày tận thế. Chúa Giê-xu trả lời vấn đề này trong 24:4-28.

Chúng ta phải nhớ rằng "bầu không khí" của bài giảng này xoay quanh người Do Thái. Chúa Giê-xu nói về xứ Giu-đê (24:16), ngày Sa-bát (24:20), và lời tiên tri trong Đa-ni-ên có liên quan đến dân tộc Do Thái (24:15). Lễ thật đầy trọn về phước hạnh Hội Thánh vui hưởng (ITe 4:13-18 ICo 15:51) chưa được bày tỏ vì đó là sự mầu nhiệm (Eph 3:1-12).

Mat 24:1-44 cho biết Chúa chúng ta đang bàn luận những sự kiện sẽ xảy ra trên thế gian trong suốt kỳ Đại Nạn. (24:8, nơi "sự đau đớn khi sinh nở" là biểu tượng của cơn Bách Hại và cũng xem (c.21,29). Sau khi Hội Thánh được cất lên khỏi thế gian, sẽ có một thời gian "bình hòa và an ổn" ITe 5:1-4) theo sau đó thời kỳ khổ nạn kinh khiếp. Nhiều học giả Thánh Kinh tin rằng thời kỳ này sẽ kéo dài trong bảy năm (Da 9:24-27). Chính Chúa Giê-xu đã mô tả thời kỳ "đại nạn" này trong bài giảng trên núi Ô-li-ve. Cuối thời kỳ ấy, Chúa Giê-xu sẽ trở lại trần gian, đánh bại kẻ thù của Ngài, và thiết lập vương quốc theo lời hứa.

Chúa Giê-xu giải thích ba giai đoạn khác nhau trong kỳ Đại Nạn.

## 1. Giai đoạn bắt đầu cơn đại nạn (Mat 24:4-14)

Các sự kiện mô tả trong phần này là “đầu sự tai hại” (Mat 24:8). Hình ảnh của một phụ nữ trong cơn sinh nở là bức tranh của kỳ Đại Nạn (ITe 5:5 Es 13:6-11). Chúng ta hãy xem xét một số biến cố quan trọng xảy ra trong giai đoạn bắt đầu cơn Đại Nạn.

**Mạo danh tôn giáo** (Mat 24:4-5). Dân Do Thái thường bị các tiên tri giả và Đấng Christ giả dẫn dắt sai lạc. Người cỡi trên con ngựa bạch chép trong Kh 6:1-12 là Kẻ địch lại Đấng Christ, con người độc tài nắm quyền thế giới sẽ dẫn các dân tộc đi sai lạc. Người bắt đầu sự nghiệp của mình bằng cách kiến tạo hòa bình, ký một giao ước với dân Y-sơ-ra-ên để bảo vệ dân tộc ấy thoát khỏi kẻ thù (Da 9:27). Dân Y-sơ-ra-ên sẽ đón chào người này như là vị cứu tinh vĩ đại (Gi 5: 43).

**Chiến tranh** (Mat 24:6). Hãy lưu ý rằng giặc giã là dấu chỉ về ngày cuối cùng. Trên thế giới luôn luôn có chiến tranh xảy ra, và sẽ kéo dài cho đến tận ngày cuối cùng. Chính chiến tranh không báo cho chúng ta biết ngày tận thế và sự trở lại của Chúa chúng ta.

**Đổi kém** (Mat 24:7a). Chiến tranh và đổi kém luôn đi đôi với nhau. Kh 6:6 cho thấy các loại lương thực chính có giá khá đắt, vì một “xu” là lương của một ngày làm công.

**Chết chóc** (Mat 24:7b-8). Động đất tạo ra đổi kém, và cả hai là nguyên nhân gây ra dịch bệnh cướp đi mạng sống của nhiều người.

**Tử vì đạo** (Mat 24:9). Cơ đốc nhân luôn bị thế gian ghen ghét, nhưng ở đây chúng ta thấy sự bắt bớ và giết hại gia tăng hơn trước. Mọi dân tộc được nhắc đến. Chắc chắn điều này không thực sự xảy ra trong Hội Thánh đầu tiên.

**Loạn lạc khắp thế giới** (Mat 24:10-13). Những người đã từng tin cậy nhau sẽ phản bội nhau. Điều này cho thấy hôn nhân, gia đình, và các dân tộc sẽ bị xé nát tang thương vì thiếu mất lòng trung thành.

**Tội ác sẽ thêm nhiều** (Mat 24:12), vì thậm chí sự can thiệp mạnh mẽ của luật pháp cũng sẽ không thể nào giữ được hòa bình.

Câu 24:13 không có liên quan gì đến sự cứu rỗi cá nhân trong thời ân điển hiện nay. “Sự cuối cùng” không có nghĩa kết thúc cuộc sống này nó nói đến ngày chung kết đời (24:14). Các Cơ đốc nhân còn ở thế gian trong suốt thời kỳ bách hại ấy, bền lòng giữ đức tin, sẽ được cứu khi Chúa trở lại trần gian trong ngày cuối cùng để giải cứu họ.

**Tìn lành rao giảng ra khắp đất** (Mat 24:14). Kh 7:1-8 dạy rằng Đức Chúa Trời sẽ chọn lựa và đóng ấn 144.000 nhà truyền đạo Do Thái, người sẽ đem Phúc Âm của Nước thiên đàng rao giảng khắp thế gian. Câu Kinh Thánh không dạy rằng Phúc Âm của ân điển Đức Chúa Trời phải được lan truyền đến mọi quốc gia ngày nay trước khi Chúa Giê-xu có thể trở lại cất Hội Thánh Ngài lên không trung với Ngài. Chính sự tái lâm của Chúa vào cuối thời đại được đề cập đến ở đây.

## 2. Giữa kỳ Đại Nạn (Mat 24:15-22)

Thời điểm giữa kỳ Đại Nạn là giai đoạn quan trọng nhất, vì lúc ấy có một biến cố sẽ xảy ra đã được tiên tri Đa-ni-ên tiên báo cách đây nhiều thế kỷ (Da 9:24-27). Xin lưu ý lời tiên tri này chỉ nói đến người Do Thái và thành Giê-ru-sa-lem (“dân người

và... thành thánh người,” (Mat 24:24). Ứng dụng lời tiên tri này vào Hội Thánh hoặc bất cứ dân tộc nào hoặc nơi nào là hiểu sai lời Đức Chúa Trời.

Lời tiên tri nói đến bảy mươi tuần lễ và theo tiếng Hê-bơ-rơ chữ “tuần lễ” có nghĩa “tuần năm” hoặc bảy năm. Bảy mươi lần bảy tương đương với 490 năm. Nhưng thời gian 490 năm này bị phân chia thành ba phần:

(1) Trong suốt bảy tuần lễ (49 năm) thành phố Giê-ru-sa-lem sẽ được xây sửa lại và sự thờ phượng được tái lập.

(2) Sau 62 tuần lễ (434 năm) Đấng Mê-si-a sẽ đến thành Giê-ru-sa-lem và chịu chết thay tội lỗi của thế gian.

(3) Hoàng tử sẽ ký thỏa thuận với dân Do Thái một tuần lễ (bảy năm) để bảo vệ họ thoát khỏi kẻ thù.

Vua Si-ru đã ban chiếu chỉ xây dựng lại thành Giê-ru-sa-lem năm 445 TC. (IISu 36:22-23 Exo 1:1-11). Thành phố được xây lại trong thời gian khó khăn. Trong Tác phẩm kinh điển *The Coming Prince* (tạm dịch *Vua sắp đến*) (nhà xuất bản Kregel năm 1975), tác giả Robert Anderson chứng minh rằng chính xác có 482 năm tiên tri (mỗi năm gồm có 360 ngày) giữa thời gian ra chiếu chỉ xây dựng thành Giê-ru-sa-lem và ngày Chúa Giê-xu cỡi lừa vào thành Giê-ru-sa-lem như là một Vị Vua.

Nhưng chúng ta phải giải thích tuần lễ còn lại của bảy năm. Tuần lễ ấy thích hợp vào thời gian nào? Hãy chú ý cùng một thành phố được xây dựng cũng sẽ bị phá hủy bởi “dân của vua hầu đến” (Da 9:26), tức là người La Mã. (“Vua hầu đến” là danh xưng của Kẻ Địch Lại Đấng Christ.) Biến cố này xảy ra vào năm 70 sau Chúa. Nhưng dân Do Thái sẽ được tự do và thành phố được xây dựng trở lại. Vì một ngày nào đó trong tương lai, vua hầu đến (Kẻ Địch Lại Đấng Christ) sẽ ký giao ước với dân Do Thái trong bảy năm. Đây là thời kỳ thích hợp cho “tuần lễ” bị mất. Người sẽ lập giao ước bảo vệ họ khỏi mọi kẻ thù và cho phép họ xây dựng lại đền thờ. Da 9:27 nói về sự lập lại việc dâng của lễ, và điều này đòi hỏi phải có đền thờ).

Thời kỳ thích hợp cho giai đoạn bảy năm này là sau khi Hội Thánh được cất lên. “Thời kỳ khó khăn của Gia-cốp”, là thời Đại Nạn sẽ kéo dài bảy năm. Trong IITe 2:1-12 cho thấy rằng Kẻ Địch Lại Đấng Christ không thể xuất hiện cho đến khi Đấng Ngăn trở nó cần phải cất đi. Đấng Ngăn trở đó là Đức Thánh Linh ngự giữa Hội Thánh. Một khi Hội Thánh được cất khỏi thế gian, lúc ấy Quỷ Sa-tan có thể tạo ra kiệt tác của nó, Đấng Christ giả.

Người sẽ lập giao ước trong bảy năm, nhưng sau ba năm rưỡi (“vào giữa tuần lễ”) người sẽ phá bỏ giao ước đó. Kế đó chính người sẽ tiến vào đền thờ dân Do Thái và tuyên bố là Đức Chúa Trời (IITe 2:3-4 Kh 13:1-18).

Kẻ Địch Lại Đấng Christ sẽ tự dựng lên một hình tượng sống và đặt vào trong đền thờ, đồng bọn của người (tiên tri giả, Kh 20:10) sẽ khiến toàn thế gian thờ lạy tượng ấy. Quỷ Sa-tan luôn muốn thế gian thờ lạy nó, và người ta sẽ thờ lạy nó vào giữa kỳ Đại Nạn (Mat 4:8-11). Chúa Giê-xu gọi hình tượng này là “sự góm ghiếc tàn nát”(24:15 Da 9:27).

Một câu thú vị trong ngoặc đơn được chép ở cuối Mat 24:15 - “ai đọc phải để ý”. Câu nói này cho thấy rằng những điều Chúa Giê-xu phán dặn có ý nghĩa lớn lao cho người đọc Phúc Âm Ma-thi-ơ trong ngày cuối rất đỗi này. Qua việc đọc sách tiên tri



Đa-ni-ên và lời phán dạy của Chúa Giê-xu, các Cơ đốc nhân sẽ hiểu được các biến cố và biết phải làm điều gì. Đây là một bằng chứng khác cho thấy Bài Giảng Trên Núi Ô-Li-Ve ứng dụng cho con người trong kỳ Đại Nạn.

Các học giả nghiên cứu lời tiên tri đã suy đoán tại sao Kẻ Địch nhân Đấng Christ phá bỏ giao ước với dân Do Thái sau ba năm rưỡi. Người ta cho rằng người Nga xâm lăng Y-sơ-ra-ên, được báo trước trong Exe 38:1-39:29, sẽ xảy ra vào thời điểm ấy. Chắc chắn dân Y-sơ-ra-ên sẽ thanh thản và cư ngụ an ổn vào thời gian ấy, vì được Đấng Christ giả che chở bảo vệ (Exe 38:11). Vào lúc đó, Đấng Christ giả sẽ cai trị liên minh 10 quốc gia, “Hợp Chúng Quốc Châu Âu” (Kh 17:12-13). Dĩ nhiên, nước Nga sẽ bị đánh bại hoàn toàn, không phải do dân Y-sơ-ra-ên, nhưng bởi Đức Chúa Trời Toàn Năng. Khi Đấng Christ giả thấy rằng kẻ thù vĩ đại của người là nước Nga bị đánh bại, người sẽ nhân cơ hội tiến vào thành Giê-ru-sa-lem, phá bỏ giao ước và chiếm lấy đền thờ.

Người đọc lời tiên tri này trong ngày cuối cùng sẽ biết phải làm điều gì: Hãy rời khỏi xứ Giu-Đê! Những lời dạy dỗ này giống như lời đã chép trong Lu 21:20, nhưng chúng ám chỉ đến một thời điểm khác. Lời dạy dỗ chép trong sách Lu-ca ứng với cuộc vây hãm thành Giê-ru-sa-lem năm 70 SC., và “dấu hiệu” đó là các đội quân đóng trại quanh thành phố. Lời dạy dỗ trong sách Ma-thi-ơ ứng với Cơ đốc nhân người Do Thái ở giữa kỳ Đại Nạn, và “dấu hiệu” đền thờ bị ô uế bởi hình ảnh kẻ địch lại Đấng Christ. Những người đã nhầm lẫn hai “sự kiện” ấy sau cùng đã tin rằng Chúa Giê-xu Christ đã trở lại vào năm 70 sau Chúa!

Toàn phân đoạn này chỉ nói đến người Do Thái, vì không có người tin Chúa nào lo âu về việc phạm luật ngày Sa-bát. Biến cố này dẫn vào “Cơn Đại Nạn”, vào nửa cuối tuần lễ thứ 70 chép trong sách Đa-ni-ên lúc cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời giáng xuống thế gian. Trong suốt ba năm rưỡi đầu của kỳ Đại Nạn, sự đoán phạt tự nhiên xảy ra: chiến tranh, đói kém, động đất, v.v... Nhưng trong ba năm rưỡi sau đó sẽ là sự đoán phạt siêu nhiên và tàn phá.

Trong suốt thời kỳ này, Đức Chúa Trời sẽ chăm sóc những người Ngài lựa chọn (Mat 24:22), đó là người Giu-Đa và dân ngoại bang đã tin đạo và được đổi mới. “Người được lựa chọn” ở đây không phải ám chỉ đến Hội Thánh vì lúc ấy Hội Thánh đã được cất lên ít nhất trước thời gian ba năm rưỡi.

### **3. Giai đoạn cuối của Kỳ Đại Nạn (Mat 24:23-44)**

Tình trạng của thế gian tồi tệ đến nỗi con người thắc mắc tự hỏi liệu có sự giảm bớt, và điều này tạo cho Đấng Christ giả cơ hội dễ dàng lừa dối nhiều người. Quỷ Sa-tan có khả năng làm “những việc kỳ giả dối” (II Te 2:9-12 Kh 13:13-14). Việc một lãnh đạo tôn giáo làm các phép lạ không bảo đảm cho chúng ta biết ông ta thuộc về Đức Chúa Trời. Nhiều người Do Thái sẽ bị phỉnh dối, vì “người Do Thái đòi hỏi dấu hiệu” (ICo 1:22). Chúa Giê-xu làm những dấu lạ thật trong danh của Cha Ngài, nhưng dân Do Thái đã chối bỏ không nhận lấy Ngài (Gi 12:37). Họ chấp nhận dấu kỳ phép lạ của Quỷ Sa-tan.

Câu Mat 24:27 cho thấy rằng Chúa Giê-xu sẽ thành linh trở lại thế gian, giống như chớp nháng. Sự kiện xảy ra trước ngày Ngài trở lại là các nước ngoại bang tập hợp tại Ha-ma-ghe-đôn (Kh 16:13-6 19:11). Các chim ó bay quanh các xác chết tạo nên bức tranh chết chóc khủng khiếp do hậu quả của trận chiến lớn này (Kh 19:17-19). Những đổi thay trong vũ trụ được nhắc đến trong (Mat 24:29) xảy ra trước ngày tái lâm của Chúa Giê-xu Christ.

Chúng ta không được Kinh Thánh cho biết “điềm Con người sẽ hiện ra ở trên trời” là gì, nhưng lúc ấy con người sống trên thế gian sẽ nhận ra. Khi Chúa Giê-xu đến với Hội Thánh, Ngài sẽ ngự nơi không trung và con cái Ngài sẽ được cất lên gặp Ngài tại không trung (ITe 4:17). Nhưng lần hiện đến của Chúa chúng ta vào cuối kỳ Đại Nạn sẽ là một sự kiện trọng đại, mọi mắt sẽ trông thấy Ngài (Kh 1:7).

Sự kiện này có ý nghĩa đặc biệt cho dân Y-sơ-ra-ên. Chúa Giê-xu sẽ trở lại vào giờ dân Y-sơ-ra-ên sắp bị quân ngoại bang đánh bại (Xa 12:1-14). Ngài sẽ giải cứu dân sự Ngài, họ sẽ trông thấy Ngài và nhận biết Ngài là Đấng Mê-si-a của họ (Xa 12:9-14). Sẽ có sự ăn năn, rửa sạch, và trở lại trong cả đất nước dưới lãnh đạo nhân từ của Đấng Mê-si-a.

Chúng ta không nên lẫn lộn tiếng kèn trong Mat 24:31 với “tiếng kèn của Đức Chúa Trời” được chép trong ITe 4:16. “Những kẻ Ngài chọn” chép trong Mat 24:31 ám chỉ dân cư trên đất, cả Do Thái và ngoại bang, những người đã tin nhận Đấng Christ và được cứu rỗi. Trong Kinh Thánh Cựu Ước, các hoạt động của dân Y-sơ-ra-ên đều được thông báo bằng tiếng kèn (Dan 10:1-36 Gios 2:1). Y-sơ-ra-ên là một dân bị tán lạc trong nhiều thế kỷ. Thiên sứ sẽ dùng tiếng kèn để nhóm họp dân Y-sơ-ra-ên như các thầy tế lễ đã làm trong thời Cựu Ước (Le 23:23-25).

Các học giả nghiên cứu lời tiên tri không đồng ý về tất cả các chi tiết của các sự kiện xảy ra trong tương lai. Nhưng bảng tóm lược dưới đây là sự trình bày theo thứ tự các sự kiện phù hợp mà nhiều học giả tin cậy:

1. Hội Thánh được cất lên (ITe 4:13-18 ICo 15:51-58). Điều này có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

2. Người đứng đầu của 10 nước Châu Âu ký một hiệp ước 7 năm với dân Y-sơ-ra-ên (Da 9:26-27).

3. Sau ba năm rưỡi, người hủy bỏ hiệp ước ấy (Da 9:27).

4. Người tiến về thành Giê-ru-sa-lem và lập hình tượng người trong đền thờ (ITe 2:3-4 Kh 13:1-18).

5. Kẻ Địch Lại Đấng Christ bắt đầu cai trị thế giới và buộc mọi dân cư trên đất phải thờ lạy và vâng lời người. Lúc ấy Đức Chúa Trời giáng cơn Đại Nạn xuống thế gian (Mat 24:21).

6. Các quốc gia nhóm hiệp tại Ha-ma-ghê-đôn để đánh nhau với Kẻ Địch Lại Đấng Christ và dân Y-sơ-ra-ên, nhưng khi thấy dấu hiệu Đấng Christ trở lại, chúng liên minh chống lại Ngài (Xa 12:1-14 Kh 13:13-14 19:11).

7. Chúa Giê-xu trở lại trần gian, chiến thắng kẻ thù, được người Do Thái tiếp nhận và Ngài thiết lập vương quốc của Ngài trên đất (Kh 19:11 Xa 12:7-13:1). Ngài sẽ trị vì trên thế gian 1.000 năm (Kh 20:1-5).

Mục đích của lời tiên tri không nhằm để thỏa mãn trí tò mò, nhưng để khích lệ các thánh đồ. Chúa Giê-xu kết thúc bài giảng luận của Ngài bằng ba lời khuyên bảo cụ thể, xoay quanh ba hình ảnh minh họa: cây vả, Nô-ê, và kẻ trộm ban đêm. Câu Mat 24:36 nói rõ không ai biết ngày và giờ Chúa trở lại. Nhưng họ có thể biết được diễn biến của các sự kiện và không đến nỗi kinh ngạc.

**Cây vả** (Mat 24:32-35). Lu 21:29 chép, "Hãy xem cây vả và các cây khác". Trong Kinh Thánh cây vả thường là hình ảnh dân Y-sơ-ra-ên (Lu 13:6-10 Os 9:10) và các cây

khác là hình ảnh các nước trên thế giới. Có thể Chúa chúng ta gợi ý rằng chủ nghĩa dân tộc được gia tăng là một trong những dấu hiệu ngày cuối cùng. Chắc chắn các sự kiện trong tương lai bao trùm trước mắt họ. “Và khi các việc đó khởi xảy đến...” (Lu 21:28a) cho thấy rằng một dấu hiệu không cần phải xảy ra hoàn toàn trước khi nó trở thành quan trọng đối với con cái Đức Chúa Trời.

Cây nút chồi non chứng tỏ mùa hạ gần tới. Khởi đầu các dấu hiệu này cho thấy ngày của Chúa đã đến gần. Vào lúc ấy thế hệ còn sống trên thế gian sẽ chứng kiến các sự kiện này xảy ra. Thế hệ chúng ta thấy điềm báo trước của những dấu hiệu này. Chúng ta không tìm kiếm các dấu hiệu như thế chúng ta tìm kiếm Đấng Cứu Chuộc (Phi 3:20). Chúa Giê-xu có thể trở lại đem Hội Thánh bất cứ lúc nào.

**Thời của Nô-ê** (Mat 24:36-42). Điểm nhấn mạnh ở đây là con người không biết ngày nào cơn đoán phạt sẽ xảy ra. Nô-ê và gia đình ở trong tàu là bức tranh bảo vệ kỳ diệu của Đức Chúa Trời dành cho dân Y-sơ-ra-ên trong suốt thời tăm tối của cơn Đại Nạn. (Hê-nóc là hình ảnh Hội Thánh được cất lên trước cơn Đại Nạn – (Sa 5:21-24 He 11:5 ITe 5:1-10 1:10).

Điều gì đã ngăn trở con người không nghe theo lời rao giảng của Nô-ê? Vì những lợi ích bình thường của cuộc sống - ăn, uống, cưới, gả. Họ đã đánh mất điều tốt nhất vì sống theo lợi nhuận vật chất. Để cho mưu cầu vật chất cuốn hút đến nỗi chúng ta quên ngày Chúa Giê-xu trở lại là điều vô cùng nguy hiểm.

Động từ “được đem đi” trong các Mat 24:39-41 có nghĩa ” được cất khỏi trong cơn đoán phạt”. Đừng áp dụng các câu Kinh Thánh này cho việc Hội Thánh được cất lên để con cái Đức Chúa Trời được gặp Ngài tại nơi không trung. Trong suốt cơn Đại Nạn, sự phân rẽ sẽ xảy ra: Một số người sẽ bỏ mạng trong cơn hình phạt (được đem đi khỏi), trong khi những người khác còn lại đi vào nước vinh hiển. Cách dùng từ “đùa đem đi hết thảy” trong 24:39 làm rõ nghĩa cho sự kiện này.

**Kẻ trộm ban đêm** (Mat 24:42-44). Chúa Giê-xu dùng Nô-ê để cảnh báo rằng con người sẽ không biết ngày giờ, và Ngài dùng hình ảnh tên trộm để nhắc nhở rằng họ sẽ không biết giờ nào Chúa mình sẽ đến. Sau khi Hội Thánh được cất lên, sẽ có thời gian hòa bình và an ổn trên đất (ITe 5:1). Sau đó cơn đoán phạt của Đức Chúa Trời thành linh đổ xuống (IPhi 3:10).

Người còn sống trên thế gian trong suốt cơn Đại Nạn sẽ có thể giải thích ý nghĩa các sự kiện thông qua Kinh Thánh nhưng họ không thể tính chính xác ngày giờ Đấng Christ trở lại. Thêm vào đó những ngày tai họa sẽ được” Rút ngắn lại... vì con dân Chúa” (Mat 24:22). Điều này có nghĩa số ngày khủng khiếp giảm bớt lại, hoặc có thể số giờ đen tối giảm bớt để con người trên thế gian chịu đau khổ ít hơn (Kh 8:12).

Khi chúng ta kết hợp những lời thôi thúc trong cả ba bức tranh, chúng ta kết luận: “Hãy biết rằng Ngài đã gần rồi! Vì vậy hãy thức canh! Các ngươi hãy sẵn sàng!” Các Cơ đốc nhân còn sống trong suốt giai đoạn lịch sử ấy chắc chắn sẽ tìm được sự an ủi lớn trong lời hứa của Chúa chép trong Thánh Kinh.

Trong khi lời giải thích của phần này có liên quan đến dân Y-sơ-ra-ên trong suốt cơn Đại Nạn, chúng ta có thể áp dụng lời Hằng sống vào lòng chúng ta. Chúng ta không biết lúc nào Chúa sẽ tái lâm tiếp rước Hội Thánh Ngài. Vì vậy, chúng ta phải tỉnh thức, trông đợi và bền lòng. Chúa Giê-xu đã lý giải điều này cách chi tiết trong phần kế tiếp của bài giảng trên núi Ô-Li-Ve (Mat 24:45-25:30).

Chúng ta nên bày tỏ lòng biết ơn như thế nào khi Đức Chúa Trời không định đoán phạt chúng ta, nhưng ban ơn cứu rỗi cho chúng ta lúc Chúa Giê-xu Christ hiện ra. Ngài đã cứu chúng ta thoát khỏi cơn thịnh nộ hầu đến (IITe 1:10 5:9-10). Là con cái Đức Chúa Trời, chắc chắn chúng ta sẽ trải qua hoạn nạn (Gi 16:33 Cong 14:22), nhưng không phải trải qua cơn Đại Nạn.

## **21. NHÀ VUA HỒI LAI PHẦN II (Mat 24:45-25:46)**

Chúng ta đã lưu ý “bầu không khí” trong phần đầu của Bài Giảng Trên Núi Ô-Li-Ve rõ ràng thuộc về người Do Thái. Khi đọc cẩn thận phần thứ hai này chúng ta thấy “bầu không khí” đã thay đổi. Chúa Giê-xu đang mô tả các dấu biến cố trong Cơn Đại Nạn, và lần lượt nói rõ từng sự đoán phạt, cuối cùng là sự tái lâm của Ngài. Nhưng trong phần này, điều nhấn mạnh nằm ở chỗ Chúa chậm trễ ngày trở lại (Mat 24:48 25:5,19).

Có vẻ hợp lý khi ấn định 24:45-25:30 cho Hội Thánh của chúng ta hiện nay, trong thời gian ấy rõ ràng Chúa đang chậm trễ ngày Ngài trở lại (IIPhi 3:1-18). Phần kết thúc (Mat 25:31-46) mô tả sự đoán phạt mà Chúa thi hành khi Ngài trở lại trần gian. Nhìn chung, những lời dạy dỗ trong Bài Giảng Trên núi Ô-Li-Ve liên quan đến dân Do Thái (24:4-44), Hội Thánh xưng nghĩa (24:45-25:30), và các nước ngoại bang (25:31-46). Điều này tương ứng với sự phân chia loài người ra làm ba đấng Phao-lô nhắc đến trong ICo 10:32. Chúng ta đã nghiên cứu chi tiết sự tái lâm của Chúa có liên quan đến dân Y-sơ-ra-ên, vì vậy chúng ta hãy xem sự trở lại của Chúa trong hai mối tương quan còn lại.

### **1. Sự tái lâm của Đấng Christ và Hội Thánh xưng nghĩa (Mat 24:45-51)**

Chúng ta không nên ngạc nhiên khi Chúa thành linh thay đổi từ cuộc nói chuyện về sự tái lâm của Ngài có liên quan đến dân Y-sơ-ra-ên sang sự tái lâm có liên quan đến Hội Thánh. Không phải là chuyện bất thường trong Kinh Thánh đối với người nói hoặc viết thay đổi lối nhấn mạnh ở giữa một câu. Ví dụ, toàn bộ thời đại Hội Thánh xảy ra trong khoảng thời gian giữa các chữ được ban cho và và trong Es 9:5. Chúng ta cũng thấy “nhảy vọt” tương tự trong Es 61:2, nơi thời đại Hội Thánh diễn ra trong khoảng thời gian giữa “năm ban ơn của Đức Chúa Trời” và “ngày báo thù”.

Trong phần dành cho dân Y-sơ-ra-ên, Chúa Giê-xu chủ yếu mô tả những biến cố bên ngoài khoảng thời gian trong phần này, Ngài mô tả những quan điểm bên trong. Trong lúc mọi kẻ tin nhận Chúa Giê-xu Christ làm Cứu Chúa sắp về thiên đàng (Gi 3:16-18 17:24), thì không phải mọi kẻ tin đều sẵn sàng gặp Chúa.

Khi Chúa Giê-xu Christ tái lâm và đem Hội Thánh Ngài về trời, Ngài sẽ ngồi trên ngai xét đoán mà xét đoán các dân (Ro 14:10-12 IICo 5:8-11). Ngài sẽ không đoán xét tội lỗi chúng ta, bởi vì tội lỗi chúng ta đã bị Ngài đoán xét trên thập tự giá (Ro 8:1-4). Nhưng Ngài xét đoán công việc chúng ta và sẽ ban thưởng cho những ai được hưởng (ICo 3:9-15). Các thí dụ này cho thấy Chúa Giê-xu sẽ phán xét ba nhóm tín hữu khác nhau.

*Đầy tớ trung tín và đầy tớ bất trung* (Mat 24:45-51). Con dân Đức Chúa Trời trên thế gian được gọi là một gia đình (Ga 6:10 Eph 2:19). Đức Chúa Trời đặt để các tôi tớ trong mỗi gia đình để săn sóc các thành viên trong gia đình. Điều này gọi cho chúng ta suy nghĩ về Hội Thánh địa phương nhóm trong gia đình có những người hướng

dẫn thuộc linh. Mục đích của việc lãnh đạo thuộc linh ấy là người hướng dẫn chăm sóc nuôi dưỡng đời sống tâm linh của tín hữu, chứ không phải tín hữu chăm lo người hướng dẫn! Sứ đồ Phi-e-rơ đã nắm lấy lẽ thật này và nhấn mạnh điều đó trong thư thứ nhất của ông (IPhi 5:1-4).

Làm mục sư hoặc chức viên khác trong Hội Thánh địa phương là việc hệ trọng. Chúng ta phải thận trọng cân nhắc xem động cơ chúng ta có đúng đắn không và chúng ta có hầu việc Đấng Christ và con cái Ngài bằng tình thương hay không. Bằng lời nói lẫn việc làm, chúng ta phải dẫn dắt gia đình theo lối công bình (He 13:7-8). Các thành viên trong gia đình phải thuận phục sự chăn dắt thuộc linh, bởi vì một ngày kia cả con cái Chúa lẫn người hướng dẫn thuộc linh sẽ ứng hầu trước tòa án Đấng Christ (He 13:17).

Trách nhiệm của tôi tớ không phải để được nổi tiếng, nhưng để vâng lời. Tôi tớ phải cung cấp vật thực cần dùng cho gia đình, khi gia đình cần đến. Tôi tớ phải mang ra khỏi “kho thuộc linh” của mình những vật mới và cũ (Mat 13:52). Trong việc tìm kiếm những điều mới lạ hấp dẫn, một số thầy dạy Kinh Thánh đã quên chất bổ dưỡng thuộc linh trong lẽ thật của lời Đức Chúa Trời. Nhưng các người dạy đạo khác chỉ nghĩ đến nội dung xưa cũ đến nỗi không khám phá được những dạy dỗ và ứng dụng tươi mới của lẽ thật cũ. Ý mới phát sinh từ điều cũ, và điều mới làm cho điều cũ được đầy đủ ý nghĩa hơn.

Nếu người hướng dẫn thuộc linh đang bền lòng làm công việc của mình khi Chúa trở lại, người ấy sẽ nhận phần thưởng. Nhưng nếu trễ nãi công việc mình lúc Chúa tái lâm, người ấy sẽ bị đối đãi cách cay nghiệt. Tôi thích dịch 24:51: “Và sẽ xử phạt nó cách nặng nề và định phần nó đồng với kẻ giả hình...” (Thậm chí trong thời chuyên chế, người ta không thể nghĩ rằng một người chủ có thể chặt kẻ tôi tớ ra làm hai). Toàn bức tranh là sự đau đớn và hư mất. Điều này không đưa ra những biện pháp trừng phạt trước ngôi phán xét của Đấng Christ, bởi vì tại đó thân thể chúng ta sẽ được vinh hiển. Nhưng điều đó nhắc đến sự mất phần thưởng và lỡ đi cơ hội hầu việc Đức Chúa Trời.

Chúa Giê-xu không thối phồng lẽ thật ở đây, nhưng qua các phần Kinh Thánh khác chúng ta biết rằng phần thưởng dành cho sự hầu việc trung kiên sẽ là một chức vụ trong vương quốc Ngài sẽ thiết lập trên thế gian Lu 19:11). Phần thưởng cho sự trung tín hầu việc là khả năng hầu việc lớn hơn. Theo tôi, không có phần trong vương quốc của Ngài là một thua thiệt lớn.

Điều gì đã gây cho người tôi tớ này sa ngã? Trong lòng anh ta có điều sai trật: Anh ta thôi mong đợi Chúa mình trở lại (Mat 24:48). Anh ta sống giống như thế gian và bạc đãi đồng bạn của mình. Bất cứ khi nào các tôi tớ của Đức Chúa Trời không thể cùng làm việc với nhau, thường là vì lúc ấy một ai đó đã quên rằng Chúa sẽ trở lại. Tìm kiếm và yêu mến trông đợi sự hiện đến của Chúa sẽ khích lệ chúng ta trung tín và yêu mến Ngài (IGi 2:28 ITe 2:19-20).

## **2. Những cô phụ dâu khôn và dại (Mat 25:1-13)**

Vào thời đó một đám cưới có hai giai đoạn. Đầu tiên chàng rể và bạn bè sẽ từ nhà mình đi đến xin rước dâu nơi cha mẹ của nàng. Sau đó cô dâu và chàng rể sẽ trở về nhà chàng rể để tổ chức tiệc cưới. Vấn đề đặt ra ở đây là chàng rể đã rước cô dâu của mình và đang trên đường trở về nhà. Tuy nhiên, chúng ta không nên nhấn mạnh quá

xa hình ảnh Hội Thánh trong vai trò một cô dâu, vì nhiều điều trong chân lý này không được bày tỏ cho đến khi Phao-lô thi hành chức vụ (Eph 5:22).

Trải qua 2.000 năm Hội Thánh biết rằng Chúa Giê-xu sắp trở lại, nhưng có nhiều người đã trở nên mê muội và ngủ quên. Họ không còn thích thú mong đợi sự trở lại nay mai của Chúa. Kết quả là có ít chứng nhân đầy ơn rao giảng về sự tái lâm của Chúa.

Dầu thắp sáng nhắc nhở chúng ta về loại dầu đặc biệt dùng trong đèn thờ (Xu 27:20-21). Dầu luôn là biểu tượng của Thánh Linh Đức Chúa Trời, nhưng tôi tự hỏi liệu dầu đặc biệt này cũng là Lời Đức Chúa Trời chăng? Hội Thánh phải “giữ lấy đạo sự sống” trong thế giới mờ tối gian ác này (Phi 2:12-16). Chúng ta cần phải gìn giữ lời nhện nhục của Ngài (Kh 3:10) và tiếp tục rao truyền về ngày tái lâm của Chúa Giê-xu Christ.

Khi chàng rể và cô dâu xuất hiện, nửa số người phụ dâu không thể thắp sáng đèn của mình vì họ không có dầu. Họ kêu lên “Đèn của chúng tôi sắp tắt!”. Những phụ dâu có dầu thắp sáng được đèn của mình và giữ đèn luôn cháy sáng. Chính họ đã đi vào trong tiệc cưới và các cô gái dại đột bị bỏ ở ngoài vì không có dầu. Điều này nhắc nhở chúng ta không phải mọi người tin Chúa đều sẽ vào thiên đàng, vì thực sự một số người không tin Chúa thật lòng. Không có Thánh Linh và Lời của Đức Chúa Trời, không thể có được ơn cứu rỗi thật.

Chúa Giê-xu kết thúc ví dụ này bằng lời cảnh tỉnh mà Ngài đã phán trước đó: “Hãy tỉnh thức” (Mat 24:42 25:13). Điều này không có nghĩa đứng trên một ngọn núi và hướng mắt lên trời (Cong 1:9-11). Nhưng chúng ta phải “thức canh và cầu nguyện” (Mat 26:38-41).

### **3. Các đầy tớ làm lợi cho chủ và đầy tớ biếng nhác (Mat 25:14-30).**

Chúng ta không nên lẫn lộn thí dụ này với thí dụ về các nén bạc Lu 19:11-27) mặc dầu cả hai thí dụ đều có những điểm giống nhau. Xin lưu ý mỗi đầy tớ trong thí dụ này đều nhận tiền (một ta-lâng trị giá bằng khoảng 20 năm tiền công) tùy theo khả năng làm việc của người thợ. Đầy tớ có nhiều khả năng nhận năm ta-lâng người có khả năng trung bình nhận hai ta-lâng người có khả năng thấp nhận một ta-lâng.

Các ta-lâng tiêu biểu cho các cơ hội để chúng ta sử dụng khả năng của chúng ta. Nếu chủ giao năm ta-lâng cho người có ít khả năng, người đó sẽ bị hại vì trách nhiệm quá nặng. Nhưng nếu chủ chỉ giao một ta-lâng cho người có nhiều khả năng, anh ta sẽ thấy mình bị xúc phạm và giảm giá trị. Đức Chúa Trời giao công việc và cơ hội tùy theo khả năng. Chúng ta đang sống trong thời kỳ giữa câu Mat 25:18 và 25:19. Chúa đã giao trọng trách cho chúng ta tùy theo năng lực chúng ta có và ơn của Ngài. Chúng ta có đặc ân hầu việc Đức Chúa Trời và làm lợi của cải Ngài giao cho.

Ba người đầy tớ có thể chia thành hai hạng: trung tín và bất nghĩa. Các đầy tớ trung tín nhận ta-lâng của họ và đem làm lợi cho Chúa. Người đầy tớ biếng nhác đào đất chôn giấu số vàng của chủ. Thay vì tận dụng cơ hội, anh ta đã chôn chúng! Anh ta không có ý định làm điều ác. Nhưng bởi vì không làm gì cả, anh ta phạm tội và đánh mất cơ hội phục vụ Chúa và phát triển đạo Ngài.

Hai người đầy tớ làm lợi cho chủ mỗi người đều nhận cùng một sự ban thưởng (Mat 25:21,23). Sự khác nhau không phải do phần thưởng được nhận nhưng do tỉ lệ

cân xứng trong công việc của mỗi người được giao. Bắt đầu nhận công việc của chủ họ là đầy tớ, nhưng Chủ đã cất nhắc họ lên làm quan cai trị. Họ trung tín trong việc nhỏ, vì vậy Chủ tin cậy giao cho công việc lớn. Họ đã vất vả làm việc, và bây giờ họ đi vào hưởng sự vui mừng. Lòng tận trung đã đem lại cho mỗi người trong số họ khả năng hầu việc và trách nhiệm lớn lao hơn.

Người đầy tớ thứ ba không trung tín và không được chủ ban thưởng. Vì người này sợ thất bại, anh ta không bao giờ nỗ lực để thành công. Anh ta sợ hãi cuộc sống và trách nhiệm. Điều này làm anh ta thúc thủ vì lo âu, do đó anh ta đem chôn giấu ta-lâng để bảo vệ nó. Ít ra anh ta cũng có thể mang gởi tiền của chủ vào ngân hàng và thu được lợi nhuận cho chủ. Không có sự rủi ro nào xảy ra trong khi làm việc ấy.

Những gì chúng ta không sử dụng cho Chúa, chúng ta sẽ dễ dàng đánh mất điều đó. Chủ quở trách người đầy tớ bất trung không làm lợi cho chủ, và lấy lại ta-lâng nơi người. Người có nhiều ta-lâng nhất sẽ nhận ta-lâng ấy.

Một số người nghĩ rằng người đầy tớ không làm lợi cho chủ không phải là tín đồ thật. Nhưng dường như anh ta đã là người tin Chúa thật, cho dù anh ta chứng tỏ mình vô dụng. “Chỗ tối tăm bên ngoài” trong Mat 25:30 không phải ám chỉ nơi địa ngục, mặc dầu đó là trường hợp thường ghi lại trong các sách Phúc Âm (Mat 8:12 22:13). Xây dựng hệ thống giáo lý thần học dựa trên các thí dụ thật là nguy hiểm, vì các thí dụ giúp minh họa cho lẽ thật thêm sinh động. Con người được Chúa phân xử, họ mất cơ hội phục vụ Ngài, và không nhận được phần thưởng cùng lời khen ngợi. Theo tôi, đó là chốn bên ngoài tối tăm.

Có thể người nhận một ta-lâng nghĩ rằng ta-lâng của mình không quan trọng. Anh ta không có năm ta-lâng hoặc hai ta-lâng. Tại sao lại thắc mắc vì có một ta-lâng? Bởi vì anh ta được Đức Chúa Trời chỉ định làm người quản lý. Trong thế giới chúng ta nếu có những người một-ta-lâng, thì có lẽ rất ít công việc được hoàn tất. Đáng lẽ ra ta-lâng của anh ta có thể tăng thành hai và đem lại sự vinh hiển cho chủ.

Ba thí dụ này khích lệ chúng ta yêu mến sự hiện đến của Ngài, tìm kiếm trông đợi Ngài, và hầu việc Ngài cách chuyên tâm cho đến lúc Ngài trở lại. Chúng ta phải thức canh, rao truyền danh Chúa và phục sự Ngài. Có thể chúng ta không thành công theo con mắt loài người, hoặc được người ta yêu chuộng. Nhưng nếu trung tín và kết quả cho Chúa, chúng ta sẽ nhận phần thưởng.

#### **4. Sự tái lâm của Đấng Christ và các nước ngoại bang (Mat 25:31-46)**

Phần này giải thích cho chúng ta biết cách nào Chúa Giê-xu Christ sẽ xét đoán các nước ngoại bang. Chữ 'các dân tộc' trong Mat 25:32 có nghĩa “các dân ngoại bang”, và từ này thuộc giống trung tính trong tiếng Hy Lạp. Chữ 'họ' trong cùng câu ấy thuộc giống đực. Điều này có nghĩa các dân tộc sẽ nhóm hiệp trước mặt Chúa Giê-xu Christ, nhưng Ngài sẽ phán xét họ theo từng người. Ngài sẽ không phán xét theo từng nhóm dân tộc (người Đức, Nhật, Ý...) nhưng mỗi cá nhân trong các nước sẽ khai trình trước mặt Ngài.

Chúng ta không nên lẫn lộn sự phán xét này với sự phán xét trước Tòa Án Lớn Và Trắng mô tả trong Kh 20:11-15. Một số học giả nhập cả hai phân đoạn lại với nhau và gọi là “sự phán xét chung”. Kinh Thánh không cho biết gì về “sự phán xét chung”. Phiên tòa này diễn ra trên thế gian ngay sau trận chiến tại Ha-ma-ghe-đôn. Tòa án

Lớn và Trắng tiến hành tại nơi nào đó trên không trung "trời đất đều trốn hết", (Kh 20:11). Phiên tòa ghi trong Ma-thi-ơ diễn ra trước khi thành lập vương quốc trên trần gian, vì Chúa phán với những người được cứu "nhận lấy Nước thiên đàng đã sẵn sẵn" (Mat 25:34). Phiên tòa lớn và trắng sẽ được diễn ra sau 1.000 năm Đấng Christ trị vì (Kh 20:7).

Chúng ta cần tránh một sai sót khác nữa. Không nên áp đặt phân đoạn Kinh Thánh này vào sự dạy dỗ về ơn cứu rỗi bởi việc lành. Đọc Kinh Thánh cách hời hợt qua loa sẽ khiến ta nghĩ rằng giúp đỡ người lân cận là có đủ điều kiện để nhận được sự cứu rỗi và vào thiên đàng. Nhưng đây không phải là sứ điệp của phân đoạn Kinh Thánh này. Trên thế giới từ trước đến nay chưa hề có ai được cứu bởi việc làm cả.

Các thánh đồ trong thời Cựu Ước được cứu bởi đức tin (He 11:40) các thánh đồ trong thời Tân Ước được cứu cùng một cách như vậy. Phúc Âm của "làm việc thiện" không phải là sứ điệp của Thánh Kinh. Cơ đốc nhân có bốn phận làm việc lành (He 13:16 Ga 6:10), nhưng đây không phải là phương cách người không tin có thể được cứu.

Nếu chúng ta nhớ cả ba nhóm người trong bản văn miêu tả, sẽ giúp chúng ta giải quyết được vấn đề này: Có chiên, dê và người anh em. Những người này là ai mà Vua gọi là "Anh em ta"? Có thể họ là những người Do Thái tin đạo trong cơn Đại Nạn. Đây là những người đã nghe 144.000 chứng nhân rao giảng sứ điệp và tin theo Chúa Giê-xu Christ. Bởi vì những người Do Thái tin đạo này không nhận "dấu hiệu của con thú" (Kh 13:16-17), cho nên họ không thể mua bán trao đổi. Lúc ấy làm thế nào họ sống sót được? Do lòng yêu thương quan tâm của người ngoại bang đã tin nhận Chúa Giê-xu Christ và họ đã chăm sóc người anh em của Ngài.

Điều thú vị trong phiên tòa này đó là cá nhân các con chiên ngạc nhiên về điều họ nghe. Họ không nhớ đã thấy Chúa Giê-xu Christ và cung cấp sự cần dùng cho Ngài lúc nào. Nhưng khi yêu thương chăm sóc các tín hữu Do Thái, thì họ đã làm cho Đấng Christ. Động cơ giúp đỡ của họ không phải vì phần thưởng nhưng do lòng yêu thương hiến dâng. Thực ra, những người ngoại bang này có thể mất mạng sống khi tiếp đãi và chăm sóc những người Do Thái không nơi nương tựa này. Chúa Giê-xu phán với các môn đệ "Ai rước các người tức là rước Ta" và quả thật điều này cũng ứng dụng đối với các anh em Ngài.

Những người được kể là dê bị đoán phạt vì họ không tin nhận Chúa Giê-xu Christ và bày tỏ đức tin ấy qua việc chăm sóc anh em của Ngài. Hình như họ đã nhận lãnh dấu của con thú và chỉ lo lắng riêng cho chính mình và những gì thuộc về họ, nhưng không có thời gian quan tâm đến số người Do Thái còn sót lại đang chịu đau đớn trên thế gian (Kh 12:17). Tội sơ sót cũng giống như tội cố ý Gia 4:17). Không làm điều thiện cũng kể như làm điều ác.

Khi so sánh hai bản án( Mat 25:34,41), chúng ta khám phá một số chân lý mới lạ. Khởi đầu là Cha ban phước cho chiên nhưng bản án không nói rõ dê bị "Cha rửa sả". Chiên (người công chính) hưởng được Nước thiên đàng, và sự thừa hưởng đặt nền tảng trên sự tái sinh. Vì họ đã được sanh lại bởi đức tin, cho nên họ hưởng được Nước thiên đàng.

Nước thiên đàng được sẵn sẵn cho cá nhân những người đã được cứu, nhưng câu Mat 25:41 không nói đến hồ lửa đời đời dành cho những người gian ác (dê). Hồ lửa đã để dành cho ma quỷ và các kẻ thuộc về nó (Kh 20:10). Đức Chúa Trời chẳng hề



chuẩn bị địa ngục cho con người. Qua Thánh Kinh không có bằng chứng nào cho thấy Đức Chúa Trời an bài cho con người phải vào địa ngục. Nếu tội nhân nghe theo quỷ Sa-tan, và bước theo con đường của nó, họ sẽ đến nơi mà quỷ sẽ đến - nơi đau đớn đời đời trong hỏa ngục. Chỉ có hai số phận đời đời: hình phạt đời đời cho những người từ chối không tiếp nhận Đấng Christ hoặc sự sống đời đời cho những người tin nhận Ngài.

Người công chính (chiên) được đưa vào thiên đàng để cùng dự phần trong vinh quang của Đấng Christ. Hội Thánh sẽ cùng trị vì với Đấng Christ, và dân Y-sơ-ra-ên sẽ tận hưởng sự trọn vẹn của lời hứa qua miệng các đấng tiên tri. Tất cả muôn vật sẽ dự phần trong sự tự do vinh hiển của con cái Đức Chúa Trời (Ro 8:19-21). Chúa Giê-xu Christ sẽ cai trị trên ngôi Đa-vít tại Giê-ru-sa-lem Lu 1:30-33), và sự bình an sẽ ngự trị trong 1.000 năm (Es 11:1-16).

Khi đọc lại Bài Giảng Trên Núi Ô-li-ve, chúng ta nên nhắc lại một vài sự kiện. Đầu tiên Đức Chúa Trời chưa hoàn tất chương trình của Ngài đối với dân Y-sơ-ra-ên. Chúa Giê-xu phán rõ ràng trong bài giảng này là dân Y-sơ-ra-ên sẽ được tẩy sạch tội lỗi và tin đến danh Đấng Mê-si-a. Đức Chúa Trời không bỏ dân Ngài (Ro 11:1).

Kế đến, các lời hứa trong Cựu Ước về Nước thiên đàng sẽ ứng nghiệm. Con Đại Nạn sẽ là thời kỳ rất khó khăn cho dân cư trên thế gian. Nhưng đó sẽ là thời gian “khổ nạn” để chuẩn bị cho sự khai sinh Nước thiên đàng. Đau khổ sẽ dẫn đến vinh hiển.

Thứ ba, Đức Chúa Trời sẽ đoán xét thế gian này. Ngày nay Ngài không giáng những cơn hình phạt trên thế gian bởi vì đây là thời ân điển như lời Ngài phán dạy, “Anh em được hòa thuận lại cùng Đức Chúa Trời” (II Co 5:14). Trời đất im lặng bởi vì tội lỗi con người đã bị đoán phạt tại thập tự giá. Qua Con của Ngài Đức Chúa Trời đã phán một lần đủ cả, và Ngài sẽ không phán dạy với thế gian này nữa cho đến ngày Ngài sai cơn đoán phạt đến trong suốt kỳ Đại Nạn.

Thứ tư, Cơ đốc nhân và là chi thể trong Hội Thánh Đấng Christ chúng ta không tìm kiếm dấu lạ. “Người Giu-Đa đòi dấu lạ” (ICo 1:22). Sẽ không có dấu lạ nào được bày tỏ trước khi Đấng Christ thành linh hiện ra tại không trung để tiếp rước Hội Thánh Ngài. Tuy nhiên, khi thấy một số dấu lạ trong cơn Đại Nạn bắt đầu xảy ra (“Khi các việc đó khởi xảy đến” Lu 21:28), chúng ta cảm thấy sự cuối cùng đã gần. Dường như những căng thẳng và xung đột xảy ra giữa các nước đang gia tăng đến mức thế giới đòi hỏi phải có một nhà độc tài, và quỷ Sa-tan chuẩn bị sẵn ứng cử viên của nó.

Cuối cùng, cho dù có nhìn nhận lời tiên tri như thế nào chăng nữa, chúng ta cũng biết rằng Chúa Giê-xu sắp trở lại. Là Cơ đốc nhân, chúng ta phải thức canh và chờ sẵn. Chúng ta không nên bỏ phí dịp tiện. Có thể chúng ta không có nhiều khả năng hoặc ân tứ, nhưng chúng ta vẫn có thể trung tín với tiếng gọi của Ngài đã ban cho chúng ta.

## **22. SỰ CHUẨN BỊ CỦA NHÀ VUA (Mat 26:1-56)**

Các sự kiện đang dần đến cao điểm. Nhà Vua sửa soạn chịu đau đớn và chết. Quá trình chuẩn bị gồm ba giai đoạn tại ba địa điểm khác nhau. Khi nghiên cứu các giai đoạn này, chúng ta có thể hiểu sự bất đồng ngày càng lớn giữa Chúa Giê-xu và kẻ chống nghịch Ngài.

## 1. Tại làng Bê-tha-ni: thờ phượng đối kháng hoang phí (Mat 26:1-16)

Ma-thi-ơ không tuyên bố sẽ cung cấp cho chúng ta hệ thống diễn tiến các sự kiện của tuần lễ cuối cùng theo trình tự thời gian. Lúc này ông chen vào một khung cảnh hồi tưởng lại bữa tiệc tại làng Bê-tha-ni và hành động thờ phượng đẹp đẽ Ma-ri đã thực hiện. Các nhà lãnh đạo tôn giáo đang họp nhau lại để tìm mưu chống nghịch Chúa Giê-xu, nhưng các bạn hữu Ngài nhóm lại để bày tỏ tình yêu và lòng tận hiến với Ngài. Hơn nữa, khi nối kết hai câu chuyện, Ma-thi-ơ cho thấy mối tương quan giữa tấm lòng tôn kính Chúa của Ma-ri và sự phản trắc của Giu-Đa. Chính sau bữa tiệc tại làng Bê-tha-ni, Giu-Đa đến nơi các thầy tế lễ và hiến kế giao nộp Chúa (Mac 14:10-11). Lời Chúa quở trách khiến Giu-Đa liền phản ứng như vậy.

Bữa tiệc diễn ra “sáu ngày trước lễ Vượt Qua” (Gi 12:1) tại nhà Si-môn, một người bị phong. Rõ ràng người đã được Đức Chúa Giê-xu chữa lành bệnh phong. Ít nhất có 17 người dự bữa tiệc này: Si-môn, Ma-ri, Ma-thê, La-xa-rô, Chúa Giê-xu, và Mười Hai Sứ Đồ. Đúng với tính cách của Ma-thê là “người thạo việc” trong gia đình, nàng lo việc phục vụ bữa ăn (Lu 10:38-42). Ba nhân vật chính trong sự kiện này là Ma-ri, Giu-Đa và Chúa Giê-xu.

**Ma-ri** (Mat 26:7). Chỉ có Phúc Âm Giăng cho biết rõ người đàn bà này là Ma-ri, em của Ma-thê và La-xa-rô. Ma-ri được nhắc đến ba lần trong các sách Phúc Âm, và trong mỗi trường hợp Ma-ri đều ngồi nơi chân Chúa Giê-xu. Người ngồi dưới chân Chúa nghe lời Ngài (Lu 10:38-42) người sắp mình xuống nơi chân Ngài với nỗi đau thương sau cái chết của La-xa-rô (Gi 11:28-32) và người thờ lạy nơi chân Chúa khi xúc dầu thơm cho Ngài (Gi 12:1). Ma-ri là một phụ nữ yêu mến Chúa sâu sắc. Người tìm thấy phước hạnh nơi chân Chúa, mang gánh nặng đặt nơi chân Chúa, và dâng của quý nhất nơi chân Chúa.

Khi kết hợp các bản ghi chép trong các sách Phúc Âm, chúng ta biết rằng người xúc dầu nơi đầu và chân Chúa, rồi dùng tóc lau chân Ngài. Mái tóc là sự vinh hiển của phụ nữ (ICo 11:15). Người dâng sự vinh hiển của mình cho Chúa và thờ lạy Ngài bằng của dâng quý giá người mang theo. Chính hành động yêu thương và tận hiến ấy đã tỏa hương thơm cho khắp nhà.

Do đã nghe lời Ngài giảng dạy, Ma-ri biết rằng chẳng bao lâu nữa Chúa Giê-xu sẽ chịu chết và bị chôn. Người cũng biết rằng thân xác Ngài sẽ không cần phải chăm sóc theo tục lệ dành cho người chết vì thân thể Ngài không trải qua sự hư nát (Thi 16:10 Cong 2:22-28). Người đã xúc dầu cho Chúa thay vì xúc xác Ngài sau khi Ngài chết. Đó là hành động của đức tin và lòng yêu mến Chúa.

**Giu-Đa** (26:8-9). Các môn đệ không biết bản chất thật của Giu-Đa. Lời Giu-Đa phê phán Ma-ri nghe có vẻ “thiên lệch” đến nỗi họ hiệp với Giu-Đa chê trách Ma-ri. Chúng ta biết lý do thật sự Giu-Đa muốn bán bình dầu ấy: Tiền bán được sẽ sung vào trong ngân quỹ và người có thể sử dụng tiền ấy (Gi 12:6).

Giu-Đa là một hình ảnh bi thảm. Người được Chúa kêu gọi làm môn đệ Đấng Christ và được xưng là sứ đồ như bao sứ đồ khác (Mac 3:13-19). Người nhận lãnh quyền năng chữa bệnh (Mat 10:1-4), và có thể người đã dùng năng quyền này. Không phải có năng quyền làm phép lạ là bằng chứng được ơn cứu rỗi (Mat 7:21-29), nhưng là do vâng theo lời phán dạy của Đức Chúa Trời.

Mặc dầu ở trong nhóm các môn đệ, cùng làm việc với Đấng Christ, nhưng Giu-Đa không phải là môn đệ thật. Khi Chúa Giê-xu rửa chân cho các môn đệ, Ngài phán rõ rằng một người trong số họ (Giu-Đa) chưa được tinh sạch (Gi 13:10-11). Giống như nhiều Cơ đốc nhân ngày nay, có những Giu-Đa “ở” trong tập thể người tin đạo nhưng không “thuộc về” tập thể ấy.

Hãy lưu ý mỗi lần Ma-ri tìm cách làm điều gì cho Chúa Giê-xu, người đều bị hiểu lầm. Ma-thê chị người hiểu lầm khi Ma-ri ngồi nơi chân Chúa nghe lời Ngài dạy. Giu-Đa và các môn đệ hiểu lầm khi người xúc dầu cho Chúa Giê-xu. Bạn hữu và xóm giềng hiểu lầm khi người ra khỏi nhà tìm gặp Chúa Giê-xu sau khi chôn cất La-xa-rô (Gi 11:28-31). Khi chúng ta dâng điều ưu tiên trong đời sống cho Chúa Giê-xu Christ, chắc chắn chúng ta có thể bị hiểu lầm chỉ trích từ những người cho rằng họ tin thờ Ngài.

Tại sao Giu-Đa theo Chúa Giê-xu ba năm, nghe lời phán dạy của Ngài, dự phần trong chức vụ của Ngài, nhưng rồi lại phản bội Ngài? Một điều chắc chắn: Giu-Đa không phải là nạn nhân của hoàn cảnh hoặc công cụ thụ động của Đức Chúa Trời. Chính lời tiên tri đã cho biết một trong những người thân cận Đấng Mê-si-a sẽ phản Ngài (Thi 41:9 55:12-14). Nhưng điều này không làm nhẹ bớt trách nhiệm của Giu-Đa. Chúng ta không nên xem Giu-Đa là kẻ tử đạo vì đã làm ứng nghiệm lời tiên tri này.

Chúng ta không thể nào hiểu trọn vẹn khối óc và con tim của Giu-Đa, nhưng chúng ta biết chắc rằng người có nhiều cơ hội để được cứu. Người thường được Chúa Giê-xu nhắc nhở cảnh tỉnh nơi Phòng Cao, thậm chí Chúa Giê-xu đã rửa chân cho Giu-Đa. Có lẽ Giu-Đa nhìn thấy trong Chúa Giê-xu tia hy vọng dân Y-sơ-ra-ên được tự do về chính trị. Nếu Chúa Giê-xu thiết lập vương quốc của Ngài, thì Giu-Đa, người giữ túi bạc, chắc chắn có địa vị quan trọng. Khi Chúa Giê-xu nhiều lần từ chối không làm Vị Cứu tinh về mặt chính trị, Giu-Đa quay gót chống lại Ngài. Quỷ Sa-tan tìm thấy một công cụ sẵn sàng trong con người Giu-Đa. Quỷ Sa-tan đặt để ý tưởng phản Ngài trong tâm trí Giu-Đa (Gi 13:2) và rồi nhập vào để sai khiến Giu-Đa phản nộ Chúa Giê-xu cho kẻ thù (Gi 13:27).

Cuộc đời Giu-Đa là lời cảnh tỉnh cho những ai giả bộ hầu việc Đấng Christ nhưng tấm lòng lại cách xa Đức Chúa Trời. Con người Giu-Đa cũng là bài học nhắc nhở cho người bỏ phí cơ hội và cuộc đời của mình. Khi thấy Ma-ri đập vỡ bình dầu quý giá xúc chân Chúa Giê-xu, Giu-Đa hỏi, “Sao phí của như vậy?” Tuy nhiên, Giu-Đa đã phí dịp tiện, cuộc đời và linh hồn của mình! Chúa Giê-xu gọi ông ta là con trai của sự hư mất (Gi 17:12)

**Chúa Giê-xu** (Mat 26:10-16). Chúa Giê-xu lập tức bảo vệ Ma-ri, vì Ngài luôn che chở kẻ thuộc về Ngài. Ngài quở trách Giu-Đa cùng các môn đệ khác và Ngài khen ngợi Ma-ri vì việc làm bày tỏ lòng yêu thương tận hiến của người. Không có điều gì chúng ta lấy lòng yêu thương dâng cho Chúa Giê-xu lại trở thành hoang phí. Việc Ma-ri xúc dầu thơm cho Chúa không những làm Chúa Giê-xu đẹp lòng và tỏa mùi thơm khắp nhà, nhưng còn đem phước hạnh cho toàn thế giới. Hành động dâng hiến của Ma-ri khích lệ chúng ta yêu mến và hầu việc Đấng Christ bằng khả năng tốt nhất của chúng ta. Sự hầu việc như vậy mang lại phước hạnh cho người khác mà có thể chúng ta không biết cho đến khi gặp Ngài.

Chúa Giê-xu không chỉ trích các môn đệ vì họ quan tâm đến người nghèo. Ngài đoái thương đến người nghèo, và chúng ta cũng nên như vậy. Ngài đang khuyên họ coi chừng đánh mất dịp tiện tôn thờ Chúa. Họ luôn có dịp tiện để giúp đỡ người

nghèo. Nhưng họ sẽ không có Ngài luôn luôn để thờ lạy nơi chân Ngài và sửa soạn cho sự qua đời của Ngài.

## **2. Trong phòng cao: sự trung thành đối kháng với sự phản bội (Mat 26:17-30)**

*Sửa Soạn Cho lễ Vượt Qua* (26:17-19). Mua sắm và chuẩn bị các vật dụng cần dùng cho lễ Vượt Qua là điều cần thiết. Cũng cần tìm một nơi trong thành phố Giê-ru-salem đông đúc để tổ chức buổi lễ. Vì vậy Chúa Giê-xu sai Phi-e-rơ và Giăng tiến hành các công việc chuẩn bị quan trọng này (Lu 22:8). Hai người phải đi theo một người mang vò nước và người đó sẽ chỉ cho họ một cái phòng rộng rãi ở trên lầu. Một người đàn ông mang vò nước là điều hết sức bất thường, vì công việc này thường thường do phụ nữ đảm nhận.

Chắc chắn Phi-e-rơ và Giăng phải tranh thủ lo sắm sửa bánh, rau đắng cũng như rượu nho cho bữa tiệc. Họ phải tìm một chiên con, giết chiên con nơi đền thờ và lấy huyết đặt nơi bàn thờ. Họ phải quay nguyên con chiên trên lửa, và rồi bữa tiệc bắt đầu.

*Công bố Kẻ Phản Bội* (Mat 26:20-25). Cho đến giờ phút chót các môn đệ cũng không nhận ra Giu-đa một người trong số họ, Giu-Đa, là kẻ phản bội. Họ không thấy có sự phân biệt nào trong cách Chúa đối đãi Giu-đa, đây là một lời chứng lạ lùng về lòng nhân từ thương xót của Chúa chúng ta. Trong lễ Vượt Qua khi các môn đệ đang dùng bữa, Chúa Giê-xu thông báo có kẻ phản bội đang hiện diện. Các môn đệ nhìn nhau, tự hỏi ai là kẻ phản Ngài. Họ bèn hỏi Chúa Giê-xu, "Lạy Chúa, có phải tôi không?". Cách đặt câu hỏi cho thấy họ mong Chúa trả lời không phải họ.

Giu-đa đang nằm tựa bên trái Chúa đây là chỗ ngồi vinh dự trong bữa tiệc. (Điều này có thể giải thích lý do tại sao các môn đồ lại bắt đầu cãi lầy nhau cho biết ai sẽ được tôn là lớn hơn hết trong đám mình. (Lu 22:24-30). Giăng đang ngồi tựa bên hữu Chúa, vì vậy ông có thể dựa vào ngực Chúa Giê-xu (Gi 13:23). Dùng bánh với nhau là hành động bày tỏ sự thân mật, nhất là bánh được nhúng vào đĩa nước chấm. Thật là một vinh dự khi người chủ tiệc trao cho một mẩu bánh. Chúa Giê-xu đã trao bánh cho Giu-Đa (Thi 41:9), Giu-đa nhận bánh từ tay Chúa và trong lòng biết rằng mình đang phản bội Ngài. Đối với Chúa Giê-xu, ban bánh là một cử chỉ ân cần của lòng mến khách đối với Giu-đa, nhận bánh là hành động phản bội xấu xa.

Mat 26:24 cho thấy cả cái nhìn của con người lẫn Đức Chúa Trời trong sự kiện này. Theo quan điểm của Chúa, sự phản trắc của Giu-đa đã được Thánh Kinh báo trước và là một phần trong chương trình của Đức Chúa Trời. Nhưng theo cách nhìn của con người, Giu-đa có hành động đê tiện và hoàn toàn chịu trách nhiệm với việc làm của ông ta. Quyền tể trị của Thiên Chúa và trách nhiệm của con người không trái ngược nhau, mặc dầu có thể chúng ta không hiểu được hai điều ấy kết hợp với nhau như thế nào để làm trọn ý muốn của Đức Chúa Trời.

Sau khi Giu-đa nhận bánh, quỷ Sa-tan nhập vào lòng người (Gi 13:27). Và người đi ra thực hiện lời cam kết với các thầy tế lễ mà giao nộp Chúa Giê-xu vào tay họ thậm chí vào lúc ấy các môn đệ khác không biết Giu-đa đang làm gì. "Người liền đi ra, khi ấy trời đã tối" (Gi 13:30). Đối với Giu-đa mọi sự vẫn còn là đêm tối.

*Thiết Lập lễ Tiệc Thánh* (Mat 26:26-30). Sau khi Giu-đa đã rời khỏi phòng, Chúa Giê-xu giới thiệu với các môn đệ một điều mới mẻ. Bữa Tiệc Của Chúa ICo 11:23-34).

Ngài dùng bánh không men và chén trong lễ Vượt Qua, để làm hình bóng về sự chết của Ngài. Bánh bẻ ra hình bóng thân thể Ngài phải tan nát vì tội lỗi của nhân loại. ” Nước Trái nho” Mat 26:29) hình bóng về huyết của Ngài bị đổ ra để tha tội cho nhiều người. Thánh Kinh không cho biết có điều đặt biệt hoặc màu nhiệm nào xảy ra cho bánh và chén. Vẫn là bánh và “nước trái nho” nhưng giờ đây có ý nghĩa sâu xa hơn: đó là thịt và huyết của Chúa Giê-xu Christ.

Bữa Tiệc của Chúa nhắc nhở chúng ta trông đợi ngày Đấng Christ trở lại. Chúng ta sẽ giữ bữa tiệc yêu thương này cho đến lúc Ngài đến. (ICo 11:26). Lễ Vượt Qua cho thấy Chiên Con của Đức Chúa Trời là Đấng cất tội lỗi của thế gian Gi 1:29). Bữa Tiệc Của Chúa cho chúng ta biết rằng công tác lớn lao này đã được hoàn tất.

Trong Mat 26:29, Chúa Giê-xu thêm vào sự vinh hiển tương lai trong Nước thiên đàng. Chúa Giê-xu đã ăn bánh, cá và mật sau khi Ngài sống lại Lu 24:41-43 Gi 21:9-15). Nhưng không có chỗ nào chép Ngài đã uống nước trái nho sau khi sống lại. Ngay cả lúc Ngài đối diện với sự chối bỏ của dân sự Ngài và sự đau đớn trên thập tự giá, Ngài đang nghĩ về vương quốc sẽ được thành lập bởi sự hy sinh của Ngài. Theo tục lệ người ta uống bốn chén trong lễ Vượt Qua, mỗi chén liên quan đến một trong bốn lời hứa chép trong Xu 6:6-7. Chén thứ ba ("Ta sẽ chuộc các ngươi") là chén Chúa Giê-xu dùng trong Bữa Tiệc của Ngài, bức tranh của sự cứu chuộc mà Ngài sẽ hoàn tất. Chén thứ tư sẽ được ứng nghiệm sau khi thiết lập Nước thiên đàng.

Bài Thơ Thánh mà Chúa Giê-xu và môn đệ hát trước khi rời khỏi phòng cao là một phần của bài Ca Ngợi Chúa, các Thi 116:1-118:29. Hãy đọc các Thi-thiên này dưới ánh sáng của sự chết và sống lại của Đấng Christ để hiểu được lời thi-thiên mang một ý nghĩa mới mẻ. Bạn hãy tưởng tượng tâm trạng Chúa chúng ta như thế nào khi Ngài có thể hát ngợi khen Đức Chúa Trời trong lúc đang đối diện với sự chối bỏ, đau đớn và chết chóc.

### **3. Vườn Ghết-sê-ma-nê: sự thuận phục tương phản với sự chống cự (Mat 26:31-56)**

Tại Núi Ô-Li-Ve có một khu vườn riêng biệt nơi Chúa Giê-xu thường lui tới cầu nguyện (Gi 18:2). Ghết-sê-ma-nê có nghĩa là ” nơi ép dầu”, một tên gọi đầy ý nghĩa trong sự đau đớn Ngài chịu nơi khu vườn đó.

*Ngài Báo Trước Các Môn Đệ Sẽ Thối Lui* (Mat 26:31-35). Lời tuyên bố này có lẽ được ứng nghiệm lúc các môn đệ bỏ Ngài và trốn đi. Chúng ta thường nhắc đến Phi-e-rơ như là một vị môn đệ không trung thành với Chúa, nhưng tất cả các môn đệ đều rời bỏ Ngài. Chúa Giê-xu trích dẫn Xa 13:7 để cảnh báo cho các môn đệ Ngài, nhưng Ngài còn thêm một lời hứa: Ngài sẽ sống lại và gặp họ tại xứ Ga-li-lê. Buồn thay, các môn đệ không chú ý gì đến lời hứa về sự sống lại của Ngài. Trong ngày Ngài sống lại, các thiên sứ nhắc họ nhớ lại cuộc hội ngộ tại xứ Ga-li-lê (Mat 28:7,10).

Khi Phi-e-rơ không đồng ý với lời phán của Chúa, ông đã ở khởi điểm của tội chối Chúa. Phi-e-rơ không chịu chấp nhận chữ “tất cả “ có ông trong đó. Thay vì làm cho Phi-e-rơ yên lòng, Chúa cảnh cáo riêng ông: Ông sẽ chối Đấng Christ ba lần! Phi-e-rơ nghĩ rằng ông tốt hơn những người khác, nhưng Chúa Giê-xu phán rằng ông sẽ là kẻ hèn nhát hơn những người khác.

Phi-e-rơ cương quyết bác bỏ lời phán của Đấng Christ và các môn đệ khác cũng đồng lòng như vậy. Nếu như Phi-e-rơ lắng nghe lời phán của Chúa Giê-xu và vâng theo, chắc chắn ông sẽ không chối Ngài đến ba lần.

**Chúa Giê-xu Hoàn Tất Sự Từ Bỏ Mìn** (Mat 26:36-46). Ngài để tám môn đệ ở tại lối ra vào khu vườn, trong khi đó Ngài đem Phi-e-rơ, Giăng và Gia-cơ đi xa hơn. Đây là lần thứ ba Ngài đem ba môn đệ này đi riêng với Ngài. Họ ở riêng với Ngài trên Núi Hóa Hình (Mat 17:1) và trong nhà của Giai-ru nơi Ngài kêu con gái Giai-ru sống lại (Lu 8:49). Ngài muốn họ tỉnh thức và cầu nguyện. Ngài đang trải qua giờ phút khó khăn, và sự hiện diện của các môn đệ sẽ an ủi khích lệ Ngài.

Chúng ta không nên nghĩ rằng chính nỗi sợ chết đã làm Chúa đau đớn tại vườn Ghết-sê-ma-nê. Ngài không sợ sự chết, nhưng Ngài đối diện cái chết với lòng can đảm và bình an. Ngài sắp “uống cạn chén đau thương” mà Cha Ngài đã dành sẵn, và điều này có nghĩa Ngài gánh tội của thế gian trong thân thể Ngài (Gi 18:11 IPhi 2:24). Nhiều người yêu mến Chúa đã bị bắt, bị đánh đập và bị giết vì có đức tin của họ. Nhưng chỉ có Chúa Giê-xu mang lấy tội lỗi và sự rửa sạch vì con người (II Co 5:21 Ga 3:13). Đức Chúa Cha không hề rời bỏ những kẻ thuộc riêng về Ngài, tuy nhiên Ngài đã lia bỏ Con Ngài (Mat 27:46). Đây là chén mà Chúa Giê-xu bằng lòng uống vì tội lỗi chúng ta.

Chúa Giê-xu không vật lộn với ý chỉ của Đức Chúa Trời hoặc chống lại ý muốn của Cha Ngài. Ngài tự thuận phục ý định của Đức Chúa Trời. Là một người trọn vẹn, Ngài cảm thấy gánh nặng tội lỗi quá lớn, và tâm linh thánh khiết của Ngài ghê tởm tội lỗi. Tuy nhiên là Con Đức Chúa Trời, Ngài biết rằng đây là sứ mạng của Ngài trong thế gian. Chúng ta nhìn thấy thật sống động sự mầu nhiệm về nhân tính và thần tính của Ngài trong khung cảnh này.

Phi-e-rơ và đồng bạn của ông hứa trung thành với Thầy của mình cho đến chết, tuy nhiên họ đã ngủ quên! Họ cần phải cầu nguyện cho chính mình, vì sự nguy hiểm rất gần họ. Và chắc chắn sẽ ý nghĩa biết bao cho Chúa của họ nếu như họ tỉnh thức và cầu nguyện với Ngài. Họ đã thất bại, nhưng Thầy của họ đã thành công.

**Chúa Bị Bắt** (Mat 26:47-56). Chúa Giê-xu biết rằng Giu-đa và những quan quân bắt Ngài đến gần, vì vậy Ngài đánh thức các môn đệ dậy và chuẩn bị cho họ đối diện với những điều sắp xảy ra. Việc bọn lính và những người coi giữ đèn thờ cầm gươm và gậy cho thấy Giu-đa thực sự không hiểu Chúa Giê-xu. Giu-đa nghĩ rằng quân lính sẽ phải tìm kiếm Chúa Giê-xu ẩn nấp trong vườn và phải đánh nhau với các môn đệ mới bắt Ngài được. Nhưng Chúa Giê-xu tiến đến và yên lặng nộp mình trong tay họ. Chắc chắn không cần phải có Giu-Đa giao nộp Ngài bằng một cái hôn phản bội, vì Chúa Giê-xu nói cho bọn lính biết Ngài là ai.

Thật thảm thương khi thấy Giu-đa xem thường mọi thứ ông ta đụng đến. Tên của ông có nghĩa là sự khen ngợi (Sa 29:35), nhưng ngày hôm nay ai còn dám đặt tên cho con trai mình là Giu-đa? Giu-đa dùng nụ hôn làm vũ khí, chớ không phải là dấu hiệu của sự thương yêu. Vào thời đó, các môn đệ có thông lệ hôn thầy của mình. Nhưng trong trường hợp này, nụ hôn không phải là biểu hiện sự thuận phục hoặc tôn kính. Các động từ trong tiếng Hi-Lạp cho thấy Giu-đa hôn Chúa Giê-xu nhiều lần.

Vào thời điểm này, vài môn đệ khác hỏi Chúa, "Thưa Chúa, chúng tôi nên dùng gươm đánh chằng?" Lúc Ngài ở với họ trên phòng cao, Chúa Giê-xu đã phán với họ về gươm (Lu 22:31-38). Chúa Giê-xu đang chuẩn bị cho họ một cách sống khác. Họ cần phải dùng bất cứ phương tiện nào Chúa chu cấp để săn sóc và bảo vệ họ an toàn.

Họ sẽ sống giữa thế giới thù địch, và Ngài không luôn luôn thi thố phép lạ để cứu giúp họ.

Vấn đề ở đây là các môn đệ hiểu lầm lời phán dạy của Ngài. Như thường lệ họ hiểu lời Ngài theo nghĩa đen, “Thưa Chúa, có hai thanh gươm đây.” Và Ngài phán với họ rằng, “Ấy là đủ” (Lu 22:38). Phi-e-rơ đã cãi lại lời phán của Chúa Giê-xu, ông phủ nhận và không vâng theo lời của Ngài (lúc ông ngủ gục). Bấy giờ ông hành động trước khi nghe lời phán của Ngài. Với lòng hăng hái bảo vệ Chúa Giê-xu, Phi-e-rơ đã dùng gươm chém đứt lỗ tai của Man-chu. Phi-e-rơ không chờ đợi Chúa phán dạy điều ông phải làm, nhưng (giống như Môi-se ở Ai Cập, (Xu 2:11-15) Phi-e-rơ vội vã tin vào cánh tay mạnh sức của mình. Nếu Chúa Giê-xu không chữa lành lỗ tai của Man-chu, có thể sẽ có đến bốn cây thập tự trên đồi Gô-gô-tha!

Việc các quan coi đền thờ đã không bắt Chúa Giê-xu khi Ngài ở trong đền thờ chứng tỏ rằng có chương trình tế trị của Đức Chúa Trời trên đời sống của Ngài. Những điều này không tình cờ xảy ra, nhưng có chuẩn bị trước. Đó là tất cả phần việc Đức Chúa Trời thực hiện trong chương trình cứu chuộc của Ngài, tuy vậy con người tội lỗi phải chịu trách nhiệm cho việc làm của mình. “Người đó bị nộp theo ý định trước và sự biết trước của Đức Chúa Trời, các người đã mượn tay độc ác mà đóng đinh Người trên thập tự giá và giết đi” (Cong 2:23).

Dĩ nhiên họ không có quyền bắt Ngài. Ngài không phạm luật pháp, không phạm tội ác nào. Họ đối đãi Ngài như một tên trộm cướp - tuy vậy chính Giu-đa là tên trộm cướp! Các môn đệ mạnh mẽ hứa ở với Ngài, đã lia bỏ Ngài. “Này, giờ đến, là khi các người sẽ tản lạc, ai đi đường nấy, và để ta lại một mình nhưng ta không ở một mình, vì Cha ở cùng ta.” (Gi 16:32). Sau đó, ngay cả Cha Ngài cũng lia bỏ Ngài!

Mỗi chúng ta phải có quyết định: Sẽ dùng gươm để tự vệ hoặc nhận chén đau thương? Tôi sẽ chống cự hoặc thuận phục ý muốn Đức Chúa Trời? Chén chúng ta nhận lấy thường là chén đau khổ nhưng cuối cùng sự đau thương ấy dẫn đến vinh hiển. Chúng ta không cần phải sợ uống chén, vì Đức Chúa Cha đã dành sẵn đặc biệt cho chúng ta. Ngài biết khả năng nhận lấy chén của chúng ta, và Ngài giao chén ấy theo sự khôn ngoan và lòng thương yêu của Ngài.

## **23. VUA BỊ XỬ ÁN (Mat 26:57-27:26)**

Sau khi bị bắt, quân lính giải Chúa Giê-xu đến nhà của An-ne, nguyên là thầy tế lễ thượng phẩm, ông gia của Cai-phe thầy tế lễ thượng phẩm đương niên (Gi 18:3). An-ne, nhà chính trị tài ba, ở một mức độ nào đó ông ta là “cố vấn” trong hội đồng quản trị đền thờ. Kế đó, Chúa Giê-xu bị điệu đến Cai-phe và đến sáng họ giải Ngài đến trường án. Họ nộp Ngài cho tổng trấn Phi-lát và Phi-lát tìm cách giao Ngài cho vua Hê-rốt xét xử (Lu 23:6-12). Nhưng Hê-rốt đã gửi trả Ngài lại cho Phi-lát.

Ma-thi-ơ tập trung chú ý vào bốn người có liên quan trong vụ xét xử Chúa và sự đau đớn của Chúa.

### **1. Cai-Phe (Mat 26:57-68)**

Theo Luật pháp Cựu ước, thầy tế lễ thượng phẩm phải thi hành chức vụ cho đến khi qua đời. Nhưng khi quân đội La Mã cai trị đất nước Y-sơ-ra-ên, họ đã biến chức vụ tế lễ thượng phẩm thành công việc được bổ nhiệm. Theo cách này chính quyền La Mã có thể nắm chắc trong tay một nhà lãnh đạo giáo hội sẽ hợp tác với chính sách đô

hộ của họ. An-ne thi hành chức vụ thầy tế lễ thượng phẩm từ năm thứ 6 SC. cho đến năm 15 SC, và năm con trai của ông cũng như Cai-phe người con rể đã tiếp nối chức vụ của ông. Cai-phe là thầy tế lễ thượng phẩm từ năm 18-36 SC., nhưng An-ne vẫn còn quyền hành đằng sau ngôi vị (Lu 3:2).

Cả An-ne và Cai-phe đều thuộc phái Sa-đu-sê, có nghĩa là họ không tin vào sự sống lại, thế giới thần linh, hoặc năng quyền của bất cứ sách Cựu Ước nào trừ Ngũ Kinh của Môi-Se. Chính gia đình thầy tế lễ thượng phẩm điều hành “việc mua bán trong đền thờ” mà Chúa Giê-xu đã hai lần phá đổ trong thời gian Ngài thi hành chức vụ. Dĩ nhiên, những con người này thật vui mừng khi bắt được kẻ thù của mình. Cai-phe đã tuyên bố rõ ràng ông dự định dâng Chúa Giê-xu làm con sinh tế để cứu cả dân tộc (Gi 11:47-54).

Thầy cả thượng phẩm vội vàng triệu tập Hội Đồng Quốc Gia, gồm những nhà lãnh đạo, các trưởng lão và các thầy dạy luật (Mac 14:53). Trong khi Hội Đồng Quốc Gia tập trung, Cai-phe và những người giúp việc ra sức tìm nhân chứng có thể đưa ra bằng chứng chống lại Chúa Giê-xu. Họ quyết định Chúa Giê-xu có tội, nhưng họ làm ra vẻ đang xử án theo luật pháp.

Vì không tìm được người làm chứng nào nói đúng sự thật họ muốn (tự thân điều này mình chứng Chúa chúng ta vô tội), cho nên các nhà lãnh đạo sắp đặt những người làm chứng dối để buộc tội Chúa Giê-xu. Luật pháp Môi-se nghịch lại những người làm chứng dối (Phu 19:15-21), nhưng ngay cả những nhà lãnh đạo tôn giáo cũng bóp méo Lời Đức Chúa Trời để đạt được những mục đích vị kỷ của mình. Có hai lời chứng đã ứng nghiệm theo văn bản của luật pháp. Nhưng việc họ chủ tâm nói dối đã phá vỡ lời văn lẫn tinh thần của luật pháp. Những người làm chứng trích dẫn một lời phán của Chúa Giê-xu đã dạy trong ngày đầu chức vụ của Ngài: “Hãy phá đền thờ này đi, trong ba ngày Ta sẽ dựng lại!” (Gi 2:19). Nói nghịch lại đền thờ là một vấn đề nghiêm trọng về sau Ê-tiên đã chết vì đạo cũng do chính lời buộc tội này (Cong 6:12-14 7:45-50).

Khi đối diện với lời cáo buộc này, Chúa Giê-xu làm thinh không nói lời nào. Điều này ứng nghiệm lời tiên tri Es 53:7. Chúa Giê-xu không thể phủ nhận Ngài đã phán như vậy, nhưng Ngài cũng không thể giải thích ý nghĩa thiêng liêng của lời phán ấy cho những người chỉ có trí hiểu thế gian. Qua thái độ đối với kẻ chống nghịch Ngài, Chúa Giê-xu đã nêu một gương cho chúng ta noi theo (IPhi 2:18-23).

Khi Cai-phe thấy những lời chứng dối không kết tội được Chúa Giê-xu, ông tìm mưu kế khác. Ông ta đặt Chúa Giê-xu dưới áp lực của lời thề. Trong thời đại chúng ta việc khai man và thiếu cân nhắc với sự thật cứ diễn ra, khiến chúng ta không thể hiểu đúng tầm mức quan trọng khi người Giu-đa dùng lời thề. Dĩ nhiên điều này dựa theo Luật pháp của họ (Dan 30:2 Xu 20:7 Le 19:12). Cai-phe biết Chúa Giê-xu tuyên bố Ngài là Con Đức Chúa Trời (Gi 10:30-33), vì vậy ông buộc Chúa Giê-xu phải thề về lời tuyên bố đó. Thầy tế lễ khôn ngoan này biết Chúa Giê-xu không thể tránh né câu trả lời.

Chúa Giê-xu khẳng định Ngài là Con Đức Chúa Trời. Ngài ứng dụng lời Kinh Thánh trong Thi 110:1 và Da 7:13 vào chính Ngài, cả hai câu Kinh Thánh đều nói về Đấng Mê-si-a. Trong hai lời trích dẫn này, Chúa Giê-xu báo trước Ngài sẽ sống lại, thăng thiên về trời và tái lâm trong vinh quang. Khi phán điều này Ngài có ý định ban



ơn cứu rỗi cho những ai tin cậy Ngài nhưng đối với Cai-phe đó là bằng chứng để ông kết tội Chúa.

Không xem xét kỹ các chứng cứ buộc tội, Cai-phe đã tuyên án. Việc Chúa Giê-xu bị ngược đãi sau khi Ngài bị kết án quả thật là hành động phi pháp và vô nhân đạo. Dĩ nhiên, tất cả những việc làm này phơi bày tâm địa độc ác của thầy tế lễ. Đồng thời cũng ứng nghiệm lời tiên tri về Đấng Mê-si-a (Es 50:6).

## 2. Phi-e-rơ (Mat 26:69-75)

Phi-e-rơ bị mọi người chê trách vì theo Chúa “xa xa” (Mat 26:58) nhưng đó không phải lỗi lầm. Sai phạm chính là do người cứ bám theo Chúa. Phi-e-rơ được lệnh phải đi khỏi chỗ đó! Chúa Giê-xu đã báo trước cho Phi-e-rơ biết ông sẽ chối Ngài. Chúa Giê-xu cũng trích dẫn lời đấng tiên tri Xa 13:7 phán rằng “chiên sẽ tản lạc”. Cuối cùng Chúa Giê-xu đã dứt khoát truyền lệnh cho các môn đệ không đi theo Ngài: “Hãy để cho những kẻ này đi” (Gi 18:8-9). Nếu Phi-e-rơ đã chịu nghe lời và làm theo, chắc chắn ông không chối Chúa một cách nhục nhã như vậy.

Sứ đồ Giăng cũng có phần trong sự thất bại này, vì ông đã cùng với Phi-e-rơ theo sau Chúa Giê-xu và cả hai đã vào trong sân nhà thầy tế lễ thượng phẩm (Gi 18:15-16). Chúa Giê-xu đã phán dặn họ phải “tỉnh thức và cầu nguyện” kéo họ sa vào cám dỗ (Mat 26:41). Nhưng thay vào đó họ đã ngủ gục. Hậu quả họ đã sa vào cám dỗ và Phi-e-rơ vấp ngã.

Hành động chối Chúa của Phi-e-rơ là cao điểm của một chuỗi thất bại. Lần đầu khi Chúa Giê-xu báo cho Phi-e-rơ biết ông sẽ bị quỷ Sa-tan sàng sảy, Phi-e-rơ khẳng định ông có đức tin và khả năng trung thành với Chúa. Vì kiêu ngạo Phi-e-rơ đã không đồng ý với lời phán của Chúa! Thậm chí ông còn tự so sánh mình với các môn đệ khác và mạnh mẽ tuyên bố, dầu mọi người có thể sa ngã, nhưng ông vẫn trung thành.

Phi-e-rơ đứng sưởi ấm bên ngọn lửa của kẻ thù cho thấy ông bị thất bại như thế nào. Phi-e-rơ chối Chúa là điều nhục nhã hơn bao giờ hết vì hai người hỏi ông chính là hai đứa tớ gái. Lần thứ ba do một người đàn ông, một người đang cùng đứng xem, chất vấn ông nhưng Phi-e-rơ lại thất bại. Người đàn ông này có họ hàng với Man-chu mà Phi-e-rơ đã chém đứt tai (Gi 18:26). Vì vậy hành động nông nổi của Phi-e-rơ cứ ám ảnh ông ngay cả sau khi Chúa Giê-xu đã chữa lành cho Man-chu.

Bản tường thuật của sách Mác cho biết gà sẽ gáy hai lần (Mac 14:30). Sau khi Phi-e-rơ chối Chúa lần thứ ba, thì gà gáy lần thứ hai (Mac 14:72). Điều này có nghĩa tiếng gà gáy thứ nhất là lời cảnh báo cho Phi-e-rơ, đáng lý ra khi nghe gà gáy ông phải lập tức rời khỏi nơi đó. Phi-e-rơ đã thất bại hoàn toàn sau lần chối Chúa thứ ba và tiếng gà gáy thứ hai vang lên.

Tiếng gà gáy nhắc Phi-e-rơ nhớ lại lời phán của Chúa Giê-xu. Nếu Phi-e-rơ nhớ và vâng theo lời dạy của Chúa, chắc chắn ông sẽ không bao giờ chối Thầy của mình. Chính ngay lúc ấy Chúa Giê-xu quay lại nhìn Phi-e-rơ (Lu 22:61), và ánh mắt yêu thương ấy đã làm tấm lòng của vị sứ đồ tan nát. Phi-e-rơ đi ra ngoài khóc lóc cách đắng cay.

Sau khi Ngài sống lại, Chúa Giê-xu gặp riêng Phi-e-rơ và phục hồi chức vụ sứ đồ cho ông (Mac 16:7 ICo 15:5). Chúa Giê-xu cũng phục chức cho ông cách công khai (Gi 21:15-19). Phi-e-rơ nhận được một số bài học quan trọng qua kinh nghiệm chua xót

ấy. Ông cần phải chú ý đến lời dạy của Chúa, thức canh cầu nguyện, và không cậy vào sức riêng mình.

### 3. Giu-đa (Mat 27:1-10)

Để dân chúng không thể nói cuộc họp được triệu tập vội vàng đêm qua là sai Luật Pháp, Hội đồng Do Thái đã họp lại vào buổi sáng và đọc bản án chính thức kết tội Chúa Giê-xu. Giờ này tất cả mọi người đều có thể tham dự phiên tòa. Có khả năng Ni-cô-đem và Giô-sép người A-ri-ma-thê không tham dự buổi xử án hoặc từ chối không đồng tình với bản án (Gi 19:38-42). Nhưng người Giu-đa không có quyền thi hành án tử hình (Gi 18:31), vì vậy Chúa Giê-xu bị giải đến Phi-lát, quan toàn quyền La Mã. Chỉ có Phi-lát mới có quyền thi hành án tử hình phạm nhân.

Vào lúc này, Giu-đa quay lại nơi xử án. Chúng kiến phiên tòa xét xử Chúa và nghe đọc phán quyết của tòa án, Giu-đa nhận ra rằng Chúa Giê-xu bị kết án tử hình. Giu-đa cảm thấy tiếc nuối và ân hận cho hành động của mình. Từ ngữ Hy Lạp đã dịch là “ăn năn” ở trong Mat 27:3 cho thấy không phải do buồn rầu vì tội lỗi dẫn đến sự biến đổi trong ý định và hành vi, nhưng đó là sự hối hận vì việc đã làm, sự tiếc nuối dẫn đến tuyệt vọng. Phi-e-rơ thực sự đã ăn năn, và Chúa Giê-xu rịt lành cho ông. Nhưng Giu-đa không ăn năn, và điều này khiến ông treo cổ tự tử.

Giu-đa đã bán Chúa Giê-xu với giá của một tên nô lệ (Xu 21:32). Trong cơn tuyệt vọng, ông ném trả bạc vào đền thờ và bỏ đi. Luật Pháp Môi-se không cho phép sử dụng loại tiền dơ bẩn này vào công việc đền thờ (Phu 23:18). Các nhà lãnh đạo Do Thái cẩn thận tuân thủ Luật pháp trong khi đó họ đang phạm tội hủy hoại luật pháp. Họ dùng tiền ấy mua “đám ruộng của thợ gốm” dùng làm nơi chôn cất khách lạ.

Cong 1:18-19 cho chúng ta hiểu biết thêm về sự kiện này. Giu-đa tự bỏ đi, bị ám ảnh bởi tội ác khủng khiếp của mình, và cuối cùng đã thắt cổ tự tử. Rõ ràng sau mấy ngày người ta mới phát hiện thi thể của Giu-đa, vì nó đã trương lên và ruột gan đổ ra ngoài. Có lẽ cành cây nơi Giu-đa treo cổ bị gãy gãy nên sự cố như vậy.

Cong 1:18 không nói Giu-đa tự tử trong đám ruộng các thầy tế lễ đã mua bởi đồng tiền bán Chúa. Chắc chắn việc Giu-đa treo cổ sẽ làm ô uế đám đất và các thầy tế lễ sẽ chẳng bao giờ mua đám ruộng ấy. Mat 27:7 chép rằng các thầy tế lễ mua một đám ruộng Cong 1:18 chép rằng tiền thưởng của Giu-đa đã được dùng để mua đám ruộng. Giu-đa không thể mua đám ruộng với số tiền ấy vì ông ta đã giao trả lại cho các thầy tế lễ. Các thầy tế lễ gọi nghĩa địa ấy là “ruộng huyết” vì người ta đã mua nó bằng “giá của huyết”. Việc Giu-đa tự sát làm cho tên gọi đám ruộng thêm nhiều máu, vì chính ông ta là người đóng tiền.

Nhưng, tại sao Ma-thi-ơ liên hệ sự kiện này với lời của đấng tiên tri Giê-rê-mi trong lúc lời tiên tri lại được chép trong Xa 11:12-13? Một giải pháp khả thi đó là tiên tri Giê-rê-mi đã nói lời tiên tri này (chú ý Mat 27:9) và nó trở thành một phần trong lời truyền khẩu của người Giu-đa. Về sau lời truyền khẩu này đã được tiên tri Xa-cha-ri chép lại. Chắc chắn tiên tri Giê-rê-mi có liên quan đến vụ mua một đám ruộng (Gie 32:6), và cũng với đám ruộng của nhà thợ gốm (Mat 18:1), và là nơi chôn cất người chết (19:1-12). Có lẽ Ma-thi-ơ đang liên hệ đến các sự kiện phổ quát như là làm bối cảnh cho lời tiên tri do Xa-cha-ri chép lại.

### 4. Phi-lát (Mat 27:11-26)

Bôn-xơ Phi-lát là viên toàn quyền thứ sáu do chính quyền La Mã cử đến cai trị xứ Giu-đê. Ông không được người Giu-đã thích vì đã nhiều lần cố tình vi phạm Luật pháp Giu-đã và khích động dân chúng. Ông ta sẵn sàng giết người để hoàn thành các mục tiêu của mình (Lu 13:1). Địa vị của Phi-lát không ổn định luôn luôn bởi vì quan hệ của ông với người Y-sơ-ra-ên trở nên xấu đi và vì chính sách thay đổi của người La Mã đối với người Giu-đã.

Các nhà lãnh đạo Do thái tố cáo Chúa Giê-xu phạm ba tội. Họ tuyên bố rằng Ngài đã dẫn dắt dân tộc đi sai lạc, ngăn cấm việc nộp thuế, và tự xưng là Vua (Lu 23:2). Đây là những lời buộc tội thuộc về chính trị, loại tội phạm mà quan cai trị La mã có thể xử lý. Phi-lát tập trung vào tội thứ ba - tội Chúa Giê-xu đã tuyên bố Ngài là Vua - bởi vì tội này đe dọa nền an ninh của chính quyền La Mã. Nếu giải quyết được “cuộc dấy loạn” này, Phi-lát có thể làm hài lòng người Giu-đã và đồng thời làm cho Hoàng Đế La Mã nể phục.

Phi-lát hỏi, "Chính người là Vua dân Giu-đã phải không?". Chúa Giê-xu cho ông ta câu trả lời rõ ràng: "Thật như lời người nói". Tuy nhiên, lúc ấy Chúa Giê-xu hỏi Phi-lát dựa theo câu hỏi của ông ta (Gi 18:34-37). Có phải Phi-lát đang nghĩ về “vương quyền” trong cái nhìn của người La Mã chăng? Nếu vậy, Chúa Giê-xu không phải là vị vua ấy. Chúa Giê-xu giải thích cho viên toàn quyền hiểu rằng vương quốc của Ngài không thuộc về thế gian này, nước Ngài không cần có quân đội, những kẻ theo Ngài không đánh trận. Hơn nữa, nước Ngài là triều đại của lẽ thật.

Cuộc đối thoại khiến Phi-lát tin rằng Chúa Giê-xu không phải là một người bạo loạn nguy hiểm. Phi-lát quyết định, "Ta chẳng thấy người có tội lỗi gì cả". Nhưng các quan cai trị người Giu-đã đòi Phi-lát kết tội Chúa Giê-xu. Họ nhắc lại lời cáo buộc của mình và khi mô tả đầy đủ chi tiết về những lời cáo giác của họ, họ nói rằng Chúa Giê-xu là người Ga-li-lê. Khi Phi-lát nghe điều này, ông thấy có cách thoát khỏi tình trạng khó xử của mình, bởi vì xứ Ga-li-lê thuộc quyền cai trị của Vua Hê-rốt. Có thể Hê-rốt không hài lòng về Phi-lát vì ông đã giết các công dân của Hê-rốt (Lu 13:1). Chắc chắn Phi-lát nghĩ đây là cơ hội để ông làm hòa với Hê-rốt.

Ma-thi-ơ không ghi lại cuộc xử án của vua Hê-rốt A-c-ríp-ba (Lu 23:6-13). Hê-rốt là người đã giết Giăng Báp Tít và dọa giết Chúa Giê-xu (Lu 13:31-32). Chúa Giê-xu yên lặng trước mặt vua Hê-rốt, vì Hê-rốt đã bịt tai trước tiếng nói của Đức Chúa Trời. Tất cả những gì vua có thể làm là nhạo báng Chúa Giê-xu và chuyển trả Ngài lại cho Phi-lát. Nếu Phi-lát hi vọng trút bỏ được rắc rối, ắt ông ta đã thất vọng. Tuy nhiên, thủ đoạn này đã giải quyết được mối bất hòa giữa hai nhà cai trị.

Phi-lát muốn giải quyết rắc rối nhưng không có quyết định cụ thể nào về Chúa Giê-xu. Là một quan toàn quyền La mã, ông ta thề phải giữ đúng kỷ cương phép nước. Nhưng là nhà chính trị, ông ta biết phải chịu theo ý muốn của dân chúng. Phi-lát hết đưa ra quyết định này lại dẫn đến quyết định khác, cho đến khi ông cứ lần quần trong sự tránh né. Ông chất vấn Chúa Giê-xu thêm nữa, nhưng Ngài không trả lời.

Phi-lát bày ra một mưu kế khác: Ông sẽ làm theo truyền thống ân xá tù nhân. Thay vì chọn một tù nhân vô danh tiểu tốt nào đó, Phi-lát cố tình chọn tên tù phạm nguy hiểm nhất ông đang giam giữ đó là Ba-na-ba. Ba-na-ba là tên trộm cướp (Gi 18:40) và là gã giết người (Mac 15:7). Phi-lát lập luận rằng đám đông sẽ từ chối Ba-na-ba và đòi tha cho Chúa Giê-xu, vì có ai muốn một tên giết người và trộm cướp lộng hành trong xã hội?

Nhưng Phi-lát đã tính sai. Mặc dầu Chúa Giê-xu săn sóc dân chúng qua hành động chữa lành người bệnh và kêu kẻ chết sống lại, nhưng dân chúng vẫn từ chối Ngài và chọn xin tha cho tên giết người. Phi-lát nhận ra rằng cuộc náo loạn trong dân chúng đang tiếp tục nổi lên, và ông không thể để cho điều này xảy ra. Đây chính là điểm các nhà cai trị muốn tránh - cuộc náo loạn trong kỳ lễ Vượt Qua (Mat 26:5) - họ tự sắp đặt để buộc Phi-lát phải hành động. Viên toàn quyền đã hành động hoàn toàn ngoài ý muốn cá nhân và không đặt trên nền tảng chính trực. Ông ta trả tự do cho người có tội và kết án người vô tội, Con người vô tội đó là Con Đức Chúa Trời.

Phi-lát thực hiện ba bước nhằm tự thanh minh ông không có liên can gì đến vụ án. Trước hết, ông rửa tay và tuyên bố ông không có tội trong việc kết án này. Thứ hai, ông nói rằng Chúa Giê-xu là người công chính không đáng chết. Thứ ba, ông cho phạt Chúa Giê-xu rồi thả Ngài, nhưng các nhà lãnh đạo tôn giáo không chấp nhận giải pháp dung hoà nào cả. Cuối cùng, họ dùng một đòn giáng phủ đầu Phi-lát khiến ông không còn cách nào tự vệ được: “Nếu quan tha người này, thì quan không phải là trung thần của Sê-sa vì hễ ai tự xưng là Vua, ấy là người xưng lên nghịch cùng Sê-sa vậy!” (Gi 19:12). Đến lúc này, Phi-lát chịu thúc thủ, người sai đánh đòn Chúa Giê-xu và giao Ngài cho chúng đóng đinh trên thập tự giá.

Vì người Giu-đa không thể hành hình tội phạm, cho nên họ cần có sự trợ giúp của nhà cầm quyền La Mã và Phi-lát đã phát lệnh. Dĩ nhiên, tất cả điều này xảy ra để ứng nghiệm lời tiên tri. Dân Giu-đa không đóng đinh tử tội họ xử tử phạm nhân bằng cách ném đá. Thi 22:1-30 do một người Giu-đa viết về cảnh đóng đinh thật sống động. “Chúng nó đâm lưng tay và chân tôi” (Thi 22:16). Chúa Giê-xu đã bị rửa sả vì cơ chúng ta, vì ” kẻ nào bị treo ắt bị Đức Chúa Trời rửa sả” (Phu 21:23 Ga 3:13). Nhưng Đức Chúa Trời vẫn hành động để làm trọn mục đích thiên thượng của Ngài.

Phi-lát biết điều đúng, nhưng ông không làm. Ông “muốn làm đẹp lòng dân chúng” (Mac 15:15). Giu-đa đã đầu hàng ma quỷ mà phạm tội trọng trước mặt Đức Chúa Trời (Gi 13:2,27) Phi-e-rơ không chống lại được cám dỗ của xác thịt khi ông chối Chúa nhưng Phi-lát nhượng bộ thế gian và nghe theo yêu cầu của dân chúng. Phi-lát tìm kiếm con đường dễ dãi, nhưng không tìm kiếm lẽ công bình. Phi-lát được lịch sử ghi lại là con người kết án Chúa Giê-xu.

## **24. VUA CHỊU KHỔ VÀ CHẾT (Mat 27:27-66)**

Ma-thi-ơ và các tác giả Phúc Âm khác ghi lại các sự kiện lịch sử về sự đau khổ và chết của Chúa chúng ta. Còn có các tác giả thơ tín Tân Ước giải thích ý nghĩa thần học của sự kiện này. Lịch sử chép rằng “Đấng Christ đã chết”, nhưng thần học giải thích, “Đấng Christ chết vì tội chúng ta...” (ICo 15:3). Chúng ta hãy xem xét những nỗi đau đớn khác nhau mà Chúa chúng ta phải mang lấy trong thời gian ấy.

### **1. Ngài bị quân lính nhạo báng (Mat 27:27-30)**

Bản án chính thức buộc tội Chúa Giê-xu tuyên bố Ngài là Vua dân Giu-đa (Mat 27:37). Quân lính lợi dụng cơ hội kết tội này để nhục mạ vua. Đó là cách đối xử độc ác với tù nhân vô tội sau khi đã bị đánh đòn. Nhưng Phi-lát chẳng làm gì để ngăn chúng lại. Ông ta vui vì tù nhân đã thoát khỏi tay mình.

Trước hết bọn lính lột áo choàng Ngài ra và mặc cho Ngài một cái “áo choàng của lính”. Bạn hãy tưởng tượng Hoàng Tử Bình An (Es 9:6) lại mặc chiếc áo lính bị rách tả tơi! Ma-thi-ơ miêu tả chiếc áo choàng có màu đỏ tươi, trong khi Mác dùng từ màu

tía. Không có gì trái ngược trong hai cách giải thích “đỏ điều” là cách miêu tả hay nhất cho chiếc áo đã bị phai màu. Bạn thử nghĩ Chúa chúng ta cảm thấy thế nào khi bọn lính choàng chiếc áo này lên thân thể rướm máu của Ngài.

Vua phải có vương miện, vì vậy quân lính đan một cái mũ bằng gai và đội lên đầu Ngài. Họ trao cho Ngài một cây sậy làm vương trượng, và rồi quì xuống trước mặt Ngài và chế giễu rằng, “Lạy Vua dân Giu-đa!” Họ say sưa nhạo báng mà không nhận ra rằng Đấng họ đang chế giễu ấy lại là Vua các Vua và Chúa các Chúa.

Kể đến họ làm một việc mà không có thần dân nào đối đãi với vua của mình cả: Họ nhổ trên Ngài và lấy cây sậy đánh trên đầu Ngài. Bọn lính thay nhau nhục mạ Ngài, một số quì trước mặt Ngài, số khác đánh trên đầu Ngài hoặc khắc nhổ vào mặt Chúa (Es 50:6). Chúa Giê-xu chịu mọi nhục nhã đau đớn không một lời than van hoặc chống lại (IPhi 2:18-23). Sự thuận phục của Ngài không phải là dấu hiệu của sự yếu đuối nhưng đó là dấu hiệu của sức mạnh.

## **2. Ngài bị đóng đinh (Mat 27:31-38)**

Đóng đinh là hình phạt đau đớn và khổ nhục nhất dùng để xử tử một phạm nhân. Chúa Giê-xu không chỉ chịu chết Ngài chết”... thậm chí chết trên cây thập tự” (Phil 2:8). Thông thường công dân có quốc tịch La Mã không bị đóng đinh trên thập tự giá. Thực ra, người ta không bao giờ nhắc đến hình ảnh thập tự giá trong xã hội có học thức, vì vậy mọi người đều khinh bỉ án tử hình này.

Quân lính dẫn Chúa Giê-xu ra ngoài thành phố đến nơi hành hình (He 13:12-13). Phạm nhân buộc phải mang cây thập tự của mình (hoặc ít nhất phải vác cái thanh ngang), và phải đeo một tấm bảng trên cổ để thông báo cho mọi người biết về tội ác của mình. Sau đó tấm bảng được treo phía trên đầu của tội nhân trên thập tự giá để mọi người đều thấy.

Trong khi bản tường thuật không nói rõ nhưng dường như Chúa Giê-xu không thể vác thập tự, và điều này làm đám đông đi chậm lại. Khi nhớ lại Ngài đã thức suốt đêm, bị quân lính đánh đòn, và sỉ nhục, chúng ta có thể kết luận rằng Ngài bị kiệt sức. Chúa Giê-xu bắt đầu vác thập tự giá mình (Gi 19:17). Mac 15:22 viết, "Bọn lính đem Chúa Giê-xu lên đồi Gô-gô-tha" (dịch theo nghĩa đen). Điều này cho thấy bọn lính phải giúp đỡ Ngài trong đoàn diễu hành, vì chữ “đem” có nghĩa là “mang, vác”.

Cuộc hành hình này được thực hiện gấp rút. Người ta sắp tổ chức lễ Vượt Qua, và các nhà lãnh đạo Do Thái không muốn ngày lễ thánh của họ bị ảnh hưởng bởi các thân còn treo trên thập tự giá (Gi 19:31). Để đẩy nhanh quá trình hành hình, bọn lính chọn một du khách viếng thăm Giê-ru-sa-lem, đó là Si-môn người Sy-ren. Ông ta đã đến Giê-ru-sa-lem dự lễ Vượt Qua, và bây giờ ông ta chịu nhục vì bị buộc phải vác thập tự của một tội phạm vô danh! Quân lính La Mã có quyền điều động mọi người (Mat 5:41).

Mác nói đến Si-môn như thế khi đọc đến sách Mác người ta sẽ nhận ra ngay ông ấy: “cha A-léc-xan-đơ và Ru-phu” (Mac 15:21). Hình như hai người con này là những thành viên có tiếng tăm trong Hội Thánh. Có thể qua kinh nghiệm nhục nhã này đã đem đến cho Si-môn và gia đình của ông cơ hội gặp Chúa và trở thành Cơ đốc nhân. Si-môn đến Giê-ru-sa-lem để dâng chiên con trong lễ Vượt Qua và ông đã gặp Chiên Con của Đức Chúa Trời Đấng hy sinh thay cho ông.

Theo thông lệ người ta cho các phạm nhân sắp bị đóng đinh uống rượu thuốc để xoa dịu cơn đau. Nhưng Chúa Giê-xu không chịu uống Ngài muốn tỉnh táo trong khi làm theo ý chỉ của Đức Chúa Trời. Hơn nữa, điều này ứng nghiệm lời Kinh Thánh trong Thi 69:21.

Theo lệ thường bọn lính chia nhau của cướp được tại buổi hành hình. Điều này ứng nghiệm lời tiên tri trong Thi 22:18. Sau khi bắt thăm chia áo dài của Ngài xong (Gi 19:23-25), bọn lính ngồi xuống và “canh giữ Ngài” (Mat 27:36). Dù sao, mọi người đều biết Chúa Giê-xu này là một người làm phép lạ. Không ai biết có bao nhiêu người theo Ngài, và có lẽ lúc ấy họ đang chuẩn bị để giải cứu Ngài. Trong tập thể môn đệ của Ngài có một người theo đảng Xê-lốt (Mat 10:4) - "Si-môn đảng viên Xê-lốt", đó là một nhóm người cuồng tín không từ một thủ đoạn nào khi họ nổi loạn chống lại chính quyền La Mã.

Kết hợp các bản ghi chép trong các sách Phúc Âm, chúng ta đạt được lời luận tội đầy đủ được treo phía trên đầu Ngài: “Đây là Giê-xu người Na-xa-rét Vua dân Giu-Đa.” Các nhà lãnh đạo Do Thái không đồng ý những gì Phi-lát cho viết, nhưng chỉ có lần này Phi-lát không thay đổi ý định (Gi 19:21-22). Về một ý nghĩa nào đó, tước hiệu này chứng tỏ đó là “một truyền đạo đơn” đầu tiên từng được viết ra. Nó thông báo cho một trong hai tên cướp cùng bị đóng đinh với Ngài biết rằng Ngài là Đấng Cứu thế và là Vua. Tên cướp ấy mạnh dạn tin vào sứ điệp ngắn ngủi này và cầu xin Chúa Giê-xu cứu mình!

### **3. Người Giu-Đa nhạo báng Ngài (Mat 27:39-44)**

Chúa Giê-xu không bị xử tội trong một tòa nhà yên tĩnh, cách xa sự ồn ào và nhộn nhịp của thành phố. Ngài bị hành hình nơi một xa lộ có đông người qua lại, vào một ngày có thể có hàng trăm người đi lại. Việc bản cáo trạng của Ngài được viết theo ba thứ tiếng - Hy Lạp, Hê-bơ-rơ, và La-tinh - cho thấy có một đám đông người thuộc mọi chủng tộc trên thế giới đã đi ngang đồi Gô-gô-tha, “nơi được gọi là cái Sọ”. Điều này tự thân nó cũng là sự sỉ nhục vì khách qua đường có thể nhìn thấy và không tiếc lời nhiếc móc nạn nhân. Hơn nữa, điều này đã được tiên tri trong Thi 22:6-8.

Đám đông thường dân chê cười khinh bỉ Ngài chưa đủ, các nhà lãnh đạo Giu-Đa cũng góp lời mắng nhiếc Ngài. Họ nhắc lại lời Ngài phán hứa sẽ xây lại đền thờ trong ba ngày (Gi 2:19 Mat 26:61). “Nếu người có thể làm được điều đó, Người hãy xuống khỏi cây thập tự và chúng tôi là Con Đức Chúa Trời! Thực ra, chính việc Ngài ở trên thập tự giá minh chứng Ngài là Con của Cha Thiên Thượng.

Các bậc lãnh đạo tôn giáo nhạo báng lời Ngài tuyên bố là Đấng Cứu thế. “Nó đã cứu kẻ khác mà cứu mình không được” (Mat 27:42). Ngài đã cứu người khác. Nhưng nếu Ngài tự cứu mình, thì chẳng có ai được cứu cả! Ngài không đến để cứu sự sống mình, nhưng Ngài đã đến phó mình làm giá chuộc nhiều người.

### **4. Đức Chúa Cha từ bỏ Ngài (Mat 27:45-56)**

Chúa Giê-xu bị đóng đinh vào lúc chín giờ sáng và Ngài bị treo dưới nắng từ chín giờ cho đến trưa. Nhưng đến ban trưa một màn đêm kỳ lạ bao trùm khắp đất. Đây không phải là trận bão cát hoặc hiện tượng nhật thực, như một số nhà văn tự do gợi ý. Đó là sự tối tăm từ trên trời kéo dài đến ba tiếng đồng hồ. Như thế tất cả tinh tú đang cảm thương Đấng Tạo Hóa. Trước ngày lễ Vượt Qua, có ba ngày tối tăm tại xứ

Ai Cập Xu (10:21-23) và có ba giờ tối tăm xảy ra trước khi Chiên Con của Đức Chúa Trời chịu chết đền tội cho nhân loại.

Chúa Giê-xu đã phán ít nhất ba lần trước khi sự tối tăm này xảy ra. Trong khi chúng đóng đinh Ngài, Ngài liên tục cầu nguyện, "Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết mình làm điều gì" (Lu 23:34). Ngài đã phán với tên trộm cướp ăn năn và bảo đảm với anh ta một chỗ ở trong thiên đàng (Lu 23:39-43). Ngài cũng giao mẹ của Ngài cho vị môn đệ Ngài yêu, đó là Giăng lo chăm sóc bà, (Gi 19: 18-27). Nhưng khi sự tối tăm xảy ra, Chúa Giê-xu yên lặng trong suốt ba giờ.

Sau ba giờ đó, màn đêm tan đi. Chúa Giê-xu kêu lên, "Đức Chúa Trời tôi ơi, Đức Chúa Trời tôi ơi, sao Ngài lìa bỏ tôi?" Đây là lời trích dẫn trực tiếp trong Thi 22:1. Chính trong suốt thời gian tối tăm đó Chúa Giê-xu đã gánh chịu tội lỗi vì chúng ta (IICo 5:21). Ngài đã bị Đức Chúa Cha từ bỏ! Sự tối tăm là biểu tượng của cơn đoán phạt Ngài gánh chịu, khi Ngài "đã nên sự rửa sả" vì chúng ta (Ga 3:13). Thi 22:2 nói lên một khoảng thời gian sáng và khoảng thời gian tối tăm Thi 22:3 nhấn mạnh sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Làm thế nào một Đức Chúa Trời thánh khiết lại chấp nhận Con Ngài trở nên tội lỗi được?

Chúa Giê-xu kêu lên những từ này bằng tiếng Hê-bơ-rơ, và những người đứng đó không hiểu Ngài nói gì. Họ nghĩ rằng Ngài đang gọi Ê-li đến cứu Ngài. Nếu họ chịu lắng nghe kỹ và tham khảo trong Thi 22:1-30, ắt sẽ hiểu lời phán của Ngài.

Liên tiếp rất nhanh Chúa phán ba lần nữa. Ngài phán, "Ta khát" (Gi 19:28) đều này ứng nghiệm (Thi 69:21). Một người thấy thương Ngài bèn lấy bông đá tẩm rượu chua cột vào đầu cây gậy đưa cho Chúa nhấm. Những kẻ khác thì đứng đợi xem Ê-li có đến cứu Ngài không.

Sau đó Chúa Giê-xu kêu lớn tiếng, "Mọi việc đã được trọn! Hỡi Cha, tôi giao linh hồn lại trong tay Cha!" Sự việc Chúa kêu lớn tiếng cho thấy Ngài hoàn toàn tỉnh táo. Kế đó Ngài trút linh hồn và qua đời.

Mặc dầu Ngài "nhơn sự yếu đuối đã bị đóng đinh" (IICo 13:4), nhưng Ngài đã thực hành quyền năng lạ lùng khi Ngài chết. Ba phép lạ xảy ra đồng thời: Bức màn trong đền thờ bị xé ra làm hai từ trên xuống dưới cơn động đất làm mồ mả mở toang một số các thánh đã qua đời được sống lại. Bức màn trong đền thờ bị xé rách là hình bóng dạy dỗ một chân lý kỳ diệu về con đường được mở ra để con người có thể đến cùng Đức Chúa Trời (He 10:14-26). Giờ đây không cần có đền thờ, thầy tế lễ, bàn thờ, hoặc của tế lễ nào nữa. Chúa Giê-xu đã hoàn tất công tác cứu rỗi trên thập tự giá.

Cơn động đất nhắc chúng ta nhớ những gì đã xảy ra tại Núi Si-na-i khi Đức Chúa Trời trao Luật pháp của Ngài cho lãnh tụ Môi-se (Xu 19:16). Trận động đất tại đồi Gô-gô-tha báo hiệu cho chúng ta biết rằng mọi đòi hỏi của Luật pháp đã được thỏa mãn và sự rửa sả của Luật pháp được cất bỏ vĩnh viễn (He 12:18-24). Bức màn bị xé làm đôi chứng tỏ Ngài đã chinh phục tội lỗi trận động đất minh chứng Ngài chinh phục và làm trọn Luật pháp và sự sống lại bày tỏ Ngài đắc thắng cõi chết.

Chúng ta không được Kinh Thánh cho biết các thánh được sống lại này là ai họ chỉ là những Cơ Đốc nhân đã chết. Bản Kinh Thánh King James cho rằng họ không ra khỏi phần mộ cho đến sau khi Chúa Giê-xu sống lại Bản Kinh Thánh New America Standard Bible đồng ý với quan điểm này. Thật khó tin rằng họ đã được sống lại vào chiều thứ sáu nhưng còn lưu lại trong phần mộ cho đến ngày Chúa nhật. Bản Kinh

Thánh NIV cho rằng các thánh này được sống lại ngay tức khắc và ra khỏi phần mộ của họ, nhưng họ không viếng thăm Giê-ru-sa-lem cho đến sau khi Chúa Giê-xu từ kẻ chết sống lại. Không chắc có nhiều người Giu-đa có mặt tại phần mộ trong ngày Lễ Vượt Qua, bởi vì họ sợ bị ô uế bởi thầy người chết. Có thể sự sống lại của các thánh đồ đã xảy ra vào lúc ấy mà không người nào phát hiện ra.

Kết quả của những sự việc này là lời làm chứng của viên thầy đội và những người chứng kiến khác. “Quả thật người này là Con Đức Chúa Trời”. Điều này có bày tỏ đức tin cứu chuộc không? Không hẳn là thế. Nhưng chắc chắn cho thấy nhiều tấm lòng rộng mở cho chân lý.

Giăng là môn đệ duy nhất có mặt tại chân thập tự giá lúc Chúa Giê-xu tắt hơi (Gi 19:35). Nhưng có nhiều phụ nữ đang đứng nhìn ở cách xa, chắc chắn đó là những người đã giúp đỡ Ngài trong thời gian Ngài thi hành chức vụ (Lu 8:2). Ba người phụ nữ có tên là: Ma-ri Ma-đơ-len, người đã được đuổi khỏi bảy quỷ (Lu 8:2) Ma-ri mẹ của Gia-cơ và Giô-sép, bà cũng là người có mặt tại mộ trống trong buổi sáng phục sinh (Mat 28:1 Mac 16:1) và Sa-lô-mê, mẹ của Gia-cơ và Giăng. Sa-lô-mê đã cầu xin Chúa Giê-xu ngôi cao trong Nước thiên đàng cho các con trai của bà. Chúng ta thắc mắc tự hỏi bà Sa-lô-mê cảm thấy thế nào khi thấy Chúa Giê-xu bị treo trên thập tự giá.

## **5. Mộ Ngài được quân lính canh giữ (Mat 27:57-66)**

Nếu không có sự can thiệp của Giô-sép người A-ri-ma-thê và Ni-cô-đem (Gi 19:38), thì thi thể của Chúa Giê-xu có thể không được chôn cất tử tế. Giô-sép và Ni-cô-đem đã đến tin nhận Chúa Giê-xu, dầu họ không công khai chứng tỏ đức tin của mình. Có thể nói Đức Chúa Trời đã giấu kín họ để họ có thể lo cho thi thể của Chúa Giê-xu. Vì là một người giàu có, ông đã chuẩn bị một ngôi mộ mới, vì vậy Giô-sép đã làm ứng nghiệm lời tiên tri trong Es 53:9 - “Ngài bị chôn như một tử tội nhưng lại chôn trong mộ người giàu” (BDY).

Không chắc rằng Giô-sép đã chuẩn bị ngôi mộ đó cho chính ông. Ông là một người giàu có và chắc chắn ông không muốn mình được an táng gần nơi hành hình. Ông chuẩn bị ngôi mộ đó cho Chúa Giê-xu, và ông chọn địa điểm gần đồi Gô-gô-tha để ông và Ni-cô-đem có thể an táng thi thể của Đấng Christ cách nhanh chóng. Có thể Giô-sép và Ni-cô-đem đã ở trong vườn chờ đợi đến khi Chúa Giê-xu tắt hơi. Lúc họ đem Chúa Giê-xu xuống khỏi thập tự, họ đã bị ô uế và không thể nào dự Lễ Vượt Qua. Nhưng điều này có ảnh hưởng gì? Họ đã tìm thấy Chiên Con của Đức Chúa Trời!

Tương phản với lòng yêu thương chăm sóc của các bạn Chúa Giê-xu dành cho Ngài, chúng ta lưu ý đến mưu mô và thủ đoạn của các nhà lãnh đạo Do Thái. Các môn đệ không nhớ lời Chúa Giê-xu phán hứa ngày thứ ba Ngài sẽ sống lại, nhưng kẻ thù của Ngài nhớ điều ấy. Phi-lát cho phép các bậc lãnh đạo giáo hội cho quân lính canh gác nơi chôn xác Chúa. Việc canh gác này được chính quyền La Mã đóng ấn niêm phong tảng đá chặn cửa mộ. Tất cả mọi việc tùy thuộc Đức Chúa Trời, vì bây giờ không ai - bạn hay thù - có thể đánh cắp xác Chúa được. Không nhận thấy điều đó nhưng các nhà lãnh đạo giáo hội và chính quyền La Mã đã hợp tác nhau để chứng thực cho sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ.

## **25. NHÀ VUA TOÀN THẮNG (Mat 28:1-20)**



Nếu có bất cứ điều gì chứng minh cho vương quyền của Chúa Giê-xu Christ, thì đó là sự sống lại của Ngài. Chương cuối của sách Ma-thi-ơ tường thuật về sự đắc thắng của Chúa Giê-xu Christ. Một sự kiện hồi hộp mà các Cơ Đốc nhân ngày nay cùng có phần trong chiến thắng ấy.

Hãy chú ý các giai đoạn khác nhau trong kinh nghiệm của Cơ Đốc nhân về sự sống lại của Ngài.

## 1. Họ nghĩ rằng Ngài đã chết (Mat 28:1)

Những người đàn bà đã nấn ná tại thập tự giá đến thăm mộ vào sáng sớm sau ngày Sa-bát, họ mang thêm dầu thơm để xức xác Chúa. Các bà ấy nghĩ rằng Ngài chết. Thực ra họ băn khoăn không biết làm thế nào lăn được hòn đá lấp cửa mộ (Mac 16:3). Điều đáng lưu ý là họ không tin vào sự sống lại của Chúa như Ngài đã phán dạy họ nhiều lần (Mat 16:21 17:23 20:19 26:32).

Chúng ta đừng bao giờ xem nhẹ tầm quan trọng của sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ. Thế giới tin rằng Chúa Giê-xu đã chết, nhưng họ không tin Ngài đã từ kẻ chết sống lại. Sứ điệp của Phi-e-rơ trong ngày lễ Ngũ Tuần nhấn mạnh đến sự sống lại. Thực ra, sự sống lại được đề cập suốt cả sách Công-vụ-các-sứ-đồ. Ý nghĩa của sự Phục Sinh là gì?

Sự phục sinh minh chứng Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu phán rằng Ngài có quyền giao mạng sống Ngài và cũng có quyền lấy lại (Gi 10:17-18).

Sự phục sinh xác nhận chân lý của Kinh Thánh. Cả trong Kinh Thánh Cựu Ước và lời giảng dạy của Chúa Giê-xu, sự sống lại của Ngài được mô tả rõ ràng. (Thi 16:10 110:1). Nếu Chúa Giê-xu không sống lại bước ra khỏi phần mộ, thì những lời Kinh Thánh này sẽ không thật.

Sự phục sinh bảo đảm cho chúng ta sự sống lại trong tương lai. Vì Chúa Giê-xu đã chết và sống lại, cho nên một ngày kia chúng ta sẽ sống lại giống như Ngài (1Te 4:13-18). Thực ra, toàn bộ kết cấu đức tin Cơ Đốc-giáo đặt nền tảng trên sự Phục Sinh. Nếu gạt bỏ sự Phục Sinh của Chúa Giê-xu Christ chúng ta không còn có hy vọng gì.

Sự phục sinh là bằng chứng của sự đoán xét trong tương lai. “Vì Ngài đã chỉ định một ngày, khi Ngài sẽ lấy sự công bình đoán xét thế gian, bởi Người Ngài đã lập, và Đức Chúa Trời đã khiến Người từ kẻ chết sống lại, để làm chứng chắc về điều đó cho thiên hạ...” (Cong 17:31).

Sự phục sinh là nền tảng cho chức tể lễ trên trời của Đấng Christ. Vì Ngài sống bằng quyền năng của sự sống đời đời, cho nên Ngài có thể cứu chúng ta “cách toàn vẹn” (He 7:23-28). Ngài sống để làm Đấng Trung bảo cho chúng ta.

Sự phục sinh ban năng lực cho nếp sống Cơ Đốc. Chúng ta không thể nào sống cho Đức Chúa Trời bởi sức riêng của chúng ta. Chỉ khi quyền năng sống lại của Ngài hành động trong và qua chúng ta thì chúng ta mới có thể làm theo ý chỉ của Ngài và làm vinh danh Ngài.

Sự phục sinh bảo đảm cho chúng ta cơ nghiệp đời đời trong tương lai. Vì chúng ta có hy vọng sống, nên chúng ta có thể kinh nghiệm nếp sống đầy hy vọng. Một hy vọng chết ngày càng yếu dần trước khi chết hẳn. Nhưng bởi Chúa Giê-xu Christ hiện đang sống, cho nên chúng ta có một tương lai vinh hiển.

Bất cứ khi nào con dân Chúa nhóm nhau lại trong ngày Thánh của Chúa họ đều chứng thực rằng Chúa Giê-xu sống và Hội Thánh của Chúa đã gọi nhận ơn phước thuộc linh. Lúc các môn đệ của Chúa nhóm lại trong ngày Chúa Nhật đầu tiên, họ hoang mang và thất bại.

## 2. Họ nghe Ngài đã sống lại (Mat 28:2-8)

“Và này, đất rung động dữ dội”(Mat 28:2). Hai thiên sứ hiện ra (Lu 24:4) và một trong hai thiên sứ lăn hòn đá ra khỏi cửa mộ. Dĩ nhiên bọn lính đang canh gác quá đỗi sợ hãi về quyền năng siêu nhiên thành linh xảy ra. Hòn đá được lăn ra để Chúa Giê-xu bước ra, vì Ngài đã rời khỏi mộ. Hòn đá được lăn ra khỏi mộ để mọi người có thể tự mình xem thấy ngôi mộ trống không.

Một trong hai thiên sứ phán với các người đàn bà và trấn an nỗi sợ hãi của họ. “Ngài không ở đây đâu! Ngài sống lại rồi! Hãy đến xem!” Bạn nhớ rằng những người phụ nữ này cũng như các môn đệ không mong Chúa Giê-xu sống lại.

Họ đã thấy gì nơi phần mộ? Vải liệm nằm trên phiến đá, vẫn còn được quấn theo hình dáng của xác người (Gi 20:5-7). Chúa Giê-xu đã nằm trong tấm vải liệm và Ngài để lại làm bằng chứng Ngài đã sống lại. Chúng nằm đó giống như tấm đắp trống không. Không có dấu hiệu nào cho thấy có sự chiến đấu, các tấm vải liệm được xếp đặt ngay ngắn. Ngay cả khăn trùm đầu (quấn quanh khuôn mặt Chúa) cũng được xếp cẩn thận ở một chỗ.

Chúng ta không thể xem xét chứng cứ này theo như cách các môn đệ trong buổi sáng Phục Sinh đầu tiên. Nhưng chúng ta có bằng chứng là lời Đức Chúa Trời. Đây trối sự chết không giữ được Chúa Giê-xu (Cong 2:24). Ngài đã hứa sẽ sống lại từ kẻ chết, và Lời của Ngài không bao giờ hư đi.

Sự biến đổi nổi bật trong cuộc đời của các môn đệ đầu tiên là bằng chứng khác về sự Phục Sinh của Ngài. Ngày hôm nọ họ sợ hãi và chạy trốn trong thất bại. Nhưng ngày hôm sau họ rao báo về sự Phục Sinh của Ngài và bước đi trong chiến thắng mừng rỡ. Thực ra, họ sẵn lòng chết vì chân lý của sự sống lại. Nếu tất cả các sự kiện này là một truyện bịa đặt, thì không bao giờ cuộc đời họ có thể biến đổi hoặc khiến họ có thể phó mạng sống mình như người tử đạo.

Có trên 500 người cùng lúc tận mắt xem thấy Chúa Giê-xu sống (ICo 15:3-8). Các lần hiện ra của Đấng Christ phục sinh thực sự bằng xương bằng thịt đến nỗi người ta không thể giải thích các sự kiện ấy là do ảo giác hoặc tự lừa dối. Mọi người thấy Ngài đều ngạc nhiên sửng sốt. Chắc chắn không thể có đến trên 500 người bị ảo giác cùng một lần như vậy. Ngay cả sứ đồ Phao-Lô, là kẻ bắt bớ Hội Thánh, cũng thấy Đấng Christ sống lại kinh nghiệm đó đã biến đổi cuộc đời ông (Cong 9:1-30).

Sự tồn tại của Hội Thánh, Kinh Thánh Tân Ước, và Ngày Chúa Nhật là những bằng chứng thêm vào tỏ rõ Chúa Giê-xu hiện đang sống. Trải qua nhiều thế kỷ, Do Thái là tuyến dân của Đức Chúa Trời, và họ coi trọng ngày thứ bảy, ngày Sa-bát. Rồi một biến cố xảy ra: Người Giu-đa và ngoại bang hiệp một trong Hội Thánh và trở nên con cái Đức Chúa Trời họ gặp nhau vào ngày thứ nhất trong tuần lễ, ngày Chúa Nhật. Kinh Thánh Tân Ước sẽ vô giá trị nếu Chúa Giê-xu chết, vì mỗi phần của Tân Ước đều nói đến một Đấng Christ sống.

Dĩ nhiên, mỗi Cơ đốc nhân đều kinh nghiệm quyền năng sự sống lại trong đời sống mình. Trong cuộc sống nội tâm, chỉ đơn thuần kinh nghiệm chủ quan sẽ không chứng

minh được sự sống lại của Chúa theo tính chất lịch sử, khi kết hợp các bằng chứng khác sẽ thêm sức thuyết phục cho vấn đề này. “Những người tin” ở mọi hình thức thờ cúng sẽ nói theo cách của họ là đúng do những gì họ đã kinh nghiệm. Nhưng Cơ đốc nhân chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi lịch sử Hội Thánh, Kinh Thánh, và các nhân chứng có thể tin cậy xác nhận từng trải đức tin riêng tư của họ.

“Hãy đi nói” theo sau “Hãy đến xem”. Chúng ta không được giữ kín tin tức Đấng Christ Phục Sinh cho riêng chúng ta. Thiên sứ sai mấy người đàn bà đi nói cho các môn đệ Đấng Christ biết tin Ngài sống lại. Đáng lẽ họ mong đợi tin vui ấy, nhưng họ hoài nghi không tin khi nghe đến.

### **3. Họ gặp chính Chúa Giê-xu Christ đang sống (Mat 28:9-15)**

Chính lúc chúng ta vâng theo lời Đức Chúa Trời thì Ngài đến với chúng ta. Chúa Giê-xu đã hiện ra cho Ma-ri Ma-đơ-len trong vườn (Gi 20:11-18 Mac 16:9). Bạn lưu ý sau khi sống lại, trước hết Chúa đã hiện ra hai lần cho các phụ nữ có lòng tin kính Chúa. Những phụ nữ trung thành này không chỉ là người sau cùng rời khỏi đồi Gô-gô-tha, nhưng họ cũng trước nhất đến thăm mộ. Họ đã được Chúa Giê-xu ban thưởng vì lòng tận hiến cho Ngài.

“Mừng các người!” có thể dịch là ân điển. Thật là lời chào tuyệt diệu trong ngày Phục Sinh! Mấy người phụ nữ gieo mình dưới chân Ngài, ôm chân Ngài và thờ lạy Ngài. Chắc chắn trong lòng họ cũng có nỗi sợ hãi, vì Ngài liền trấn an họ, “Đừng sợ!”

Không chỉ có thiên sứ giao nhiệm vụ cho họ, nhưng Chúa cũng sai bảo họ. Nhóm từ “Anh em ta” cho thấy mối quan hệ mật thiết giữa Đấng Christ và các môn đệ của Ngài. Sáng sớm hôm ấy Chúa Giê-xu đã phán với Ma-ri Ma-đơ-len giống như vậy (Gi 20:17). Chúa Giê-xu tăng thêm sức mạnh cho lời chỉ dạy của thiên sứ rằng các môn đệ sẽ gặp Ngài tại xứ Ga-li-lê (Mat 28:7). Trong vườn cầu nguyện Chúa Giê-xu đã phán dạy các môn đệ rằng Ngài sẽ từ kẻ chết sống lại và gặp họ tại xứ Ga-li-lê nhưng họ đã quên lời Ngài (Mat 26:31-32).

Trong khi các môn đệ theo Ngài thờ lạy Đấng Christ sống lại, thì những kẻ không tin đang tìm mưu phá đổ bằng chứng sống lại của Chúa Giê-xu Christ. Vào lúc này, một số binh lính nhận ra rằng họ đã trải qua cảnh trạng kinh hoàng. Dấu niêm phong của chính quyền La Mã bị phá tung, tảng đá bị lăn đi, và xác chết không còn ở trong mộ nữa. Đối với một binh lính La Mã không hoàn thành nhiệm vụ canh gác có thể phạt tội chết (Cong 12:19 16:27-28). Nhưng bọn lính tinh khôn, chúng không báo tin cho Phi-lát hoặc cho cấp trên của mình nhưng báo tin cho các thầy tế lễ Do thái giáo. Chúng biết rằng các thầy tế lễ sẽ lo giấu nhẹm phép lạ cũng như bản thân chúng nữa! Các thầy tế lễ bàn luận với các trưởng lão và bọn lính, họ thêu dệt một câu chuyện để giải thích lý do ngôi mộ trống không: Xác chết đã bị đánh cắp.

Xem xét câu chuyện này, chúng ta thấy việc Chúa Giê-xu sống lại đã thực sự được chứng minh. Nếu thi hài của Chúa Giê-xu bị đánh cắp, thì ai đã làm việc ấy, bạn bè hay kẻ chống nghịch Ngài. Bạn bè Ngài không thể làm điều đó được vì họ đã bỏ đi và tin rằng Chúa Giê-xu đã chết. Kẻ thù của Ngài sẽ không lấy cắp xác Ngài vì họ đang tìm cách ngăn chặn niềm tin vào sự sống lại của Ngài. Chắc chắn họ không đạt được mục đích nếu dời xác Ngài đi nơi khác. Và nếu đã đánh cắp xác Ngài, tại sao họ không loan tin ấy ra và triệt tiêu lời làm chứng của sáng sớm Chúa nhật hôm ấy?

Bất cứ ai lấy cắp xác chết chắc chắn sẽ mang thi thể còn nguyên vải liệm. Nhưng vải liệm còn để nguyên lại trong mộ được xếp đặt ngay ngắn. Đây là cảnh tượng khó xảy ra trong một vụ lấy trộm xác chết.

Các nhà lãnh đạo tôn giáo đã trả tiền cho hành động phản bội của Giu-đa. Họ cũng dùng tiền để bọ lính phao tin người ta đã đánh cắp xác Chúa Giê-xu. Chắc chắn mấy tên lính La Mã này đã đòi một khoản tiền lớn, vì mạng sống của chúng đang bị đe dọa. Nếu cấp trên nghe chúng không hoàn thành nhiệm vụ, chúng có thể bị xử tử. Mặc dù câu chuyện lọt đến tai Phi-lát, nhưng dường như ông không mong đợi tin ấy. Ông tin rằng Chúa Giê-xu đã chết (Mac 15:43-45), và tất cả đều đó không ảnh hưởng gì đến ông. Xác Chúa Giê-xu biến mất không tạo nên khó khăn gì cho Phi-lát.

Trong một tác phẩm nhà văn Mark Twain đã viết lời nói dối có thể lan khắp thế giới trong khi sự thật vẫn nằm yên một chỗ. Trong bản chất con người có điều gì đó khiến con người dễ tin sự dối trá. Không đợi cho đến khi Đức Thánh Linh giáng lâm trong ngày lễ Ngũ Tuần và lời chứng quyền năng của các sứ đồ, người Giu-Đa tại Giê-ru-sa-lem đã khám phá ra sự thật: Chúa Giê-xu Christ đã sống lại! Bất kỳ ai có lòng thành thật tìm hiểu bằng chứng này sẽ kết luận rằng sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ là một sự kiện có thật trong lịch sử không ai có thể chối cãi được!

Cứu Chúa chúng ta cũng hiện ra cho hai môn đệ về làng Em-ma-út ngày hôm ấy (Lu 24:13-2), và hiện ra cho mười môn đệ tại phòng cao trong thành phố Giê-ru-sa-lem (Gi 20:19-25). Một tuần lễ sau, Ngài hiện ra cho 11 môn đệ và giải đáp cho sự không tin của Tho-ma (Gi 20:19-25). Trong ngày Chúa Nhật Phục Sinh đầu tiên, Chúa Giê-xu cũng hiện ra đặc biệt cho Phi-e-rơ (Lu 24:33-35 ICo 15:5).

Sáng sớm hôm bắt đầu bằng việc, các môn đệ và mấy người phụ nữ nghĩ rằng Chúa Giê-xu đã chết. Rồi họ nghe tin Ngài sống lại. Sau khi nghe tin họ gặp Ngài bằng xương bằng thịt. Có thêm một chặng đường mới trong kinh nghiệm theo Chúa của họ.

#### **4. Họ chia sẻ tin mừng cho người khác (Mat 28:16-20)**

Một vài học giả Kinh Thánh coi “buổi họp mặt trên núi” tại xứ Ga-li-lê tương đương với sự hiện ra của Chúa cho “hơn 500 anh em xem thấy cùng một lúc” (ICo 15:6). Sự việc có một số người hiện diện nghi ngờ sự sống lại của Ngài chứng tỏ có trên 11 môn đệ có mặt vào lúc ấy, vì bây giờ các môn đệ không còn nghi ngờ về Chúa Phục sinh. Sự thăng thiên của Chúa không xảy ra vào lúc này, nhưng về sau, sau khi Ngài đã dạy dỗ thêm sức cho môn đệ Ngài tại Giê-ru-sa-lem (Lu 24:44-53).

Mat 28:18-20 thường được mọi người gọi là “Đại Mạng Lệnh”, mặc dầu lời phán này không đầy đủ hơn lời phán trong các sách Phúc Âm khác, và cũng không phải là lời phán sau chót trước khi Chúa Giê-xu rời họ về trời. Tuy vậy, đây là mệnh lệnh dành cho chúng ta là những kẻ tin, vì vậy chúng ta phải hiểu các yếu tố trong mạng lệnh này.

**Quyền Phép** (Mat 28:28:18). Trong câu này, chữ quyền năng có nghĩa là “quyền phép”, được phép sử dụng quyền năng. Cả sách Phúc Âm Ma-thi-ơ nhấn mạnh đến quyền phép của Chúa Giê-xu Christ. Ngài giảng dạy đầy uy quyền (Mat 7:29). Ngài thực hành quyền phép trong việc chữa lành tật bệnh (8:1-13), và ngay cả Ngài có quyền tha thứ tội lỗi nữa (9:6). Ngài có uy quyền trên quỷ Sa-tan, và giao cho các sứ đồ quyền

năng đuổi quỷ chữa bệnh (10:1). Kết thúc sách Phúc Âm, Ma-thi-ơ cho chúng ta thấy rõ rằng hết thảy quyền phép đều thuộc về Chúa Giê-xu.

Vì Chúa Giê-xu Christ ngày nay có mọi quyền phép cho nên chúng ta có thể vâng lời Ngài mà không sợ hãi. Cho dù Ngài dẫn dắt chúng ta bất cứ nơi đâu, chúng ta phải đối diện với bất cứ hoàn cảnh nào, Ngài cũng đang nắm quyền kiểm soát. Bởi sự chết và sống lại của Ngài, Chúa Giê-xu đánh bại mọi kẻ thù và giành lấy cho Ngài mọi quyền năng.

Cơ đốc giáo là đức tin truyền giáo. Chính bản chất của Đức Chúa Trời đòi hỏi điều này, vì Đức Chúa Trời là sự yêu thương và Ngài không muốn một ai bị chết mất (IPhi 3:9). Sự chết của Chúa chúng ta trên thập tự giá dành cho cả thế gian. Nếu chúng ta là con cái của Đức Chúa Trời và có cùng bản tính của Ngài, chúng ta sẽ khao khát nói về tin tức tốt lành cho thế giới hư mất.

Khi đọc sách Công-Vụ-Các-Sứ-Đồ, chúng ta hiểu rằng Hội Thánh đầu tiên hoạt động trên nền tảng quyền năng tối thượng của Chúa. Họ thi hành sứ mạng của Ngài trong danh Ngài. Họ nương cậy nơi quyền năng và sự hướng dẫn của Ngài. Họ không đương đầu với thế gian hư hoại bằng năng lực riêng nhưng trên quyền phép của Chúa Giê-xu Christ.

**Hành Động** (Mat 28:19-20a). Động từ trong tiếng Hy Lạp dịch chữ “hãy đi” thực sự không phải là một mệnh lệnh nhưng là một phân từ hiện tại (đang đi). Mạng lệnh duy nhất trong trong Đại Mạng Lệnh là “khiến mọi người trở nên môn đệ của Chúa” (dạy dỗ muôn dân). Chúa Giê-xu phán, “Trong khi các ngươi đi ra, hãy khiến muôn dân trở nên môn đệ TA.” Cho dù chúng ta ở bất cứ nơi nào, chúng ta cũng phải làm chứng nhân cho Chúa Giê-xu Christ và tìm cách dắt đưa người khác đến với Ngài (Cong 11:19-21).

Từ ngữ “môn đệ” là một tên gọi quen thuộc nhất đối với những tín hữu đầu tiên. Được gọi là môn đệ có ý nghĩa lớn hơn là một người tin đạo hoặc một thành viên trong Hội Thánh. Người học đạo có thể là thuật ngữ tương đương cho từ ngữ trên. Một môn đệ (người học đạo) tự gắn liền với thầy của mình, đồng cảm với thầy, học tập nơi thầy và cùng sống với thầy. Người học không chỉ lắng nghe nhưng còn làm theo. Chúa chúng ta kêu gọi 12 môn đệ và dạy họ để họ có đủ khả năng dạy người khác (Mac 3:13).

Lúc ấy môn đệ là người đã đặt lòng tin cậy vào Chúa Giê-xu Christ và công khai bày tỏ đức tin qua việc nhận lễ Báp-têm. Người giữ sự thông công với anh em trong đức tin để được dạy dỗ về lẽ thật của đức tin (Cong 2:41-47). Người cũng có khả năng đi ra dắt đem người khác về cùng Chúa và dạy họ giữ đạo sự sống. Đây là kiểu mẫu của Hội Thánh trong thời Tân Ước (IITi 2:1-2)

Trong nhiều lãnh vực, chúng ta đã tách rời kiểu mẫu này. Ở hầu hết các Hội Thánh, giáo hội trả lương cho mục sư giảng đạo, chinh phục tội nhân hư mất, và lấy thêm người được cứu vào trong Hội Thánh - trong khi các thành viên Hội Thánh chỉ đóng vai trò hô hào (nếu như họ nhiệt thành) hoặc chỉ là người chứng kiến. Những “người cải đạo” tin Chúa, chịu Báp-têm, và được ban cho quyền thông công với anh em, rồi họ nhập vào những khán giả khác. Hội Thánh sẽ lớn mạnh nhanh biết bao nhiêu, các thành viên trong Hội Thánh sẽ mạnh mẽ và hạnh phúc hơn biết bao nếu mỗi tín hữu đều đang khiến người khác trở nên môn đệ của Chúa. Phương cách duy nhất một Hội Thánh địa phương có thể “kết quả và sai trái hơn” (thay vì phát triển theo cách “tăng

thêm số sinh sản") là chương trình phát triển đạo Chúa có hệ thống hẳn hoi. Đây là trách nhiệm của mỗi một tín hữu, và không chỉ dành cho một nhóm nhỏ những người đã được "sai đi".

Chúa Giê-xu mở trí các môn đệ hiểu được lời phán dạy của Ngài (Lu 24:44-45). Họ biết đều Ngài muốn họ dạy cho những người họ đưa dắt trở lại đạo. Chinh phục người khác đến với Đấng Christ chưa đủ, chúng ta cũng phải dạy họ về Lời Hằng sống của Đức Chúa Trời. Đây cũng là một phần trong Đại Mạng Lệnh của Chúa.

**Khả Năng** (Mat 28:20b). Chúa Giê-xu không chỉ "ở giữa" khi môn đệ Ngài nhóm họp (Mat 18:20), nhưng Ngài còn ở với khi họ tản lạc khắp thế gian làm chứng nhân cho Ngài. Nếu Chúa Giê-xu còn ở trên thế gian, Ngài không thể làm trọn lời hứa này. Chính lúc Đức Thánh Linh ngự đến, khi ấy Chúa Giê-xu có thể ở với con cái Ngài cho dù họ ở bất cứ nơi nào.

Tiến sĩ G.Campbell Morgan kể về một kinh nghiệm trong cuộc đời của ông có liên quan đến lời phán dạy này. Trong buổi đầu của cuộc sống theo Chúa, mỗi tuần một lần Morgan thường đến thăm một số phụ nữ cao tuổi để đọc Kinh Thánh cho họ nghe. Khi đến phần cuối của sách Ma-thi-ơ, Morgan đọc, "Và này, Ta thường ở cùng các ngươi cho đến tận thế." Ông thêm, "Đó không phải là một lời hứa kỳ diệu sao?". Một bà nhanh nhẹn đáp lại, "Này cháu ơi, đó không phải là lời hứa - đó là một sự kiện!"

Chúng ta không cần có một điều kiện nào để được gặp gỡ hoặc ngay cả tin Ngài vì Chúa Giê-xu Christ ở cùng chúng ta. Thánh Phao-lô khám phá ra điều này là sự thật khi ông tìm cách thành lập Hội Thánh trong thành phố Cô-rinh-tô cứng cõi vô tín. Vâng theo mạng lệnh này, Phao-lô đến với thành phố ấy (Cong 18:1), chinh phục người ta cho Đấng Christ, làm Báp-têm cho họ (18:8) và dạy họ về lời Đức Chúa Trời (18:11). Khi bị ngăn trở, Phao-lô được Chúa thăm viếng đặc biệt: "Đừng sợ... vì Ta ở cùng ngươi..." (18:9-10).

Nhóm từ "cho đến tận thế" cho thấy Chúa chúng ta có một kế hoạch Ngài là Chúa của lịch sử. Khi Hội Thánh đi theo sự dẫn dắt của Ngài và vâng theo lời Ngài dạy, Hội Thánh làm trọn mục đích của Ngài trên thế gian. Một ngày kia tất cả sẽ đi đến chung cuộc, trong khi chờ đợi, chúng ta phải hết lòng trung tín với Chúa.